ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

Lão Tử kỵ ngưu 老 子 騎 牛 (Lão Tử cưỡi trâu) -
tranh của Triều Vô Cữu 晁 無 咎 (1053-1110) đời Bắc Tống

MỤC LỤC

Khảo Luận

Phi lộ

1. Tiểu sử Lão tử

a. Tiểu sử Lão tử theo Tư Mã Thiên:

* Lão tử truyện khảo

* Lão tử cổ tích đồ

b. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử minh

c. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử biến hoá kinh
2. Đại cương Đạo đức kinh
a. Lão tử - một con người hiếu cổ
b. Lão tử là một nhà huyền học
c. Toát lược Đạo đức kinh
3. Tổng luận

Bình dịch

THƯỢNG KINH: ĐẠO KINH

Chương 1 - Thể Đạo
Chương 2 - Dưỡng thân
Chương 3 - An dân
Chương 4 - Vô nguyên
Chương 5 - Hư dụng
Chương 6 - Thành tượng
Chương 7 - Thao quang
Chương 8 - Dị tính
Chương 9 - Vận di
Chương 10 - Năng vi
Chương 11 - Vô dụng
Chương 12 - Kiểm dục
Chương 13 - Yếm sỉ
Chương 14 - Tán huyền
Chương 15 - Hiển đức
Chương 16 - Qui căn
Chương 17 - Thuần phong
Chương 18 - Tục bạc
Chương 19 - Hoàn thuần
Chương 20 - Dị tục
Chương 21 - Hư tâm
Chương 22 - Ích khiêm
Chương 23 - Hư vô
Chương 24 - Khổ ân
Chương 25 - Tượng nguyên
Chương 26 - Trọng đức
Chương 27 - Xảo dụng
Chương 28 - Phản phác
Chương 29 - Vô vi

HẠ KINH: ĐỨC KINH

Chương 38 - Luận đức
Chương 39 - Pháp bản
Chương 40 - Khử dụng
Chương 41 - Đồng dị
Chương 42 - Đạo hoá
Chương 43 - Biến dụng
Chương 44 - Tri chỉ
Chương 45 - Hồng đức
Chương 46 - Kiệm dục
Chương 47 - Giám viễn
Chương 48 - Vong tri
Chương 49 - Nhiệm đức
Chương 50 - Quí sinh
Chương 51 - Dưỡng đức
Chương 52 - Qui nguyên
Chương 53 - Ích chứng
Chương 54 - Tu quan
Chương 55 - Huyền phù
Chương 56 - Huyền đức
Chương 57 - Thuần phong
Chương 58 - Thuận hoá
Chương 59 - Thủ đạo
Chương 60 - Cư vị
Chương 61 - Khiêm đức
Chương 62 - Vi đạo (Quí đạo)
Chương 63 - Tu thủy
Chương 64 - Thủ vi
Chương 65 - Thuần đức
Chương 66 - Hậu kỷ

Chương 30 - Kiệm vu
Chương 31 - Yến vũ
Chương 32 - Thánh đức
Chương 33 - Biện đức
Chương 34 - Nhiệm thành
Chương 35 - Nhân đức
Chương 36 - Vi minh
Chương 37 - Vi chính

Chương 67 - Tam bảo
Chương 68 - Phối thiên
Chương 69 - Huyền dụng
Chương 70 - Tri nan
Chương 71 - Tri bệnh
Chương 72 - Ái kỷ
Chương 73 - Nhiệm vi
Chương 74 - Chế hoặc
Chương 75 - Tham tổn
Chương 76 - Giới cường
Chương 77 - Thiên đạo
Chương 78 - Nhiệm tín
Chương 79 - Nhiệm khế
Chương 80 - Độc lập
Chương 81 - Hiển chất
Sách tham khảo chính

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » bình dịch

Khảo Luận

Phi lộ
I. Tiểu sử Lão tử
A. Tiểu sử Lão tử theo Tư Mã Thiên:
* Lão tử truyện khảo
* Lão tử cổ tích đồ
B. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử minh
C. Tiểu sử Lão tử theo Lão tử biến hoá kinh
II. Đại cương Đạo đức kinh
A. Lão tử - một con người hiếu cổ
B. Lão tử là một nhà huyền học
C. Toát lược Đạo đức kinh
III. Tổng luận

PHI LỘ

Bình giải Đạo đức kinh là một chuyện vừa dễ vừa khó.

Dễ vì đã có vô số các nhà bình giải Đạo đức kinh Trung Hoa, Việt Nam và Âu Mỹ. Chỉ cần ít thì giờ là có thể soạn thảo được một pho sách cũng khả quan.

Ở Trung Quốc có những nhà bình giải nổi tiếng như: Hà Thượng Công 河 上 公, Vương Bật 王 弼, Huỳnh Nguyên Cát 黃 元 吉, v.v.

Ở Việt Nam cũng đã có mấy quyển Đạo đức kinh bình giải công phu của Nghiêm Toản, Nguyễn Duy Cần, v.v.

Ở Âu Mỹ cũng có rất nhiều sách bình dịch Đạo đức kinh. Ví dụ: Le livre de la Voie et de la Vertu của Stanislas Julien (1842); Tao Tei king của linh mục Léon Wieger (1950); Le livre de la Voie et de la Vertu của J. J. L. Duyvendak (1953); The Way and its Power của Arthur Waley (1934); The Tao Te ching của James Legge, v.v.

Khó ở chỗ làm sao tìm ra được một đường lối để dịch và bình cho phóng khoáng, mà vẫn không sợ lạc nghĩa.

Các nhà bình giải Đạo đức kinh thường chú trọng giải thích từng chữ từng câu trong Đạo đức kinh, lại

còn tham bác trích dẫn lời bình giải của học giả khác. Khi dịch thì cố dịch cho thật sát nghĩa đen.

Tất cả những sự cố gắng rất đáng ca ngợi về phương diện phương pháp, công phu và văn chương ấy, tiếc thay nhiều khi lại làm cho Đạo đức kinh trở nên mù mờ, khó hiểu hơn.

Riêng tôi, tôi sẽ áp dụng một phương pháp khác. Tôi sẽ nhìn Đạo đức kinh cũng như học thuyết Lão-Trang nói riêng, và các tác phẩm của đạo gia nói chung qua lăng kính của Huyền học (Mysticisme).

Tôi nghĩ rằng: Nếu hiểu được chủ trương và mục đích của khoa Huyền học, những phương pháp của các nhà huyền học đã dùng để đạt tới mục phiêu, những lời lẽ bóng bảy mà các ngài dùng, là để truyền cho nhau công thức tâm tư, ta sẽ hiểu được, ít là tám phần mười, Đạo đức kinh cũng như thư tịch Đạo giáo.

Dưới đây xin trình bày một vài nét đại cương về Huyền học.

1. Huyền học chủ trương đại khái Trời chẳng xa người. Đạo thể, hay Tuyệt đối thể đã ẩn tàng sẵn trong lòng con người.

2. Tuyệt đối thể ấy tùy theo đạo giáo sẽ đổi danh hiệu: Đạo trong Lão giáo, Thái cực trong Nho giáo, Chân như trong Phật giáo, Thượng đế trong Công giáo, Atman trong Bà la môn giáo, Allah trong Hồi giáo, v.v.

3. Cái phần thiên tính ấy, vì là tuyệt đối, vĩnh cửu nên bất sinh bất tử, có trước đất trời và trường tồn mãi với thời gian.

4. Các nhà huyền học khi đã nhận định được rằng trong mình có Trời, có tính Trời, có Tuyệt đối, liền ra công tu sửa tâm hồn mình để kết hợp với Đạo thể cao siêu ấy. [1]

Công trình tu luyện thường được tóm tắt lại như sau:

1. Gạn đục khơi trong tâm hồn (purification, catharsis). [2]

2. Thu thần, phát huệ (illumination).

3. Sống phối hợp với Thượng đế với Tuyệt đối (vie unitive, Nirvana; thủ trung bão nhất 守 中 抱 一; đắc Nhất 得 一 đắc Đạo 得 道, v. v...).

4. Vì Đạo hay Cốc thần 谷 神 trường sinh bất tử, nên tìm Đạo, tìm Cốc thần tức là đi tìm thuốc trường sinh bất tử.

5. Mà dược liệu để luyện thuốc trường sinh chẳng ở đâu xa, nó đã ở ngay trong lòng con người. Lò bát quái luyện đan cũng chẳng phải tốn tiền xây cất, vì đó chính là xác thân con người. [3]

6. Dược liệu là Tâm 心 Thần 神; là Lòng Đạo 道 心 với lòng người.

7. Lửa để luyện đan tức chí khí, là sự hăng say để thực hiện mục phiêu. [4]

8. Đan thành 丹 成 là khi lòng con người và lòng Đạo kết thành một khối. Đó chính là khi lòng con người đã trở nên khiết tịnh tinh vi, cao minh linh diệu, viên mãn, khinh phiêu. [5]

Hiểu được khẩu quyết người xưa, hiểu được đường lối người xưa sau những bức màn từ ngữ, hình tượng, tức là ta đã giản dị hóa được cái gì hết sức phức tạp, thâu ngắn lại được con đường hết sức xa xôi.

Đem hết lòng chí thành mà cầu học, thiết tha với vấn đề nhiều tháng nhiều năm, một ngày nào đó chúng ta sẽ chứng nghiệm được những gì người xưa đã chứng nghiệm được, và chúng ta sẽ tháo gỡ được hết son phấn thần thoại bao phủ trên mặt vấn đề, để nhìn vấn đề với con mắt chính xác của một nhà đạo học và khoa học.

Còn nếu chúng ta không chịu suy chịu nghĩ, lại chạy theo những ảo ảnh, những phương thuật của các thuật sĩ thì ta chỉ lao đao lận đận suốt đời, mà rút cục cũng chẳng thâu thái được lợi ích gì cụ thể.

Tần Thủy Hoàng xưa tốn bao công của để tìm linh chi linh dược, để tìm Bồng lai, mà rút cuộc linh chi cũng chẳng thấy tăm hơi, Bồng lai cũng chẳng tìm ra bóng dáng. [6]

Hán Vũ đế 漢 武 帝 uống nhiều đan sa 丹 砂 đến phát bệnh, vì thế Trương Trọng Cảnh 張 仲 景 đã phải lập ra bài Bát vị để chữa, và sau khi đã uống bao nhiêu thuốc trường sinh vua cũng băng hà năm 71 tuổi. [7] Vua cũng là một trong những vì vua muốn tìm Bồng lai, muốn gặp thần tiên, mà rốt cuộc cũng chẳng thấy gì.

Về sau các vua Hiến tông 憲 宗 (806-821), Mục tông 穆 宗 (821-825), Vũ tông 武 宗 (841-847), Tuyên tông 宣 宗 (847) nhà Đường đều chết vì uống đan sa. [8]

Lời nói của Hán Vũ đế sau đây đáng cho chúng ta suy nghĩ. Năm 89 trước công nguyên khi ấy Hán Vũ đế đã 69 tuổi, và đã trị vì được 52 năm, vua hội quần thần và thú nhận: «Từ khi lên ngôi trẫm đã làm nhiều điều điên cuồng, khiến cho thiên hạ khổ sở. Cái dĩ vãng ấy khó mà đền bù được. Vậy ít là từ nay, phải tránh đừng làm gì khổ dân nước.» Điền Thiên Thu 田 千 秋 liền tâu: «Những phương sĩ chỉ nói đến thần tiên, họ rất đông mà chẳng làm được trò trống gì. Xin đuổi họ về hết.» Vua liền phán: «Quan Hồng lô nói đúng đó.» Và lập tức xuống chiếu thải hồi tất cả các phương sĩ, và những người có lệnh chờ đón thần tiên. Từ ấy mỗi khi họp triều thần, vua lại phàn nàn vì đã xử sự điên cuồng. Vua phán: «Trẫm đã bị bọn phương sĩ lừa dối: chẳng làm gì có thần tiên; tất cả những điều họ tâu đều sai thác, tà ngụy. Cách họ tiết thực, phục dược bất quá chỉ làm cho bớt bệnh đôi chút.»[9]

Lời tự thú của một vì vua suốt cả đời đã đi tìm thần minh, đã cầu thuốc trường sinh, đã thâu nạp những phương sĩ danh tiếng nhất thời đó để cộng tác với vua trong nhiều năm, lời tự thú đó đối với ta hết sức là giá trị.

Chúng ta muốn khảo sát đạo Lão, muốn biết tinh hoa đạo Lão mà không biết tu sửa tâm hồn, sống cuộc đời cao khiết giữ cho tâm thần luôn linh minh, sảng khoái, không rũ bỏ được cái mình nhỏ nhoi ti tiện, không thoát ra khỏi được cái kiếp phù sinh vắn vỏi để vươn lên tới Đạo thể, tới hằng cửu, thì công trình của chúng ta cũng chỉ là công dã tràng.

Vạn Đức Tụ 萬 德 聚 một hôm gặp một đạo sĩ. Sau khi đã bày tiệc trai khoản đãi, Vạn Đức Tụ hỏi đạo sĩ về «Nguyên môn diệu chỉ» 元 門 妙 旨 (bí quyết để vào cửa thiêng).

Đạo sĩ đáp: «Tâm là Đạo, Đạo là Tâm; Tâm mà rời Đạo thời đi vào lục đạo, tam đồ. Tâm mà hợp Đạo thời tạo Bồng lai Tam đảo. Thiên đường địa ngục chỉ cách nhau bằng một ý tưởng đó mà thôi. Nhược bằng bàn những chuyện mây trắng, mậm vàng, anh nhi, xá nữ, thời vạn lần cũng chẳng nên công... cuối cùng chỉ là nhìn mơ để giải khát, vẽ bánh để no lòng...» [10]

Lại có thơ rằng:

Vũ lưu [11] vọng thuyết nhập thâm sơn,

羽 流 妄 說 入 深 山,

Điên đảo âm dương luyện cửu hoàn.

顛 倒 陰 陽 鍊 九 還.

Hà tự nhất tâm tuân Thái thượng,

何 似 一 心 遵 太 上,

Công thành hành mãn tức kim đơn. [12]

功 成 行 滿 即 金 丹.

Tạm dịch:

Vũ lưu bàn quấy nhập thâm sơn,

Lộn lạo âm dương phản cửu hoàn,

Sao chẳng hết lòng theo Thái thượng,

Công thành hành mãn ấy kim đơn.

Thế tức là muốn tìm thần tiên, thì thần tiên chẳng có xa. Thần tiên chẳng cần phải tìm nơi thâm sơn cùng cốc, mà thần tiên đã ở ngay trong lòng mình.

Trong sách Tử Dương Chân nhân nội truyện 紫 陽 真 人 內 傳 có chép: «Chu Nghĩa Sơn đã mất nhiều năm đi khắp nơi, leo trèo các núi non, thăm dò các hang động để đi tìm Tam vị Thiên tôn. Cuối cùng Chu Nghĩa Sơn gặp các ngài, và quì lạy các ngài. Đoạn ông nhắm mắt, nhìn vào lòng mình. Một lát sau ông thấy rằng ở não thất phía đông, đã có hai vị Thiên tôn hình dung, phục sức cũng y như các vị mà ông gặp trên núi Công. Hoàng Lão quân cười rồi nói: Cao siêu và huyền diệu thay. Hãy cố suy tư tìm hiểu. Đó là phương pháp để 'lên trời giữa ban ngày' (bạch nhật thăng thiên 白 日 升 天). [13]

Vua Đường Tuyên tông 唐 宣 宗 muốn cầu trường sinh. Vua cho triệu đạo sĩ Hiên Viên Tập về Trường An. Vua hỏi: «Trường sinh có thể học được chăng?» Đạo sĩ tâu: «Nhà vua nên quả dục sùng đức, thì tự nhiên sẽ được phúc cả, còn phải đi tìm trường sinh ở đâu khác nữa?» [14]

Lại đời vua Tống Nhân tông 宋 仁 宗 có người tên là Hiếu Tiên dâng lên vua cỏ linh chi. Vua phán: «Trẫm coi những năm được mùa là điềm tốt, hiền thần là quí báu, còn những cây cỏ lạ có gì đáng quí đâu.» Bèn tha tội cho Hiếu Tiên và giáng chiếu cho các châu quận không được tiến dị thảo nữa. [15]

Mới hay tiểu nhân thì tìm điều quái dị, đại nhân thì tìm điều chân thường. Tiểu trí, đại trí khác nhau ở chỗ đó.

Tóm lại tôi muốn nói rằng tất cả giá trị Đạo đức kinh cũng như của đạo Lão là ở tại chỗ đã có vạch cho chúng ta con đường nội tâm, với những giai đoạn, những công phu tu luyện để trở về kết hợp với Đạo thể, Đạo tâm.

Khi chúng ta hiểu được như vậy rồi chúng ta có thể so sánh Upanishad với Đạo đức kinh, Đạo đức kinh với Nam hoa kinh, Lão tử với Ramakrishna, với Eckhart, Jacob Boehme, Jean de la Croix, Al Ghazzâli, Phật Thích ca, Khổng tử, v.v. và chúng ta sẽ thấy nhiều điểm tương đồng hiện ra rõ như hai mảnh tre vừa mới được chẻ ra từ một ống tre duy nhất.

Mạnh tử nói: «Tiên thánh, hậu thánh kỳ quĩ nhất dã.» 先 聖 後 聖 其 揆 一 也 [16] thực là chí lý vậy.

Henri Maspero có lẽ là một học giả châu Âu đầu tiên đã nói được những câu hết sức sâu sắc như sau: «Thực hiện một đời sống huyền đồng, đó là khám phá lớn lao nhất của môn phái Lão-Trang: Họ là những người đầu tiên ở Trung Hoa đã đi trên con đường đó, và đã mô tả những giai đoạn của con đường đó.»

Nhan Thành Tử Du nói với Đông Quách Tử Kỳ: «Từ khi tôi theo học Ngài, năm thứ nhất tôi trở nên giản dị, tự nhiên; năm thứ hai, tôi trở nên dễ dạy; năm thứ ba tôi trở nên thông sáng; năm thứ tư, tôi coi tôi là ngoại thân chi vật; năm thứ năm, tôi tiến bộ thêm; năm thứ sáu, thần nhập vào tôi; năm thứ bảy, tôi

thành thần; năm thứ tám, tôi không biết tôi còn sống hay đã chết; năm thứ chín tôi đạt được điều Huyền nhiệm cao diệu.» [17]

Một đoạn khác còn mô tả rõ ràng hơn: «Sau ba ngày (Bốc Lương Ỷ) có thể tách rời khỏi thiên hạ. Tôi tiếp tục quan sát: Sau bảy ngày, ông có thể tách rời khỏi cảnh vật. Tôi tiếp tục quan sát, sau chín ngày ông có thể tách khỏi cuộc phù sinh của ông. Khi đã thoát cảnh phù sinh rồi, ông thấy sáng láng như ánh bình minh. Khi đã thấy sáng láng như ánh bình minh rồi, ông liền nhìn thấy Đạo. Thấy Đạo rồi, ông vượt trên thời gian, không còn thấy cổ kim, ông vào cảnh giới bất sinh bất tử.»

Ba giai đoạn của đời sống huyền đồng hiện ra một cách khá rõ rệt cũng tương tự như những giai đoạn mà các nhà huyền học châu Âu, Công giáo, hay Hồi giáo đã mô tả.

1. Giai đoạn tách rời khỏi ngoại cảnh, phù sinh (Nhan Thành Tử Du mất năm năm, Bốc Lương Ỷ mất chín ngày), chính là giai đoạn tẩy tâm, gạn đục khơi trong tâm hồn của các nhà huyền học Công giáo; rồi đến những trạng thái xuất thần, mà người thường thì cho là thần nhập vào người hoặc những trạng thái chiêm nghiệm thấy Đạo thể, thấy Tuyệt đối. Cuối cùng là đời sống huyền đồng, sự huyền diệu tuyệt trần (Đại diệu). [18] Như vậy, với những lời lẽ uẩn súc, Henri Maspero đã dùng khoa huyền học để làm chìa khóa mở cánh cửa đạo Lão. [19]

Jean Grenier, trong cuốn L'Esprit du Tao cũng đã biết so sánh huyền học đạo Lão với Huyền học Công giáo [20] và ước mong trong các trường đại học sẽ có một phân khoa chuyên khảo về siêu hình và huyền học Đông Tây.

Thực ra các vị đó đã có cái nhìn nhất quán, và cái tâm đại đồng vậy. Đằng khác, tôi mạo muội dịch quyển Đạo đức kinh này bằng lối thơ song thất lục bát, hay lục bát, vì đó là một hình thức văn chương dễ phổ cập vào dân gian. Tôi hết sức là phóng khoáng, cố làm sao cho lời văn trong sáng, vần thơ óng ả, đẹp đẽ để chúng không còn là những bản văn dịch vô hồn, mà sẽ hết sức linh hoạt sống động, đọc lên sẽ thành một áng văn chương. Tôi không muốn tranh thắng với các bản dịch đã có, mà chỉ muốn tặng cho vườn học nước nhà một khóm hoa mới. Với lối dịch thoát sáo này, nếu đem khắp chữ sẽ thấy nguyên văn và bản dịch xa nhau, nhưng nếu đem so nghĩa sẽ thấy chúng rất là gần gũi nhau. Dẫu sao cũng là một sự vi phạm đối với qui ước văn học hiện hữu. Ước mong được sự rộng lượng của quí vị.

Bác sĩ **Nhân tử NGUYỄN VĂN THỌ**

I. TIỂU SỬ LÃO TỬ

Trước khi bình giải về Đạo đức kinh, dĩ nhiên phải nói đến tiểu sử Lão tử. Nhưng thực ra cuộc đời Lão tử mơ hồ, ẩn ước, trong đó thực tế xen lẫn với huyền thoại nên khó mà có được một ý niệm chính xác.

Có người thì cho rằng Lão tử sinh trước đức Khổng, và có lần đã gặp đức Khổng. Có người lại cho rằng ngài sinh sau đức Khổng (khoảng năm 300 trước công nguyên). [21]

Trang tử cho rằng Lão tử đã chết. [22]

Tư Mã Thiên ghi rằng khi rời khỏi Hàm Cốc 函 谷 không còn biết hành tung ngài ra sao. Tư Mã Thiên cho rằng: Lão tử cũng chỉ là một người như ai, có vợ, có con.

Biên Thiều 邊 韶 – tác giả Lão tử minh 老 子 銘 (bia Lão tử), thời Hán Văn đế 漢 文 帝 – đã ghi rằng: Đối với dân chúng, Lão tử đã có từ muôn kiếp.

Biến hóa kinh 變 化 經 , viết vào khoảng 621 sau công nguyên, thời Tùy Dương đế, cho rằng Lão tử chẳng những có từ muôn thuở mà còn giáng trần nhiều lần để cứu độ muôn dân.

Hóa hồ kinh 化 胡 經 do Vương Phù 王 浮 viết vào khoảng đầu thế kỷ IV, đời vua Tấn Huệ đế 晉 惠 帝 (tức Tư Mã Trung 司 馬 衷, tại vị 290-306), cho rằng Lão tử đã đi về các nước rợ Hồ vùng Tacim, rồi sang Ấn Độ, để dạy đạo cho Phật. Sách chủ trương rằng Phật Thích ca là hậu thân của Lão tử, hay là đồ đệ của Lão tử. Quyển sách này đã gây nên bao cuộc khẩu chiến giữa các Phật tử và các đạo sĩ suốt các thời Lương đời Lương Vũ đế 梁 武 帝 (năm 520), thời Đường trong các đời vua Cao tông 高 宗 (668) và Vũ hậu 武 后 (696), thời Nguyên đời vua Hiến tông 憲 宗 (Mông Ca 蒙 哥 1258) và Nguyên Thế tổ 元 世 祖 (Hốt Tất Liệt 忽 必 烈, 1280-1294). [23]

Như vậy không thể nào chép hết ra đây được những huyền thoại về Lão tử. Sau đây tôi chỉ phỏng dịch ba tiểu sử Lão tử:

– Tiểu sử Lão tử theo Sử ký Tư Mã Thiên.

– Tiểu sử Lão tử theo Lão tử minh.

– Tiểu sử Lão tử theo Lão tử biến hóa kinh. [24]

Sau khi đã trình bày ba tiểu sử khác nhau về Lão tử, chúng ta sẽ y cứ vào các tài liệu đó để phân tách và bình giải các quan niệm khác nhau của nhân gian về Lão tử. Như vậy ta vừa giữ nguyên được các huyền thoại về Lão tử vừa có thể đưa ra đường lối mới mẻ để giải thích các huyền thoại ấy.

Cuộc hội ngộ truyền thuyết giữa Khổng Tử và Lão Tử (theo Sử Ký Tư Mã Thiên)

A. TIỂU SỬ LÃO TỬ THEO TƯ MÃ THIÊN

LÃO TỬ TRUYỆN KHẢO

(Theo Sử ký Tư Mã Thiên)

Hán văn:

老 子 者, 楚 苦 縣 厲 鄉 曲 仁 里 人 也 姓 李 氏, 名 耳, 字 伯 陽 謚 曰 聃 周 守 藏 室 之 史 也 孔 子 適 周, 將 問 禮 於 老 子 老 子 曰: «子 所 言 者, 其 人 與 骨 皆 已 朽 矣, 獨 其 言 在 耳 且 君 子 得 其 時 則 駕, 不 得 其 時 則 蓬 累 而 行 吾 聞 之, 良 賈 深 藏 若 虛,君 子

盛德, 容貌若愚去子之驕氣與多欲, 態色與淫志, 是皆無益於子之身吾所以告子, 如此而已.»

孔子去謂弟子曰: «鳥吾知其能飛魚吾知其能游獸吾知其能走走者可以為罔, 游者可以為綸, 飛者可以為矰至於龍, 吾不能知其乘風雲而上天吾今日見老子其猶龍耶.»

老子修道德其學以自隱無名為務居周久之, 見周之衰, 乃遂去至關, 關令尹喜曰: «子將隱矣, 強為我著書.» 於是老子乃著書上下篇, 言道德之意五千餘言, 而去, 莫知所終. 或曰老萊子亦楚人也著書十五篇, 言道家之用, 與孔子同時云蓋老子百六十餘歲, 或言二百餘歲以其修道而養壽也.

老子隱君子也. 老子之子名宗. 宗為魏將封於段干. 宗子注. 注子宮. 宮玄孫假假. 仕於漢文帝. 而假之子解為膠西王印太傅, 因家於齊焉.

世之學老子者絀儒學. 儒學則絀老子. 道不同不相為謀. 豈謂是耶. 老子無為自化, 清靜自正.

Phiên âm:

Lão tử giả, Sở Khổ huyện, Lệ hương, Khúc Nhân lý nhân dã. Tính Lý thị, danh Nhĩ, tự Bá Dương. Thụy viết Đam. Chu thủ tàng thất chi sử dã. Khổng tử thích Chu, tương vấn lễ ư Lão tử. Lão tử viết: «Tử sở ngôn giả, kỳ nhân dữ cốt giai dĩ hủ hĩ. Độc kỳ ngôn tại nhĩ. Thả quân tử đắc kỳ thời, tắc giá; bất đắc kỳ thời, tắc bồng lụy nhi hành. Ngô văn chi, lương cổ thâm tàng nhược hư; quân tử thịnh đức dung mạo nhược ngu. Khứ tử chi kiêu khí dữ đa dục, thái sắc dữ dâm chí. Thị giai vô ích ư tử chi thân. Ngô sở dĩ cáo tử như thử nhi dĩ.» [25]

Khổng tử khứ vị đệ tử viết: «Điểu ngô tri kỳ năng phi, ngư ngô tri kỳ năng du; thú ngô tri kỳ năng tẩu. Tẩu giả khả dĩ vi võng, du khả giả dĩ vi luân, phi giả khả dĩ vi tăng. Chí ư long, ngô bất năng tri kỳ thừa phong vân thượng thiên. Ngô kim nhật kiến Lão tử, kỳ do long da?»

Lão tử tu đạo đức. Kỳ học dĩ tự ẩn vô danh vi vụ. Cư Chu cửu chi, kiến Chu chi suy, nãi toại khứ. Chí quan, quan lệnh Doãn Hỉ viết: «Tử tương ẩn hĩ, cưỡng vi ngã trứ thư.» Ư thị Lão tử nãi trứ thư thượng hạ thiên, ngôn đạo đức chi ý, ngũ thiên dư ngôn, nhi khứ, mạc tri sở chung.

Hoặc viết: «Lão Lai tử diệc Sở nhân dã, trứ thư thập ngũ thiên, ngôn đạo gia chi dụng, dữ Khổng tử đồng thời vân.»

Cái Lão tử bách lục thập dư tuế, hoặc ngôn nhị bách dư tuế dĩ kỳ tu đạo nhi dưỡng thọ dã.

Lão tử ẩn quân tử dã. Lão tử chi tử danh Tông. Tông vi Ngụy tướng phong ư Đoạn Can. Tông tử Chú. Chú tử Cung. Cung huyền tôn Giả. Giả sĩ ư Hán Văn đế. Nhi Giả tử Giải vi Giao Tây vương Ấn thái phó, nhân gia ư Tề yên.

Thế chi học Lão tử giả tắc chuyết Nho học. Nho học tắc chuyết Lão tử. Đạo bất đồng bất tương vi mưu. Khởi vị thị da? Lão tử vô vi tự hóa, thanh tĩnh tự chính.

Dịch:

Lão tử là người thôn Khúc Nhân 曲 仁, làng Lệ 厲,[26] huyện Khổ 苦, nước Sở 楚[27] Ngài họ Lý 李, tên Nhĩ 耳, tự Bá Dương 伯 陽, thụy là Đam 聃. Làm quản thủ thư viện nhà Chu.

Khổng tử đến Chu, hỏi Lão tử về lễ, Lão tử nói: «Những người mà ông đề cập tới, đã hóa ra người thiên cổ từ lâu. Nay chỉ còn lại những lời nói của họ. Người quân tử khi đắc thế, thời đi xe; khi thất thế thời

đi chân mặc rách. Tôi nghe nói rằng một con buôn giỏi tất nhiên thu sâu, dấu kín, hình như không có gì. Người quân tử đạo đức cao dày thường có vẻ ngoài như kẻ ngu si. Ông hãy từ bỏ sự kiêu căng và dục tình. Hãy từ bỏ những kiểu cách bên ngoài lòe loẹt và những tham vọng. Những cái đó chỉ làm hại cho ông. Đó là những gì tôi muốn nói.» [28]

Khổng tử ra về nói với đệ tử rằng: «Con chim ta biết nó có thể bay; con cá, ta biết nó có thể lội; con thú, ta biết nó có thể chạy. Chạy thời có thể chăng dò, lội thời có thể đánh lưới, bay thời có thể bắn tên; đến như rồng, thời ta không thể biết; nó cưỡi mây mà lên trời. Hôm nay ta gặp Lão tử, ngài thực là rồng vậy.»

Lão tử tu đạo đức. Cái học của ngài trọng ẩn dật, vô danh. Ở Chu lâu năm, sau thấy nhà Chu suy, liền ra đi. Tới quan ải, quan lệnh là Doãn Hỉ nói: «Ngài sắp đi ẩn, xin cố vì tôi viết sách.»

Lão tử bèn viết Đạo đức kinh chia thành hai thiên gồm hơn năm nghìn chữ, đoạn đi, không biết sau ra sao.

Có người nói rằng: [Lão Lai tử chính là Lão tử.] Lão Lai tử cũng là người nước Sở, viết sách mười lăm thiên, nói về chuyện đạo gia, đồng thời Khổng tử.

Có người cho rằng Lão tử biết cách tu dưỡng nên đã thọ 160 hay 200 tuổi. Lão tử là một vị ẩn cư. Con ngài tên Tông 宗. Tông làm tướng nước Ngụy 魏, ở xứ Đoạn Can 段干. Tông có con tên là Chú 注. Chú có con tên là Cung 宮. Cháu sáu đời của Cung tên là Giả 假, làm quan đời Hán Văn đế (179-156). Con của Giả tên là Giải 解, làm quan thái phó cho vua Ấn nước Tề, ở xứ Giao Tây.

Người học Lão tử thời châm biếm đạo Nho; người theo đạo Nho thời châm biếm Lão tử. Thế mới hay: Chẳng đồng đạo, thì chẳng cộng tác với nhau được. Lý Nhĩ vô vi để tự hóa; thanh tĩnh để tự chính. [29]

LÃO TỬ CỔ TÍCH ĐỒ [30]

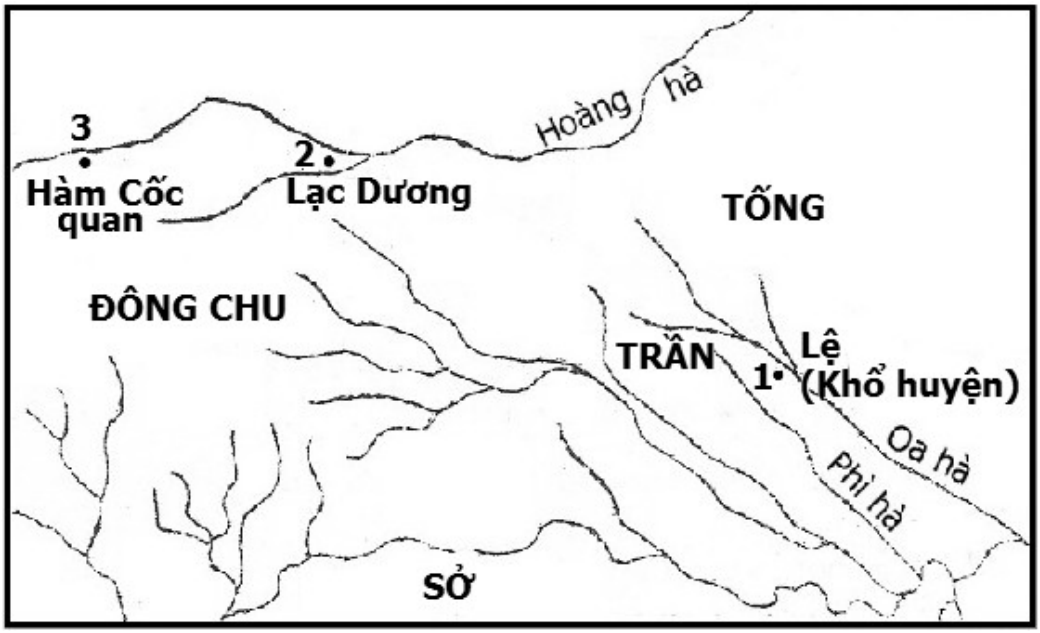

1. Lệ hương 厲 鄉 (Khổ huyện 苦 縣): nơi Lão tử sinh.
2. Lạc Dương 洛 陽: nơi Lão tử làm quan. 3. Hàm Cốc 函 谷: nơi Lão tử chép sách.

B. TIỂU SỬ LÃO TỬ THEO LÃO TỬ MINH [31]

LÃO TỬ MINH 老 子 銘

Hán văn:

第 一 段

老 子 姓 李 字 伯 陽 楚 相 縣 人 也. 春 秋 之 後 周 分 為 二 稱 東 西 君 晉 六 卿 專 征 與 齊 楚 並 僭 號 為 王 以 大 并 小 相 縣 虛 荒 今 屬 苦. 故 城 猶 在 在 賴 鄉 之 東 渦 水 處 其 陽 其 土 地 鬱 蓊 高 敞 宜 生 有 德 君 子 焉. 老 子 為 周 藏 室 史.當 幽 王 時 三 川 實 震 以 夏 殷 之 季, 陰 陽 之 事 鑒 喻 時 王 孔 子 以 周 靈 王 廿 (混 元 作 二 十 一) 年 生. 至 景 王 十 年 年 十 有 七 學 禮 於 老 聃 計 其 年 紀 聃 時 以 一 百 餘 歲 聃 然 老 耄 也. 孔 子 卒 後 百 廿 九 年 或 謂 周 太 史 為 老 子 莫 知 其 所 終

第 二 段

其 二 篇 書 稱 天 地 所 以 能 長 且 久 者 以 不 自 生 也 厥 初 生 民 遺 體 相 續 其 死 生 之 義 可 知 也 或 有 谷 神 不 死 是 謂 玄 牝 之 言 由 是 世 之 好 道 者 觸 類 而 長 之 與 老 子 離 合 於 混 沌 之 氣 與 三 光 為 終 始 觀 天 作 讖 降 升 斗 星 隨 日 九 變 與 時 消 息 規 矩 三 光. 四 靈 在 旁 存 想 丹 田 太 一 紫 房 道 成 身 化 蟬 蛻 渡 世. 自 羲 農 以 來 為 聖 也 作 師 班 固 以 老 子 絕 聖 棄 智 禮 為 亂 首 與 仲 尼 道 違 述 漢 書 古 今 人 表. 檢 以 法 度 抑 而 下 之 與 楚 子 西 同 科 材 不 及 荀 卿 孟 軻. 二 者 之 論 殊 矣 所 謂 道 不 同 不 相 為 謀 也.

第 三 段

延 熹 八 年 八 月 甲 子 皇 上 尚 德 弘 道 含 閎 光 大 存 神 養 性 意 在 凌 雲 是 以 僭 心 黃 軒 同 符 高 宗 夢 見 老 子 尊 而 祀 之 于 時 陳 將 邊 韶 典 國 之 禮 材 薄 思 淺 不 能 測 度 至 人 辯 是 與 非 按 據 書 籍 以 為 老 子 生 於 周 之 末 世 玄 虛 守 靜 樂 無 名 守 不 德 危 高 官 安 下 位 遺 孔 子 以 仁 言 避 世 而 隱 居 變 易 姓 名 惟 恐 見 知 夫 日 以 幽 明 之 節 月 以 虧 盈 自 成 損 益 盛 衰 之 原 倚 伏 禍 福 之 門 天 道 惡 盈 而 好 謙 蓋 老 子 勞 不 定 國 功 不 加 民 所 以 見 隆 崇 于 今 為 時 人 所 以 享 祀 乃 昔 日 逃 祿 處 微 損 之 又 損 之 之 餘 昨 也 顯 虛 無 之 清 寂 云 先 天 地 而 生 乃 守 真 養 壽 獲 五 福 之 所 致 也 敢 演 而 明 之.

第 四 段

其 辭 曰 : 於 惟 玄 德 抱 虛 守 清 樂 居 下 位 祿 執 不 盈 為 繩 能 直 屈 之 可 縈. 三 川 之 對 舒 憤 散 逞. 陰 不 填 陽 孰 能 滯 并. 見 機 而 作 需 郊 出 坰. 肥 遁 之 吉 避 世 隱 聲. 見 迫 遺 言 道 德 之 經. 譏 時 微 喻 尋 顯 推 冥. 守 一 不 失 為 天 下 正. 處 厚 不 薄 居 實 含 榮. 稽 式 為 重 金 玉 是 輕. 絕 嗜 去 欲 還 歸 嬰 兒 皓 然 歷 載 莫 知 其 情. 頗 違 法 言 先 民 之 程. 要 以 無 為. 大 化 用 成 進 退 無 恆. 錯 綜 其 貞. 以 智 為 愚 充 而 不 盈. 大 人 之 度 非 凡 所 訂. 九 等 之 敘 何 足 累

名. 同 光 日 月 合 之 五 星. 出 入 丹 爐 呼 吸 至 精. 世 不 能 原 仰 其 永 生. 天 人 秩 祭 以 昭 厥 靈. 羨 彼 延 期 勒 石 是 旌.

Phiên âm:

ĐỆ NHẤT ĐOẠN

Lão tử tính Lý, tự Bá Dương, Sở Tương huyện nhân dã. Xuân thu chi hậu, Chu phân vi nhị, xưng Đông, Tây quân. Tấn lục khanh chuyên chinh, dữ Tề Sở tịnh tiếm hiệu vi vương. Dĩ đại tính tiểu, Tương huyện hư hoang, kim thuộc Khổ. Cố thành do tại. Tại Lại hương chi đông oa thủy xứ kỳ dương, kỳ thổ địa uất ông cao tệ, nghi sinh hữu đức quân tử yên. Lão tử vi Chu tử tàng thất sử. Đương U vương thời, tam xuyên thật chấn dĩ Hạ Ân chi quí, âm dương chi sự, giám dụ thời vương. Khổng tử dĩ Chu Linh vương trấp (Hỗn nguyên tác: nhị thập nhất) niên sinh. Chí Cảnh vương thập niên, niên thập hữu thất, học Lễ ư Lão Đam. Kế kỳ niên kỷ, Đam thời dĩ nhất bách dư tuế. Đam nhiên lão mạo dã. Khổng tử tốt hậu bách trấp cửu niên, hoặc vị Chu thái sử vi Lão tử, mạc tri kỳ sở chung.

ĐỆ NHỊ ĐOẠN

Kỳ nhị thiên thư xưng: thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ bất tự sinh dã. Quyết sơ sinh dân, di thể tương tục, kỳ tử sinh chi nghĩa khả tri dã. Hoặc hữu Cốc thần bất tử, thị vị Huyền tẫn chi ngôn. Do thị thế chi hiếu đạo giả, xúc loại nhi trưởng chi, dĩ Lão tử ly hợp ư hỗn độn chi khí, dữ tam quang vi chung thủy, quan thiên tác sấm, giáng thăng đẩu tinh. Tùy nhật cửu biến, dữ thời tiêu tức, qui củ tam quang. Tứ linh tại bàng, tồn tưởng đan điền. Thái nhất tử phòng, đạo thành thân hóa. Thiền thoát độ thế. Tự Hi Nông dĩ lai, vi thánh giả tác sư. Ban Cố dĩ Lão tử tuyệt thánh khí trí lễ vi loạn thủ, dữ Trọng Ni đạo vi, thuật Hán thư cổ kim nhân biểu, kiểm dĩ pháp độ, ức nhi hạ chi, dữ Sở Tử Tây đồng khoa, tài bất cập Tuâân Khanh Mạnh Kha. Nhị giả chi luận thù hĩ. Sở vị đạo bất đồng bất tương vi mưu dã.

ĐỆ TAM ĐOẠN

Diên Hi bát niên, bát nguyệt Giáp Tí, Hoàng thượng, thượng đức hoằng đạo, hàm hoằng quang đại, tồn thần dưỡng tính, ý tại lăng vân. Thị dĩ tiềm tâm Hoàng Hiên, đồng phù Cao tông, mộng kiến Lão tử, tôn nhi tự chi. Vu thời Trần tướng Biên Thiều, điển quốc chi lễ, tài bạc tư thiển, bất năng trắc độ chí nhân, biện thị dữ phi, án cứ thư tịch, dĩ vi Lão tử sinh ư Chu chi mạt thế, huyền hư thủ tĩnh, lạc vô danh, thủ bất đức, nguy cao quan, an hạ vị.

Di Khổng tử dĩ nhân ngôn, tị thế nhi ẩn cư. Biến dịch tính danh duy khủng kiến tri. Phù nhật dĩ u minh vi tiết, nguyệt dĩ khuy doanh tự thành, tổn ích thịnh suy chi nguyên, ỷ phục họa phúc chi môn. Thiên đạo ố doanh nhi hiếu khiêm. Cái Lão tử lao bất định quốc, công bất gia dân. Sở dĩ kiến long sùng vu kim, vi thời nhân sở dĩ hưởng tự, nãi tích nhật đào lộc xử vi, tổn chi hựu tổn chi chi dư tạc dã. Hiển hư vô chi thanh tịch, vân tiên thiên địa nhi sinh, nãi thủ chân dưỡng thọ, hoạch ngũ phúc chi sở trí dã. Cảm diễn nhi minh chi.

ĐỆ TỨ ĐOẠN

Kỳ tử viết: Ư duy huyền đức bão hư thủ thanh, lạc cư hạ vị, lộc chấp bất doanh, vi thằng năng trực, khuất chi khả oanh. Tam xuyên chi đối, thư phẫn tán trình. Âm bất điền Dương, thục năng trệ tính. Kiến cơ nhi tác, nhu giao xuất quynh. Phì độn chi cát tị thế ẩn thanh. Kiến bách di ngôn, đạo đức chi kinh. Ky thì vi dụ, tầm hiển suy minh. Thủ nhất bất thất, vi thiên hạ chính. Xử hậu bất bạc, cư thật hàm vinh. Kê thức vi trọng, kim ngọc thị khinh. Tuyệt thị khứ dục, hoàn qui anh nhi. Hạo nhiên lịch tải mạc tri kỳ tình. Phả vi pháp ngôn, tiên dân chi trình. Yêu dĩ vô vi. Đại hóa dụng thành, tiến thoái vô hằng. Thác tống kỳ trinh. Dĩ trí vi ngu, sung nhi bất doanh. Đại nhân chi độ, phi phàm sở đính. Cửu đẳng chi tự, hà túc lụy danh. Đồng

quang nhật nguyệt, hợp chi ngũ tinh. Xuất nhập đơn lô, hô hấp chí tinh. Thế bất năng nguyên, Ngưỡng kỳ vĩnh sinh. Thiên nhân trật tế, dĩ chiêu quyết linh, tiện bỉ diên kỳ, lặc thạch thị tinh.

Dịch:

I. Lão tử tính lý, tự Bá Dương, người huyện Tương nước Sở. Sau thời Xuân thu, Chu triều chia làm hai gọi là Đông quân, Tây quân. Lục khanh nước Tấn tự ý động binh gây chinh chiến. Tấn cùng với Tề, Sở tự xưng vương. Nước lớn thôn tính nước nhỏ. Huyện Tương trở nên hoang vu, ngày nay thuộc Khổ. Thành lũy cũ nay hãy còn. Phía đông làng Lại có con sông chảy qua. Vùng này là một cao nguyên cỏ cây tươi tốt, dễ sinh ra một bậc thượng nhân tài đức. Lão tử là quan coi thư viện nhà Chu. Thời U vương, vùng ba sông bị động đất. Lão tử dựa vào những biến động của nhị khí âm dương về thời Hạ, Thương, để cảnh cáo nhà vua. Khổng tử sinh năm 20 thời Linh vương. Đến năm Cảnh vương thứ mười, Khổng tử, mới 17 tuổi, đến học lễ với Lão Đam. Nếu ta tính tuổi, thì khi ấy Lão Đam đã hơn 200 tuổi. Đam nghĩa là đạo mạo, lão mạo. Có người quả quyết rằng, 129 năm sau khi đức Khổng mất Chu Thái sử Đam cũng chính là Lão tử. Nhưng không ai biết Ngài mất bao giờ.

II. Trong quyển sách chia làm hai thiên của ngài có chép: «Nếu trời đất trường cửu, chính là vì không vì mình sống.» Từ khi có loài người đến nay, thể xác nối tiếp nhau. Như vậy là biết ngài (Lão tử) nghĩ thế nào về tử sinh. Vì trong sách ngài có câu: «Cốc thần bất tử, thị vị Huyền tẫn.» cho nên những người yêu Đạo mới nhân đấy mà luận về Lão tử như sau:

Ngài cùng với Hỗn nguyên ly hợp,
Với tam quang, ngài vượt thời gian.
Trông trời, đoán vận trần hoàn,
Bảy vì tinh đẩu, nhẹ nhàng xuống lên.
Cùng với ngày, biến thiên chín bận,
Tùy theo mùa, khi giảm khi tăng.
Tinh huy, qui củ chuẩn thằng,
Tứ linh, tứ tượng vốn hằng chầu bên.
Ngưng thần khí, đơn điền não bộ,
Cung nê hoàn mấy độ tiêu dao.
Sánh vai Thái nhất ra vào,
Đạo thành, thân thoát, từ bao độ đời.
Từ Hi, Nông, đến thời hiện tại,
Bao thánh hiền, ngài mãi là thầy...

Ban Cố [32] vì thấy Lão tử khinh thường kiến văn, coi nghi lễ là đầu mối loạn, không cùng đường lối với đức Khổng, nên khi lập đồ biểu liệt kê nhân vật cổ kim trong Hán thư đã hạ Lão tử xuống ngang hàng với Tử Sản nước Sở, và dưới hàng Mạnh tử, Tuân tử. Như vậy hai bên (phe của Ban Cố, phe của Lão giáo) có quan niệm khác nhau, chính là vì «khác đạo với nhau thì không cộng tác với nhau được.»

III. Năm Diên Hi thứ 8, tháng 8, ngày Giáp tý,[33] Hoàng thượng, vì chuộng đức, ước mong tiến tới chỗ tinh hoa cao đại, nên đã tồn thần dưỡng tính, để vươn lên đến chốn cửu tiêu. Chính vì thế nên Ngài đã tiềm tâm học đạo Hoàng Hiên [34] Ngài như Cao tông đã nằm mộng thấy Lão tử nên đã tôn sùng và tế lễ

Lão tử. Lúc này Biên Thiều tôi, đang làm tướng nước Trần, nên chủ sự cuộc tế lễ ở đây. Tôi tài hèn trí mọn không thấy hiểu được bậc chí nhân cũng không biết biện phân phải trái, nên chỉ dựa vào thư tịch mà chủ trương:

Đức Lão tử sinh thời Chu mạt.
Yêu hư vô, mà bạn thanh nhàn,
Không cầu danh với thế gian,
Không ưa những thói phô phang đức tài.
Coi chức trọng là nơi nguy hiểm,
Vui sống trong chốn kém, chốn hèn,
Tặng cho đức Khổng lời khuyên,
Giã từ thế tục, lâm tuyền ẩn cư.
Thay họ mạc cũng như danh tánh,
Sợ đời hay, nên lánh chuyện đời.
Vừng dương sáng tối lần hồi,
Vầng trăng tròn khuyết đầy vơi tương tùy.
Thêm với bớt thịnh suy ấy gốc,
Và trên đời họa phúc theo nhau,
Trời kia nào thích đầy đâu,
Mà thương những kẻ gót đầu khiêm cung.
Theo Lão tử, lao lung vất vả,
Định giang sơn mấy nả mà mong?
Vì dân xin chớ kể công,
Công lênh rôùt cuộc cũng không ích gì.
Ngài nay được tôn suy, sùng thượng,
Chính vì xưa chẳng tưởng công danh,
Một ngày một giảm công trình,
Sống trong hư tĩnh, siêu linh tuyệt vời.
Rằng ngài trước đất trời sinh xuất,
Chính vì ngài chẳng mất lòng son,
Thiên chân giữ được vẹn tròn,
Cho nên ngũ phúc chẳng còn thiếu chi.

Nên tôi mạn mà ghi tiếp tục:

IV. Đức độ ngài rất mực cao siêu,
Hư không, thanh tĩnh đến điều,
Ưa nơi thấp kém, chê chiều quang hoa.

Giây khi thẳng, thời đà thẳng dẵng,
Nhưng đem khoanh cũng chẳng ngại cong,
Trời làm chấn động ba sông,
Can vua, vả khiến cho lòng dân an.
Nếu Âm chẳng lăng loàn lấn át,
Át Dương kia, tan tác sao sinh?
Cơ suy vừa lộ mối manh,
Thời đà rũ áo, ẩn mình từ đây.
Người nài nỉ: ra tay sáng tạo,
Đạo đức kinh di cảo dạy đời.
Nhẹ nhàng chỉ trích đương thời,
Đem điều sáng sủa soi nơi mịt mùng.
Cùng Thái nhất thủy chung bầu bạn,
Treo cho đời gương sáng chính trung.
Dặn dầy, chân thực thời ưng,
Mỏng manh hào nháng thời không ngó ngàng.
Ưa cốt cách, bạc vàng rẻ rúng.
Bao dục tình chặn đứng mới nghe.
Trở về trạng thái Anh nhi,
Mái sương vượt quá hạn kỳ trần gian.
Hành tung ngài, khó toan, khó luận,
Luật gian trần chẳng bận niềm riêng,
Khinh phiêu phơi phới tự nhiên,
Vô vi, vô dục biến thiên mặc tình.
Tiến hay thoái phiêu linh tùy tiện,
Tùy thời cơ thiên biến vạn năng.
Xá chi kiến thức gian trần,
Dẫu đầy mà vẫn ngỡ rằng còn vơi.
Bậc đại nhân siêu thời xuất thế,
Kẻ phàm phu, hồ dễ mà hay.
Uổng công xếp hạng nọ này,
Miệng phàm hồ dễ xấu lây danh người.
Cùng nhật nguyệt chói ngời sáng láng,
Cùng ngũ tinh chiếu rạng quang huy.
Vào ra nơi chốn đan trì,

Huỳnh đình lên xuống muôn bề khinh phiêu.

Cùng lưu tục chẳng điều quyến luyến,

Dấu phong quang làm biến hình hài.

Chắt chiu ôm ấp tính trời,

Muôn nghìn biến hóa theo đòi thần minh.

Hô hấp khí khinh thanh thuần túy,

Trong trần hoàn hồ dễ ai hay,

Vĩnh sinh ấy chính là ngài,

Đời rằng ngài với đất trời trường sinh.

Vua tế tự linh đình bày biện,

Để oai ngài trình hiện muôn nơi,

Tôi nay muốn để tiếng Người.

Cho nên ghi tạc những lời ngợi khen.

C. TIỂU SỬ ĐỨC LÃO TỬ THEO LÃO TỬ BIẾN HÓA KINH [35]

LÃO TỬ BIẾN HÓA KINH 老 子 變 化 經

Hán văn:

立 大 始 端 行 乎 大 之 原 浮 熬 幽 靈 空 之 入 窈冥 之 先 門 親 乎 皆 誌 之 未 別 和 清 濁 之 外 彷 彿 之 與 切 古 慌 忽 之 廓 然 衝 撞 而 之 容 [?] 同 門 之 先 邊 印 步 宙 天 門 其 生 無 騷 獨 立 而 無 倫 行 乎 古 昔 在 天 地 之 前 乍 匿 還 歸 存 亡 則 為 先 成 則 為 人 慌 忽 天 濁 化 變 其 神 託 形 李 母 胎 中 易 身 優 命 腹 中 七 十 二 年 中, 現 楚 國 李 口 序 與 肩 頰 有 參 午 大 理 日 角 月 玄 鼻 有 雙 柱, 耳 有 三 門 足 (蹈) 二 年 (五) 手 把 天 關 其 性 無 欲 其 行 無 為 欲 天 輔 佐, 三 皇 倚 徙 觀 之 匿 見 無 常 本 皆 由 此 彌 歷 久 長 國 將 衰, 王 道 崩 毀, 則 去 楚 國, 北 之 崑 崙 以 乘 白 鹿, 訖 今 不 還 此 皆 自 然 之 至 精, 道 之 根 蒂 為 乘 之 父 母, 為 天 地 之 本 根, 為 生 梯 端 為 神 明 之 帝 君, 為 陰 陽 之 祖 首, 為 萬 物 之 魂 魄 條 暢 靈 無 造 化 應 因 挨 帝 八 極 載 地 懸 天 遊 騁 日 月, 迴 走 日 辰 呵 投 六 甲 此 乾 坤 紀 易 四 時 推 移 寒 溫 手 把 仙 錫 玉 簡 今 字 稱 以 銀 人 喜 初 鳳 頭, 絕 聖 父 制, 物 屋 命 直, 父 為 之 生 焉 老 子 能 明 能 冥, 能 亡 能 存, 能 大 能 小, 能 屈 能 申, 能 高 能 下 能 縱 能 橫, 能 反 能 覆 ; 無 所 不 施 無 所 不 能 在 火 不 燋 在 水 不 寒 ; 逢 惡 不 疾 ; 觸 禍 不 患 厭 之 不 苦, 傷 之 無 槃 長 生 不 死, 須 滅 身 形 偶 而 不 雙, 隻 而 不 奇 附 而 不 離, 莫 于 其 無 為 也 莫 能 不 隨 世 (之) 此 老 子 之 行 也 嚴 誡 眇 矣 誡 難 知 矣 老 子 既 生 九 重 之 外 形 變 化 自 然 子 知 吾 九 人 何 優 仙 夫 為 生 道, 甚 易 難 子 學 吾 生 道, 無 如 中 止, 卅 日 共 月 道 畢 滄 第 一 姓 李 名 老 字 元 陽 第 二 姓 李 名 聃 字 伯 陽 第 三 姓 李 名 中 字 伯 光 第 四 姓 李 名 石 字 子 光 第 五 姓 李 名 石 字 子 文 第 六 姓 李 名 宅 字 子 長

第七姓李名元字子始第八姓李名願字子生第九姓李名德字伯文老子合元汯元混成隨世沉浮退則養精進帝王師皇苞羲時號曰溫爽子皇神農時號曰春成子, 一名陳豫皇祝融時號曰廣成子帝顓頊時號曰赤精子帝嚳時號曰真子名黃帝時號曰天老帝堯時號曰茂成子帝舜時號曰廓叔子化形舜立壇春秋祭祀之夏禹時老子出號曰李耳, 一名禹師殷湯時號曰斯宮周父皇時號曰先王國柱下吏武王時號曰衛成子成王時號曰成子如故元康五年老子入婦女腹中七十二年生託母姓名聃字伯陽, 為柱下吏七百年還變楚國而平王高蹇不從諫道德不流則去楚而西度咸谷關以五千文上下二篇授關長尹喜秦時號曰蹇叔子大胡時號曰浮慶君漢時號王方平陽加元年始見城都為鶡爵鳴山建康元年化於白鹿山託澗太初元年復出白鹿廟中治崔號曰仲伊建和二年於崩山卒出城都左里城門, 壞身形為真人漢知之改為照陽門楚國知之生司馬照永壽元年復還白鹿山, 號曰僕人大賢問閉口不言, 卅年建廟白鹿為天傅老子曰: 吾敖以清吾事以明, 吾證以成吾變易身形託死更生, 周流四海時出黃庭經歷渡踐履三皇戴冒三台, 被服無形愚者不知死復更生儳至為身僮兒為群外為亡僕, 內自為真自屋俱漯, 自有精神晝夜念我, 吾不忽云味夢想吾, 我自見信吾發動官漢令自易身愚者踊躍, 智者受訓天地事絕, 吾自移運當世之時, 簡擇良民, 不須自去, 端質守身吾自知之翁養文鱗欲知吾處, 讀五千文過萬變首自知身急來詣我吾與精神子當念父, 父當念子怡忽想忘去之萬里, 所治解怠, 神不為使, 疾來遂我我絕綱紀青白為表, 黃黑為裡赤為生我, 從一而始, 中有黃氣, 可絕酒, 教子為道, 先當修己, 恬泊靜寧(穿), 撿其滿手, 無為無欲, 不憂患谷(苦), 道來附, 身可度矣精思放我神為走使吾衡剛, 吾更勝負生氣在左, 原氣在右中有黃氣元陽為上, 通無極九宮僮子精之, 思之, 可以成己一僊道成教告諸子吾六度太白橫流, 疾來逐我, 南嶽相求, 可以度危, 恐子稽留, 立春癸巳放縱罪囚五穀驚起, 人民有憂, 疾病欲至餓者縱橫吾轉衝撞漢事吾民聞之自有志棄鄙自凍無姓字因漢自識, 萬民見端直實心乃知吾事合知聖者習吾意, 邪心狠性謂我何人吾以度數出有時節而化知吾者少非吾者多老子變化經大業八年八月十四日, 經生王儒寫用紙四張玄都玄壇道士覆校裝潢人秘書省寫.

Phiên âm:

[1] Lập đại thủy đoan, hành hồ đại chi nguyên. Phù ngao u linh không chi. [2] Nhập yểu minh chi tiên môn. Thân hồ giai chí chi vị biệt. [36] Hòa thanh trọc chi ngoại. [37] [3] Phảng phất chi dữ thiết cổ hoảng hốt chi khuếch nhiên sung tràng nhi chi dung. [4] (?) đồng môn chi tiên. Biên ấn bộ trụ thiên môn. Kỳ sinh vô tao. Độc lập nhi vô luân. [5] Hành hồ cổ tích, tại thiên địa chi tiền. Sạ nặc hoàn qui tồn [6] vong tắc vi tiên, thành tắc vi nhân. Hoảng hốt thiên trọc. [38] Hóa biến kỳ thần. [7] Thác hình Lý mẫu thai trung. Dịch

thân ưu mệnh. Phúc trung thất thập nhị niên trung, hiện [8] Sở quốc. Lý khẫu tự dữ [39] kiên giáp hữu tam ngọ đại lý. [40] Nhật giác, nguyệt huyền. [9] Tị hữu song trụ, nhĩ hữu tam môn; túc [41] [10] nhị niên (ngũ). Thủ bá thiên quan. [42] Kỳ tính vô dục; Kỳ hành vô vi. Dục thiên phụ. [11] tá, tam hoàng ỷ tỉ. Quan chi nặc kiến vô thường bản giai do thử. Di lịch [12] cửu trường. Quốc tương suy, vương đạo băng hủy, tắc khứ Sở quốc, bắc chi Côn lôn [13] dĩ thừa bạch lộc, cật kim bất hoàn. Thử giai tự nhiên chi chí tinh, Đạo chi [14] căn đế. Vi thặng chi phụ mẫu, vi thiên địa chi bản căn, vi sinh thê đoan [15] vi thần minh chi đế quân, vi âm dương chi tổ thủ, vi vạn vật chi hồn [16] phách. Điều sướng linh vô [43] Tạo hóa ứng nhân, sĩ đế bát cực [44] tải địa huyền thiên. [45] [17] Du sính nhật nguyệt, hồi tẩu nhật thần. Ha đầu lục giáp. [46] Thử Kiền Khôn [47] Kỷ dịch [18] tứ thời. Suy di hàn ôn. Thủ bả tiên tích [48] ngọc giản kim tự. Xưng dĩ ngân [19] nhân. Thiện sơ phụng đầu; tuyệt thánh phụ chế, vật ốc mệnh trực, phụ vi chi sinh [20] yên. Lão tử năng minh, năng minh; năng vong năng tồn, năng đại năng tiểu, năng khuất [21] năng thân; năng cao năng hạ; năng tung năng hoành; năng phản năng phúc; vô sở bất [22] thi, vô sở bất năng; tại hỏa bất tiêu; tại thủy bất hàn, phùng ác bất tật; [23] xúc họa bất hoạn. Yểm chi bất khổ,[49] thương chi vô bàn. [50] Trường sinh bất tử, tu diệt [24] thân hình. Ngẫu nhi bất song, chích nhi bất cơ. Phụ nhi bất ly mạc vu kỳ [25] vô vi dã. Mạc năng bất tùy chi. [51] Thử Lão tử chi hành dã. Nghiêm giới miểu [26] hĩ. Thành nan tri hĩ. [27] Lão tử ký sinh cửu trùng chi ngoại. Hình biến hóa tự nhiên. Tử tri ngô cửu [28] nhân hà ưu tiên. Phù vi sinh đạo, thậm dị nan. Tử học ngô sinh đạo, vô [29] như trung chỉ, trấp nhật cộng nguyệt đạo tất thương. [30] Đệ nhất tính Lý, danh Lão Đam tự Nguyên Dương. [31] Đệ nhị tính Lý, danh Đam, tự Bá Dương. [32] Đệ tam tính Lý, danh Trung, tự Bá Quang. [33] Đệ tứ tính Lý, danh Thạch, tự Tử Quang. [34] Đệ ngũ tính Lý, danh Thạch, tự Tử Văn. [35] Đệ lục tính Lý, danh Trạch, tự Tử Trường. [36] Đệ thấtō tính Lý, danh Nguyên, tự Tử Thủy. [37] Đệ bát tính Lý, danh Nguyện, tự Tử Sinh. [38] Đệ cửu tính Lý, danh Đức, tự Bá Văn. [39] Lão tử hợp nguyên đát, nguyên hỗn thành. Tùy thế trầm phù thoái tắc dưỡng tinh. [40] Tiên đế vương sư. [41] Hoàng Bao Hi thời, hiệu viết Ôn Sảng tử. [42] Hoàng Thần Nông thời, hiệu viết Xuân Thành tử, nhất danh Trần Dự. [43] Hoàng Chúc Dung thời, hiệu viết Quảng Thành tử. [44] Đế Chuyên Húc thời, hiệu viết Xích Tinh tử. [45] Đế Cốc thời, hiệu viết Chân tử danh Bích. [46] Hoàng đế thời, hiệu viết Thiên Lão. [47] Đế Nghiêu thời, hiệu viết Mậu Thành tử. [48] Đế Thuấn thời, hiệu viết Quách Thúc tử hóa hình. Thuấn lập đàn xuân thu tế tự [49] chi. [50] Hạ Vũ thời, Lão tử xuất, hiệu viết Lý Nhĩ, nhất danh Vũ sư. [51] Ân Thang thời, hiệu viết Tư Cung. [52] Chu phụ hoàng thời, hiệu viết tiên vương quốc trụ hạ lại. [53] Võ vương thời, hiệu viết Vệ Thành tử. [54] Thành vương thời, hiệu viết Thành tử như cố. [55] Nguyên Khang ngũ niên, Lão tử nhập phụ nữ phúc trung. Thất thập nhị niên [56] sinh. Thác mẫu tính lý danh Đam, tự Bá Dương, vi Trụ hạ lại, thất bách niên [57] hoàn biến Sở quốc, nhi Bình vương cao kiển bất tòng gián. Đạo đức bất lưu, tắc. [58] khứ Sở nhi Tây. Độ Hàm cốc quan, dĩ ngũ thiên văn dĩ thượng hạ nhị thiên, thụ [59] quan trưởng Doãn Hỉ. [60] Tần thời, hiệu viết: Kiển Thúc tử. [61] Đại Hồ thời hiệu viết Phù Khánh quân. [62] Hán thời, hiệu Vương Phương Bình. [63] Dương gia nguyên niên thủy hiện Thành Đô vi Biển Tước Minh Sơn. [64] Kiến Khang nguyên niên hóa ư Bạch Lộc sơn thác táng giản. [65] Thái sơ nguyên niên phục xuất Bạch Lộc miếu trung, trị thôi hiệu viết Trọng Y. [66] Kiến Hòa nhị niên ư Băng Sơn tốt xuất Thành Đô tả lý thành môn, hoại thân [67] hình vi chân nhân. Hán tri chi, cải vi Chiếu Dương môn. Sở quốc tri chi sinh. [68] Tư Mã Chiếu. [69] Vĩnh Thọ nguyên niên phục hoàn Bạch Lộc Sơn. Hiệu viết Bộc Nhân đại hiền. Vấn [70] bế khẩu bất ngôn, trấp niên kiến miếu Bạch Lộc, vi Thiên phó. [71] Lão tử viết: ngô ngao dĩ thanh, ngô sự dĩ minh. Ngô chính dĩ thành ngô biến [72] dịch thân hình. Thác tử cánh sinh. Chu lưu tứ hải, thời xuất Huỳnh đình. Kinh lịch [73] độ, tiễn lý Tam hoàng, đới mạo tam thai, bị phục Vô hình. Ngu giả bất tri [74] Tử phục cánh sinh. Lụy chí vi thân, đồng nhi vi quần. Ngoại vi vong bộc, nội [75] tự vi chân. Tự

ốc câu cảnh, tự hữu tinh thần; trú dạ niệm ngã, ngô bất [76] hốt vân. Vị mộng tưởng ngô ngã tự kiến tín, ngô phát động quan Hán, lệnh tự [77] dịch thân. Ngu giả dũng dược trí giả thụ huấn. Thiên địa sự tuyệt, ngô tự di [78] vận. Đương thế chi thời, giản trạch lương dân, bất tu tự khứ, đoan chất thủ thân. [79] ngô tự tri chi, ông dưỡng văn lân. Dục tri ngô xứ, độc ngũ thiên văn quá. [80] vạn biến. Thủ tự tri thân. Cấp lai nghệ ngã, ngô dữ tinh thần. Tử đương niệm [81] phụ, phụ đương niệm tử, di hốt tương vong. Khứ chi vạn lý sở trị giải đãi, thần bất vi sứ; tật lai toại ngã, ngô tuyệt cương kỷ. Thanh bạch vi biểu, hoàng [83] hắc vi lý. Xích vi sinh ngã, tòng nhất nhi thủy. Trung hữu hoàng khí, khả tuyệt [84] tửu, giáo tử vi đạo, tiên đương tu kỷ, điềm bạc tĩnh ninh (xuyên), kiểm kỳ mãn thủ, [85] vô vi vô dục, bất ưu hoạn cốc (khổ) Đạo lai phụ, thân khả độ hĩ. Tinh tư [86] phóng ngã, thần vi tẩu sứ. Ngô hành cương, ngô canh thắng phụ. Sinh khí tại tả, [87] nguyên khí tại hữu, trung hữu hoàng khí Nguyên dương vi thượng, thông Vô cực cửu cung. [88] Đồng tử tinh chi, tư chi, khả dĩ thành kỷ. Nhất mẫn đạo thành, giáo cáo chư [89] tử; ngô lục độ. Thái bạch hoành lưu, tật lai trục ngã, nam nhạc tương cầu, khả [90] dĩ độ nguy. Khủng tử kê lưu, lập xuân Quí tị phóng túng tội tù, ngũ cốc [91] kinh khởi, dân nhân hữu ưu, tật bệnh dục chí. Ngạ giả tung hoành, ngô chuyển [92] xung chàng Hán sự. Ngô dân văn chi, tự hữu chí khí, bỉ tự đống vô tính [93] tự. Nhân Hán tự thức, vạn dân kiến đoan trực thực tâm, nãi tri ngô sự. [94] Hợp tri thánh giả tập ngô ý, tà tâm, ngận tính vị ngã hà nhân; ngô dĩ [95] độ số, xuất hữu thời tiết nhi hóa. Tri ngô giả thiểu, phi ngô giả đa. [96] Lão tử biến hóa kinh. [97] Đại nghiệp bát niên, bát nguyệt, thập tứ nhật, Kinh Sinh, Vương Trù tả [98] dụng chỉ tứ trương [99] Huyền đô, Huyền đàn đạo sĩ phúc hiệu. [100] Trang Hoàng nhân. [101] Bí thư tỉnh tả.

Dịch nghĩa:

1. Những từ có trước đất trời,

Vui trong thái thủy tuyệt vời ngao du.

2. Thung dung từ thủa thái sơ,

Khi còn chưa có bến bờ đục trong.

4. Tịch nhiên tiêu sái, (5.) vô song,

Trước trời, trước đất thung dung vui hòa.

Hai bề ẩn, hiện lại qua,

6. Ẩn là Thái nhất, hiện ra là người.

Đục trong biến chuyển dòng đời,

Thần ngài mới mượn hình hài thế nhân.

7. Mượn lòng Lý mẫu giáng trần,

Bảy hai năm chẵn gửi thân mẹ lành.

8. Mượn nơi đất Sở giáng sinh,

Môi dày, miệng rộng, thiên đình nở nang.

Có văn tam ngũ rõ ràng,

Hai vừng nhật nguyệt ẩn tàng quang hoa;

9. Mũi hai sống, lỗ tai ba,

10. Chân hai chữ ngũ, tay hoa số mười.

Thiên nhiên vô dục tính trời,

Vô vi ấy chính nết người ở ăn.

Giúp trời lại giúp thánh quân.

11. Tam hoàng âu cũng nhờ ân hộ trì.

Đời người ẩn ước ly kỳ,

Biến thiên ảo hóa huyền vi khôn lường.

12. Gặp khi vận nước nhiễu nhương,

Hôn quân vô đạo tìm đường ẩn thân,

Giã từ nước Sở, lánh trần,

Cưỡi con bạch lộc băng chừng Côn Lôn,

Dặm Tần mù mịt nguồn cơn,

13. Người xưa vết cũ, nay còn thấy đâu.

Tinh hoa trời đất gồm thâu.

14. Đạo trời đạo đất gót đầu chốt then.

Sinh cơ chủ chốt diệu huyền,

15. Muôn thần, vạn thánh mọi miền, quản cai.

Âm dương mặc sức phân phôi,

Là hồn, là phách muôn loài thụ sinh.

16. Hư vô chưởng quản mặc tình,

Biến thiên huyền hóa siêu linh tuyệt vời.

Bao trùm khắp tám phương trời,

Đất thời lo chở, trời thời lo treo.

17. Ruổi rong nhật nguyệt khinh phiêu,

Tinh huy vận chuyển muôn chiều chẳng ngơi.

Chư thần Lục Giáp nương hơi,

Càn khôn cũng mặc ý người ruổi rong.

18. Tứ thời chuyển biến thong dong,

Hai chiều nóng lạnh mặc lòng xở xoay.

Tiêu phù cầm gọn nơi tay,

Chữ vàng, thẻ ngọc sẵn bày từ khi.

20. Lão quân sáng tối tùy nghi

Tồn vong, đại tiểu, cao đê tung hoành.

21. Khuất thân, tiến thoái mặc tình,

22. Không gì thoát khỏi uy linh của người.

Đi vào nước lửa như chơi,

Dầu lâm họa hoạn, pha phôi nhẽ nào.

23. Gặp cơn bức bách chẳng sao,

Vương thương, vết tích tơ hào chẳng khi.

Trường sinh chẳng có hạn kỳ,

24. Tiêu thân, diệt thể, quyền uy vô ngần.

Sánh đôi mà vẫn đơn thân,

Cô đơn mà vẫn chẳng phần lẻ loi.

Ngài luôn gần gũi con người.

25. Không ai có thể sánh tài vô vi,

Chẳng ai mà chẳng phải tùy,

Người người đều dõi bước đi của ngài.

Hành vi Lão tử để đời,

26. Lời ngài giảng dạy, mấy người tinh thông.

27. Ngài sinh ngoài cõi cửu trùng,

Những điều biến hóa mung lung khôn lường.

Biết ta chín kiếp nhân lương,

28. Đời ta mà biết lối đường ta hay.

29. [Không dịch] [52]

Ta là chín vị sau đây.

30-38

Họ 姓	Tên 名	Tự 字
1. Lý 李	Lão Đam 老聃	Nguyên Dương 元陽
2. Lý 李	Trung 中	Bá Dương 伯 陽
3. Lý 李	Thạch 石	Bá Quang 伯 光
4. Lý 李	Thạch 石	Tử Quang 子 光
5. Lý 李	Trạch 宅	Tử Văn 子 文
6. Lý 李	Nguyên 元	Tử Trường 子 長
7. Lý 李	Nguyện 願	Tử Thủy 子 始
8. Lý 李	Đức 德	Tử Sinh 子 生
9. Lý 李		Bá Văn 伯 文

39. Ngài sinh cùng với Hư vô,

Tùy thời ly hợp trầm phù tiến lui.

Khi lui, nguyên thể tài bồi,

40. Đến khi tiến bước, dạy đời, dạy vua.

41. Thời Phục Hi, tên Ôn Sủng tử,[53]

42. Thời Thần Nông, lấy chữ Xuân Thành;[54]

43. Thời Chúc Dung, gọi Quảng Thành,[55]

44. Đến đời Chuyên Húc, Xích Tinh là người. [56]

45. Thời Đế Cốc, tên ngài Chân tử,[57]

46. Thiên Lão khi cộng sự Hiên Viên;[58]

47. Thời Nghiêu, tên gọi Mạo Thiềng,[59]

48. Thời Thuấn, Quách Thúc là tên của ngài. [60]

50. Thời Hạ Võ, tên thời Lý Nhĩ,[61]

51. Thời Ân Thang, đích thị Tư Cung. [62]

52. Đời Văn, ngài thủ thư tàng,[63]

53. Đến đời vua Võ, tên mang Vệ Thành. [64]

54. Đời Thành vương, tên Thành gọi lại,[65]

55. Nguyên Khang 5, lại tái giáng trần;[66]

Trong lòng mẹ bảy hai năm,

56. Ra đời mới gọi tên bằng Lý Đam.

Ngài cũng có Bá Dương là tự.

Và từng là quản thủ thư tàng;

Bảy trăm tuế nguyệt chứa chan,

57. Băng chừng Sở quốc, lai hoàn cố hương.

Lại gặp khi Bình vương ngoan cố.

Đạo đức trời tới độ suy vi.

58. Ngài liền bỏ Sở ra đi,

Băng chừng tây tiến lâm ly dặm trường.

59. Đến Hàm Cốc, gặp quan Doãn Hỉ,

Đạo đức kinh ngài ký thác cho;

60. Thời Tần, Kiển Thúc cũng là,[67]

61. Tên ngài Phù Khánh [68] thời Hồ nhiễu nhương.

62. Thời nhà Hán, Vương Phương Bình gọi,[69]

(Mỗi khi cần, ngài mỗi hiện ra;)

63. Năm đầu niên hiệu Dương Gia,[70]

Thành đô núi Tước hiện ra đường hoàng.

64. Năm đầu niên hiệu Kiến Khang,

Đỉnh non Bạch Lộc, rỡ ràng quang hoa. [71]

65. Năm đầu niên hiệu Thái Sơ,

Nơi đền Bạch Lộc hiện ra với đời. [72]

66. Kiến Hòa vào khoảng năm 2,

Lão quân lại hiện cửa ngoài Thành đô. [73]

69. Năm đầu Vĩnh Thọ hiện ra,
Đầu non Bạch Lộc xưng là Bộc Nhân. [74]
Những là lẳng lặng trầm ngâm,
Dẫu ai gạn hỏi cũng không trả lời.
70. Đời sau lập miếu thờ ngài,
Xưng ngài Thiên Phó, tên ngài hiển linh. [75]
71. Ngài rằng:
Ta vui trong cảnh Thái thanh,
Quang hoa xử sự, tinh thành trị dân.
72. Nhiệm huyền biến hóa tấm thân,
Lấy tuần lâm tử, làm tuần phục sinh.
Chu du bốn biển phiêu khinh,
Tứ thời bát tiết Huỳnh đình vào ra.
Dòng đời khinh khoát vượt qua,
73. Tam hoàng mỗi bước ta đà theo chân.
Tam thai ta đội làm khăn,
Áo ta đã được dệt bằng Hư vô.
Phàm phu sao biết được ta,
74. Tử sinh, phản phục, biết là bao phen.
Dân ta đông đảo muôn miền,
Phàm phu ngoài mặt, mà tiên đáy lòng.
75. Quang huy thu liễm vào trong,
Tinh thần sung mãn bởi không hao gầy.
Ai về ta tưởng đêm ngày,
76. Ta luôn phù trợ phút giây chẳng rời.
Ai mà mơ đến ta hoài,
Hiển linh, ta sẽ vì người hiện ra.
Cơ đồ nhà Hán phôi pha,
77. Xót vì, ta lại sinh ra ở đời.
Phàm phu nhảy nhót dể duôi,
Nhưng mà trí giả nghe lời bảo ban.
Đất trời nghiêng ngửa nguy nàn,
78. Ta bèn chuyển hóa mà toan cứu đời.
Nay ta lựa chọn hiền tài,
79. Người hay người phải, ta thời nhận ra.

Những ai mà muốn tìm ta,

80. Sách ta hãy đọc cho qua vạn lần,

Tội khiên phải biết tự tân,

Làm người tri kỷ, tri thân mới là.

Ta đây chẳng ở đâu xa,

Thần người cùng với Thần ta khác nào.

81. Cha con tưởng nhớ gần sao,

Bằng không nhớ tưởng, xa bao dặm đường.

Chớ nên biếng nhác buông tuồng,

82. Biếng lười, thần có cũng nhường như không.

Theo ta mau mắn mới mong,

Mới mong ta tháo gỡ tung buộc ràng.

Trắng, xanh ngoài mặt ngỡ ngàng,

83. Vàng, đen ẩn áo tiềm tàng bên trong.

Sinh ta, màu đỏ ấy công,

Ta sinh từ Nhất, từ trong điểm vàng.

84. Rượu nồng người chớ có ham,

Để ta đem đạo, chỉ đàng nẻo cho.

Tu thân người phải nên lo,

Tâm thần an tĩnh, lòng hồ như vơi!

85. Vô vi, vô dục thảnh thơi,

Lầm than, hoạn nạn có đời nào đâu !

Cốc thần khăng khít trước sau,

Con đường giải thoát cơ mầu là đây.

86. Lìa ta, suy tưởng dông dài,

Tâm thần lạc lõng, càng ngày càng mê.

Cương nhu cân nhắc mọi bề,

Hai chiều thành bại, đi về do ta.

Tả biên sinh khí mới là,

87. Hữu biên tử khí, giữa là Hoàng trung.

Giữa là Hoàng khí mung lung,

Nguyên dương nghi ngút muôn trùng cửu tiêu.

88. Khuyên chư đồng tử sớm chiều,

Tiềm tâm tu luyện, để theo Đạo mầu.

89. Ta đà căn dặn từ lâu,

Kim tinh lệch lạc thì cầu tới ta.

Mau mau rong ruổi mới là,

90. Gặp ta Nam Nhạc, sẽ qua nguy nàn.

Chớ đừng bịn rịn tơ vương,

Xuân ngày Quí tỵ nên thương thả tù.

91. Đâu đâu dân cũng âu lo,

Bệnh tình chất ngất, ngã cơ đầy đường.

Ta nay hoán cải mối giường,

92. Cơ đồ nhà Hán tan hoang từ rày.

Dân ta đã biết, đã hay,

Tránh điều vạ gió, tai bay sá nào.

93. Những người thành khẩn thanh cao,

Việc ta thông tỏ tơ hào khó chi.

94. Ý ta hiền thánh minh tri,

Phàm phu nào biết vân vi gót đầu.

95. Bao lần giáng thế trước sau,

Theo dòng lịch sử cơ mầu biến thiên.

Hiểu ta hỏi mấy thánh hiền,

Chê ta, vô số phàm hèn bấy nay.

Khảo sát ba tiểu sử nói trên ta có những nhận xét sau đây:

1. Càng theo đà thời gian, tiểu sử Lão tử càng trở nên huyền thoại.

- Tiểu sử do Tư Mã Thiên (145-86 trước công nguyên) gần thực tế nhất, mô tả Lão tử như một ẩn sĩ, một hiền triết có gia đình con cái như mọi người, bất quá là sống lâu hơn người thường, biết đường tu luyện hơn người thường.

- Lão tử minh, do Biên Thiều tạc năm 165 công nguyên, đã thấy có nhiều phần huyền thoại.

- Lão tử biến hóa kinh, viết khoảng năm 612 công nguyên, đã thấy đầy rẫy những huyền thoại.

Ta sẽ toát lược những huyền thoại ấy và giải thích những huyền thoại ấy. Tất cả những huyền thoại về Lão tử có thể toát lược như sau:

- Ngài có một cuộc thai sinh kỳ bí: ở trong lòng mẹ bảy mươi hai năm, lúc sinh ra đã bạc đầu. [76]

- Ngài có trước trời đất, sống vĩnh cửu cùng với đất trời.

- Ngài là Thượng đế giáng trần nhiều lần từ xưa tới nay để cứu độ chúng sinh.

Về cuộc thai sinh kỳ bí của Lão tử, ta không thấy có gì lạ, vì dân gian xưa nay đều thêu dệt rất nhiều huyền thoại quanh cuộc thai sinh của vị giáo chủ mình.

2. Một đặc điểm khác trong tiểu sử của đức Lão tử cho thấy rằng ngài có từ trước đất trời, sống vĩnh cửu cùng với đất trời.

Trong Lão tử minh ta thấy những câu:

«Ngài cùng với hỗn nguyên ly hợp,

Với tam quang ngài vượt thời gian.»... [77]

«Rằng ngài trước đất trời sinh xuất,

Chính vì ngài chẳng mất lòng son.

Thiên chân giữ được vẹn tròn,

Cho nên ngũ phúc chẳng còn thiếu chi.» [78]

Lão tử biến hóa kinh viết:

«Những từ có trước đất trời,

Vui trong Thái thủy tuyệt vời ngao du.»... [79]

«Trường sinh chẳng có hạn kỳ,

Tiêu thân diệt thể, quyền uy vô ngần.» [80]

Khảo Trang tử ta cũng thấy có câu:

«Ta và trời đất cùng sinh,

Ta và vạn vật sự tình chẳng hai.» [81]

Khảo Phúc âm, ta thấy chúa Jesus xưng mình có trước vua David. [82]

Tất cả những sự kiện trên chỉ có thể hiểu được nếu chúng ta chấp nhận con người có:

- Phần Thiên, phần Thần, bất sinh bất tử mà Lão tử gọi là Đạo, nho gia gọi là Thái cực, Bà la môn gọi là Atman, Phật giáo gọi là Chân như hay Bản lai diện mục.

- Phần nhân, phần tâm, phần hồn, có sinh, có tử mà ta thường gọi là phàm tâm, hay tiểu ngã, vọng ngã.

Các huyền thoại trên cho thấy xưa nay con người đều mơ ước bất tử chính là vì đã thấu đáo được sự huyền nhiệm ấy. Còn dân gian thì chỉ hiểu lơ mơ vấn đề, qua trung gian các huyền thoại còn sót lại.

3. Một huyền thoại đáng chú ý hơn nữa là từ thời nhà Hán. Lão tử đã được coi như là Thượng đế, chẳng những giáng trần một lần mà đã giáng trần nhiều lần.

Khảo lịch sử Trung Hoa ta thấy từ thời thượng cổ các vua chúa đã tế lễ Thượng đế [83] hoặc Thái nhất ở Nam Giao. Năm 123, đời Hán Vũ đế ta thấy Mậu Kỵ 謬忌 người đất Bạc 亳 đã làm sớ tâu xin Hán Vũ đế thờ Thái nhất. Mậu Kỵ tâu rằng Thái nhất trọng hơn chư thần. Ngũ đế chỉ là những cộng sự viên của Thái nhất. [84]

Lịch sử ghi rằng: sáng ngày đông chí năm 113, Vũ đế dùng lễ Giao để tế Thái nhất. [85]

Khảo thư tịch đạo Lão ta lại thấy rằng Ngọc Hoàng Thượng đế thực ra có ba ngôi, tuy danh hiệu khác nhau nhưng đồng một bản thể. [86] Ba ngôi đó là:

(1) Nguyên thủy Thiên tôn, hay Thiên bảo quân, hay Ngọc hoàng ở cung Ngọc thanh.

(2) Linh bảo Thiên tôn hay Linh bảo quân ở cung Thượng thanh.

(3) Thần bảo Thiên tôn hay Lý Lão quân hay Lão tử ở cung Thái thanh.

Linh mục Wieger cho rằng quan niệm «tam vị nhất thể» của đạo Lão này đã được vay mượn của

Thiên chúa giáo, qua trung gian Giáo phái Nestoriens. Giáo phái này có lẽ đã truyền sang Trung Quốc từ đời Đường. Đời Đường, ở Chu Ốc 周 屋 cách Tây Nam Phủ 100 dặm có một dòng tu Nestoriens. Năm 781 họ đã dựng một bi ký, mà gần đây các nhà khảo cổ đã đào được.

Sự giải thích của Wieger mới đầu tưởng hữu lý, nhưng rút cuộc cũng không ổn, vì Nestorius sinh khoảng năm 380, chết khoảng năm 440 công nguyên, mà Lão tử đã được coi như là Thượng đế giáng trần từ thời nhà Hán, ít nhất là từ năm 165 công nguyên, như Lão tử minh đã ghi.

Đọc quyển La Divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han của Anna K. Seidel do École Française d'Extrême Orient xuất bản năm 1969 với những tài liệu chứng minh một cách hết sức hùng hồn, ta liền thấy lập luận của Wieger không đứng vững. Ta nên nhớ đạo Lão bắt đầu thịnh từ thời Hán Vũ đế (140-87 trước công nguyên). Còn giáo phái Nestorianisme chỉ được truyền vào Trung Hoa khoảng năm 635 đời Đường Thái tông. [87] Như vậy muốn hiểu sự kiện «Lão tử được coi là một phân thân của Thượng đế giáng trần» cho đứng đắn, ta phải giải thích như sau:

(1) Xưa nay các thượng trí, thượng nhân đều tin rằng Trời chẳng xa người.

(2) Thiên đạo hay huyền học, chỉ cốt dạy người chân lý thiết yếu ấy.

(3) Thánh nhân, chân nhân là những người đã sống phối kết với Thượng đế, vì thế nên được đồng hóa với Trời. Huyền thoại về Lão tử ở Trung Hoa là một bằng cứ. Huyền thoại về Krishna trong Bhagavad-Gita là một bằng cứ khác. Các nhà huyền học Hồi giáo cũng thường xưng mình là Chân lý, là Thượng đế. Al-Hallaj, một thánh nhân Hồi giáo thường xưng mình là Chân lý, là Trời nên đã bị cầm tù từ năm 915 đến ngày 23 tháng 3 năm 922 thì bị xử tử vì tội dám phối hợp lẫn lộn trời người (confondre le divin et l'humain) gây hoang mang cho mọi người. [88]

Al-Hallaj đã nói: «Ta là đấng ta yêu, Đấng ta yêu là ta. Chúng ta là hai thần trong một xác. Nếu bạn thấy ta bạn sẽ thấy ngài, nếu bạn thấy ngài, bạn sẽ thấy ta.» Ta có thể dịch thành thơ như sau:

Ta cùng với đấng ta yêu,
Hai đàng là một, khôn chiều qua phân.
Một thân mà có hai thần,
Thấy ta, thấy Chúa cũng ngần ấy thôi. [89]

Kỳ lạ thay những lời lẽ này có âm hưởng như lời lẽ trong Phúc âm Jean: «Ai đã thấy ta, tức là thấy Cha. Sao ngươi lại nói rằng: Xin chỉ Cha cho chúng tôi? Ngươi, há không tin rằng ta ở trong Cha và Cha ở trong ta hay sao?» [90]

Sự tháo gỡ những huyền thoại về Lão tử, cho ta trông thấy rõ căn cơ con người, mà Lão tử là một tượng trưng, và định mệnh con người, mà Lão tử là một trong những người đã thực hiện được. Nó cũng giúp ta hiểu rõ nhiều huyền thoại của các đạo giáo thế giới. Bàn cãi rộng hơn cũng không lợi gì thêm. Ta có thể tạm kết thúc bằng một lời trong sách Khải huyền (Apocalypse): «Kẻ nào thắng, ta sẽ cho ngồi với ta trên ngôi ta, như chính ta đã thắng và ngồi với Cha ta trên ngôi Ngài.» [91]

Hàm Cốc Quan: Quan lệnh Doãn Hỉ bái Lão Tử, xin Lão Tử viết quyển Đạo Đức Kinh

II. ĐẠI CƯƠNG ĐẠO ĐỨC KINH

Đạo đức kinh của Lão tử chia làm hai phần:

Thượng kinh gồm ba mươi bảy chương, 2140 chữ, bắt đầu bằng chữ Đạo 道.

Hạ kinh gồm bốn mươi bốn chương (từ chương 38 đến hết chương 81), 2815 chữ, bắt đầu bằng chữ Thượng đức 上 德.

Vì thế nên gọi là Đạo đức kinh 道 德 經. Tổng cộng toàn kinh có tám mươi mốt chương, 4999 chữ.

Đạo đức kinh là một quyển sách nhỏ, nhưng nổi tiếng là khó hiểu xưa nay. Mỗi người bình giải một cách, Tây có, Tàu có, Việt có, không biết cơ man nào là người bình, mà bức màn bí mật nhiều khi vẫn còn nguyên vẹn.

Riêng Lão tử thời cho rằng quyển Đạo đức kinh là một quyển sách dễ hiểu, có mạch lạc. Đạo đức kinh chương 70 viết:

Lời ta dễ biết dễ làm,

Nhưng mà thiên hạ chẳng am chẳng tường.

Lời ta nói có chủ trương,

Việc ta vốn có lối đường chốt then.

Nhưng mà tục tử ngu hèn,

Hiểu ta chẳng nổi chuyện xem thường tình.

Hiểu ta mấy bậc tinh anh,

Ít người hiểu nổi nên danh càng lừng.

Xưa nay các bậc thánh nhân,

Ngọc tàng dưới lớp áo quần xác xơ.

Vậy trước khi đi vào Đạo đức kinh ta phải tìm cho ra những lối đường, những then chốt của Đạo đức

kinh. Trước hết chúng ta sẽ phải ghi nhận rằng Lão tử là một bậc chân nhân đã sống phối kết với Trời.

Theo danh từ châu Âu hiện đại, thì ngài là một nhà huyền học. Nói như vậy, tức là ngài không phải là Thượng đế giáng trần để cứu nhân loại, như người Trung Hoa thời Hán đã suy tôn, mà ngài chính là một con người, nhờ công phu học hỏi, nhờ công phu tu luyện đã liễu đạt được chân tính con người, đã sống phối kết với Thượng đế.

Suy tôn ngài là Thượng đế giáng trần chẳng những một lần mà nhiều lần để cứu nhân loại như Biến hóa kinh chủ trương hay là một con người bất tử đã sang cả Ấn Độ dạy đạo cho đức Phật như Hóa Hồ kinh chủ trương, thực ra cũng chẳng có lợi gì cho chúng ta, vì như vậy chúng ta không có cách nào để tìm cho ra đường lối ngài.

Ngược lại, coi ngài là một người học vấn, vì tu luyện đã tìm ra được chân đạo, đã đạt tới trạng thái cực cao minh linh diệu của con người, sẽ giúp ta hiểu đạo ngài, và giúp ta biết đường theo chân nối gót ngài.

Cát Hồng tiên ông 葛 洪 仙 翁 viết: «Các học giả có óc hẹp hòi đã coi Lão tử như là một người trời siêu xuất quần sinh và khuyên các thế hệ tương lai bắt chước ngài; nhưng làm thế tức là ngăn cản không cho mọi người tin được rằng có thể nhờ học hành mà tìm ra được bí quyết trường sinh bất tử. Thực vậy, nếu Lão tử chỉ là một hiền nhân đã đắc đạo, thì mọi người phải hết sức để theo gương bắt chước ngài. Nhưng nếu ra nói rằng: đó là một nhân vật đặc biệt, có thiên tính thì ta không thể nào bắt chước ngài được nữa.» [92]

A. Lão tử một con người hiếu cổ

Thực ra đức Lão tử không phải là người đầu tiên đã khám phá được Chân đạo, Chân lý. Nhiều người trước ngài đã khám phá và đã thực hiện được Chân đạo, Chân lý. Trong Đạo đức kinh Lão tử nhiều lần đã long trọng tuyên dương đời sống cao siêu của người xưa, những phương châm cao đại của người xưa, mục đích cao đại của người xưa. [93]

Ngài để cả chương 15 để mô tả lại đời sống huyền diệu của các nhà huyền học đời xưa. Ngài viết:

Ai người xưa khuôn theo Đạo cả,
Sống huyền vi rất khó tri tường.
Nay ta gạn ép văn chương,
Hình dung dáng dấp liệu đường phác ra.
Họ e ấp như qua băng tuyết,
Họ ngỡ ngàng như khiếp láng giềng.
Hình dung phong thái trang nghiêm,
Băng tan, tuyết tán như in lạnh lùng.
Họ đầy đặn in chừng mộc mạc,
Nhưng phiêu khinh man mác hang sâu.
Hỗn mang ngỡ nước đục ngầu,
Đục ngầu lắng xuống một mầu trong veo.
Ngỡ ù cạc một chiều an phận,
Nào ai hay sống động khôn lường.

Phù hoa gom góp chẳng màng,

Đã say đạo cả coi thường phù hoa.

Sống ẩn dật không phô thanh thế,

Việc thế gian hồ dễ đổi thay...

Nơi chương 41, ngài viết:

Lời xưa đã từng khi truyền tụng,

Biết đạo thời như vụng như đần.

Tiến lên mà ngỡ lui chân,

Tới bên đạo cả mà thân tưởng hèn, v.v.

Nơi chương 42, ngài nhắc lại một phương châm của người xưa:

Người xưa dạy câu này chí lý,

Ta cũng đem ta chỉ cho đời:

Xin đừng bạo động ai ơi,

Ai mà bạo động chết thôi bạo tàn.

Đó lời «then chốt» ta ban.

Nơi chương 68, ngài viết: «Sống kết hợp với Trời là tuyệt điểm của đời xưa...»

- Liệt tử cho rằng câu: «Cốc thần bất tử, thị vị Huyền tẫn» đã có trong Hoàng đế thư. [94]

- Trang tử cho rằng câu: «Thất Đạo nhi hậu đức... thất nghĩa nhi hậu lễ, v. v.» là lời của Hoàng đế. [95]

- Hàn Phi tử cho rằng câu: «Tương dục hấp chi, tất cố trương chi, v. v.» là lời của Chu thư. [96]

- Các chương 22, 46, 57, 69, 78 đều trích dẫn cổ thư.[97]

Xem như vậy, thì Lão tử:

1. Chuộng cổ nhân.

2. Mộ đạo cổ nhân.

3. Yêu nếp sống thiên nhiên của cổ nhân.

4. Đã đạt tới tinh hoa mà cổ nhân đã đạt.

5. Muốn làm sống lại nếp sống của cổ nhân, về phương diện cá nhân cũng như về phương diện chính trị.

Cũng nên ghi nhận rằng về phương diện hiếu cổ, hoài cổ này Lão tử hoàn toàn giống Khổng tử.

Trong Luận Ngữ, Khổng tử cũng nói:

«Ta trần thuật, chứ không sáng tạo,

Tin cổ nhân mộ đạo cổ nhân.» [98]

Như vậy người xưa phải có cái gì đẹp đẽ, siêu việt cho nên, các thánh hiền sau này mới ra công khai thác, bảo vệ và lưu lại cho hậu thế.

Cái tinh hoa, siêu việt của người xưa là gì?

1. Người xưa sống gần Đạo, gần Trời.

Đã đành không phải người xưa đều có diễm phúc sống gần Đạo, gần Trời, nhưng chắc chắn là đã có một số người đạt được cực điểm tinh hoa đó.

Ngày nay chúng ta gọi họ là những người có «tâm địa ban sơ» nghĩa là những tâm hồn sống kề cận với căn bản, với cốt cách con người. [99]

Đó là những người hãy còn hồn nhiên toàn vẹn, chưa bị pha phôi bởi vọng niệm, tư tâm, kiến văn, kiến thức.

2. Những người xưa ấy sống trong cảnh tĩnh lãng buổi thái sơ, có một tâm thần hồn nhiên tiêu sái; không bị dục vọng cuốn lôi; danh lợi dụ dỗ, họ như sống trên một vùng Đào nguyên, ngoài dòng biến thiên của lịch sử, ngoài sự quay cuồng của hồng trần.

Còn chúng ta ngày nay như là những người đang ở trong một thời kỳ tăm tối, bị đà thời gian lôi cuốn đến nỗi phải điêu đứng hao mòn, không còn cái duyên may là được thường xuyên tiếp xúc với những gì linh thiêng siêu việt như người xưa nữa.

3. Người xưa tóm lại y như sống ngoài sự vận chuyển của thời gian, sống trong trạng thái ban sơ (état primordial), hồn nhiên, toàn mỹ, không bị những tập tục xã hội ràng buộc; không bị những nhà cầm quyền với những luật pháp khắt khe chèn ép.

Lão tử đã gợi lại cuộc đời lý tưởng ấy, và cố gắng giải thoát con người khỏi những thằng thúc do những tập tục, những qui ước của nhân quần xã hội và lịch sử gây nên.[100]

B. Lão tử là một nhà huyền học [101]

Nói Lão tử là một nhà huyền học, nhiều người tưởng như vậy sẽ hạ giá Lão tử. Trái lại, nếu chúng ta hiểu rõ thế nào là huyền học, ta sẽ thấy đó là một huy hiệu rất cao siêu.

Huyền học (mystique) là một danh từ hiện đại tặng dữ cho những ai có một đời sống siêu nhiên mãnh liệt, ý thức như đã tiếp xúc được với luồng quyền lực vô biên củavũ trụ.

Những nhà huyền học là những người:

1. Có tâm thần rất thông minh, tinh tế

2. Nhìn thấy Đạo, thấy Trời nơi tam khảm mình

3. Nhận thức được tấn tuồng biến thiên ảo hóa của vũ trụ cũng như của lịch sử nhân quần.

4. Cố tu luyện, cố thanh lọc tâm thần để đi đến chỗ cao minh linh diệu. [102]

5. Sống phối hợp với Trời, coi mình là hiện thân của Thượng đế.

Các nhà huyền học đông cũng như tây đều tin tưởng rằng sau bức màn hiện tượng biến thiên chất chưởng, còn có một Bản thể siêu việt, tuyệt vời.

Các ngài không biết dùng danh từ gì để mô tả Tuyệt đối thể ấy cho hay, cho xứng, cho nên hoặc là tuyên bố mình bất lực trước Tuyệt đối vô biên ấy, hoặc là dùng những danh từ tiêu cực, mơ hồ để diễn tả, để đề cập đến Tuyệt đối thể ấy.

Các ngài cho rằng con người sinh ra phải tìm cho về được nguồn mạch linh thiêng huyền diệu ấy, và tất cả các sự biến hóa của vũ trụ lúc chung cuộc cũng kết thực trong đại thể vô biên vô tận ấy.

Mà nguồn mạch linh thiêng huyền diệu ấy đã tiềm ẩn ngay trong lòng con người. Con người chỉ việc lắng lòng lại, chỉ việc thu thần định trí, nhìn sâu vào tâm khảm mình sẽ tìm ra được Bản thể siêu việt huyền nhiệm ấy.

Tìm ra được rồi, chỉ việc sống một cuộc đời khiêm cung, giản dị, hồn nhiên, tiêu sái, hạnh phúc.

Từ nay không còn lo âu, không còn háo hức, vì biết rằng ngoại cảnh chẳng qua chỉ là những tấn tuồng phù du hư ảo. Từ nay sẽ thoải mái, hạnh phúc vì biết rằng mình đã nắm giữ được một cái gì quí báu nhất, linh thiêng nhất trần gian.

C. Toát lược Đạo Đức kinh

Trong quyển Đạo Đức kinh tất cả tư tưởng của Lão tử đều xoay quanh mấy vấn đề then chốt đó.

(a). Thoạt đầu sách, Lão tử đã đề cập đến Đạo. Chữ Đạo đây phải được hiểu là Tuyệt đối thể bất khả tư nghị, vô biên tế, là căn cơ, là nguồn gốc muôn loài.

Ngoài chương đầu sách, Lão tử còn đề cập đến Đạo, đến tính chất của Đạo, đến quyền năng của Đạo ở các chương: 4, 14, 21, 25, 32, 34, 51.

(b). Còn chữ Đức phải được hiểu là sự hiển dương của Đạo. [103] Thánh nhân chính là sự hiển dương tuyệt vời của Đạo, cho nên cũng được gọi là Thượng đức 上 德 nơi đầu chương 38, tức là chương đầu của Hạ kinh.

(c). Sau khi đã hiểu Đạo là bản thể của vũ trụ, là trục cốt của vũ trụ, thì những sự biến thiên bên ngoài đều được coi là tương đối không mấy đáng cho ta quan tâm (Xem các chương 2 và 36). Mục đích của cuộc biến hóa chính là sự trở về hiệp nhất với Đạo (chương 42).

(d). Thánh nhân là những người lãnh hội được đạo thể, thực hiện được đạo thể nơi mình, nên không ra khỏi nhà mà vẫn thấu suốt thiên hạ sự (chương 47). Các ngài sống khiêm cung đơn sơ, hồn nhiên, tiêu sái, phối hợp với trời, treo gương sáng cho đời, sống giữa hồng trần mà chẳng vương tục lụy, chẳng để cho vinh nhục lợi danh và những thú vui giác quan làm tản lạc tâm thần, mờ ám lương tâm (Xem các chương 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 26, 27, 28, 29, 30, 33, 34, 35, 37, 38, 41, 44, 45, 47, 48, 49, 50, 55, 63, 64, 66, 67, 71, 72, 79, 81).

(e). Nguyện ước của Lão tử là muốn cho mọi người đắc Nhất, đắc đạo, để trần hoàn này sống trong thanh bình hoan lạc (các chương 39 và 46).

Chương 53, ngài viết:

Đạo trời tu dưỡng nơi mình,
Trước sau ắt sẽ tinh thành chẳng sai.
Gia đình tu đạo hôm mai,
Đức Trời ắt sẽ láng lai tràn trề.
Đạo Trời giãi sáng làng quê,
Đức Trời ân cũng thêm bề quang hoa.
Đạo Trời rạng chiếu quốc gia,
Đức Trời lai láng tuôn ra vô ngần.
Đạo Trời soi khắp gian trần,

Đức Trời âu sẽ muôn phần mênh mang...

(f). Con đường tu luyện của ngài rất là giản dị:

- Không tập thở, tập hít,
- Không cần tư thế ngồi thiền,
- Không cầu trường sinh bất tử cho thân xác.
- Không nấu thuốc luyện đơn, cũng không cầu linh chi, linh thảo, tuyệt thực, tuyệt cốc.

Nơi chương 30, ngài viết:

Người đức cả coi thường tục đức,
Thế cho nên thơm phức hương nhân.
Phàm phu nệ đức phàm trần,
Cho nên xơ xác thêm phần xác xơ.
Người đức cả vô vi khinh khoát,
Người phàm phu lao tác tây đông.
Người nhân dạ ít đèo bòng,
Con người nghĩa khí kể công kể giờ.
Con người nghi lễ so đo,
Làm chưa thấy ứng, nhỏ to bất bình.

Nơi chương 48, ngài viết:

«Học nhiều càng lắm rườm rà,
Càng gần Đạo cả càng ra đơn thuần.
Giản phân, rồi lại giản phân,
Tần phiên rũ sạch còn trần vô vi.
Vô vi huyền diệu khôn bì,
Không làm mà chẳng việc chi không làm.
Vô vi mà được thế gian,
Càng xoay xở lắm đời càng rối beng.»[104]

Nơi chương 52, ngài viết:

Âm thầm ấp ủ tấc son,
Một đời trần cấu chẳng mòn mỏi ai.
Mặc ai đày đọa hình hài,
Một đời tất tưởi phí hoài tấm thân.
Quang minh là thấu vi phân,
Cương cường là biết giữ phần mềm non.
Hãy dùng ánh sáng ngàn muôn,
Đem về soi tỏ gốc nguồn chói chang.

Thế là thoát mọi tai ương,

Thế là biết sống cửu trường vô biên.

(g). Lão tử rất ghét hình thức bên ngoài. Nơi chương 38, ngài viết:

Hễ Đạo mất, nặng tình với Đức,

Đức không còn lục tục theo nhân.

Hết nhân, có nghĩa theo chân,

Nghĩa không còn nữa thấy thuần lễ nghi.

Nên nghi lễ là chi khinh bạc,

Cũng là mầm loạn lạc chia ly.

Bề ngoài rực rỡ uy nghi,

Bề trong tăm tối, ngu si, ngỡ ngàng.

Nên quân tử chỉ ưa đầy đặn,

Chứ không ưa hào nháng phong phanh.

Chỉ cần thực chất cho tinh,

Không cần bóng bẩy lung linh bên ngoài.

Bắc cân khinh trọng cho tài.

Biết đường ôm ấp, biết bài dễ xuôi.

(h). Về phương diện chính trị, Lão tử chủ trương:

- Không làm khổ dân, không vẽ chuyện (các chương 3, 17, 29, 75).

- Tránh chiến tranh (chương 30).

- Không sùng thượng chiến tướng (chương 31).

- Để cho dân sống hồn nhiên, không kích thích lòng tham của dân (các chương 17, 65).

- Ngài mơ ước các nước trong thiên hạ đều nhỏ như những làng xóm, gần nhau đến nỗi gà kêu chó cắn đều nghe thấy; mà rất xa nhau, vì chẳng ai muốn tới nước của nhau.

Khảo Trang Tử, ta thấy quan niệm của Lão tử cũng như của Trang tử là phục hồi lại thời hoàng kim của các vua Phục Hi, Thần Nông, Hoàng đế, Chúc Dung, v.v. khi ấy dân còn sống trong những bộ lạc rất nhỏ, còn hồn nhiên chưa biết chữ nghĩa luật pháp, nhưng sống sung sướng trong thanh bình thịnh trị.

Trang Tử viết: «Xưa vào thời Dung Thành... Hoàng đế Chúc Dung, Phục Hi, Hoàng đế, dân mới biết kết giây để nhớ việc. Họ cho cơm của họ là ngon, áo của họ là đẹp, phong tục của họ là hay, nhà của họ là yên ổn. Các nước láng giềng nhìn thấy nhau, nghe thấy tiếng gà kêu chó cắn của nước cạnh, mà dân đến chết cũng chẳng đi đâu. Thế mà thời ấy dân lại thịnh trị.» [105]

Như vậy về phương diện chính trị, Lão tử cũng không nêu được ra quan niệm gì mới mà chỉ muốn làm sống lại khung cảnh thời hoàng kim xa xưa.

Thời Hán Vũ Đế, Cấp Ám đã áp dụng những tôn chỉ đạo Lão vào nghệ thuật trị dân. Ông không can thiệp vào đời sống của dân, chỉ để ý đến đại cương không đi vào chi tiết.

Một hôm Cấp Ám trách Hán Vũ Đế: «Bệ hạ có nhiều dục vọng quá, mà bề ngoài làm ra vẻ thi nhân nghĩa, như vậy làm sao mà có thể bắt chước Nghiêu, Thuấn được? Ngày xưa Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang,

Văn, Vũ không có dục vọng. Chỉ có những minh quân thánh đế mới vô dục. Còn các bậc quân vương khác đều lệ thuộc dục tình, như là rượu chè, sắc dục, tiền tài cung thất, hoặc ngao du, săn bắn, hoặc nuôi chó nuôi ngựa; hoặc mê văn chương; hoặc mê võ nghiệp; hoặc lo chinh phạt, chiếm đất đai; hoặc mê say Phật, Lão. Những dục vọng ấy tuy tác hại nhiều, ít khác nhau, nhưng chung qui đều làm tản mạn tâm thần, và làm sai lạc chính lý. Những bậc quân vương như vậy, mà lại gượng ép thi hành nhân nghĩa thì làm sao có thể cảm lòng dân được. Xưa muốn làm cho người khác trở nên hay, nhà vua trước phải sửa mình. Mà muốn sửa mình, trước hết phải bớt ham muốn. Một tâm hồn bớt ham muốn sẽ hư linh, và thiện sẽ nhập, khí sẽ bình, lý sẽ thắng, cho nên bất kỳ hành động nào cũng hợp lý, cũng tốt đẹp. Nghiêu Thuấn trị dân âu cũng không ngoài những nguyên tắc ấy.»[106]

Những lời lẽ của Cấp Ám, làm ta hiểu rõ những nguyên tắc trị dân của đạo Lão. Một vua tham sắc, tham tài, tham danh, tham lợi, sẽ làm cho muôn dân khổ cực. Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý trường thành, Hốt Tất Liệt với mộng xâm lăng, Trụ Vương với lòng hiếu sắc cho dân gặp biết bao điêu đứng. Nhiều vị vua nước Tàu đã tôn trọng chủ nghĩa vô vi, nên trên chỗ ngai vàng đã treo hai chữ Vô vi thật lớn. [107]

(i). Trong Đạo Đức kinh, Lão tử đề cao Vô vi (xem các chương 3, 10, 37, 38; 43; 48; 63; v. v.) và muốn đem chủ trương vô vi vừa vào công cuộc tu thân, vừa vào công cuộc trị dân.

Vô vi về phương diện tu thân, dĩ nhiên không phải là sống nhàn cư vô sự, mà chính là sống một cuộc đời cao siêu, huyền hóa với Trời. Liệt tử định nghĩa «vô vi» là hoạt động siêu việt.»[108] Trang tử định nghĩa «vô vi» là hoạt động của Trời. [109]

Thái Thượng xích văn đổng cổ kinh viết: «Mọi việc hữu vi đều do vô vi mà ra, có vô vi thần mới trở về.» [110]

(Hữu vi sinh tự vô vi,

Vô vi, thần sẽ hồi qui vẹn toàn.)

Vô vi về phương diện chính trị, là cảm hóa dân bằng thần uy, thần lực của mình, chứ không phải là vô cớ làm phiền dân, bắt dân hi sinh để thực hiện những tham vọng của mình.

III. TỔNG LUẬN

Những bài học Lão tử cho ta về phương diện tu thân, cũng như về phương diện chính trị, tuy giản dị nhưng rất cao siêu, và rất khó thực hiện. Đó là một lý tưởng cho cá nhân cũng như nhân quần phải vươn lên. Có lẽ đến thời hoàng kim mai hậu nhân loại mới thực thi được. Ước gì học Đạo Đức kinh xong chúng ta sẽ:

Thảnh thơi, ta sống thảnh thơi,

Đời ta chẳng chút lôi thôi tần phiền.

Đời ta thơm phức hương tiên,

Bao nài lớn nhỏ, sá xem ít nhiều.

Cởi giây thù oán chẳng đeo,

Ta đem đức độ đổi điều gian ngoan.

Khó gì ta cũng cứ làm,

Bắt đầu từ dễ ta sang khó dần.

To gì ta cũng không cần,

Bắt đầu từ nhỏ, ta vần sang to.

Đời người vạn sự gay go,

Đều từ dễ dãi lần mò mãi ra.

Những điều cao đại xưa giờ,

Đều từ nhỏ nhặt đem vo cho thành.

Cho nên những bậc tinh anh;

Chẳng cần lớn lối vẫn dành cao sang.

Những ai hứa hẹn muôn ngàn,

Tình xuông rồi sẽ bẽ bàng đơn sai.

Những ai khinh thị cuộc đời,

Càng ngờ dễ dãi, càng ngời khó khăn.

Cho nên những bậc thánh nhân,

Biết e cái khó, khó khăn chừa người.

(ĐĐK, chương 63)

CHÚ THÍCH

[1] Âm phù kinh 陰 符 經: Thiên tính nhân dã, nhân tâm cơ dã. Lập thiên chi đạo dĩ định nhân dã 天 性, 人 也 . 人 心, 機 也 . 立 天 之 道 以 定 人 也.

[2] Thế tức là chay lòng (tâm trai 心 齋) chứ không phải là chay bụng (nhịn ăn uống).

[3] Ngọc đỉnh chính tại não trung tâm. 玉 鼎 正 在 腦 中 心. Tính mệnh pháp quyết 性 命 法 訣, quyển 2, tr. 1b.

[4] Hỏa hầu 火 候 có nhiều nghĩa: (1) Khí hô hấp; (2) Chân tức 真 息 ; (3) Khí 氣; (4) Thần 神. Tôi tóm tắt bằng một câu: Chí khí nghị lực. Cf. Trúc cơ tham chứng 筑 基 參 證, tr. 189-190; Thiên tiên chính lý 天 仙 正 理, tr. 27-28.

[5] Tâm giả tư lự chi tổng xưng dã. Đại đạo dĩ vô tâm vi thể, vong ngôn vi dụng. Tâm bất trì tắc tính định. Hình bất lao, tắc tinh toàn; thần bất nhiễu tắc đan kết. 心 者 思 慮 之 總 稱 也. 大 道 以 無 心 為 體. 忘 言 為 用. 心 不 馳 則 性 定. 形 不 勞. 則 精 全. 神 不 擾 則 丹 結.

[6] Textes historiques I, pp. 218, 222.

Textes historiques I, p. 459.

Textes historiques I, p. 446.

[7] Léon Wieger, Taoïsme, Tome I, Bibliographie générale, p. 26.

[8] Léon Wieger, Taoïsme, Tome I, Bibliographie générale, p. 26.

[9] Textes historiques. Tome I, p. 475-476.

[10] ... Nhất nhật hữu vũ sĩ tạo môn tương yết. Đức Tụ thiết trai cung dưỡng, khấu vấn Nguyên môn diệu

chỉ. Vũ sĩ viết: Tâm tức thị Đạo, Đạo tức thị Tâm. Tâm dữ Đạo ly, tắc nhập lục đạo, tam đồ. Tâm dữ Đạo hợp tắc tạo Bồng lai, Tam đảo. Địa ngục thiên đường chỉ tranh thử nhất niệm nhĩ. Nhược phu giảng bạch vân hoàng nha, sản anh nhi, xá nữ, vô luận vạn bất năng thành... chung thành vọng mai chỉ khát, họa bính sung cơ... 一 日 有 羽 士 造 門 相 謁. 德 聚 設 齋 供 養. 叩 問 元 (玄) 門 妙 旨. 羽 士 曰. 心 即 是 道. 道 即 是 心. 心 與 道 離. 則 入 六 道. 三 途. 心 與 道 合,則 造 蓬 萊. 三 島. 地 獄 天 堂 只 爭 此 一 念 耳. 若 夫 講 白 雲 黃 芽. 產 嬰 兒. 奼 女. 無 論 萬 不 能 成... 終 成 望 梅 止 渴. 畫 餅 充 饑 ... Thái thượng bảo phiệt đồ thuyết 太 上 寶 筏 圖 說 , tr. 16a.

[11] Vũ lưu 羽 流: thuật ngữ Đạo giáo, nói chung những thuật sĩ, người tu tiên luyện đan; cũng gọi là vũ sĩ 羽 士 (kẻ mặc áo lông hạc).

[12] Thái thượng bảo phiệt đồ thuyết 太 上 寶 筏 圖 說, tr. 15b.

[13] Xem Henri Maspero, Le Taoïsme, p. 138.

[14] Textes historiques 2, p. 1498.

[15] Textes historiques 2, p. 1592-1593.

[16] Mạnh tử, Ly lâu chương cú hạ 孟 子 離 婁 章 句 下, 1.

[17] Henri Maspero, Le Taoïsme, Tome II, p. 232. Zhuangzi (Trang tử), section 27, p. 451.

[18] Maspero, Le Taoïsme, Tome II, p. 232 - 233. Zhuangzi (Trang tử), section 6, p. 255.

[19] Henri Maspero, Le Taoïsme, Tome II, chương Chez Laozi et Zhuangzi, Le Saint et la vie mystique, p. 227- 242.

[20] Jean Grenier, L'Esprit du Tao, p. 217.

[21] Năm 1941 ông M. H. Dubs dựa vào Sử ký Tư Mã Thiên 史 記 司 馬 遷, và Chiến quốc sách 戰 國 策 để quyết đoán như vậy. Lý do là vì Sử ký Tư Mã Thiên có ghi: Con đức Lão tử tên là Tông 宗, làm tướng nước Ngụy 魏 ở Đoạn Can 段 干. Mặt khác Chiến quốc sách ghi là Sùng 崇, đã ký hòa ước với Tấn năm 237 trước CN. Như vậy thì Lão tử phải sống khoảng năm 300. Xem Anna K. Seidel, La divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han, p. 11.

[22] Xem Nam hoa kinh, chương 3 đoạn C. ; Wieger, Les Pères du système Taoïste, p. 229.

[23] Textes historiques, p. 1420. Henri Doré, Variétés sinologiques, No 66, Chap. I, art. IX: La Conversion des Ho (Le Hoa Hou King).

[24] Trong quyển Variétés sinologiques, No 66, Linh mục Henri Doré đã khảo về Lão tử và đạo Lão. Ngài cho chúng ta một tiểu sử hết sức là phong phú. Tôi không lấy tài liệu trong đó, nhưng khuyên độc giả nên đọc thêm quyển sách giá trị đó.

[25] Sự tích Khổng tử tới vấn lễ Lão tử cũng được ghi nơi: Khổng tử thế gia 孔 子 世 家; Lễ ký Tăng tử vấn 禮 記 曾 子 問; Trang tử, 莊 子Nam hoa kinh 南 華 經, Ngoại vật thiên 外 物 篇 và Thiên vận 天 運, đoạn F; Đại Đới ký, Tăng Tử chế ngôn thượng. (Xem Tưởng Bá Tiềm, Chư tử thông khảo 諸 子 通 考, tr. 169).

[26] Có tiểu sử khác đọc là Lại 賴.

[27] Có sách cho rằng Khổ huyện trước thuộc nước Trần, sau mới thuộc nước Sở.

[28] Trong Lễ ký 禮 記 nơi thiên Tăng tử vấn 曾 子 問 có ghi nhận Lão tử đã dạy Khổng tử về tang lễ, táng lễ (xem Couvreur, Li Ki, t. 1, pp. 434-435, 457-459, 460, 461, 463). Trong Khổng tử gia ngữ 孔 子 家 語, chương 3, tr. 1a, đức Khổng nhận đức Lão tử đã dạy ngài về nguồn gốc lễ, nhạc.

[29] Tư Mã Thiên coi Lão tử là một ẩn sĩ, là một hiền triết. Đúng với luận điệu của một sử gia ông không quyết Lão tử đã sống lâu, mà chỉ nói «Có người cho rằng Lão tử biết cách tu dưỡng nên đã thọ 160 hay 200 tuổi.» Tư Mã Thiên kể con cháu của Lão tử cho đến mãi đời ông (Tư Mã Thiên sống khoảng 145 đến 86 trước công nguyên) để tỏ ra ông viết chính xác.

[30] Phỏng theo bản đồ: Lão tử cổ tích đồ 老 子 古 跡 圖 trong Trương Kỳ Quân 張 其 昀, Trung Hoa ngũ thiên niên sử 中 華 五 千 年 史, quyển 3, tr. 198.

[31] Bia này do Biên Thiều 邊 韶, quan cai xứ Trần 時 陳 khắc ngày Giáp tí năm Diên Hi 延 熹 thứ 8 (24. 9. 165) đời vua Hán Hoàn đế 漢 桓 帝 (147-168) và được dựng tại đền thờ Lão tử, tại Khổ huyện. Có thể chia Lão tử minh thành bốn phần:

1. Đời sống gian trần của Lão tử
2. Tín ngưỡng của những người theo đạo Lão. Họ coi:
   – Lão tử là Thượng đế có trước đất trời.
   – Lão tử là chẩn nhân đắc đạo.
   – Lão tử đem đạo dạy người.
3. Trong trường hợp nào đã khắc bia này.
4. Bi ký thực sự.

Ghi chú: Ta thấy văn chương của bi ký này lắm đoạn rất tầm thường.

[32] Ban Cố 班 固sinh năm 32 chết năm 92 công nguyên, đời Hán Minh đế 漢 明 帝.

[33] 24 tháng 9 năm 165 công nguyên.

[34] Hoàng đế 黃 帝 (Hiên Viên).

[35] Lão tử biến hóa kinh. (Manuscrit de Touen hoang MS. Stein Londres) 2295, do Vương Trù 王 儔 chép và được một đạo sĩ ở Huyền Đô xem lại. Ngày 14 tháng 8 âm lịch, năm Đại Nghiệp thứ 8 đời Tùy Dương đế (605-618) tức là ngày 14. 9. 612 Công nguyên. Bản kinh này viết rất khó hiểu, nhiều khúc lại mất. Ông M. Yosioka và ông M. Obuchi có đề cập bản kinh này nhưng không sửa lại. A. K. Seidel đã lược dịch trong sách La divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han (tr. 60-73). Bản văn cũng được chụp lại nơi cuốn sách trích dẫn. Đây tôi cũng chỉ dịch thoát nghĩa đại khái mà thôi.

[36] Quan hồ hỗn hợp chi vị biệt 觀 乎 混 合 之 未 別.

[37] Khuy thanh trọc chi vị phân 窺 清 濁 之 未 分.

[38] Hoảng hốt thanh trọc 慌 忽 清 濁.

[39] Phương khẩu hậu thần 方 口 厚 唇.

[40] Kiên ngạch hữu tam ngũ đại lý 肩 額 有 三 五 大 理.

[41] Túc đạo 足 蹈.

[42] Thủ bả thập văn 手 把 十 文.

[43] Đào dã hư vô 陶 冶 虛 無.

[44] Khâm đới bát cực 衿 帶 八 極.

[45] Thiên phúc địa tải 天 覆 地 載.

[46] Hô hấp lục giáp 呼 吸 六 甲.

[47] Xá ngự Kiền Khôn 吒 御 乾 坤.

[48] Thủ bả tích trượng 手 把 錫 杖.

[49] Nguyên văn là chữ 槃.

[50] Anna K. Seidel chữa thành chữ bàn 槃 có bộ nạch 疒.

[51] Nguyên văn là chữ thế 世.

[52] Câu 29 này đại khái nói: phải mất hai mươi chín ngày hay một tháng mới thực hành được «sinh đạo» 生 道 của Lão tử.

[53] Thời Phục Hi 伏 羲 ngài tên Ôn Sảng tử 溫 爽 子.

[54] Thời Thần Nông 神 農, ngài tên Xuân Thành tử 春 成 子 hay Trần Dự 陳 豫.

[55] Thời Chúc Dung 祝 融 , ngài tên Quảng Thành tử 廣 成 子.

[56] Thời Chuyên Húc 顓 頊 ngài tên Xích Tinh tử 赤 精 子.

[57] Thời Đế Cốc 帝 嚳 ngài tên Chân tử 真 子.

[58] Thời Hoàng đế 黃 帝 ngài tên Thiên Lão 天 老.

[59] Thời Nghiêu 堯 ngài tên Mậu Thành tử 茂 成 子 .

[60] Thời Thuấn 舜 ngài tên Khoách Thúc tử 廓 叔 子.

[61] Thời vua Vũ 禹 nhà Hạ 夏, ngài tên Lý Nhĩ 李 耳.

[62] Thời vua Thang 湯 nhà Ân 殷 ngài tên Tư Cung 斯 宮.

[63] Thời vua Văn 文 nhà Chu 周 ngài giữ chức «Tiên vương quốc trụ hạ sử.» 先 王 國 柱 下 吏.

[64] Đời Võ vương 武 王 ngài tên Vệ Thành tử 衛 成 子.

[65] Đời Thành vương 成 王 ngài tên Thành tử 成 子.

[66] Năm Nguyên Khang 元 康 thứ 5 (đời Khang Vương năm 1075).

[67] Thời Tần 秦 tên ngài là Kiển Thúc tử 蹇 叔 子.

[68] Thời Đại Hồ 大 胡, tên ngài là Phù Khánh quân 浮 慶 君.

[69] Thời Hán, tên ngài Vương Phương Bình 王 方 平.

[70] Năm Dương Gia 陽 加 thứ 4 (132 công nguyên) ngài hiện ra ở Thành Đô 成 都, trên núi Biển Tước Minh 鳙 爵 鳴 山.

[71] Năm Kiến Khang nguyên niên 建 康 元 年 (144 công nguyên) ngài biến hóa trên núi Bạch Lộc 白 鹿 .

[72] Năm Thái Sơ nguyên niên 太 初 元 年 (146 công nguyên) ngài hiện ra ở đền Bạch Lộc, tên ngài là Trọng Y 仲 伊 .

[73] Năm Kiến Hòa 建 和 thứ 2 (148 công nguyên) ngài hiện ra nơi cửa đông Thành đô 城 都.

[74] Năm Vĩnh Thọ nguyên niên 永 壽 元 年 (155 công nguyên) ngài hiện ra trên núi Bạch Lộc 白 鹿 xưng là Bộc Nhân đại hiền 僕 人 大 賢.

[75] Ba mươi năm sau người ta dựng miếu tại núi Bạch Lộc thờ ngài và xưng ngài là Thiên Phó.

[76] Suivant quelques-uns, sa mère le porta 72 ans; quand il naquit il sortit en fendant le côté de gauche de sa mère. Il avait la tête blanche à sa naissance: C'est pourquoi on l'appelle Lao Tseu. (Cf. Thần Tiên Luận, k1, 1b). Xem Henri Maspero, Le Taoïsme, p. 177.

[77] Lão tử ly hợp ư Hỗn độn chi khí, dữ tam quang vi chung thủy. 老 子 離 合 於 混 沌 之 氣, 與 三 光 為 終 始 (Lão tử minh, đoạn 2).

[78] Vân: Tiên thiên địa nhi sinh, nãi thủ chân, cưỡng thọ, hoạch ngũ phúc chi sở trí dã. 云 先 天 地 而 生, 乃 守 真 養 壽, 獲 五 福 之 所 致 也 (Lão tử minh, đoạn 3).

[79] Il établit le Grand Commencement, Il circule dans la Grande Origine. Il contemple le chaos primordial avant son ouverture, il est en harmonie hors de la distinction du pur et du trouble. (Lão tử biến hóa kinh, câu 1 và 2, bản dịch của Anna K. Seidel, trong Anna K. Seidel, La divinisation de Lao Tseu dans le Taoïsme des Han, p. 61. Trong quyển Tiếu đạo luận 笑 道 論 của Chân Loan 甄 鸞(570 cn) cũng ghi: Lão tử đã phân thân để sinh xuất vạn hữu, y như Bàn Cổ. (LaoTseu transforma son corps. Son œil gauche devint le soleil, son œil droit devint la lune, sa tête devint le mont K'ouenlouen, sa barbe devint les planètes et les mansions; ses os devinrent les dragons; sa chair devint les quadrupèdes, ses intestins devinrent les serpents; son ventre devint la mer; ses doigts devinrent les Cinq Pics; ses poils devinrent les arbres et les herbes, son cœur devint (la constellation du) Dais-Fleuri; et ses deux reins, s'unissant, devinrent le Père et la Mère du Réel On Zhenyao fumu 真 要 父 母 (Chân yếu phụ mẫu) H. Maspero, Le Taoïsme, p. 108).

[80] Il vit longtemps et ne meurt pas, il ne fait qu'anéantir sa forme. Lão tử biến hóa kinh, câu 23, bản dịch.

[81] Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. 天 地 與 我 並 生, 而 萬 物 與 我 為 一 Nam Hoa kinh, chương 2, đoạn E.

[82] Matt. 22, 42-45; Marc 12, 35-37; Luc 20, 41-44.

[83] Kinh thư, Nghiêu điển, Thuấn điển.

[84] Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 445.

[85] Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 457.

[86] Tam hiệu tuy thù, bản đồng nhất dã. 三 號 雖 殊, 本 同 一 也 Wieger, Taoïsme, Tome I, p. 20.

[87] Wieger, Textes historiques, Tome II, p. 1329.

Trong quyển Thăng huyền kinh 昇 玄 經 viết khoảng thế kỷ thứ 3 hay thứ 4 công nguyên cũng đã đề cập vấn đề «Tam vị nhất thể». Maspero dịch như sau: L'immortel Dou Ziming 竇子明 (Đậu Tử Minh) demanda: «Bien que j'observe respectueusement la pratique de «garder» les Trois Uns, je n'ai jamais pu comprendre. Je souhaite que vous me l'expliquiez, pour que désormais je l'étudie et puisse connaître l'essentiel. Le maître de la Loi dit: Les Trois Uns, c'est juste Un seulement. (C'est parce que) dans les trois lieux (différents où il réside) on lui donne des noms (différents) qu'on appelle les Trois Uns» 三 一 (Tam Nhất). H. Maspero, Le Taoïsme, p. 140)

[88] Cf. Henri Corbins, Histoire de la Philosophye islamique, p. 277.

[89] Je suis celui que j'aime, et celui que j'aime est moi.

Nous sommes deux esprits infus en un seul corps.

Si tu me vois, tu le vois; et si tu le vois, tu me vois.

(Le divin Al Hallaj, ed. Massignon, p. 57; Marijan Molé, Les Mystiques musulmans, p. 70)

[90] Jean 14, 9-10.

[91] Apocalypse 3, 21.

[92] La Voie rationnelle, p. 9. Nguyễn Văn Thọ, Le Comte de Noüy và học thuyết Viễn đích, p. 331-332.

[93] Trương kỳ Quân 張 其 昀, Trung Hoa ngũ thiên niên sử 中 華 五 千 年 史 , quyển 3, nơi chương nói về Lão tử cũng chủ trương như tôi. Ông đưa ra chín chứng cớ tất cả để chứng minh trong khi viết Đạo đức kinh, Lão tử đã tham bác các tác phẩm, các học thuyết của người xưa, nhất là của Sử Dật 史 佚.

[94] Xem Lão tử ĐĐK chương 6. Liệt tử 列 子, Xung Hư Chân Kinh 沖 虛 真 經, Thiên đoan 天 端 (chương 1), B.

[95] Xem Trang tử, Nam Hoa kinh 南 華 經, chương 22, A. Đạo Đức kinh, chương 38.

[96] Xem Hàn Phi tử 韓 非 子, Thuyết lâm 說 林. Xem Trung Hoa ngũ thiên niên sử 中 華 五 千 年 史, quyển 3, tr. 199. ĐĐK 77. Xem Lão tử ĐĐK, chương 36.

[97] Xem Trung Hoa ngũ thiên niên sử, quyển 3, tr. 199. Xem J. Legge, The Texts of Taoism, p. 47.

[98] Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ. 述 而 不 作, 信 而 好 古 Luận Ngữ 論 語 chương Thuật nhi 述 而.

[99] Dans un article publié il y a quelques annés par Clémence Ramnoux dans Psychanalyse, cette équivalence entre archaðque et primitif apparaissait déjà nettement et cela grâce à la médiation de la notion de subconscient: l'archaðsme y est considéré comme une structure permanente de l'esprit humain, plus accentuée dans les sociétés dites primitives et qui tiendrait à l'influence exercée par le système préconscient. L'archaðque ne serait pas seulement ce qui est avant nous, mais aussi ce qui est au fond de nous et que nous avons oublié... (Cf. Critique Mars 1961, No. 166, p. 251) Xem Nguyễn Văn Thọ, Chân dung Khổng tử, tr. 164.

[100] Người xưa đây nên hiểu là những người sống vào thời đại Phục Hi, Thần Nông, Hoàng đế hay trước

nữa. Đối với Khổng tử thì người xưa là thời Nghiêu Thuấn, Vũõ, Thang, Văn Vũ. Hai đằng như vậy chênh nhau ít là 500 hay 1000 năm.

[101] Người Âu châu gọi là huyền học. Người Á châu gọi là thánh nhân, chân nhân, tiên nhân, hay thiên nhân. Các nhà huyền học đông tây đều có và ngôn ngữ, hành vi đều giống nhau, bất phân đạo giáo. Trương kỳ Quân, trong quyển Trung Hoa ngũ thiên niên sử (tập 3, tr. 207) giải Huyền học là Thiên học, Thiên đạo, hay Hình Nhi thượng học.

[102] Mais la conversion n'est que l'entrée dans la vie mystique. Celui qui veut la suivre jusqu'au bout, doit passer per une longue phase de purification, la voie purgative des Chrétiens que Tchouang tseu appelle le Jène du Cœur xinzhai (tâm trai 心 齋), l'opposant au jène du sacrifice: ainsi les mystiques musulmans opposent à la purification rituelle extérieure du corps, la purification de l'âme et Shibli raconte qu'un jour qu'il venait de faire des ablutions pour aller à la mosquée, il entendit une voix qui lui criait: «Tu as lavé ton extérieur, mais où est ta pureté intérieure.» (Henri Maspero, Le Taoïsme, p. 234)

[103] Đạo tán chi vi đức. Đức vi Đạo chi kỷ dã 道 散 之 為 德, 德 為 道 之 紀 也 . Xem chương 14 Đạo Đức kinh và lời bình của Wieger; xem chương 51.

[104] «Lao Tzeu et Tchouang Tzeu surtout étaient en marge de la religion dans ce qu'elle avait de magique. C'est qu'il ne cherchait pas les moyens d'échapper à la mort, mais d'échapper à la transformation (Houa) 化, c'est à dire toutes les formes d'être diverses créées perpétuellement par le tao. Le but sera donc pour l'individu de s'unir au tao indifférencié tout en gardant d'une manière mystérieuse, sa personnalité. L'extase, chez les Pères, sera d'abord un moyen de participer à l'immortalité du tao, raccourci qui évite les fastidieuses pratique de la religion populaire, puis un but en elle-même, avec les joies supérieures qu'elle comporte.» Jean Grenier, L'Esprit du Tao, p. 170.

[105] Nam Hoa kinh, chương 10, câu D. Lão tử ĐĐK, chương 80.

[106] Cố nhân quân mạc đại hồ tu thân. Nhi tu thân mạc thiên hồ quả dục. Dục thành bất hành, tắc tâm hư nhi thiện nhập, khí bình nhi lý thắng, động vô phi lý, sự vô bất thiện. Đường ngu chi trị, bất việt hồ thử 故 人 君 莫 大 乎 修 身. 而 修 身 莫 善 乎 寡 欲. 欲 誠 不 行, 則 心 虛 而 善 入, 氣 平 而 理 勝, 動 無 非 理, 事 無 不 善. 唐 虞 之 治, 不 越 乎 此. Textes historiques I, p. 431 - 432.

[107] Et encore dans les derniers temps de la Chine impériale, l'on voyait au-dessus du thrône de l'empereur, tournée vers le Sud une inscription sur un grand tableau en laque portant les deux caractères: Wou Wei (J. J. Duyvendak, The Philosophy of Wu Wei, «Asiatische Studien», No. 3, 4/ 1947 (Berne) Jean Grenier, L'esprit du Tao, p. 138.

[108] Chí ngôn khứ ngôn, chí vi vô vi 至 言 去 言, 至 為 無 為. Liệt tử, chương 8, 4, chương 3, J.

[109] Đạo hữu thiên đạo, hữu nhân đạo, vô vi nhi tập giả, thiên đạo dã. Hữu vi nhi ti giả, nhân đạo dã 道 有 天 道, 有 人 道, 無 為 而 尊 者, 天 道 也 Nam Hoa kinh, chương 11, F.

[110] Hữu vi chi vi xuất ư vô vi. Vô vi tắc thần qui. 有 為 而 卑 者, 人 道 也 有 為 之 為 出 於 無 為 無 為 則 神 歸. Thái Thượng xích văn đổng cổ kinh chú, tr. 1a.

» mục lục » bình dịch

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

Thượng Kinh

ĐẠO KINH

上 經 • 道 經

CHƯƠNG I

THỂ ĐẠO [1]

體 道

Hán văn:

道 可 道 非 常 道. 名 可 名 非 常 名. 無 名 天 地 之 始; 有 名 萬 物 之 母. 故 常 無 欲 以 觀 其 妙; 常 有 欲, 以 觀 其 徼. 此 兩 者 同 出 而 異 名. 同 謂 之 玄. 玄 之 又 玄. 眾 妙 之 門.

Phiên âm:

1. Đạo khả đạo phi thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh.

2. Vô danh thiên địa chi thủy; Hữu danh vạn vật chi mẫu.

3. Cố thường vô dục dĩ quan kỳ diệu; Thường hữu dục dĩ quan kỳ kiếu.

4. Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh. Đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền. Chúng diệu chi môn.

Dịch xuôi:

1. Đạo (mà) có thể gọi được, không phải là Đạo thường (hằng cửu). Tên mà có thể gọi được, không (còn) phải là tên thường (hằng cửu).

2. Không tên là gốc của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật.

3. Cho nên thường không có dục để nhìn thấy chỗ vi diệu của mình. Thường có dục, để nhìn thấy chỗ

giới hạn (công dụng) [2] của mình.

4. Hai cái đó cùng một nguồn gốc, nhưng tên khác nhau, đều gọi là Huyền nhiệm. (Cái) tối ư huyền nhiệm ấy chính là cửa phát sinh ra mọi điều huyền diệu.

Dịch thơ:

1. Hóa công hồ dễ đặt tên,

Khuôn thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.

2. Không tên sáng tạo thế gian,

Có tên, là mẹ muôn vàn thụ sinh.

3. Tịch nhiên cho thấy uy linh,

Hiển dương cho thấy công trình vân vi.

4. Hai phương diện một Hóa Nhi,

Huyền linh khôn xuất huyền vi khôn lường.

Ấy là chúng diệu chi môn,

Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.

BÌNH GIẢNG

Chương 1 này rất quan trọng vì bàn về Đạo thể của vũ trụ. Ta có thể nương theo ý Lão tử mà bình giải như sau:

Đạo là gì?

1. Đạo chính là Tuyệt đối, là Bản thể thường hằng cửu vũ trụ. Vì Tuyệt đối, nên Đạo khó bàn cãi, khó xưng danh.

2. Đạo chính là nguồn gốc sinh xuất vũ trụ quần sinh.

3. Đạo có thể ở vào một trong hai trạng thái: tĩnh và động. Tĩnh là trạng thái chưa hiển dương. Động là trạng thái đã hiển dương. Chưa hiển dương thời minh linh, ảo diệu, không biết đâu là bến bờ. Đã hiển dương, thời mới thấy công trình vân vi, giới hạn.

4. Nhưng hiển dương hay không hiển dương, vẫn chỉ là một đạo thể siêu vi. Danh hiệu tuy khác nhau nhưng tựu trung vẫn là một thực thể. Đạo thể siêu vi ấy là cửa thiêng sinh xuất ra mọi điều huyền vi ảo diệu.

5. Quan niệm của các nhà bình giải về chữ Đạo: Các nhà bình giải và các dịch giả Âu châu thường hiểu Đạo là Nguyên lý vũ trụ. Wieger dịch Đạo là Principe (Nguyên lý). A. Rémusat dịch Đạo là Logos (Thần ngôn). Stanislas Julien dịch Đạo là La Voie (Đường). P. B. Blakney dịch Đạo là The Way (Đường). Các dịch giả người Đức dịch Đạo là Weg (Đường), Vernunft (Lý), Wort (Logos, Thần ngôn), Wahrheit (Chân lý). A. W. Watts dịch Đạo là Réalité ultime (Thực thể tối hậu). Trong bản dịch Đạo Đức Kinh đầu tiên ra tiếng Latinh chữ Đạo đã được dịch là: Lý; Nguyên lý; Tạo hóa. [3] A. Rémusat, giáo sư Hoa ngữ ở Đại học Paris, dịch giả Đạo đức kinh, cho rằng chỉ có thể dịch chữ Đạo bằng chữ Logos với nghĩa là Nguyên thể, Nguyên lý, Nguyên âm. [4] Hardwick, giáo sư đại học Cambridge, cho rằng chữ Đạo phải được hiểu là Nguyên nhân trừu tượng, là Nguyên lý, Nguyên sinh vô hình, vô tượng, vô thủy vô chung, vô biên tế, v.v. [5]

Các nhà bình giải Đạo đức kinh, Hoa hay Việt cũng đều giải Đạo là Nguyên lý tối cao, là nguồn gốc sinh ra trời đất vạn vật, là Thái cực, v.v.

Để giải thích chữ Đạo cho rõ hơn, tôi mượn lời lẽ của Hoài Nam tử 淮 南 子 trong thiên Nguyên đạo huấn 原 道 訓 (xem Hoài Nam tử, chương I), và trình bày như sau:

«Hóa công chở đất che trời,
Mênh mông bốn hướng, chơi vơi tám từng.
Cao cao vô tận vô ngần,
Thẳm sâu, sâu mấy muôn tầm đo sao.
Trùm trời mà đất cũng bao,
Vô hình, vô tượng, nhẽ nào hình dung.
Nguồn tung, suối tỏa tưng bừng,
Ngỡ là sắp cạn, bỗng dưng đầy tràn.
Ào ào, cuồn cuộn, vang vang,
Ngỡ là vẩn đục, vẫn hoàn trong veo.
Giồng lên, đất ngợp trời teo,
Tung ra, bốn biển có chiều mung lung.
Ra tay linh diệu khôn cùng,
Quang âm khôn cản, dặm chừng vân du.
Khi tung trời đất không vừa,
Khi thu, nhỏ xíu lọt vừa nắm tay.
Tuy co mà dãn như mây,
Tuy mờ mà sáng như ngày nắng chang.
Tơ non mà rất cương cường,
Mềm nhung, mà rắn in tuồng thép gang.
Gồm tứ đức, vai mang tuế nguyệt,
Ngất trời mây soi hết trăng sao.
Mịn màng, thắm thiết biết bao,
Tế vi, tươm tất tả sao cho cùng.
Núi nhờ thế, mà tung cao vút,
Vực dựa uy, sâu ngút ngàn trùng.
Ngài cho thú chạy trong rừng,
Cho chim tung cánh chín từng mây xanh.
Ngài tô ánh quang minh nhật nguyệt,
Ngài rong cương ruổi hết tinh vi.
Kỳ lân đùa rỡn cũng vì,

Phượng loan bay bổng quyền uy không ngoài.

Đời thái cổ, có hai hoàng đế,

Nhờ ơn ngài chỉ vẽ trước sau,

Mới nên nhân đức nhiệm mầu;

Thần thông hóa dục, dẫn đầu muôn phương.

Quyền uy ngài khôn lường, khôn tả,

Rung cả trời, lắng cả đất đai,

Quay cho trời đất vẫn xoay,

Xô cho nước chảy đêm ngày chẳng thôi.

Thủy chung để sánh vai muôn vật,

Thổi gió giông, ủ ấp làn mây,

Việc gì cũng có dúng tay,

Ầm ầm sấm động, mưa bay tỏ quyền...»

Sau khi đã hiểu Đạo là Nguyên lý tối của của vạn hữu, sau khi đã nhận định rằng Đạo vô hình danh và bất khả tư nghị, tôi sẽ dùng những từ ngữ «hữu hình danh» như: Hóa Công, Hóa Nhi, Tạo hóa, Khuôn xanh, Khuôn thiêng, v.v. để dịch chữ Đạo.

Sở dĩ tôi dám làm như vậy là vì:

1. Đạo không có tên, cho nên dùng danh từ nào cũng bất xứng như nhau, kể từ ngay cả chữ Đạo.

Chính Lão tử cũng chủ trương như vậy. Ngài viết: «Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo.» 吾 不 知 其 名, 字 之 曰 道 (Ta không biết tên ngài, ta gọi bằng Đạo.)

2. Trang tử nhiều khi cũng đã nhân cách hóa Đạo và gọi bằng Tạo Hóa, Tạo vật giả, v.v. (Xem Nam Hoa kinh, chương 6, F).

Câu «Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu, thường hữu dục dĩ quan kỳ kiếu.» 常 無 欲 以 觀 其 妙, 常 有 欲 以 觀 其 徼 nơi đoạn 3 chương này xưa nay thường được dịch và giải như sau:

«Không có dục tình mới thất được bản thể vi diệu của Đạo, có dục tình thời chỉ thấy được những hình tướng, vạn thù, sai biệt bên ngoài của Đạo mà thôi.»

Ý rằng muốn hiểu Đạo, thời cần phải sống phối kết với Đạo, vì thế nên Hà Thượng Công 河 上 公 mới gọi chương này là «Thể Đạo» 體 道. Các nhà Đạo học cũng còn cho rằng hai câu này chính là chìa khóa để đi vào công phu tu luyện, đắc đạo, thành tiên. Hà Thượng Công 河 上 公, Huỳnh Nguyên Cát 黃 元 吉, Wieger, Legge, Stanislas, Julien, v.v. đều hiểu nhất loạt như vậy.

«Rằng hay thì thật là hay», nhưng riêng tôi thấy rằng nếu dịch như vậy, chương nhất này sẽ mất mạch lạc. Đoạn 3 này sẽ không ăn ý với đoạn 4. Wieger đã nhìn thấy sự mất mạch lạc ấy nên ông đã đánh số đoạn 3 thành đoạn 4, và lúc dịch đã đem đoạn 3 này xuống cuối chương.

Chẳng lẽ Lão tử viết sách mà không lưu ý đến mạch lạc của chương cú hay sao. Chính vì vậy mà khi dịch tôi vẫn áp dụng hai câu này cho Đạo, thay vì cho người, và cho rằng hai câu này mô tả hai phương diện ẩn hiện của Đạo.

Tịch nhiên cho thấy uy linh,

Hiển dương cho thấy công trình vân vi.

Dịch như vậy ta thấy hai câu sau cùng mới có ý nghĩa:

«Hai phương diện một Hóa Nhi,

Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,

Ấy là chúng diệu chi môn,

Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.»

Lối dịch và hiểu của tôi làm cho chương này trở nên nhất trí, vì trên dưới chỉ luận về Đạo, về Đạo thể. Và nếu có thể đặt tên cho chương này, tôi sẽ đặt là Đạo thể thay vì hai chữ Thể đạo của Hà Thượng Công.

Nhận xét rằng Lão tử sau này còn dùng nhiều chương để bàn luận về Đạo (xem các chương 4, 14, 6, 25, 34, 42, 52) thì không có lẽ nơi chương I, ngài lại nói được có một hai câu về Đạo, rồi vội vàng quay ra dạy công phu tu luyện, biết Đạo, hiểu Đạo. Chính vì vậy mà tôi mới có lối bình và dịch như trên. Sai hay phải sau này tùy công luận phê phán. [6]

---

[1] Tên các chương theo Hà Thượng Công 河 上 公.

[2] Annie Besant dịch:

Nous devons être trouvés toujours sans désir

Si nous voulons en sonder le mystère profond.

Mais si le désir est toujours en nous,

Nous n'en verrons que la frange extérieure

Annie Besant, La Sagesse antique, p. 22.

[3] The first translation of the Tao Teh King into a Western language was executed in Latin by some of the Roman Catholic missionaries and a copy of it was brought to England by a Mr. Matthew Raper, F. R. S. and presented by him to the Society at a meeting on the 10th January 1788, – being the gift to him of P. Jes. De Gramment, Missionarius Apostolicus, ex-Jesuita. In this version, Tâo is taken in the sense of Ratio, or the Supreme Reason of the Divine Being, the Creator and Governor. James Legge, The Text of Taoism, p. 58.

[4] Ce mot me semble ne pas pouvoir être bien traduit si ce n'est par le mot Logos, dans le triple sens de souverain Être de raison et de parole.» (Ibid., p. 58)

[5] The indefinite expression Tao was adopted to denominate an abstract cause, or the initial principle of life and order, to which worshippers were able to assign the attributes of immateriality, eternity, immensity, invisibility. (Ibid., p. 59)

[6] a) Hai phương diện ẩn hiện của Đạo thường hay được các nhà huyền học đề cập tới. Annie Besant viết trong quyển La Sagesse antique như sau: Dans le Tâo Teh Ching, l'enseignement traditionnel au sujet du Non-Manifesté et du Manifesté ressort clairement: Le Tâo qui peut être suivi n'est pas le tao éternel er immuable. Le nom qui peut être nommé n'est pas le nom éternel et immuable. Lorsqu'il n'a point de nom, il est Celui qui a engendré le Ciel et la Terre; lorsqu'il possède un nom, il est la Mère de toutes choses. (...) Sous ces deux aspects, il est identique en réalité mais à mesure que le développement se produit, il reçoit différents noms. Ensemble nous les appelons le Mystère. (I, 1, 2,

4) Xem La Sagesse antique, p. 18.

b) Ramakrishna nhận định về Tuyệt đối cũng giống y như Lão tử. Ông viết trong quyển L' Enseignement de Ramakrishna như sau:

- L'Absolu est ineffable, impensable, inconcevable. (op, cit. p. 467)

- L'Absolu est l'Être non conditionné par quoi que ce soit: ni, par le temps, ni par l'espace, ni par la causalité, comment les paroles pourraient-elles l'exprimer. (Ibid., p. 467)

- Quand on pense à l'Être Suprême sous son aspect inactif (nishkriya) on le nomme Dieu absolu (Shuddha-Brahman) et quand on le représente sous son aspect actif créant soutenant et détruisant, on le nomme Shakti ou Divinité personnelle. (Ibid., p. 475)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	**2**	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 2

DƯỠNG THÂN

養 身

Hán văn:

天 下 皆 知 美 之 為 美, 斯 惡 已; 皆 知 善 之 為 善, 斯 不 善 已. 故 有 無 相 生, 難 易 相 成, 長 短 相 形, 高 下 相 傾, 音 聲 相 和, 前 後 相 隨. 是 以 聖 人 處 無 為 之 事, 行 不 言 之 教. 萬 物 作 焉 而 不 辭, 生 而 不 有, 為 而 不 恃, 功 成 而 弗 居. 夫 唯 弗 居, 是 以 不 去.

Phiên âm:

1. Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình,[1] cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy.

2. Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. [2]

3. Vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị,[3] công thành nhi phất cư.

4. Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ. [4]

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ đều biết đẹp là đẹp, thế là xấu vậy; đều biết tốt là tốt thế là không tốt vậy, bởi vì có không sinh ra nhau dễ khó thành tựu lẫn nhau, ngắn dài tạo thành lẫn nhau, trên dưới lộn lạo ra nhau, thanh âm hòa hợp với nhau, sau trước theo nhau.

2. Cho nên thánh nhân dùng Vô vi mà xử sự, dùng «vô ngôn» mà dạy dỗ.

3. Vạn vật hoạt động mà vẫn im lìm; sống động mà không (đòi quyền) sở hữu; lao tác mà không cậy

công; công thành mà không lưu luyến.

4. Không lưu luyến nên mới không mất.

Dịch thơ:

1. Người đời thấy đẹp biết khen,
Thế là cái xấu đã chen vào rồi.
Điều hay đã rõ khúc nhôi,
Thời đà dang dở lôi thôi sinh dần.
Mới hay: Không có chuyển vần,
Dễ sinh ra khó, vắn nhân thành dài.
Thấp cao tùy ngó ngược xuôi,
Tiếng ca, trầm bổng, dòng đời trước sau.
2. Thánh nhân khinh khoát tầng cao,
Vô vi, thầm lặng, tiêu hao dạy đời.
3. Kìa xem muôn vật thảnh thơi,
Im lìm sinh hoạt, một lời cũng không.
Ngày đêm làm chẳng kể công,
Công thành phơi phới, tuyệt không bận lòng.
4. Không nấn ná lúc thành công,
Cho nên tồn tại mãi cùng thiên thu.

BÌNH GIẢNG

1. Sau khi đã cho ta thấy Đạo thể siêu việt tuyệt đối ở nơi chương I, Lão tử liền cho ta thấy nơi đây một cái nhìn bao quát về thế giới tương đối biến thiên, đầy mâu thuẫn, và cho rằng những mâu thuẫn ấy đều là tương đối, giả tạo đối với một nhà đạo học.

Theo Lão tử trong cái hay có cái dở, trong cái dở lại có cái hay. (ĐĐK, chương 58). Vả lại, «Thiện ác cũng chẳng khác nhau là bao nhiêu.» (ĐĐK, ch. 20)

Tại sao vậy? Bởi vì vạn vật ảo hóa biến thiên. Nếu ta tách mọi sự ra khỏi vòng biến dịch, ta sẽ thấy xấu tốt khác nhau. Nhưng nếu ta lồng mọi sự vào vòng biến chuyển, ta sẽ thấy thiện cũng như ác, đẹp cũng như xấu, không có gì là cố định.

Héraclite cũng đã viết: «Trong chu kỳ biến hóa, sống chết đắp đổi nhau. Tiên tục, tục tiên; tục sống thời tiên chết, tục chết thời tiên sống.» [5]

«Sống hay chết, thức hay ngủ, trẻ hay già chỉ là một, vì sự biến hóa, cái này sẽ thành cái kia, cái kia sẽ thành cái nọ. [6] [...] Nhất tán thời thành vạn, vạn tụ thời thành nhất.» [7]

Kinh nghiệm cũng cho chúng ta thấy rằng: Sự thiện ác theo đà thời gian, theo trào lưu lịch sử cũng đã luôn luôn thay đổi bộ mặt.

Sử gia Henry Steele Commager viết: «Lịch sử cho chúng ta thấy rằng các tiêu chuẩn, các giá trị, các nguyên tắc biến đổi theo thời gian và xã hội. Ở trong một xã hội, chúng biến đổi theo mỗi thế hệ. Các giáo hoàng xưa đã được lựa chọn vì học vấn và nhân đức đã tin rằng luân lý bắt buộc các ngài phải tiêu trừ

«loạn giáo» (hérésies) bằng sắt bằng lửa, bằng bạo tàn bằng tra tấn. Các người Âu châu thế kỷ XVI đã không ngần ngại, giết người da đỏ, vì cho rằng họ không có linh hồn. Những người thanh giáo (puritains) giỏi giang và ngay thẳng đã không ngần ngại kết án tử hình những mụ phù thủy, và ở thế kỷ XIX, các người Công giáo miền Nam nước Mỹ đã cho rằng chế độ nô lệ là một ân sủng của Trời.» [8]

Trang tử cũng viết đại khái rằng: «Trên phương diện Đạo thể thì một cọng cỏ hay một xà nhà, nàng Lệ hay Tây Thi, vui hay buồn, khôn hay dại, tất cả đều là một. Thịnh suy thành bại chỉ là những trạng thái tương tục luân phiên. Tất cả đều là một nhưng chỉ có những bậc đại trí mới thấy được. Cho nên thánh nhân vượt lên trên các quan niệm thị phi yên nghỉ trong Hóa Công, mặc cho sự vật chuyển vần xuôi ngược.» [9]

Thế tức là trong thế giới biến dịch, ta phải chấp nhận mọi trạng thái, mọi khía cạnh, và phải biết vươn mình lên trên những cặp mâu thuẫn tương đối ấy để sống trong Đạo thể đại đồng. Vì thế tiếp theo Lão tử mới khuyên chúng ta: Xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo.» 處 無 為 之 事, 行 不 言 之 教.

2. Xử vô vi chi sự

Hai chữ Vô vi rất là quan trọng. Lão tử, Liệt tử, Trang tử thường đề cập đến hai chữ vô vi. Ta thấy Đạo đức kinh đề cập hai chữ Vô vi nơi các chương:

- Chương 2, B
- Chương 3, C
- Chương 10, D
- Chương 37, A
- Chương 38, A
- Chương 43, B
- Chương 48, B
- Chương 57, C
- Chương 63, A
- Chương 64, C

Xung Hư chân kinh 沖 虛 真 經 đề cập Vô vi nơi các chương:

- Chương 2, J (Léon Wieger, Les Pères du Système Taoiste, tr. 94)
- Chương 8, H (tr. 186) (Định nghĩa Vô vi).

Nam Hoa kinh đề cập Vô vi nơi các chương:

- Chương 6, G (tr. 258) và E (tr. 254)
- Chương 7, F (tr. 266)
- Chương 10, D (tr. 280)
- Chương 11 A (tr. 284)
- Chương 11 D (tr. 290)
- Chương 11 F (tr. 292) (Định nghĩa Vô vi)
- Chương 12 A và B (tr. 294)
- Chương 13 A (tr. 308)

- Chương 13 B (tr. 310)

- Chương 15 B (tr. 130)

- Chương 18 A (tr. 350)

- Chương 22 H (tr. 396)

Vô vi là gì? Các học giả bình giải Đạo Đức kinh thường cho rằng Vô vi là sống thuận theo tự nhiên. Thiết tưởng giải như vậy chưa cho chúng ta thấy được hết tầm quan trọng của hai chữ Vô vi.

Liệt tử cho rằng: «Lời nói cao siêu nhất là sự thầm lặng, việc làm cao siêu nhất là vô vi.» [10]

Trang tử cho rằng: «Vô vi là đường lối của trời đất.» [11] «Vô vi là công việc của Trời.» [12] «Tịch mịch vô vi là căn bản của vạn vật.» [13] «Vô vi để trở về khế hợp với bản căn, bản tính, để thành thần.» [14]

Chương 37 Đạo Đức kinh cũng cho rằng Vô vi là hoạt động của Đạo. [15]

Các nhà luyện đan thời cho rằng:

- Vô vi là nhập đại định. [16]

- Đạt tới Vô vi là đạt tới Đại chu thiên 大 周 天, giai đoạn tối hậu của khoa luyện đan, tức là nhập định hóa thần 入 定 化 神. [17]

Tóm lại, ta có thể nói rằng theo đạo Lão thì: Ở cõi hữu vi là cõi người; lên cõi vô vi là lên cõi trời.

Chính vì thế mà xưa cao tăng Cưu Ma La Thập 鳩 摩 羅 什 (Kumarajiva, 340-413) đã dùng hai chữ Vô vi để dịch chữ Niết Bàn 涅 槃 . Như vậy đạt tới Vô vi tức là đạt tới cõi bất sinh bất diệt. [18]

Mặt khác chúng ta cũng nên ghi nhận rằng chữ Niết bàn còn được phiên âm ra tiếng Hán bằng hai chữ Nê hoàn 泥 丸 . [19]

Đạo Phật cũng đã dùng chữ Nê Hoàn để phiên âm chữ Niết Bàn. Kinh Thủ Lăng Nghiêm viết:

Phục thỉnh thế tôn vị chứng minh

Ngũ trược ác thế thệ tiên nhập.

Nhất nhất chúng sinh vị thành Phật

Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn.

Dịch:

Cúi xin Thế Tôn hãy chứng minh,

Đời ác ngũ trược thề vào trước.

Như một chúng sinh chưa thành Phật

Trót chẳng về nơi cảnh Niết Bàn. [20]

Như vậy ta có: Niết Bàn = Vô vi = Nê Hoàn = Não thất ba. Phương trình này làm ta liên tưởng đến câu nói sau đây của một nhà Tâm lý học Âu châu: «Sự khác biệt giữa kiến thức và tín ngưỡng chẳng qua là sự khác biệt giữa cổ não (trung não) và tân não (ngoại não).» [21]

Vượt lên trên thế giới phù sinh, tương đối để đi vào thế giới của chân nhất, của Đạo thể, đó là: Xử vô vi chi sự 處 無 為 之 事 .

Khảo kinh Kim Cương, ta cũng thấy nói y như vậy. Phật nói: «Phàm cái gì có hình tướng, thảy đều hư vọng.»[22] Lại nói: «Phải lìa tất cả các chấp tướng mới gọi là chư Phật. [23]

Ngài Cảo thiền sư ngộ được câu «Lìa tất cả các vọng chấp mới là chư phật» nên có làm hai bài tụng rằng:

«Thân khẩu ý thanh tịnh,
Thị danh Phật xuất thế.
Thân khẩu ý bất tịnh,
Thị danh Phật diệt độ.
Tức tâm thị Phật vô dư pháp.
Mê giả đa ư tâm ngoại cầu.
Nhất niệm quách nhiên qui bổn tế
Hoàn như tẩy khước thượng thuyền đầu.

Phỏng dịch:

Thân khẩu ý thanh tịnh,
Đó là Phật xuất thế.
Thân khẩu ý bất tịnh,
Đó là Phật nhập diệt.
Tâm kia là Phật chớ nên quên,
Mê mới ngoài tâm kiếm mọi miền
Nhẽ ấy vỡ ra là tới Phật,
Dễ như rửa cẳng bước lên thuyền. [24]

Phật lại dạy: Tu Bồ Đề, Bồ tát phát tâm Bồ đề phải xa lìa tất cả các chấp tướng. Bồ tát không nên sinh tâm trụ chấp nơi sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần [...] Nói tóm lại, Bồ tát đừng sinh vọng tâm trụ chấp một nơi nào cả. Nếu Bồ tát tâm còn trụ chấp nơi nào, thì không phải thật an trụ chân tâm. (Ib. 109).

Ta cũng có thể mượn mấy vần thơ phỏng theo ca vịnh David XV mà giải câu «Xử vô vi chi sự» như sau:

Ai lên núi Chúa cao quang,
Dừng bước đền vàng sang trọng huyền linh.
Là ai giữ tấm lòng thanh,
Giữ bàn tay khỏi vấn tanh mùi phàm.
Ai lên núi Chúa cao quang,
Dừng bước đền vàng sang trọng huyền linh.
Là ai sống giữa phù sinh,
Chẳng hề mơ quẩn ước quan bận hồn. [25]

Hành vô ngôn chi giáo

Nếu trên đã giải Vô vi là hoạt động của thần, của Đạo, của Trời, thì bây giờ lại phải giải Vô ngôn là tiếng nói của Đạo, của Thần, của Trời. Tiếng nói của Thần, của Đạo tưởng là thầm lặng nhưng chính là sấm vang rung chuyển vũ trụ.

Lão tử Đạo đức kinh, chương 41 viết: «Đại âm hi thanh.» 大 音 希 聲 (Tiếng to như sấm mà dường vô thanh.) Liệt tử giải: Vô ngôn là chí ngôn, là tiếng nói cao siêu nhất chính là vì vậy. [26]

Trang tử cũng viết trong Nam Hoa kinh: «Vô vi chi chi vị Thiên, vô vi ngôn chi chi vị Đức.»

(Vô vi là việc của Trời,

Hễ là Đức cả không lời lặng thinh.)

Vì thế cho nên những bậc đại trí thường muốn vô ngôn. Liệt tử viết: «Đắc ý giả vô ngôn, tiến trí giả diệc vô ngôn.» 得 意 者 無 言,進 智 者 亦 無 言 (Người được như ý thời không nói. Người đại trí cũng không nói.)[27]

Khổng tử cũng muốn Vô ngôn, vì đó là thái độ của Trời. Ngài nói: «Trời có nói gì đâu mà bốn mùa vẫn vần xoay, vạn vật vẫn sinh hóa.» [28]

Phật nói:

«Thủy tùng thành đạo hậu,

Chung chí Bạt đề hà.

Ư thị nhị trung gian,

Vị thường thuyết nhật tự.»

Dịch:

«Từ khi mới thành đạo,

Đến lúc nhập Niết Bàn,

Trong khoảng thời gian này,

Ta không nói một chữ.» [29]

Kinh Kim Cương cũng viết: «Vô thuyết, vô văn, chân Bát Nhã.» 無 說 無 聞 真 般 若. [30] Mới hay: Tiếng của người thì hữu thanh, hữu ngôn, tiếng của Trời, của Đạo thời vô thanh, vô ngôn.

3. Sống tự nhiên vô vi, vô ngôn như vậy chính là khuôn theo đường lối của trời đất, vì vũ trụ vạn vật đều im lìm sinh hoạt, tuy sinh mà không cho mình là có, tuy làm mà không tự thi, tuy thành công mà không lưu luyến với thành quả đã thâu lượm được.

4. Thánh nhân cũng phải vô tự, vô dục, phải theo được gương người xưa «dầu được cả thiên hạ, lòng cũng không dính bén.»[31] Có thể mới trường cửu cùng trời đất. [32]

---

[1] Bản của Vương Bật in là Trường đoản tương giảo 長 短 相 較. Các bản sau này đổi là Trường đoản tương hình 長 短 相 形 cho hợp vận với câu Nan dị tương thành 難 易 相 成 ở trên.

[2] Đoạn này sẽ được bàn lại nơi chương 43 Đạo đức kinh.

[3] Đoạn này có hai cách dịch:

a. Coi chữ «vạn vật» là chủ từ (sujet) (Xem James Legge, The Texts of Taoism, tr. 96; Nghiêm Toản,

Đạo Đức kinh, tr. 11)

b. Coi chữ «thánh nhân» là chủ từ (sujet) chữ «vạn vật» là túc từ (complément) (Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, tr. 19; Nguyễn duy Cần, Đạo Đức Kinh, tr. 46); Duyvendak lại cho câu này xuống nơi chương 51 (Xem J. J. L. Duyvendak, Tao To King, tr. 7, tr. 121). Tôi theo cách thứ nhất, vì lẽ động từ «tác» 作 và «sinh» 生 đều là những động từ không có bổ từ trực tiếp (complément direct).

[4] Wieger phân câu như sau: Công thành nhi phất cư. Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ. Tôi coi câu Công thành nhi phất cư thuộc vào cuối câu 3. James Legge cũng làm như vậy.

[5] Dans le cycle, vie et mort s'échangent. «Immortels, mortels, mortels immortels; notre vie est leur mort, et notre mort est leur vie.» (Abel Jannière, La Pensée d'Héraclite d'Éphèse, Aubier, Editions Montaigne, 1959, p. 80)

[6] C'est la même chose d'être, ce qui est vivant et ce qui est mort, éveillé ou endormi, jeune ou vieux, car par le changement ceci est cela, et par changement cela est à son tour ceci. (Ib. 80-81)

[7]... Grand cycle de la concentration et de la déconcentration de l'Identique. (Ib.)

L'un pénètre dans la multiplicité et la multiplicité n'est qu'une forme de l'Unité, bien plus, elle est l'Unité même... (Ib. 91.)

[8] Si l'histoire «nous apprend» quelque chose, c'est bien que les normes, les valeurs et les principes varient considérablement d'âge en âge, de société en société, et même d'une génération à l'autre, dans la même société. Des papes qui avaient été choisis pour leur savoir et leurs vertus étaient convaincus que la morale exigeait qu'ils abattent les hérésies par le fer et par le feu, par la cruauté et la torture; les Européens du XVIe siècle ne se faisaient aucun scrupule de tuer les Indiens, parce que les Indiens n'avait pas d'âme; des puritains doctes et droits envoyaient sans broncher les sorcières à la mort, et au XIXe siècle, dans le Sud des Etats Unis les chrétiens considéraient l'esclavage comme une béùnédiction. Henry Steele Commager, L'historien et l'histoire, Nouveaux Horizons 1967, p. 149.

[9] Nam Hoa Kinh, chương 2, C.

[10] Chí ngôn khứ ngôn, chí vi vô vi 至言去言, 至為無為 (Xung Hư chân kinh, chương 2, J; Wieger, p. 94.)

[11] Vô vi nhi tôn giả, thiên đạo dã 無為而尊者, 天道也 (Nam hoa kinh, chương II, F; Wieger, p. 292.)

[12] Vô vi vi chi chi vị Thiên, vô vi giả, vạn vật chi bản dã 無為之謂天, 無為者萬物之本也. Nam hoa kinh, chương 12, B; Wieger, p. 294.)

[13] Phù hư tĩnh, điềm đạm tịch mịch, vô vi giả, vạn vật chi bản dã 夫虛靜, 恬淡, 寂寞, 無為者, 萬物之本也 (Nam hoa kinh, chương 13, A; Wieger, p. 302.)

[14] Vô vi phục phác, thể tính, bão thần 無為復樸, 體性抱神 (Nam hoa kinh, chương 12, K; Wieger, p. 302.)

[15] Đạo thường vô vi nhi vô bất vi 道常無為而無不為 (Đạo đức kinh, chương 37, A.)

[16] Đại chu nhập định 大周入定 (Thiên tiên chánh lý trực luận, tr. 36a.) Hữu vi giả tiểu chu thiên dã; vô vi giả đại chu thiên dã 有為者小周天也; 無為者大周天也 (Thiên tiên chính lý trực luận 天仙正理直論, tr. 28a.)

[17] Cái tiểu chu thiên giả hóa khí, đại chu thiên giả hóa thần 蓋 小 周 天 者 化 氣, 大 周 天 者 化 神 (Ib. 35a.)

[18] Vô vi tức Niết bàn, Phạn ngữ cụ túc viết Ban niết bàn. Dịch vi tịch diệt, hoặc bất sinh bất diệt. La Thập tựu Trung Quốc cựu danh, dịch tác Vô vi. [...] Vô vi giả chỉ tự tính thanh tịnh chi tâm, nguyên lai cụ túc, vô tạo tác tướng. Phật kinh thượng vô tu vô chứng, tức chỉ thử nhi ngôn. Chỉ yếu bả sinh diệt tâm diệt liễu, thử tịch diệt tức hiện tiền. Chí tu hành hạ thủ, tức thượng văn phi pháp phi phi pháp, lưỡng biên bất thủ. Tương phân biệt vọng tưởng trừ tận phương khả… 無 為 即 涅 槃, 梵 語 具 足 曰 般 涅 槃. 譯 為 寂 滅, 或 不 生 不 滅. 羅什 就 中 國 舊 名, 譯 作 無 為. [...] 無 為者 指 自 性 清 淨 之 心, 原 來 具 足, 無 造 作相. 佛 經 上 無 修 無 證, 即 指 此 而 言. 祇 要 把 生 滅 心 滅 了, 此 寂 滅 即 現 前. 至 修 行 下 手, 即 上 文 非 法 非 非 法, 兩 邊 不 取. 將 分 別 妄 想 除 盡 方 可 (Giang Vị Nông cư sĩ di trước, Kim cương kinh giải nghĩa, quyển 2, tr. 129.)

[19] Le terme Niwan (Nê hoàn) qui signifie littéralement Pilule de Boue est en réalité une transcription du mot sanscrit Nirvana. (Henry Maspero, Le Taoïsme, p. 94 (Xem thêm p. 19, 20, 92, 117, 141, 143.)

[20] Đại đức Thích Chân Giám dịch, Thủ lăng nghiêm, Linh sơn Phật học Nghiên cứu hội, tr. 243.

[21] L'opposition entre la connaissance et la foi so remène à celle qui existe entre l'archipallium et le néopallium. -- Ernest Aeppli, Psychologie du Conscient et de l'Inconscient, Payot Paris, 1953, p. 19.

[22] Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng 凡 所 有 相 皆 是 虛 妄 (Kinh Kim cương, Thích Thiện Hoa dịch, Hương đạo xuất bản, 1967, tr. 101.

[23] Ib., tr. 102.

[24] Kinh Kim Cương, Thích Thiện Hoa dịch, Hương đạo xuất bản, tr. 10.

[25] Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh, Cung thánh tổng hợp, 1963, tr. 70.

[26] Xung Hư chân kinh, chương 2, J.

[27] Nam hoa kinh, chương 12, B (Wieger, p. 294.)

[28] Xung Hư chân kinh, chương 4, E (Wieger, p. 120.)

[29] Tử viết: Dư dục vô ngôn. Tử Cống viết: Tử như bất ngôn, tắc tiểu tử hà thuật yên? Tử viết: Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên, thiên hà ngôn tai? 子 曰: 予 欲 無 言. 子 貢 曰: 子 如 不 言, 則 小 子何 述 焉? 子 曰: 天 何 言 哉, 四 時 行 焉, 萬 物 生 焉, 天 何言 哉 ? (Luận ngữ, XVII, 18)

[30] Tử viết: Nguy nguy hồ! Thuấn Vũ chi hữu thiên hạ dã, nhi bất dư yên 子 曰: 巍 巍 乎! 舜禹 之 有 天 下 也, 而 不 與 焉 (Luận ngữ, VIII, 18)

[31] Đắc thiên hạ nhi bất dự 得 天 下 而 不 預 (Luận Ngữ)

[32] Về sự tương đối của các cặp mâu thuẫn, xin đọc thêm: Đạo đức kinh 20, D-36; A-40, A-58, B. Nam hoa kinh chương 2, C; 6, C.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	**3**	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 3

AN DÂN

安 民

Hán văn:

不 尚 賢, 使 民 不 爭. 不 貴 難 得 之 貨, 使 民 不 為 盜. 不 見 可 欲, 使 民 心 不 亂. 是 以 聖 人 之 治, 虛 其 心, 實 其 腹, 弱 其 志, 強 其 骨. 常 使 民 無 知 無 欲. 使 夫 知 不 敢 為 也. 為 無 為, 則 無 不 治.

Phiên âm:

1. Bất thượng hiền, sử dân bất tranh. Bất quí nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo. Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn.

2. Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc,[1] nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục. [2] Sở phù trí giả bất cảm vi dã.

3. Vi vô vi, tắc vô bất trị.

Dịch xuôi:

1. Không sùng thượng hiền tài, khiến cho dân không tranh. Không quí của khó được, khiến cho dân không trộm cướp. Không phô trương những gì kích thích lòng ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn.

2. Vì vậy phép trị nước của thánh nhân là làm cho dân: Trống lòng; No dạ; Yếu chí; Mạnh xương. Thường khiến cho dân không biết, không ham. Khiến cho kẻ trí không dám làm gì cả.

3. Làm theo phép Vô vi, thời không gì là không trị.

Dịch thơ:

1. Không sùng thượng hiền tài trần thế,

Cho dân gian bỏ lệ tranh đua,

Không tham vật quí khó mua,

Cho dân hết thiết đi vơ của người.

Mọi vẻ đẹp bên ngoài chẳng thiết,

Cho lòng dân cao khiết trong veo.

2. Trị dân hiền thánh muốn điều,

Ít ham, ít muốn, ăn nhiều uống no.

Bao tơ tưởng làm cho yếu hết,

Nhưng thịt xương sắt thép khang cường. [3]

Tò mò, cớ tưởng vấn vương,

Dân ta ta giữ cho thường vô lo,

Khiến người xảo quyệt mưu cơ,

Sống trong cảnh ấy khó mà ra tay.

3. Sống khinh khoát mảy may chẳng bợn,

Thời muôn điều ngang chướng hết ngay.

BÌNH GIẢNG

Chương này là một trong những chương của Đạo Đức kinh bàn về cách trị dân theo Lão tử. Vậy trước khi bình giải chương này chúng ta nên biết đại khái chủ trương của Lão tử và Trang tử về chính trị.

Chủ trương của Lão tử là muốn cho dân trở lại đời sống thời thái cổ, vì thời buổi ấy dân chúng sống thuần phác hồn nhiên, thuận thiên lý, chưa có chút gì là nhân vi nguỵ tạo.

Thời thái cổ ấy đại khái là thời Tam Hoàng - Phục Hi, Thần Nông, Chúc Dung (khoảng 2800 trước kỷ nguyên trở về trước) - hoặc là thời trước nữa: càng mộc mạc, càng thô sơ càng tốt.

Ta có thể mượn lời Trang tử nói trong thiên Khư Khiếp 胠篋, Nam Hoa kinh mà mô tả thời thái cổ ấy như sau:

Thời thượng cổ là thời đạo đức,

Thời Đại Đình, Lật Lục, Chúc Dung,

Hiên Viên, Lý Súc, Thần Nông,

Hách Tư, Thái Hạo, Hoàng, Trung, Dung Thành. [4]

Thời buổi ấy thanh bình an lạc,

Và chúng dân thuần phác ung dung.

Thắt thừng bện lõi mà dùng,

Ăn ngon, mặc đẹp, chưa từng xốn xang.

Thời buổi ấy lân bang giáp cạnh,

Tiếng gà kêu chó cắn đều nghe,

Tuy không cách trở sơn khê,

Mà không tiếp xúc đi về với nhau.

Thời buổi ấy đâu đâu cũng trị,

Sống yên bình đến thế thì thôi. [5]

Gần đây Ernest Aeppli, một nhà tâm lý học Âu châu đã mô tả trạng thái ban sơ ấy của nhân loại như sau: «Người ban sơ ít ngã chấp, sống hồn nhiên, thuận theo thiên lý.» Vì ngã chấp còn ít oi, nên họ sống hầu như hòa mình với đoàn thể, và chính vì thế, trách nhiệm họ cũng được giảm thiểu đến mức tối đa. Lúc ấy, đời sống tri thức họ rất thô sơ, nhưng sức mạnh vô thức họ lại hoạt động rất mạnh. Người thời buổi văn minh ngày nay thường ước mơ trạng thái ấy. Họ muốn trút bỏ trách nhiệm và muốn thoát nợ suy tư. Họ muốn trở lại tình trạng thiên nhiên, và họ tưởng tượng ra một đời sống tiên cảnh, khi mà con người chưa ăn phải trái tri thức đắng đót. [6]

Lão tử ước mơ cho dân con sống lại những ngày hoàng kim ấy. Đạo Đức kinh chương 80, Lão tử viết:

«Nước ta bé nhỏ dân thưa,

Vài mươi tôi giỏi, ta chưa hề dùng.

Dạy dân sợ chết làm lòng,

Cho nên dân chẳng vẫy vùng phiêu lưu.

Xe kia thuyền nọ đìu hiu,

Nào ai muốn cưỡi, muốn chèo mà chi.

Binh kia giáp nọ ủ ê,

Chẳng ai dở dói nghĩ khoe, nghĩ bày.

Dạy dân trở lại thắt dây,

Sống đời thuần phác tháng ngày tiêu dao.

Cho dân ăn uống thanh tao,

Cho dân ăn mặc bảnh bao, chững chàng.

Cho dân đời sống bình an,

Cho dân phong tục dịu dàng đẹp tươi.

Liên bang nào cách mấy mươi,

Gà kêu, chó cắn đòi nơi rõ ràng.

Tuy rằng gần gũi tấc gang,

Suốt đời dân chúng nào màng tới nơi.

Lão tử cũng như Trang đều cho rằng người xưa vẹn được thiên chân, thiên tính của mình, vì thế nên sung sướng hạnh phúc.

Ngày nay các nhà cầm quyền vì bày vẽ quá nhiều luật pháp, lễ nghi, hình thức, nên đã làm cho dân con mất thiên chân thiên tính, để rồi chạy theo những văn minh, những kiến thức kiến văn giả tạo bên ngoài. Những cái đó không đem lại hạnh phúc, an bình cho con người được; trái lại chúng chính là mầm loạn lạc chia ly.

Trang tử chủ trương đại khái như sau nơi thiên Mã đề 馬 蹄:

«Kìa thiên hạ ung dung tự tại,

Sống đơn sơ vui với muông chim.
Sống đời mộc mạc tự nhiên,
Thung dung cùng đạo một niềm sắt son.
Vì đâu đã mỏi mòn nhớn nhác,
Vì đâu nên tan tác phân ly?
Bày ra nhân nghĩa mà chi?
Để cho thiên hạ suy vi tần phiền.
Gỗ không nát, sao nên được chén,
Ngọc không tan, sao vẹn chương khuê.
Đạo tan đức nát ê chề,
Mới bày ra được những bề nghĩa nhân.
Loạn năm sắc, mới văn mới vẻ,
Rối thanh âm, bày vẽ đàn ca.
Ai làm đạo đức xác xơ,
Lập ra nhân nghĩa vẩn vơ hại đời.
Lập nghi lễ, hình hài trói buộc,
Lập nghĩa nhân, bày chước ủi an.
Lòng người vì thế ly tan,
Khôn ngoan càng lắm, gian ngoan càng nhiều. [7]

Trong thiên Biền Mẫu 駢 拇, Trang tử lại viết đại khái rằng:

«Vậy đừng có suy bì vẽ sự,
Đừng chia phôi quân tử tiểu nhân.
Đã cùng đánh mất thiên chân,
Dù phân biệt hão, cũng ngần ấy thôi.
Đem thiên tính làm tôi nhân nghĩa,
Giỏi Sử, Tăng ta kể như không.
Vì ăn mà tổn tấc lòng,
Du nhi có giỏi, chớ hòng ta khen.
Đem nhã nhạc đảo điên tính khí,
Sư Khoáng kia, nào quí chi đâu.
Tính Trời lệ thuộc năm mầu,
Ly Chu ta cũng trước sau coi hèn.
Ta sau trước chỉ khen đạo đức,
Phục tính trời, chẳng phục nghĩa nhân.
Thông minh chẳng tại kiến văn,

Mà do tìm được cốt căn của mình.

Bỏ căn cốt tông minh đâu nữa,

Đạo Chích [8] kia cũng lứa Bá Di,[9]

Đều là đắm đuối, sân si,

Đều là thiên lệch có gì khác đâu.

Nên ta chẳng tìm cầu nhân nghĩa,

Chẳng mơ màng dâm tị, đảo điên,

Cốt sao giữ vẹn căn nguyên,

Tính trời cốt giữ tinh truyền trước sau...» [10]

Vì thế cho nên theo Lão tử, làm chính trị là phải cố phục hồi trạng thái hồn nhiên nguyên thủy ấy cho dân. Muốn được vậy đại khái sẽ:

1. Không sùng thượng hiền tài, để dân hết tranh dành.

2. Không tham vật quí khó mua, khó chuốc, để dân hết trộm cắp.

3. Không ngó ngàng đến những vẻ đẹp bên ngoài, để cho dân khỏi loạn.

4. Lo cho dân ăn uống no đủ, sống một đời sống khỏe mạnh. (Thực kỳ phúc, cường kỳ cốt.)

5. Không đem kiến văn kiến thức dạy dân. (Thường xử dân vô trị.)

6. Không kích thích thị hiếu của dân, cho lòng dân không bợn ham muốn tư dục, thanh thản hồn nhiên. (Hư kỳ tâm..., thường sử dân vô tri vô dục.)

7. Giữ không cho những người khôn ngoan, tinh quái lũng đoạn tinh thần dân, đời sống dân.

8. Như vậy, dân sẽ sống hồn nhiên, hạnh phúc, thế làm không làm mà vẫn làm được hết mọi sự, vẫn trị được hết mọi sự. (Vi vô vi tắc vô bất vi.)

Trong thiên Khư Khiếp 胠 篋, Trang Tử cũng theo chủ trương của Lão tử, nhưng đã trình bày chủ trương ấy với một luận điệu quyết liệt hơn nhiều. Ông viết đại khái như sau:

... Nên dứt tánh, dứt tình với trí,

Thời cướp ngày sẽ bí lối sinh.

Trầm châu, đắm ngọc tan tành,

Rồi ra trộm cắp lưu manh hết liền.

Phá ấn tín, dân nên thuần phác,

Đập đấu cân, dân gác ghen tuông.

Phá tan thánh pháp, kỷ cương,

Rồi ra dân sẽ rộng đường tới lui.

Vứt đàn sáo, bịt tai Sư Khoáng,

Thời chúng dân sẽ sáng tai ra.

Tung hê mầu sắc văn hoa,

Cho mờ văn vẻ, cho lòa Ly Châu. [11]

Hãy hủy hẳn giây, câu, khuôn, thước,

Tay Công Thùy [12] tìm chước chặt đi.

Sử, Tăng [13] ta hãy khinh khi,

Bịt mồm Dương,[14] Mặc,[15] bịt đi đỡ phiền.

Điều nhân nghĩa đảo điên hãy bỏ,

Bỏ đi rồi, sẽ rõ huyền đồng.

Huyền đồng là chính thần thông,

Hợp cùng đạo cả, thung dung vẹn nghì.

Kìa Tăng, Sử, Công Thùy, Sư Khoáng,

Hạng Ly Chu hay hạng Mặc Dương.

Đều là nhân đức phô trương,

Dốc bầu tinh túy, huynh hoang bên ngoài.

Chính vì vậy gieo tai gieo họa,

Loạn dân tình, loạn cả nước non.

Tưởng là ích lợi ngàn muôn,

Nào ngờ điên đảo, mỏi mòn lòng ai. [16]

Tóm lại, chủ trương của Lão tử, chính là không can thiệp vào đời sống dân, không đem kiến văn, kiến thức dạy dân. Tại sao?

a. Vì con người là một nghệ phẩm tối cao, không được nhào nắn bậy bạ. Đạo Đức kinh chương 29 viết:

Những muốn nặn muốn nhào thiên hạ,

Suy cho cùng chẳng khá được nào.

Lòng người nghệ phẩm tối cao.

Ai cho ta nặn ta nhào tự do?

Lòng người ai nắm giữ hoài,

Già tay nặn bóp bao đời tiêu ma...» [17]

b. Vì thánh nhân chỉ giúp cho vạn vật sống tự nhiên theo thiên chân, thiên lý mà thôi. Đạo Đức kinh chương 64 viết:

Cho nên hiền thánh trên đời,

Chỉ say Đạo cả chơi vơi ngàn trùng.

Của khan, vật hiếm chẳng mong,

Của đời người tế đèo bòng mà chi.

Học là học đạo siêu vi,

Dạy đời lầm lạc hướng đi tuyệt vời.

Giúp ai thanh thả đường trời,

Chứ không chọc nước quấy trời uổng công.

c. Vì đem điều xảo trá, đem kiến văn kiến thức dạy dân, là làm hại dân, làm cho họ trở nên xa Đạo, xa trời, trở nên bất trị, chứ không làm lợi cho họ. Đạo Đức kinh chương 65 viết:

Nên những kẻ am tường đạo cả,

Chẳng đem điều xảo trá dạy dân,

Muốn dân chất phác ôn thuần...» [18]

Đọc thiên Biền Mẫu của Trang tử ta càng thấy rõ chủ trương để mặc cho dân sống theo «tự nhiên» của Đạo Lão. Trang tử viết đại khái như sau:

«Chân nhân biết nhẽ chân thường,

«Thường nhiên», «chí chính» am tường vân vi.

Cũng vì vậy nên chê ngụy tạo,

Ghét những điều đánh tráo, lộn sòng.

Chân liền ngón chạnh, bướu sưng,

Ấy đâu có phải của chung con người.

Cũng một lẽ, hán hài cổn mãng,

Với những điều mô phạm nghĩa nhân.

Cùng là lễ nhạc, gian trần,

Ấy đâu có thuộc chân tâm con người.

Kìa Sư Khoáng vẽ vời tơ trúc,

Nọ Ly, Chu háo hức xiêm y,

Sử, Tăng bày chuyện lễ nghi,

Mặc, Dương biện bác thôi thì trăm khoanh.

Thế đâu phải nhân tình chất phác,

Toàn là điều bôi bác bên ngoài.

Le le cổ ngắn lẽ trời,

Hạc kia dài cổ cũng thời tự nhiên.

Dài hay ngắn bớt thêm đều khổ,

Phá tự nhiên phá vỡ lòng ai.

Keo sơn, qui củ bên ngoài,

Chẳng qua vá víu nhất thời ích chi...

Bình chương này, Duvendak cho rằng về phương diện chính trị, đạo Lão phản văn hóa.[19] Wieger cho rằng Lão tử muốn cho dân chúng trở thành những con vật siêng năng cần cù, dễ bảo.[20] Những lời phê bình như vậy hơi quá đáng, vì thực ra Lão tử muốn điều hay cho dân, chứ không muốn điều dở cho dân; muốn cho dân sống yên vui chứ không muốn lợi dụng dân.

Trở về lối sống hồn nhiên nguyên thủy, Lão Trang không cho đó là phục cổ, mà là phục hồi lối sống

thiên nhiên của con người.

Phục cổ theo Lão trang có nghĩa là đem áp dụng những chính sách, những lễ nghi, những pháp độ của các vua chúa xưa vào đời sống dân ngày nay. Điều đó Lão cũng như Trang và nhất là Trang không hề cổ súy. Trang thì cho rằng «lễ nghi pháp độ biến thiên theo thời gian» nên người nay không thể theo pháp độ người xưa.[21]

Chúng ta chỉ có thể nhận xét rằng từ khi Lão tử chủ xướng những quan điểm trên về chính trị đến nay, chưa có một triều đại vua chúa nào ở Trung Hoa dám đem ra mà áp dụng.

Chẳng những vua chúa không theo nổi Lão tử, mà chính ngay khi đạo Lão cực thịnh vào đầu đời Tam Quốc với những nhà lãnh đạo nổi tiếng như Trương Lỗ 張魯, Trương Giác 張角, Trương Bảo 張寶, Trương Lương 張梁, Trương Tu 張修, với những vùng đất lớn lao đã được đặt dưới tầm ảnh hưởng như vùng Hán Trung, với một số giáo dân lớn lao, ta thấy các nhà lãnh đạo tinh thần đạo Lão lúc ấy cũng hoàn toàn đi vào hữu vi, hữu tướng với một giáo hội có hệ thống tổ chức, có nhiều loại cán bộ, có binh lực, có lễ nghi, có kinh kệ, có bùa chú, có đóng góp, hội hè, v.v. [22]

Xem thế đủ biết, muốn đem nhân loại ra khỏi trào lưu lịch sử thực là một điều không thể làm được.

---

[1] Câu: Hư kỳ tâm, thực kỳ phúc 虛其心實其腹 nhiều người thường tách ra, để hướng về phía tu dưỡng. Sách Đông du bát tiên 東遊八仙 viết: «Phép sống lâu chẳng có lạ gì, lòng phải trống mà bụng phải đặc. Chung Ly nguyên soái hỏi: Xin ông cắt nghĩa cho rành. Ông ấy nói: Trong lòng đừng lo việc gì cả, để cho thư thái như không, ấy là trống lòng. Còn đừng theo việc sắc dục, dưỡng tinh thần, nguyên khí chẳng hao, gọi là đặc bụng.» (tr. 27)

[2] Hoài Nam tử 淮南子 (quyển 1, chương 11b) có một đoạn tương tự: «Thị cố chí nhân chi trị dã yểm kỳ thông minh, diệt kỳ văn chương, y đạo, phế trí, dự dân đồng xuất vu công chính, ước kỳ sở thủ, quả kỳ sở cầu, khử kỳ dụ mộ, trừ kỳ thị dục, tổn kỳ tư lự.» 是故至人之治也掩其聰明, 滅其文章, 依道, 廢智, 與民同出于公正, 約其所守, 寡其所求, 去其誘慕, 除其嗜欲, 損其思慮.

[3] Trước kia tôi dịch mấy câu này theo xu hướng tu dưỡng như sau:

Lối đường hiền thánh khó theo,

Rảnh rang niềm tục, chắt chiu niềm trời.

Bỏ ham muốn thảnh thơi hồn phách,

Lo tài bồi cốt cách thiện lương.

Lưu Nhất Minh 劉一明 trong Chu Dịch Xiển Chân 周易闡真, chương Văn Vương Hậu Thiên Bát Quái 文王後天八掛, cũng giải như vậy.

[4] Thái Hạo 太昊 = Phục Hi 伏羲. Hoàng 皇 = Bá Hoàng 伯皇. Trung 中 = Trung ương 中央. Đại Đình 大庭, Lật Lục 栗陸, Chúc Dung 祝融, Hiên Viên 軒轅, Ly Súc 驪畜, Thần Nông 神農, Phục Hi 伏羲, Hách Tư 赫胥, Bá Hoàng 伯皇, Trung Ương 中央, Dung Thành 容成.

[5] Nam hoa kinh, chương 10, Khư khiếp 胠篋, đoạn C.

[6] L'homme très peu conscient de lui-même qui ne se dirige pas dans la vie par ses propres initiatives conscientes, le primitif, enfant de la nature, vit en harmonie inconsciente avec les archétypes. Son moi est cependant très réduit, de telle sorte que toute son individualité n'est pas différenciée de la

collectivité. Sa responsabilité en est diminuée pour autant. C'est vers cet état, alors que les forces du moi sont très réduites alors que celles de l'inconscient sont très importantes, que tend souvent la nostalgie de l'homme civilisé. Il voudrait se libérer de ses responsabilités et-dit-il, ne plus être obligé de penser. Il voudrait retourner «à la nature» et il imagine une existence paradisiaque dans laquelle il n'a pas mordu encore au fruit amer de la connaissance. — Ernest Aeppli, Psychologie du Conscient et de l'Inconscient, Payot Paris, 1953, p. 60.

[7] Xem Nam hoa kinh, chương IX, C, D.

[8] Đạo Chích: Tên một người ăn trộm nổi tiếng.

[9] Tên một người hiền cuối đời Ân. Bá Di và em là Thúc Tề không thần phục nhà Chu, đã nhịn đói cho đến chết ở núi Thủ Dương.

[10] Nam hoa kinh, chương VIII, Biền mẫu 駢 拇, C, và D.

[11] Ly Châu 離 朱: tên người thợ vẽ đã nghĩ ra văn vẻ, trang hoàng.

[12] Công Thùy 工 倕: tên của một người giỏi về lễ nhạc.

[13] Sử 史, Tăng 曾: Sử Thu 史 鰍 và Tăng Sâm 曾參, tên hai người giỏi về lễ, nhạc.

[14] Dương: Dương Chu 楊 朱, triết gia thời Xuân thu.

[15] Mặc: Mặc Địch 墨 翟, triết gia thời Xuân thu.

[16] Nam hoa kinh, chương X, Khư khiếp, B.

[17] Xem thêm Nam hoa kinh, chương XI, Tại hựu, B.

[18] Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi 古 之 善 為 道 者 非 以 明 民 將 以 愚 之 .

[19] Dans son application politique, le Taoïsme est donc anti-culturel. Duvendak, Tao To King, Adrien Maisonneuse, 1953, p. 9.

[20] Faites des hommes, des bêtes de travail productives et dociles, veillez à ce que, bien repus, ils ne pensent pas, ne sachant rien, les hommes n'auront pas d'envies, ne coteront pas de surveillance, et rapporteront à l'État. -- Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, Cathasia, 1950, p. 20, commentaires.

[21] Cf. Nam hoa kinh, chương XIV, Thiên vận 天 運, D.

[22] Xem Henri Maspero, Le Taoïsme, Civilisation du Sud S. A. E. P. Paris, 1950, p. 149-184.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	**4**	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 4

VÔ NGUYÊN

無 源

Hán văn:

道 沖 而 用 之 或 不 盈. 淵 兮 似 萬 物 之 宗. 挫 其 銳, 解 其 紛, 和 其 光, 同 其 塵. 湛 兮 似 或 存. 吾 不 知 誰 之 子. 象 帝 之 先.

Phiên âm:

1. Đạo xung [1] nhi dụng chi hoặc [2] bất doanh. [3]

2. Uyên [4] hề tự vạn vật chi tông. [5]

3. Tỏa [6] kỳ nhuệ,[7] giải kỳ phân,[8] hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.

4. Trạm hề [9] tự hoặc tồn. [10]

5. Ngô bất tri thùy chi tử. Tượng [11] đế chi tiên. [12]

Dịch xuôi:

1. Đạo rỗng không mà dùng không hết.

2. Đạo sâu xa man mác tựa hồ như là tổ tông vạn vật.

3. Làm nhụt bén nhọn, tháo gỡ rối rắm, pha trộn ánh sáng, hòa mình cùng bụi rậm.

4. Trong trẻo thay, tựa hồ trường tồn.

5. Ta không biết Đạo con ai; hình như có trước Thiên đế.

Dịch thơ:

A. Dịch cách thứ nhất:

1. Đạo không hư dùng muôn đời không cạn,

2. Sâu ngàn trùng, sinh ngàn vạn chúng sinh.

3. Dấu sâu sắc, gỡ cho hết mối manh,

Pha ánh sáng hòa mình cùng trần cấu.

4. Nhưng trong trẻo, muôn đời không nhơ dấu,

5. Ta chẳng hay, ngài sinh xuất từ đâu,

Trước Thiên đế, (trước muôn ngàn hiện tượng).

B. Dịch cách thứ hai:

1. Đạo vơi, dùng mãi không vơi,

2. Thẳm sâu, tông tổ muôn loài thụ sinh.

3. Làm tầy mũi nhọn (cho tình),

Gỡ tung rối rắm, (quần sinh hòa hài).

Sáng mình pha sáng muôn loài,

Hòa mình cùng với trần ai mới là.

4. Thế nhưng trong (ngọc) trắng (ngà),

Muôn đời vẫn chẳng chút là hư hao.

5. Con ai ta biết đâu nào,

Trước ngôi Thiên đế, từ bao lâu rồi.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại bàn luận về Đạo. Đạo vượt tầm tri thức của ta.

1. Đạo huyền linh cao diệu, tưởng như là hư không, trống rỗng mà dùng chẳng bao giờ vơi, chẳng bao giờ hết.

2. Đạo sâu man mác, đã sinh xuất ra vũ trụ quần sinh.

3. Chẳng những thế, Đạo lại còn luôn lồng trong vạn hữu (immanence). Muốn vậy, Đạo đã dấu hết sắc bén, bỏ mọi phiền tạp, hòa ánh sáng cùng vạn hữu, đồng hóa mình với sự thấp hèn của vạn hữu.

4. Tuy nhiên, Đạo vẫn luôn trong trẻo, vẫn vĩnh viễn trường tồn, tự nhiên tự tại.

5. Không thể biết Đạo đã sinh xuất từ đâu. Có lẽ Đạo có trước Thượng đế.

Vì vậy mà Hà Thượng Công đặt tên chương này là «Vô nguyên» (Không đầu cội).

Lão tử luôn luôn tỏ ra dè dặt khi bàn luận về Đạo. Chương này ngài dùng: hai chữ tự 似 (tựa hồ); hai chữ hoặc 或 chỉ nghi ngờ, không quyết đoán); một chữ bất tri 不 知. Như vậy Lão tử tỏ ra rất khiêm tốn không hề dám quyết đoán gì về Đạo, mà toàn là phỏng đoán.

Chương này chỉ có ý nói: (1) Đạo vô biên tế, vô cùng tận; (2) Đạo là căn nguyên vạn hữu; (3) Đạo hằng lồng trong vạn hữu; (4) Đạo có trước mọi hiện tượng.

Trang tử, nơi chương Đại tông sư, có một đoạn bình về Đạo cũng na ná chương này của Lão tử. Đại khái như sau:

Đạo thời hữu tín, hữu tình,

Vô vi mà lại vô hình mới hay.

Dễ truyền, khó bắt lạ thay,

Giữ thời giữ được, trông rày hẳn không.

Tự sinh, tự bản vô cùng,

Có từ trời đất còn không có gì.

Sinh trời, sinh đất ra uy,

Quỉ thần âu cũng là tùy sở do.

Cao cao vô tận khôn dò,

Cao hơn Thái cực vẫn cho là thường.

Thẳm sâu, sâu mấy ngàn muôn,

Sâu hơn vũ trụ, mà nhường không hay.

Lâu lai nào kể tháng ngày,

Trước trời trước đất, lâu này lâu chi.

Sống từ muôn thủơ vẫn y,

Ngàn muôn tuổi thọ đã gì già nua.

Hi Vi, Hoàng Đế, Kiên Ngô,

Kham Phi, Chuyên Húc đã nhờ thần thông.

Đạo trời soi sáng cõi lòng,

Mới thành thần thánh, sống cùng trời mây.

Lão Bành, Phó Duyệt nhờ tay,

Ngung Cường, Vương Mẫu may thay được ngài.

Mới nên thần thánh tuyệt vời,

Ngự cung Thiếu Quảng, chơi nơi Ngân Hà.

Biết bao thỏ lặn ác tà,

Hai vầng nhật nguyệt khôn qua Đạo Trời.

Kìa như Bắc đẩu thảnh thơi,

Cũng nhờ Đạo cả, mới ngôi cửu trùng.

Đạo Trời ngẫm thực vô cùng,

Bao nhiêu quyền phép thần thông nhiệm mầu. [13]

A. Nói rằng Đạo vô biên thể, Đạo là tông tổ vạn hữu thì đó là một chuyện dễ nói, đạo gia nào cũng nói được như vậy. Hoài Nam tử 淮 南 子 cũng đã viết: «Lúc còn là toàn thể, thời như là thuần phác, lúc đã phát tán, thời y như là đục ngầu; đục rồi dần dần lại trong, vơi rồi dần dần lại đầy, lặng lẽ như vực sâu, phơ phất như mây nổi; tựa như không mà vẫn có, tựa như mất mà vẫn còn, tất cả vạn vật, vạn sự đều phát xuất từ một cửa Đạo.»[14]

B. Còn như nói rằng Đạo lồng trong vạn hữu, thì chỉ những bậc chân sư mới dám nói. Lão tử đã đề xướng chủ trương này nơi chương này. Trang tử cũng đã long trọng chủ trương như vậy trong thiên Tri Bắc du, đoạn F, khi ông đối thoại với Đông Quách tử. Wieger đã dịch rất thoát ý phần kết đoạn ấy như sau: «Xin đừng hỏi Đạo ở trong đây hay đó. Đạo ở trong lòng vạn vật. Vì thế người ta mới gọi Đạo là lớn, là tuyệt luân, là toàn bích, là phổ quát, là viên mãn. Tất cả những từ ngữ đó đều áp dụng cho một thực thể duy nhất đó là Bản thể vũ trụ.»[15]

Lão tử chủ trương Đạo có trước mọi hiện tượng; nơi chương 25, Đạo đức kinh, ta thấy viết:

Có một vật an nhiên tự hữu,
Trước đất trời vĩnh cửu, tự thành.
Tịch liêu, vắng ngắt vắng tanh,
Một mình mình biết, một mình mình hay.
Muôn vàn chẳng chút đổi thay,
Đó đây quanh khắp, đó đây chẳng chồn.
Sinh muôn vật mẹ muôn thiên hạ,
Tính danh ngài ta há biết sao,
Tên ngài phải gọi thế nào,
Gọi liều là Đạo, gọi ào là To.
Vì quá to nên xa thăm thẳm,
Thăm thẳm xa mà vẫn gần kề,
Đạo to, to lớn muôn bề...

Câu «Tượng Đế chi tiên» 象 帝 之 先 này đã làm điên đầu các nhà bình giải châu Âu, vì đối với châu Âu Thượng đế là tuyệt đối, là rốt ráo rồi, thì sao lại có thể nói được rằng Đạo có trước Thượng đế. Thực ra vấn đề này cũng dễ bình giải, nếu chúng ta nhận định rằng các nhà huyền học trong đó có Lão tử, đều chấp nhận rằng: Tuyệt đối có hai phương diện:

Vô 無: Tuyệt đối chưa hiển dương; Hữu 有: Tuyệt đối đã hiển dương.

Tuyệt đối chưa hiển dương, Lão tử gọi là Vô 無 hay là Đạo 道. Tuyệt đối đã hiển dương, Lão tử gọi là Hữu 有 hay là Đế 帝. Như vậy nói rằng Đạo có trước Thượng đế thực ra cũng không sai quấy gì. Châu Âu thực ra cũng đã có quan niệm này từ lâu đời.

Xưa Hésiode (thế kỷ 8 trước công nguyên) đã có lần nhắc tới. Đối với Hésiode «Hồng mông» không phải là «hư vô tuyệt đối» mà là một cái gì vô định và bất khả tư nghị có trước trời đất và thần minh». [16]

Vả lại, từ ngữ châu Âu cũng đã có những chữ: Godhead và God; Deité và Dieu. Cũng như Bà la môn có chữ: Brahma và Brahman.

Ramakrishna cũng đã nói: «Khi ta nghĩ đến thực thể tối cao dưới hình thức thái tĩnh (Nishkriya) ta gọi Ngài là Thượng đế siêu việt tuyệt đối (Shuddha Brahman), còn khi ta nghĩ đến Ngài dưới hình thức hoạt động, tạo dựng, gìn giữ hay hủy hoại, ta gọi Ngài là Shakti hay Thượng đế hữu ngã.» [17]

Tóm lại, theo tôi, phân tuyệt đối thành Vô 無, Hữu 有, hay Hữu ngã 有 我, Vô ngã 無 我, chỉ là những phân biệt của gian trần. Sau trước cũng chỉ có một Tuyệt đối. Đó là điều mà tôi đã chủ trương trong tập Vô cực luận 無 極 論.

[1] Xung 沖 : rỗng, trống không. Hoài Nam tử 淮 南 子 (tr. 11b) có câu: Xung nhi từ doanh 沖 而 徐 盈.

[2] Hoặc 或: Duyvendak giải: rỗng nhưng từ từ lại đầy, đổi thành chữ cửu 久 .

[3] Doanh 盈: đầy, không hết. (Cao Hanh 高 亨 giải)

[4] Uyên 淵: 1. vực; 2. sâu.

[5] Tông 宗: tông tổ; gốc.

[6] Tỏa 挫: bẻ.

[7] Nhuệ 銳: nhọn.

[8] Phân 紛: rối rít, rối rắm.

[9] Trạm 湛: 1. sâu; 2. trong.

[10] Hoặc tồn 或 存: Duyvendak sửa là cửu tồn 久 存 (bền vững, lâu dài).

[11] Tượng 象: hình như (Cf. Legge).

[12] Đế 帝: Vương Bật 王 弼 giải là Thiên đế 天 帝. Legge, Wieger đều giải là Thượng đế 上 帝.

[13] Cf. Trang Tử Nam hoa kinh 莊 子 南 華 經, chương 6, Đại tông sư 大 宗 師, D.

[14] Cf. Hoài Nam tử 淮 南 子, tr. 11b. Tứ bộ bị yếu 四 部 備 要: «Kỳ toàn dã thuần hề nhược phác, kỳ tán dã hồn hề nhược trọc. Trọc nhi từ thanh, sung nhi từ doanh, đạm hề kỳ nhược thâm uyên, tấn hề kỳ nhược phù vân. Nhược vô nhị hữu, nhược vong nhi tồn. Vạn vật chi tổng giai duyệt nhất khổng, bách sự chi căn giai xuất nhất môn.» 其 全 也 純 兮 若 樸, 其 散 也 混 兮 若 濁. 濁 而 徐 清, 沖 而 徐 盈, 澹 兮 其 若 深 淵, 汎 兮 其 若 浮 雲. 若 無 而 有, 若 亡 而 存. 萬 物 之 總 皆 閱 一 孔, 百 事 之 根 皆 出 一 門.

[15] «Ne demandez pas si le Principe est dans ceci ou dans cela. Il est dans tous les êtres. C'est pour cela qu'on lui donne les épithètes de Grand, de suprême, d'entier, d'universel, de total. Tous ces termes différents, s'appliquent à une seule et même réalité, à l'unité cosmique.» Cf. Wieger, Les pères du système Taoïste, Tchouang Tzeu, chap. 22, F, p. 395.

Câu «Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần» sẽ còn được thấy nơi chương 56, và Duyvendak đem đoạn này xuống nơi chương 56, theo lối Mã Tự Luân và Trần Tử. Nhưng làm như vậy, mặc nhiên đã bỏ đi mất một nhận xét tối ư quan trọng về Đạo, đó là nhận xét: «Đạo chẳng xa lìa vạn hữu.»

[16] Le mythe à la fois théogonique et cosmogonique à été repris, on le sait, par Hésiode. Le Chaos, répétons-le, n'est pas exactement le néant absolu, c'est quelque chose d'indéterminé et d'indéfinissable qui précède l'être au monde et des dieux. -- Claude Tresmontant, P. E. D. p. 76.

[17] Quand on pense à l'Être suprême sous son aspect inactif (nishkriya), on le nomme Dieu absolu (Shuddha-Brahman) et quand on le représente sous son aspect actif et créant, soutenant et détruisant, on le nomme Shakti ou divinité personnelle. -- L'Enseignement de Ramakrishna, p. 475.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	**5**	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 5

HƯ DỤNG

虛 用

Hán văn:

天 地 不 仁, 以 萬 物 為 芻 狗. 聖 人 不 仁, 以 百 姓 為 芻 狗. 天 地 之 間, 其 猶 橐 籥 乎. 虛 而 不 屈, 動 而 愈 出. 多 聞 數 窮, 不 如 守 中.

Phiên âm:

1. Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu. [1]

2. Thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu.

3. Thiên địa chi gian,[2] kỳ do thác thược [3] hồ.

4. Hư nhi bất khuất,[4] động chi dũ xuất.

5. Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung. [5]

Dịch xuôi:

1. Trời đất không có lòng nhân, coi bách tính như chó rơm.

2. Thánh nhân không có lòng nhân, coi bách tính như chó rơm.

3. Khoảng trời đất giống như ống bễ. Trống không mà không hao kiệt, càng động, hơi càng ra.

4. Nói nhiều cũng chẳng hết, thà giữ lấy Trung.

Dịch thơ:

1. Đất trời chẳng có lòng nhân,

Mà xem vạn vật in tầm chó rơm.

2. Thánh nhân chẳng có lòng nhân,

Mà xem bách tính in tầm chó rơm.

3. Kiền khôn mở đóng khôn lường,

Trống nhưng mãi mãi là nguồn hóa sinh.

4. Thà rằng ôm ấp Đạo mình,

Còn hơn vất vả thuyết minh suốt đời.

BÌNH GIẢNG

Chương này bình về sự hoạt động của Đạo, của trời đất.

1. Thiên địa bất nhân 天 地 不 仁

Trời đất đối với vạn vật chí công vô tư, không hề có sự thiên tư, thiên vị. Vạn vật trong trời đất này đều được chi phối bằng những định luật vĩnh cửu, chính vì vậy mới trường tồn. Mùa xuân vạn vật sinh sôi, hoa cỏ đua tươi, khí hậu đầm ấm, lúc ấy không phải là trời đất có lòng thương hơn; mùa đông khi sương sa tuyết phủ, lá rụng hoa rơi, mưa phùn gió bấc, lúc ấy không phải là trời đất mang dạ oán hờn, mà chính là vì chu kỳ biến dịch đã tạo nên những hình thái như vậy.

Trời đất cưu mang, sinh trưởng, che chở vạn vật như vậy, không phải bằng lòng nhân tầm thường của nhân thế, mà bằng một lòng nhân siêu việt. Vì siêu việt nên người ta lại cho là trời đất bất nhân.

Trang tử trong thiên Đại tông sư, đã dùng Hứa Do mà bình về Đạo như sau: «Thày ta hỡi, Thày ta hỡi (Đạo), Thày sắp đặt vạn vật mà không cho thế là làm nghĩa; rưới ân trạch khắp muôn đời mà không cho thế là nhân; có từ trước đời thượng cổ, mà không cho thế là già! Che chở trời đất, chạm trổ hình hài, mà không cho thế là khéo. Ta hoạt động trong Ngài vậy!» [6]

Cũng vì có lòng nhân siêu việt như vậy, nên không thương loài nào, hơn loài nào vị loài nào hơn loài nào. Trong Xung Hư chân kinh có chép:

«Điền thị nước Tề nhà có giỗ tổ, mời thực khách có thời ngàn người. Có một người khách đem biếu cá vàng và ngỗng trời. Điền thị trông thấy, liền nói: 'Trời đối với con người thật là hậu hĩ. Chẳng những đã sinh ra lúa gạo, lại còn sinh ra chim, cá cho con người dùng. Các thực khách đều đồng thanh hưởng ứng. Duy có con ông Bào thị, mới mười hai tuổi, tiến ra và nói với Điền thị rằng: Điều ông vừa nói đó không đúng. Trời đất muôn vật và ta đều là các loài như nhau, chẳng có hơn kém. Các loài khôn, các loài mạnh, ăn thịt các loài ngu, các loài yếu, chứ chẳng phải loài này vì loài kia mà sinh ra. Người bắt loài vật mà ăn thịt, chứ đâu phải trời vốn vì người mà sinh vật. Cũng như muỗi, mòng hút máu người, hổ lang ăn thịt, nhưng không phải là trời đã vì muỗi mòng mà sinh ra người, vì hổ lang mà sinh ra thịt.»[7]

Dĩ vạn vật vi sô cẩu 以 萬 物 為 芻 狗

Cho nên đối với đất trời, không có loài nào tuyệt đối là trọng, loài nào tuyệt đối là khinh; mà khinh trọng đều là tương đối, đều là tùy theo thời gian, không gian, nhu cầu, công dụng nhất thời. Y như con chó cỏ trước khi hành lễ, thì được nâng niu, quí báu; sau khi hành lễ rồi, thì bị vứt ra đường, cho mọi người mặc tình chà đạp. [8]

Thật đúng là:

Có thời có tự mảy may,

Không thời cả thế gian này cũng không.

2. Thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu 聖 人 不 仁, 以 百 姓 為 芻 狗

Thánh nhân theo gương đất trời, cũng sống vượt lên trên lòng nhân tầm thường của chúng nhân, không thương kẻ này mà bỏ kẻ kia, không trọng đây khinh đó, nhưng sống thuận theo thời gian, hoàn cảnh, hòa mình cùng muôn vật.

3. Thiên địa chi gian, do ư thác thược hồ. Hư nhi bất khuất động nhi dũ xuất 天 地 之 間 其 猶 橐 籥 乎 虛 而 不 屈 動 而 愈 出

Ở đây Lão tử lại tiếp tục nói đến cái diệu dụng của trời đất. Trời đất y như là hư không, mà càng dùng lại càng có, «hồ hết lại có, hồ vơi lại đầy», chẳng khác gì như cái bễ thợ rèn; để yên thì không có hơi, nhưng hễ kéo, thì hơi sinh ra mãi không bao giờ hết.

4. Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung 多 聞 數 窮, 不 如 守 中

Bàn về Đạo cần chi phải nhiều lời, vì:

«Nhất ngôn khả dĩ đại ngộ,

一 言 可 以 大 悟

Bán cú khả dĩ thông huyền.»

半 句 可 以 通 玄

(Một lời đủ giác ngộ,

Nửa câu đủ thấu huyền.)

«Thủ trung bão nhất.» 守 中 抱 一 (Nắm giữ chân tâm, ôm ấp Đại nhất), thế là đủ rồi, cần chi phải bàn bạc cho nhiều.

---

[1] Sô cẩu 芻 狗: chó cỏ, chó rơm. Xưa, người ta bện cỏ, rơm thành chó, để dùng khi tế lễ; trước khi dùng đến, người ta quí báu chắt chiu; khi lễ xong rồi, người ta đem vứt bỏ. (Xem Nam hoa kinh, chương 14, D.)

[2] Thiên địa chi gian 天 地 之 間: có bản chép là thiên địa chi môn 天 地 之 門 .

[3] Thác thược 橐 籥: ống bễ thợ rèn. Nó gồm hai phần: một ống tròn bên ngoài 橐 (thác), một nòng thụt sinh gió bên trong 籥 (thược).

[4] Khuất 屈: hết, hao kiệt.

[5] Trung 中: ở đây tức là Đạo.

[6] Nam hoa kinh, chương VI, Đại tông sư 大 宗 師, đoạn I.

[7] Liệt tử 列 子, Xung Hư chân kinh 沖 虛 真 經, chương VIII, đoạn Y.

[8] Xem Nam hoa kinh, chương 14, Thiên vận 天 運, đoạn D.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	**6**	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 6

THÀNH TƯỢNG

成 象

Hán văn:

谷 神 不 死 是 謂 玄 牝. 玄 牝 之 門, 是 謂 天 地 根. 綿 綿 若 存. 用 之 不 勤.

Phiên âm:

1. Cốc thần [1] bất tử thị vị Huyền tẫn. [2]

2. Huyền tẫn chi môn thị vị thiên địa căn.

3. Miên miên [3] nhược tồn. Dụng chi bất cần. [4]

Dịch xuôi:

1. Cốc thần bất tử, đó là Huyền tẫn.

2. Cửa Huyền tẫn chính là gốc rễ trời đất.

3. Miên man trường tồn, dùng không bao giờ hết.

Dịch thơ:

Trời bất tử, trường sinh bất tử,

Cửa trường sinh là cửa càn khôn. [5]

Miên man muôn kiếp vẫn còn,

Muôn nghìn biến ảo mà tuồng trơ trơ.

BÌNH GIẢNG

Chương sáu này thực ra rất giản dị; đại ý rằng: Đạo hay Cốc thần trường sinh bất tử đó là cánh cửa kiền 乾 (Huyền 玄) khôn 坤 (tẫn 牝) đó là gốc gác, căn cơ của đất trời. Đó là một nguồn sinh tung tỏa vô cùng vô tận, dùng mãi chẳng hề vơi.

Chương này được các Đạo gia đặc biệt khai thác để áp dụng vào phương pháp tu thân, luyện đơn, cầu đạo, đi tìm trường sinh bất tử. Chính vì vậy mà ta cần khảo cứu chương này cho thấu đáo.

A. Cốc thần 谷 神 là gì?

Tiên học từ điển 仙 學 辭 典 giải: Cốc là hư 虛; thần là linh giác 靈 覺. Phép luyện đơn lấy «hư linh bất muội làm căn bản» 虛 靈 不 昧 為 本. Nên Cốc thần chính là «Không linh chi nguyên thần» 空 靈 之 元 神. [6]

Lưu Nhất Minh 劉 一 明 trong quyển Chu dịch xiển chân 周 易 闡 真 minh định rằng: «Cốc thần chính là: Thái cực 太 極 theo Nho giáo; Viên giác 圓 覺 theo Phật giáo; Kim đan 金 丹 theo Lão giáo.

«Cốc, ở đồ bản tròn của Dịch, thời ở vào điểm trống không ở giữa; ở đồ bản vuông của Dịch thời ở nơi tâm điểm chữ thập; ở nơi con người thời ở chỗ tứ tượng hòa hợp. Thần, ở đồ bản tròn của Dịch thời ở nơi Kiền Khôn tương giao; ở đồ bản vuông của Dịch thời ở nơi hai cánh chữ thập giao tiếp nhau; ở nơi con người, thời ở nơi tứ tượng động tĩnh. [...] Cổ nhân gọi đó là 'Sinh môn, tử hộ' 生 門 死 戶, 'Tạo hóa lô' 造 化 爐 'Âm dương hộ' 陰 陽 戶. Nho gia gọi là 'Đạo nghĩa chi môn' 道 義 之 門. Phật gia gọi là 'bất nhị pháp môn' 不 二 法 門. Đạo gia gọi là 'Chúng diệu chi môn' 眾妙之門. Cũng có thể gọi chung là «Giá cá» 這個. [7]

Lưu Nhất Minh cũng còn cho rằng: Cốc thần 谷 神 hay Nguyên tẫn 元 牝 [8] (Huyền tẫn 玄 牝) cũng chỉ là một. [9]

Bạch tổ 白 祖 cho rằng: «Đầu con người có chín cung, cung chính giữa là Cốc thần. Thần thường ở trong hang động của mình ban ngày tiếp xúc với vật, đêm tối tiếp xúc với mộng, vì thế không yên ở nơi chốn được». [10]

Như vậy Cốc thần chính là ở nơi nê hoàn cung, vì Nê hoàn chính là «Bản cung của Thần» ở trong con người. [11]

B. Huyền tẫn 玄 牝 là gì?

Lão tử cho rằng Huyền tẫn chính là Cốc thần: «Cốc thần bất tử, thị vị huyền tẫn.»

Các dịch giả châu Âu thường dịch là: la Femelle obscure (Duyvendak); la mère mystérieuse (Wieger); the Female mystery (J. Legge), v. v...

Nhưng khảo cứu Đạo gia ta thấy: Huyền tẫn chính là Thái cực, là nơi âm dương hợp nhất, kiền khôn giao thái, vì thế Lưu Nhất Minh mới nói: «Huyền tẫn tương giao, lương tri, lương năng hỗn thành vô ngại, kim đan ngưng kết. Danh viết: Cốc thần, hựu danh Thánh thai.» 玄 牝 相 交 良 知 良 能 混 成 無 礙 金 丹 凝 結 . 名 曰: 谷 神 又 名 聖 胎 [12] Sách Kim đan đại thành tập viết: «Huyền tẫn là gì? Đáp viết: Ở trên là Huyền, ở dưới là Tẫn. Một khiếu Huyền quan phía trái là Huyền, phía phải là Tẫn.» [13]

Vì thế các nhà luyện đơn mới cho rằng:

«Yếu đắc Cốc thần trường bất tử,

Tu bằng Huyền tẫn lập căn cơ.» [14]

要 得 谷 神 長 不 死 ; 須 憑 玄 牝 立 根 基.

Nói nôm na rằng: Muốn đắc đạo, muốn trường sinh bất tử, phải biết phối hợp Huyền tẫn, nghĩa là phối hợp âm dương, phối hợp nhân tâm với Đạo tâm, phối hợp Thần, Hồn.

ÂM + DƯƠNG = THÁI CỰC

TẪN + HUYỀN = ĐẠO

NHÂN TÂM + ĐẠO TÂM = CỐC THẦN

HỒN + THẦN

Mà nơi phối hợp chính là ở Nê hoàn cung 泥 丸 宮 ở chính giữa đầu não con người (Huyền quan nhất khiếu 玄 關 一 竅, Huyền tẫn 玄 牝, Thượng đan điền 上 丹 田).

Chính vì thế mà Huyền tẫn còn được gọi là: Huỳnh phòng 黃 房, Thần thất 神 室, Kim đỉnh 金 鼎, Ngọc lô 玉爐, Huyền quan 玄 關, Chân thổ 真 土, Ngân ngạc 鄞 鄂 …[15]

Sách Thông thiên bí thư 通 天 秘 書 có cả một chương nói về Huyền tẫn. Đại loại Huyền tẫn là:

Thái hư chi cốc 太 虛 之 谷

Tạo hóa chi nguyên 造 化 之 源

Hỗn độn chi căn 混 沌 之 根

Thái cực chi đế 太 極 之 蒂

Hư vô chi hệ 虛 無 之 系

Qui căn khiếu 歸 根 竅

Phục mệnh quan 復 命 關

Mậu kỷ môn 戊 己 門

Hoàng trung cung 黃 中 宮

Đan nguyên phủ 丹 元 府

Chân nhất xứ 真 一 處

Huỳnh bà xá 黃 婆 舍

Chu sa đỉnh 朱 砂 鼎

Long hổ huyệt 龍 虎 穴

Qui trung 規 中

Trung 中(trung điểm vòng Dịch), v. v... [16]

C. Huyền tẫn chi môn, thị vị thiên địa căn.

玄 牝 之 門 是 謂 天 地 根

Biết được Cốc thần, biết được Huyền tẫn chi môn, tức là biết được gốc gác, căn cơ của trời đất, vạn vật. Chẳng những thế còn biết được căn cơ, gốc gác của con người. Biết được căn cơ, gốc gác, tức là biết được nơi chốn trở về, vì thế trên đã nói Huyền tẫn chi môn cũng chính là: Qui căn khiếu, Phục mệnh quan.

Sách Kim đan đại thành tập viết: «Giữ được chân nhất ở Thiên cốc (Nê hoàn) khí vào được Huyền quan, tức là đạt tới Bản lai thiên chân». [17]

Đạt tới Căn nguyên 根 源 tức là tìm ra được «Bản lai diện mục» 本 來 面 目. [18] Biết được Huyền tẫn chi môn, tức là biết chỗ luyện đan, biết nơi ngưng kết thánh thai.

Sách Thông thiên bí thư viết: «Ở trong con người có một khiếu gọi là Huyền tẫn... Huyệt này là gốc gác căn cơ cho khoa luyện đan, hoàn phản; là nơi thần tiên ngưng kết thánh thai.» [19]

D. Biết được lò cừ Tạo hóa rồi, biết được Chân thể của Đạo rồi thì thấy mọi sự đều vĩnh cửu.

Từ biến chuyển nhìn ra trời đất,

Thì đất trời chớp mắt đã qua.

Từ trong vĩnh cửu nhìn ra,

Muôn loài muôn vật như ta, vô cùng. [20]

---

[1] Cốc thần 谷 神: các dịch giả châu Âu thường dịch Cốc thần là l'Esprit de la Vallée, như vậy không có nghĩa gì. Wieger dịch là: «La puissance expansive transcendante qui réside dans l'espace médian», không sai nhưng dài dòng quá.

[2] Huyền tẫn 玄 牝: nên hiểu Huyền là dương, tẫn là âm, và Huyền tẫn Thái cực nơi âm dương hợp nhất.

[3] Miên miên 綿 綿: dài dằng dặc.

[4] Cần 勤: hết.

[5] Ngộ chân thiên 悟 真 篇 vân:

Yếu đắc Cốc thần trường bất tử	要 得 谷 神 長 不 死
Tu bằng Huyền tẫn lập căn ky	須 憑 玄 牝 立 根 基
Chân tinh ký phản huỳnh kim ốc	真 精 既 返 黃 金 屋
Nhất khỏa minh châu vĩnh bất ly.	一 顆 明 珠 永 不 離

[6] Đái Nguyên Trường 戴 源 長, Tiên Học từ điển 仙 學 辭 典, tr. 89: Cốc giả hư dã, thần giả linh giác dã, đan pháp dĩ hư linh bất muội vi bản, thị cốc thần giả, nãi không linh chi nguyên thần dã. 谷 者 虛 也, 神 者 靈 覺 也, 丹 法 以 虛 靈 不 昧 為 本, 是 谷 神 者, 乃 空 靈 之 元 神 也.

[7] Xem Lưu Nhất Minh, Chu dịch xiển chân, tr. 11. Thị cốc dã, tại viên đồ tắc Kiền Khôn trung hư xứ thị, tại phương viên tắc thập tự trung phân xứ thị, tại nhân thân tắc tứ tượng hoà hợp xứ thị. Thị thần dã, tại viên đồ tắc Kiền Khôn giao đại xứ thị, tại phương viên tắc thập tự giao tiếp xứ thị, tại nhân thân tắc tứ tượng động tĩnh xứ thị. [...] Cổ nhân hiệu viết sinh môn tử hộ, hựu viết tạo hoá lô, âm dương lô; Nho viết Đạo nghĩa chi môn; Thích viết bất nhị pháp môn; Đạo viết chúng diệu chi môn. Tổng nhi ngôn chi viết Giá cá nhi dĩ. 是 谷 也, 在 圓 圖 則 乾 坤 中 虛 處 是, 在 方 圓 則 十 字 中 分 處 是, 在 人 身 則 四 象 和 合 處 是. 是 神 也, 在 圓 圖 則 乾 坤 交 代 處 是, 在 方 圓 則 十 字 交 接 處 是, 在 人 身 則 四 象 動 靜 處 是. [...] 古 人 號 曰 生 門 死 戶, 又 曰 造 化 爐, 陰 陽 爐; 儒 曰 道 義 之 門; 釋 曰 不 二 法 門; 道 曰 眾 妙 之 門. 總 而 言 之 曰 這 個 而 已. (xem Tiên Thiên Phương Viên Đồ 先 天 方 圓 圖; ấn bản Chu Dịch Xiển Chân, Tây An 西 安 Trung Quốc, 1995, tr. 25-26.)

[8] Huyền tẫn 玄 牝 từ đời nhà Thanh được cải là Nguyên tẫn 元 牝 để tránh tên húy nhà vua.

[9] Xem Lưu Nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân, tr. 9: Sở vân cốc thần bất tử, thị vị nguyên tẫn, nguyên tẫn chi môn, thị vị thiên địa căn dã. 所 云 谷 神 不 死 , 是 謂 元 牝 , 元 牝 之 門 , 是 謂 天 地 根 也 (Bản Tây An 1995, tr. 25)

[10] Bạch tổ viết: «Nhân chi đầu hữu cửu cung, trung nhất cung danh viết Cốc thần. Thần thường cư kỳ cốc, nhật tắc tiếp ư vật, dạ tắc tiếp ư mộng, bất năng an định kỳ cư dã.» 白祖曰：人之頭有九宮中一宮曰谷神神常居其谷日則接於物夜則接於夢不能安定其居也. Tiên học từ điển, mục từ Cốc thần, tr. 89.

[11] Nê hoàn thần chi bản cung 泥丸神之本宮 (Thôi Hi Phạm 崔希范, Nhập dược kính 入藥鏡, tr. 10b.)

[12] Lưu Nhất Minh, Chu dịch xiển chân, các đồ hình tr. 9. Như vậy Huyền là dương, Tẫn là âm.

[13] Kim đan đại thành tập 金丹大成集, chương 4a.

[14] Xem Chu dịch xiển chân, tr. 9a.

[15] Chú viết: Huỳnh phòng, Thần thất dã, Kim đỉnh dã; Ngọc lô dã; Huyền quan dã; Chân thổ dã; Ngân ngạc dã... 注曰：黃房神室也金鼎也玉爐也元關也元牝也真土也鄞鄂也 Thôi Hi Phạm, Nhập dược kính, tr. 4b.

[16] Thông thiên bí thư 通天秘書, quyển 4, tr. 9b.

[17] Vấn: Thái ất hàm chân. Đáp viết: Thủ chân ư Thiên cốc, khí nhập Huyền quan, tức đạt «bản lai Thiên chân» 問：太乙含真答曰：守真於天谷氣入玄關即達本來天真. Kim đan đại thành tập, tr. 6b.

[18] Đỗng kiến bản lai diện mục, chứng triệt vô thượng căn nguyên 洞見本來面目證徹無上根源. Xướng đạo chân ngôn 倡道真言, quyển 1, tr. 2b.

[19] Phù thân trung nhất khiếu danh viết Huyền tẫn. Thử huyệt nãi kim đan hoàn phản chi căn; thần tiên ngưng kết thánh thai chi địa. 夫身中一竅名曰玄牝. 此穴乃金丹還返之根；神仙凝結聖胎之地 Thông thiên bí thư, quyển 4, tr. 9b.

[20] Cái tương tự kỳ biến giả nhi quan chi, tắc thiên địa tằng bất năng dĩ nhất thuấn; tự kỳ bất biến giả nhi quan chi, tắc vật dữ ngã giai vô tận dã. 蓋將自其變者而觀之則天地曾不能以一瞬；自其不變者而觀之則物與我皆無盡也. Tô Đông Pha 蘇東坡, Tiền Xích bích phú 前赤壁賦. Xem bài phú Tiền Xích bích của Tô Thức 蘇軾, bản dịch Nguyễn Văn Thọ, tạp chí Văn đàn, năm thứ 3, bộ 3, số 41, ngày 9 đến 15. 8. 1962.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	**7**	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 7

THAO QUANG [1]

韜 光

Hán văn:

天 長 地 久. 天 地 所 以 能 長 且 久 者, 以 其 不 自 生, 故 能 長 生. 是以 聖 人 後 其 身 而 身 先, 外 其 身 而 身 存. 非 以 其 無 私 耶? 故 能 成 其 私.

Phiên âm:

1. Thiên trường, địa cửu. Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh.

2. Thị dĩ thánh nhân, hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn.

3. Phi dĩ kỳ vô tư da? Cố năng thành kỳ tư.

Dịch xuôi:

Trời dài, đất lâu. Trời đất sở dĩ dài lâu chính vì không sống cho mình, vì thế nên trường sinh.

Vì vậy thánh nhân để thân ra sau mà thân ở trước; để thân ra ngoài mà thân còn.

Phải chăng vì không riêng tây, nên vẫn thành được cái riêng tây?

Dịch thơ:

Trời đất bền, không vì mình sống,
Rẻ tấm thân, hiền thánh vinh danh.
Khinh thân, chẳng xá chi mình,
Vô tư nên mới hoàn thành riêng tư.

BÌNH GIẢNG

Chương này dạy ta hai bài học trọng đại:

1. Bắt chước đất trời mà hành sự.

2. Sống một cuộc đời vô ngã, vô kỷ, chí công, vô tư.

1. Lão tử chủ trương: Thánh nhân phải biết noi gương trời đất mà hành sự. Chủ trương này cũng chính là chủ trường của kinh Dịch.

Dịch kinh 易 經 viết: «Thiên thùy tượng, hiện cát hung, thánh nhân tượng chi.» 天 垂 象 現 吉 凶 聖 人 象 之 (Trời sinh hiện tượng, cho biết hay dở, thánh nhân trông đó mà bắt chước.) [2]

Nếu chúng ta nhìn vào thiên nhiên, vào vũ trụ để mà tìm ra những bài học luân lý tiềm ẩn trong mọi hiện tượng, thì trời đất đối với ta sẽ trở thành một cuốn sách vĩ đại.

2. Lão tử cũng dạy cho ta bài học «vô ngã, vô kỷ». Lão tử cho rằng trời đất trường cửu chính là vì không có lòng tư tâm, tư kỷ, hằng lồng trong vạn vật chẳng hề lìa xa,[3] sinh dưỡng vạn vật chẳng hề bỏ sót vật nào.[4]

Cũng một lẽ nếu thánh nhân, chỉ lo lợi lộc riêng tư của mình, thì chỉ mua oán chuốc sầu, mà chẳng thành tựu được công trình chi to tát.

Muốn trường cửu, cần phải biết quên mình. Quên mình tức là rũ bỏ hết tiểu kỷ, tiểu ngã, hòa mình với Đại đồng:

Tống Long Uyên cho rằng: Thánh nhân coi đạo đức là gốc, coi ảo thân là ngọn, không cầu vinh hiển cho mình.[5]

Trang tử viết: Chí nhân vô kỷ 至 人 無 己.[6]

Lại viết: «Chỉ có thể tán tụng bậc chí nhân rằng: Ngài đã hợp nhất với đại đồng, và không còn cái mình nhỉ nhoi nữa.»[7]

Đã không còn cái mình nhỏ nhoi, tức là đã thể hiện được Đại ngã. Thể hiện được Đại ngã tức là nhập Niết bàn, theo từ ngữ Phật giáo.[8]

Thánh nhân vì không còn lòng tư kỷ, nên lấy lòng người làm lòng mình, không còn tranh chấp. Chính vì thế mà tồn tại cùng với thời gian, chính vì thế mà những cái gì riêng tư của mình cũng chẳng mất.

Lưu Tư 劉 思, tác giả quyển Bạch thoại dịch giải Lão tử kể một truyện rất dí dỏm sau đây để giải thích câu «Phi dĩ kỳ vô tư da, cố năng thành kỳ tư» 非 以 其 無 私 耶? 故 能 成 其 私: Công Nghi Hựu làm tướng nước Lỗ, tính rất thích cá. Cả nước dâng cá. Công Nghi không nhận. Đệ tử trách: “Thầy thích cá, mà không nhận cá, vì sao?” - Công Nghi nói: “Chính vì thích cá, mà không nhận cá. Nếu nhận cá sẽ mất chức tướng quốc, dẫu thích cá, cũng không thể cung cấp cá cho mình. Không nhận cá, thời còn chức tướng quốc, vì thế nên vẫn có cá ăn lâu dài...” [9]

Đạo Đức kinh, chương 66, cũng viết:

«Sông biển kia cớ sao mà trọng,
Nước muôn khe thao túng vì đâu?
Biển sông vì thấp vì sâu,
Cho nên mới được đứng đầu muôn khe.

Muốn cao cả, ngôi che nhân thế,

Phải hạ mình, nhỏ nhẹ khiêm cung.

Cầm đầu phải ẩn sau lưng,

Mình sau, người trước chớ đừng kiêu căng.

Cho nên những nhân quân thánh đế,

Ở trên dân, dân nhẹ như không.

Trước dân, dân vẫn nức lòng,

(Người tung kẻ hứng, như rồng gặp mây).

Dạ vốn chẳng toan bài tranh chấp,

Thế cho nên chẳng gặp đấu tranh.»

---

[1] Thao quang 韜 光: che giấu bớt ánh sáng.

[2] Hệ từ thượng, chương 11.

[3] Thể vạn vật nhi bất khả di 體 萬 物 而 不 可 遺 . Đạo đức kinh giảng nghĩa 道 德 經 講 義, tr. 10b.

[4] Sinh vạn vật nhi bất quỹ 生 萬 物 而 不 匱. ib. 10b.

[5] Dĩ đạo đức vi bản, dĩ ảo [huyễn] thân vi mạt, bất cầu vinh hiển ư nhất thân 以 道 德 為 本, 以 幻 身 為 末, 不 求 榮 顯 於 一 身 (Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 10)

[6] Nam hoa kinh, I, Tề vật luận, C.

[7] Luận tụng hình khu, hợp hồ Đại đồng. Đại đồng nhi vô kỷ. 論 頌 形 軀,合 乎 大 同 . 大 同 而 無 己. Cf. Wieger, Les pères du système Taoïste, Tchoang Tzeu, chap. 11, E. p. 291-293.

[8] Hữu đại ngã cố, danh đại Niết bàn. 有 大 我 故 名 大 涅 槃 «Niết bàn kinh».

[9] Lưu Tư, Bạch thoại dịch giải Lão tử, tr. 16.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	**8**	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 8

DỊ TÍNH [1]

易 性

Hán văn:

上 善 若 水. 水 善 利 萬 物 而 不 爭, 居 眾 人 之 所 惡, 故 几 於 道. 居 善 地, 心 善 淵, 與 善 仁, 言 善 信, 政 善 治, 事 善 能, 動 善 時. 夫 唯 不 爭, 故 無 尤.

Phiên âm:

Thượng thiện nhược thủy.

Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ [2] ư Đạo.

Cư thiện [3] địa, tâm thiện uyên, dữ [4] thiện nhân, ngôn thiện tín, chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời.

Phù duy bất tranh, cố vô vưu. [5]

Dịch xuôi:

Bậc trọn lành giống như nước.

Nước khéo làm ích cho muôn loài mà không tranh giành, ở chỗ mọi người đều ghét, cho nên gần Đạo.

Ở thì lựa nơi chốn; tâm hồn thời thâm trầm sâu sắc; giao tiếp với người một mực nhân ái; nói năng thành tín; lâm chính thời trị bình; làm việc thời có khả năng; hoạt động cư xử hợp thời.

Chính vì không tranh, nên không ai chê trách oán thán.

Dịch thơ:

1. Người trọn hảo giống in làn nước,

2. Nuôi muôn loài chẳng chút cạnh tranh.

Ở nơi nhân thế rẻ khinh,

Nên cùng Đạo cả mặc tình thảnh thơi.

3. Người trọn hảo, chọn nơi ăn ở,

Lòng trong veo, cố giữ đức nhân.

Những là thành tín nói năng,

Ra tài bình trị chúng dân trong ngoài.

Mọi công việc an bài khéo léo,

Lại hành vi mềm dẻo hợp thời.

4. Vì không tranh chấp với ai,

Một đời thanh thản, ai người trách ta.

BÌNH GIẢNG

Có nhiều cách bình giảng chương này:

a. Vương Bật, Hà Thượng công, Tống Long Uyên toàn đề cập các đức tính của nước.

b. James Legge và Duyvendak cho rằng chương này nói về sự trọn hảo.

c. Có nhiều tác giả khác như Nghiêm Toản, Nguyễn Duy Cần áp dụng chương này vào «bậc trọn hảo», vào thánh nhân. Tôi cũng chủ trương như vậy.

Ở chương này, Lão tử khuyên các bậc thánh nhân phải bắt chước nước. Nước bao giờ cũng chảy chỗ trũng, chỗ thấp, làm ơn ích cho muôn loài muôn vật.

Bậc thánh nhân cũng phải như vậy: phải sống cuộc đời khiêm cung, từ tốn, quên mình vì người, không tự cao tự đại có như thế mới gần Đạo gần Trời. [6]

Ngoài ra thánh nhân phải:

(1) Chọn nơi ăn chốn ở, vì chỗ ăn ở ảnh hưởng rất nhiều đến toàn thể con người. (2) Phải sống thâm trầm, không phù phiếm, xốc nổi.

Tham Đồng Khế 參 同 契 của Ngụy Bá Dương 魏 伯 陽 có câu: «Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung.» 真 人潛 深 淵,浮 游 守 規 中 và giải rằng đó là luôn giữ được Nguyên thần ở Nê hoàn.[7]

3. Giao tiếp với người bằng một lòng nhân ái.

4. Nói lời thành tín.

5. Nếu cầm quyền chính, sẽ đem bình trị lại cho thiên hạ.

6. Khi làm công việc, tỏ ra có khả năng.

7. Hoạt động uyển chuyển theo thời. Chẳng những thế thánh nhân sẽ không tranh chấp với ai.

Cát Trường Canh toát lược chương này như sau: «Nước bỏ chỗ cao, mà chảy xuống chỗ thấp – ngày đêm, nước làm việc chẳng ngừng. Trên trời, nước làm mưa, làm sương. Dưới đất, nước sinh sông, sinh lạch. Đâu đâu nước cũng thấm nhuần, tắm gội. Nước làm ích cho mọi loài. Nước luôn tuân phục, không kháng cự. Đắp đê ngăn thời nước ngừng; mở cửa cống cho thoát thời nước chảy. Nước cũng đổi hình thù vuông tròn tùy theo bình chứa. Con người thường có khuynh hướng khác hẳn. Con người luôn ưa lợi lộc, luôn luôn vị kỷ. Vì thế con người phải bắt chước làm nước. Kẻ nào hạ mình để phục vụ người, sẽ được mọi

người thương mến, và không bị ai chống đối.» [8]

---

[1] Dị tính 易 性: sống giản dị, theo tính tự nhiên.

[2] Cơ 幾: gần.

[3] Thiện 善: (a) ưa thích, chịu. (b) nên, tốt,... mới tốt. (Ví dụ: Tâm phải sâu xa mới tốt. Lời nói phải tín thành mới tốt.)

Duyvendak theo James Legge, dịch câu này như sau:

On considère:

- bon pour la demeure, le lieu (favorable)
- bonne pour le cœur, la profondeur,
- bonne pour les rapports sociaux, l'humanité
- bonne pour la parole, la bonne foi
- bon pour le gouvernement, l'ordre
- bonne pour le service, la capacité
- bon pour l'action, de saisir le moment favorable

Duyvendak, Tao Te King, p. 19.

[4] Dữ 與: sự giao tiếp.

[5] Vưu 尤: lỗi lầm oán trách.

[6] Thánh nhân dĩ khiêm thoái tự xử, dĩ ti hạ tự an, ninh khúc kỷ dĩ toàn nhân, bất hiếu cao nhi tự đại. 聖 人 以 謙 退 自 處, 以卑 下 自 安, 寧 曲 己 以 全 人, 不 好 高 而 自大 . Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 11.

[7] Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung... Tùy chân tức chi vãng lai, nhiệm chân tức chi thăng giáng, tự triêu chí mộ, nguyên thần thường thê ư nê hoàn… 真 人 潛 深 淵, 浮 游 守 規 中 ... 隨 真 息 之 往 來, 任 真 息 之 升 降, 自 朝 至 暮, 元 神 常 棲 於 泥 丸 ... Phục mệnh thiên vân: «Hội hướng ngã gia viên lý, tài bồi nhất mẫu thiên điền. 復 命 篇 云 : 會 向 我 家 園 裏, 栽 培 一 畝 天 田. Thiên điền 天 田 là thiên tâm 天 心, thiên cốc 天 谷, nê hoàn 泥 丸) Chu dịch tham đồng khế phát huy 周 易 參 同 契 發 輝, quyển trung, tr. 18b.

[8] Xem Léon Wieger, Les Pères du Sytème Taoïste, p. 25.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	**9**
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 9

VẬN DI [1]

運 夷

Hán văn:

持 而 盈 之, 不 如 其 已. 揣 而 銳 之, 不 可 長 保. 金 玉 滿 堂, 莫 之 能 守. 富 貴 而 驕, 自 遺 其 咎. 功 成 名 遂, 身 退, 天 之 道.

Phiên âm:

1. Trì [2] nhi doanh [3] chi bất như kỳ dĩ.[4]

2. Sủy [5] nhi nhuệ [6] chi bất khả trường bảo.

3. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ.

4. Phú quí nhi kiêu, tự di [7] kỳ cữu.[8]

5. Công thành, danh toại, thân thoái,[9] thiên chi đạo.

Dịch xuôi:

1. Giữ mà làm cho đầy mãi, không bằng dừng lại.

2. Mài cho nhọn, cho sắc không giữ được lâu.

3. Vàng ngọc đầy nhà, chẳng thể giữ được.

4. Giàu sang mà kiêu căng, sẽ tự vời tai họa.

5. Thành công, thành danh rồi thời nên lui thân, ấy là đạo Trời.

Dịch thơ:

1. Bình nước đầy giữ sao khỏi đổ,

Đổ chi đầy quá cỡ chứa chan?

2. Ra công mài nhọn dao oan,

Giữ sao cho được vẹn toàn trước sau?

3. Đầy vàng ngọc nhà nào bền bỉ,

4. Quá giàu sang chắc sẽ kiêu sa,

Suy vong do đó sinh ra,

5. Nên giờ vinh hiển là giờ thoái lui.

Công thành thân thoái lẽ Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này bàn về sự thăng trầm của cuộc đời.

Léon Wieger bình chương này như sau: «Một bình nước đầy, hơi đụng tới sẽ tràn, hoặc sẽ hao dần vì bốc hơi. Một lưỡi nhọn quá nhọn, sẽ bị khí trời làm giảm sức bén. Một kho tàng trước sau sẽ bị cướp bóc, bị tịch thâu. Mặt trời lên đến đỉnh sẽ xế; trăng mà tròn thời sẽ khuyết. Một bánh xe quay tới điểm cao nhất sẽ lộn xuống. Ai mà hiểu định luật phổ quát và bất biến này của trời đất là hết doanh sẽ đến hư, khi thấy công danh của mình đã lên tới cực điểm rồi, thì phải liệu bề rút lui. Làm vậy không phải vì sợ nhục sau này, mà chính là để bảo thân, để theo đúng đường lối của số mệnh. Một nhà bình giải cho rằng: khi giờ đã điểm, thánh nhân sẽ tháo cũi, sổ lồng, để sống ngoài vòng cương tỏa. Như kinh Dịch đã nói, lúc ấy thánh nhân không còn phục vụ vua chúa nữa, vì tâm trí ngài đã ở trên một bình diện cao hơn. [10] Nhiều đạo gia xưa nay đã theo đường lối này và đã qui ẩn lúc đang thời thịnh mãn. [11]

Con người cần phải biết định luật doanh hư, tiêu trưởng của trời đất, mới bảo tồn được tấm thân. Đó chính cũng là chủ trương của Dịch, và của Khổng giáo.

Kinh Dịch nơi Thoán truyện quẻ Phong 豐 viết:

«Vừng dương cao sẽ xế ngang,

Trăng tròn rồi sẽ chuyển sang hao gầy.

Đất trời lúc rỗng, lúc đầy,

Thăng trầm, tăng giảm đổi thay theo thời.

Đất trời còn thế nữa người,

Quỉ thần âu cũng một bài thịnh suy.» [12]

Trong quyển Khổng tử thánh tích đồ có kể: «Trong miếu thờ Lỗ Hoàn công có treo một bình gọi là y khí. Để không thì nghiêng; đổ nước vào lưng chừng thời ngay ngắn, đổ nước đầy đến miệng thì lập úp xấp lại. Vua chúa treo để tự răn. Đức Khổng bảo môn đệ đổ nước thí nghiệm, thấy đúng như vậy. Ngài dạy các môn đệ rằng: Muốn trì mãn (giữ sự sung mãn) phải hết sức khiêm cung.»[13]

Thoán truyện quẻ Khiêm 謙 cũng viết:

«Trời làm vơi chốn dồi dào,

Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.

Đất soi mòn bớt cao phong,

Mà cho lòng biển, lòng sông thêm dày.

Quỉ thần hại kẻ no đầy,

Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.

Người thường ghét kẻ thừa dùng,

Còn người khiêm tốn thật lòng thời ưa.

Trên khiêm thời sáng mãi ra,

Dưới khiêm ai kẻ hơn ta được nào?

Khiêm cung giữ vẹn trước sau,

Rồi ra quân tử gót đầu hanh thông.» [14]

Rút lui đúng lúc đúng thời, kinh Dịch gọi thế là:

- Hiếu độn 好 遯 (rút lui mà vui thích);[15]

- Gia độn 嘉 遯 (rút lui một cách đẹp đẽ);[16]

- Phì độn 肥 遯 (rút lui mà lòng khoan khoái).[17]

Ta có thể tóm tắt tư tưởng của Lão, của kinh Dịch về sự cần phải rút lui khi đã thành công như sau:

- Bịn rịn mà chi lúc rút lui,

Tư tình, quân tử rũ xong rồi,

Thênh thang nhẹ gót đường bôn tẩu,

Tiểu nhân tình lụy, khó êm xuôi.

(phóng tác hào cửu tứ quẻ Độn)

- Rút lui đẹp đẽ mới là lui,

Phải thời, mọi chuyện sẽ êm xuôi,

Mình mạnh, mình lui người mới phục,

Lui cho lý tưởng khỏi pha phôi.

(phóng tác hào cửu ngũ quẻ Độn)

- Rút lui hớn hở mới là hay,

Về với điền viên, với cỏ cây,

Bỏ chuyện công danh vui đạo lý,

«Công thành thân thoái» lẽ xưa nay.

(phóng tác hào thượng cửu quẻ Độn) [18]

---

[1] Vận di 運 夷: có thể là «bị hại vì vận mệnh».

[2] Trì 持: cầm.

[3] Doanh 盈: đầy.

[4] Dĩ 已: thôi.

[5] Sủy 揣: mài nhọn.

[6] Nhuệ 銳: làm cho sắc bén.

[7] Di 遺: để lại.

[8] Cữu 咎: lỗi.

[9] Công thành, doanh toại, thân thoái: Có nhiều sách chỉ chép có công toại, thân thoái.

[10] Xem quẻ Cổ 蠱, hào thượng cửu: «Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.» 不 事 王 侯 高 尚 其 事.

[11] Xem Wieger, Les Pères du Sytème Taoïste, tr. 25 - 26.

[12] Xem Dịch kinh, quẻ Phong 豐, Thoán truyện: Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực; thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức, nhi huống ư nhân hồ? Huống ư quỉ thần hồ? 日 中 則 昃 月 盈 則 食 ; 天地 盈 虛 與 時 消 息 而 況 於 人 乎 ? 況 於 鬼 神 乎 Xem Nguyễn Văn Thọ, Chân dung Khổng Tử, tr. 209.

[13] Xem Khổng tử thánh tích đồ, tr. 62 - 63. -- Xem Nguyễn Văn Thọ, Chân dung Khổng tử, tr. 210.

[14] Xem kinh Dịch, quẻ Khiêm 謙, Thoán truyện: Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm, quỉ thần hại doanh nhi phúc khiêm, nhân đạo ố doanh nhi háo khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ti nhi bất khả du: Quân tử chi chung dã. 天 道 虧 盈 而 益 謙, 地 道 變 盈 而 流 謙, 鬼 神 害 盈 而 福 謙, 人 道 惡 盈 而 好 謙. 謙 尊 而 光, 卑 而 不 可 踰: 君子 之 終 也. Xem Chân dung Khổng tử, tr. 210-211.

[15] Xem Kinh Dịch quẻ Độn 遯, hào cửu tứ: Hiếu độn, quân tử cát, tiểu nhân phủ. 好 遯 君 子 吉 小 人 否.

[16] Xem Kinh Dịch quẻ Độn 遯, hào cửu ngũ: Gia độn, trinh cát. 遯 嘉 遯 貞 吉.

[17] Xem Kinh Dịch, quả Độn 遯, hào thượng cửu: Phì độn, vô bất lợi. 遯 肥 遯 無 不 利.

[18] Xem Kinh Dịch, dịch thơ và bình giảng của Nguyễn Văn Thọ, nơi quẻ Độn 遯.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 10

NĂNG VI

能 為

Hán văn:

載 營 魄 抱 一 能 無 離 乎? 專 氣 致 柔, 能 如 嬰 兒 乎? 滌 除 玄 覽, 能 無 疵 乎? 愛 民 治 國, 能 無 為 乎? 天 門 開 闔, 能 無 雌 乎? 明 白 四 達, 能 無 知 乎? 生 而 畜 之, 生 而 不 有, 為 而 不 恃, 長 而 不 宰, 是 謂 玄 德.

Phiên âm:

1. Tải doanh phách[1] bão nhất[2] năng vô ly hồ?

2. Chuyên khí trí nhu,[3] năng anh nhi[4] hồ?

3. Dịch [5] trừ [6] huyền lãm,[7] năng vô tì hồ? [8]

4. Ái dân trị quốc năng vô vi hồ? [9]

5. Thiên môn khai hạp, năng vô thư hồ? [10]

6. Minh bạch tứ đạt năng vô tri hồ? [11]

7. Sinh nhi súc chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng chi bất tể, thị vị huyền đức.[12]

Dịch xuôi:

Năng vi (Làm được không?)

1. Có thể đem hồn phách ôm ấp lấy Đạo, không lìa xa chăng?

2. Có thể giữ cho nguyên khí không tán loạn, giữ vẹn thiên chân, hoàn toàn theo được đạo Trời, (định

luật trời đất) như anh nhi chăng?

3. Có thể tẩy trừ được (trần cấu), giữ được cho gương lòng trong sáng không tì vết chăng?

4. Có thể yêu dân trị nước, mà vẫn vô vi chăng?

5. Cơ trời mở đóng, có thể thuận ứng như con mái chăng?

6. Có thể sáng suốt mà như người vô tri chăng?

7. Sinh dưỡng vạn vật; sống mà vẫn như không có; làm mà không cậy công; khiến cho lớn mà không đòi làm chủ, thế là đức sâu xa vậy.

Dịch thơ:

1. Làm sao đem hết xác hồn,
Hòa mình với Đạo chẳng còn lìa xa.
2. Làm sao giữ vẹn tinh hoa,
Sống đời thanh thản, như là Anh Nhi!
3. Làm sao rũ sạch hà tì,
Gương lòng vằng vặc, quang huy vẹn tuyền!
4. Thương dân trị nước cho yên,
Vô vi mà vẫn ấm êm mới là!
5. Cửa trời mở đóng lại qua,
Thuận theo, chẳng dám phôi pha mệnh trời!
6. Muốn điều thông suốt khúc nhôi,
Ở sao vẫn tựa như người vô tri!
7. (Những người đức hạnh huyền vi,)
Dưỡng sinh muôn vật chẳng hề tâng công,
Sống đời vẫn tựa như không,
Cần cù lao tác, chẳng mong đáp đền.
Giúp dân, nhưng chẳng tranh quyền,
Ấy là đức hạnh nhiệm huyền, siêu vi.

BÌNH GIẢNG

Chương này, theo James Legge, là một chương tối nghĩa nhất của sách. Vì thế ta thấy các nhà bình giải chương này theo nhiều trình độ cao thấp khác nhau.

Trước khi đi vào chi tiết, ta hãy tóm tắt đại ý của chương. Chương này nói lên những nguyện vọng chính yếu của Lão tử.

1. Làm sao sống kết hợp với trời, với Đạo (ba câu đầu).

2. Làm sao thương dân, trị dân mà không làm nhũng loạn dân (câu 4).

3. Làm sao sống thuận mệnh trời (câu 5).

4. Làm sao thông minh duệ trí, mà không phô trương (câu 6).

5. Làm sao làm ơn ích cho muôn loài, mà không tự thị (câu 7).

1. Làm sao sống kết hợp với Trời, với Đạo

a. Tải doanh phách, bão nhất:

- Lão tử cho rằng muốn sống kết hợp với Trời với Đạo, thời phải dùng hết hồn, xác mình, hết khả năng mình.

Đạo Lão gọi thế là:

- Thủ Trung 守 中, Bão Nhất 抱 一

- Bão Nguyên 抱 元, Thủ Nhất 守 一

- Kiến tố 見 素, Bão phác 抱 樸

- Đắc Nhất 得 一, Đắc Đạo 得 道

Thượng phẩm đơn pháp cũng có đề cập đến «bão nguyên, thủ nhất» và giải Nguyên là «Nguyên thủy tể khí»; Nhất là «Bản lai nguyên tính».

Lão tử đề cập đến:

- «Thủ trung» ở chương 5.

- «Bão nhất» ở chương này.

- Và «Đắc nhất» ở chương 39.

Hà Thượng Công cho rằng nếu con người ôm ấp được Trời, được Nhất, khiến không lìa xa thân mình, sẽ được trường tồn; và sau đó ông cũng đề cập đến chương nói về Đắc Nhất của Lão tử. Sống kết hợp với Trời, với Đạo là lý tưởng của mọi đạo giáo.

Lão tử nói: «Tải doanh phách bão nhất năng vô ly hồ.» thì Chúa Jesus cũng nói: «Ngươi phải mến Chúa, là Chúa Trời người, hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí ngươi.» (Luc, 10-26).

Theo từ ngữ của huyền học, thì Bão Nhất, Đắc Nhất, chính là tìm ra được Trung điểm tâm hồn, đáy thẳm tầng sâu tâm hồn, nơi phát xuất tung tỏa ra mọi quan năng. Đó tức là tìm ra được vô cùng lồng trong vạn hữu, vĩnh cửu lồng trong tạm bợ, biến thiên. [13]

Trong quyển Yoga và Thiền học của Nguyễn Duy Hinh, nơi trang 55, ta thấy một đoạn rất lý thú như sau:

«Người tu được Một mới là linh,
Một ấy gắng tìm ở giữa mình.
Lặng lẽ tịch ngồi, gom tứ tổ,
Im lìm ngưng ngó, hiệp tam tinh.
Đem thần về cội, tâm vô động,
Dẫn khí qui nguyên, khí phải bình.
Nhất khiếu huyền linh, thông vạn pháp.
Thiên kinh, vạn quyển nhất thời minh.

«Một là gì? Tức là Chân Như, Chân thần, Chân nhân, Chân tâm, là Đạo, Niết Bàn, là Chân lý v. v...

Một ấy, bạn khỏi tìm đâu xa. Hãy tìm ngay trong cái Tâm thanh tịnh, sáng suốt của mình. Tứ tổ là tứ đại, tức là tất cả các giác quan gom về một mối.

Khi tinh, khí, thần hiệp làm một, tất nhiên cái tâm phát sinh diệu dụng, sáng suốt tỏ tường, soi thấu mọi sự vật.

Bởi trong cái tâm thanh tịnh và sáng suốt ấy gom chứa và thông suốt tất cả, cho nên nói là «Thiên kinh vạn quyển nhất thời minh». Tất cả các kinh sách đều do một cái chân tâm mà có, tuy bày ra muôn ngàn lời lẽ, gương tích, nhưng cũng đồng một chân lý.»

Tam Mao Chân Quân 三 茅 真 君 có thơ:

Linh đài trạm trạm tự băng hồ

靈 臺 湛 湛 似 冰 壺

Chỉ hứa nguyên thần lý diện cư

只許 元 神 裏 面 居

Nhược hướng thủ trung lưu nhất vật

若 向 此 中留 一 物

Khởi năng chứng Đạo hợp hư vô. [14]

起能 証 道 合 虛 無

Tạm dịch:

Tâm linh man mác tựa băng hồ,

Nơi ấy Nguyên thần độc nhất cư,

Nếu để vật chi vương vấn đó,

Làm sao chứng Đạo, hợp Hư vô.

Khẩu quyết «Tải doanh phách bão nhất» cũng giúp chúng ta hiểu các khẩu quyết tương tự khác như:

- Toản thốc ngũ hành 攢 簇 五 行

- Tam hoa qui đỉnh 三 花 歸 頂

- Ngũ khí triều nguyên 五 氣 朝 元

- Tứ tổ qui gia 四 祖 歸 家

- Tính 性, tình 情, hồn 魂, phách 魄, ý 意, qui trung 歸 中, v. v... của Đạo Lão.

b. Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ.

«Chuyên khí trí nhu» tức là giữ sao cho vẹn thiên chân, thiên tính, không để cho nó hao tán, và để cho nó được tới chỗ nhu hòa tột mức. (Lưu Tư)

Hà Thượng Công cũng cho rằng «chuyên khí» là giữ cho tinh khí không tán loạn.

Tống Long Uyên cho rằng «chuyên khí chí nhu» là trạng thái vô tư, vô lự, vô tri, vô dục, khi mọi vọng niệm đã tiêu tan. [15]

«Anh nhi» thường được hiểu là anh hài, là trẻ sơ sinh.

Nhưng kết quả của công phu tu luyện không phải là trở về trạng thái trẻ sơ sinh, mà chính là trở thành «thần minh».

Vì tu tiên đạo đức là phải đi hết con đường nhân đạo, rồi mới lên tới tiên đạo,[16] mới có thể thông linh đạt biến,[17] tâm tĩnh, khí định, sống một cuộc đời tiêu sái, hồn nhiên.

Thượng phẩm đan pháp cho rằng: Anh nhi tức là Thiên chân ngưng kết, chứ không còn phải là phàm tinh, phàm khí, phàm thần, ẩn hiện tùy tâm, có thể xuyên qua vàng, qua sắt, mà không hề để lại vết tích gì. [18]

Thế tức là «Tiên thiên chân thể» đã hiển lộ,[19] «phàm tâm đã sạch», «chân tính» đã được phát huy. [20]

Lúc ấy con người sẽ sống hoàn toàn tự nhiên, tự tại, sảng khoái, thần tiên. Thế gọi là «sống chí thành bắt chước tự nhiên». [21]

Nhập dược kính 入 藥 鏡 của Thôi Hi Phạm 崔 希 范 có thơ rằng:

Đại đạo hư vô pháp tự nhiên

大 道 虛 無 法 自 然

Tự nhiên chi ngoại cánh vô huyền

自 然 之 外 更 無 玄

Trí nhu, chuyên khí, anh nhi dạng

致 柔 專 氣 嬰 兒 樣

Cơ tức cầu san, khốn tức miên. [22]

飢 即 求 餐 困 即 眠

Tạm dịch:

Hư vô, đạo phỏng tự nhiên,

Ngoài ra, nào có phép huyền nào đâu?

Sống đời thanh thản, tiêu dao,

Đói ăn mệt ngủ, khác nào anh nhi.

c. Địch trừ huyền lãm, năng vô tì hồ.

Tống Long Uyên cho rằng «huyền lãm» là kiến thức, kiến văn.

Khi chưa đắc đạo thì tạm dùng nó, như là thuyền bè để qua sông. Khi đã đắc đạo, thời phải rũ bỏ kiến thức gian trần cho tâm hồn được thảnh thơi, y như khi đã hết bệnh thời thôi dùng thuốc.[23]

Hà Thượng Công cho rằng «huyền lãm» là nhìn thấu u huyền và giải rằng khi đã tẩy rửa cho tâm hồn trở nên thanh khiết, thì tâm hồn sẽ thấu suốt vạn sự, vạn duyên, sẽ nhìn thấu u huyền.[24]

Trương Mặc lại cho rằng gột rửa trừ bỏ những bụi bậm xấu dơ bám vào tấm gương siêu hình «huyền lãm» khiến cho nó trở nên trong suốt sáng ngời không chút bợn nhơ, vẩn đục.[25]

Nếu ta chấp nhận chủ trương của Trương Mặc, thì câu này cũng giống như câu kệ của Thần Tú:

Thân thị bồ đề thụ

身 是 菩 提 樹

Tâm như minh kính đài

心 如 明 鏡 臺

Thời thời cần phất thức

時 時 勤 拂 拭

Mạc sử nhạ trần ai

莫 使 惹 塵 埃

«Thân như cây bồ đề,

Tâm như đài gương tỏ,

Thường khi lo phủi chùi,

Đừng để đóng bụi nhọ.»

Nhiều nhà bình giải cho rằng chương này dạy về phép vệ sinh, cốt sao cho «linh, nhục điều hòa». [26]

Thiết tưởng giải như vậy, mặc nhiên đã hạ Lão tử xuống một trình độ rất thấp.

Riêng tôi, tôi cho rằng chương này đã cho ta những tôn chỉ, những phương pháp để đạt tới Thái cực, tới Tuyệt đối, thực hiện được Thiên chân, Thiên thể.

Muốn vậy phải giữ cho tâm thần được nguyên tuyền, thanh sảng, thần thanh, trí định, tâm bình, khí hòa, phải hết lòng hết sức ao ước kết hợp với Thiên lý, Thiên chân... [27]

2. Làm sao trị dân trị nước mà vẫn vô vi

Lão tử chủ trương không dùng lối hữu vi, hữu dục mà lũng đoạn đời sống tự nhiên của dân. Thương dân chính là để cho dân thuận sinh, thuận hóa.

Cai trị bằng lối vô vi, thương dân mà dân không biết, trị dân mà dân không hay, như vậy mới cao siêu.

3. Làm sao sống thuận mệnh Trời

Muốn sống thuận mệnh trời, phải biết theo đường lối nhu thuận, không bao giờ được gàng quải sự biến hóa của trời đất. Đó là theo đường lối Âm nhu, thuận ứng, mà Dịch đã đề cập trong quẻ Khôn.

Muốn vậy phải sống theo «thiên thời, địa lợi, nhân hòa» và nhất là phải biết sống thuận theo tuổi tác mình.

Khi còn trẻ, phải thuận theo lẽ trời mà hướng ngoại để góp phần xây dựng gia đình, quốc gia, xã hội.

Khi đã đứng tuổi, phải biết hướng nội, tu tâm, tu tính, mong có ngày qui nguyên, phản bản.

Gẫm đạo lý có sau, có trước,

Lẽ Âm dương có ngược, có xuôi.

Ngược là gió cuốn bụi đời,

Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lầm.

Có thử thách mới phân vàng đá,

Có lầm than mới rõ chuyện đời.

Khi xuôi, sấm chớp tơi bời,

Tầng sâu bày giải căn trời nội tâm.

Trông tỏ đức chí nhân, chí chính,

Biết mục phiêu sẽ định, sẽ an,

Rồi ra suy xét nguồn cơn,

Con đường phối mệnh chu toàn tóc tơ. [28]

Sự thuận thảo cao siêu nhất là sống hoàn toàn thuận theo Thiên chân, Thiên lý tiềm ẩn trong lòng mình.

Các nhà huyền học đều cho rằng nhu thuận, tự nhiên là điều kiện để tiếp xúc với Chân ngã.

Họa sĩ Raphael bảo họa sĩ Léonard de Vinci: «Tôi nhận thấy rằng khi vẽ, mình không được nghĩ gì; lúc đó sẽ vẽ đẹp hơn.»

Tiểu ngã như vậy cần phải nhận định được sự thiếu sót, bất toàn của mình, và cần phải thuận theo thiên chân, thiên tính, hoạt động trong tầng sâu tâm hồn mình.[29]

Thế là thuận phục để thần thánh hóa mình.[30]

4. Làm sao thông minh, duệ trí mà không phô trương

Đạo vốn quang minh, nên đạt đạo sẽ trở nên thông minh, duệ trí.

Trung Dung viết:

«Vốn hoàn thiện, quang hoa mọi lẽ,
Ấy tính trời muôn vẻ tinh anh,
Quang minh rồi mới tinh thành,
Ấy nhờ giáo hóa, tập thành mà nên.
Đã hoàn thiện, tất nhiên thông tuệ,
Thông tuệ rồi ắt sẽ tinh thành.» [31]

Thế nhưng, cần phải biết che dấu bớt sự thông tuệ của mình đi, như vậy mới an thân.

Đạo Lão gọi thế là: «Hàm chương» [32] và «Dụng hối nhi minh».[33]

5. Làm sao ơn ích cho muôn loài mà không tự thị

Trời đất làm ơn, ích cho muôn loài mà chẳng bao giờ tự cao, tự đại, tự tôn, tự thị.

Thánh nhân suốt đời làm ơn ích cho muôn loài, mà chẳng bao giờ khoe công, như vậy mới gọi là «Huyền đức».

Huyền đức là đức hạnh huyền vi, cao diệu.

---

[1] Doanh phách 營 魄: Hồn phách (doanh 營: hồn). Wieger lại giải doanh là xác.

[2] Bão nhất 抱 一: ôm ấp Đạo.

[3] Chuyên khí trí nhu 專 氣 致 柔: giữ vẹn sinh khí, cho đến chỗ hoàn toàn nhu thuận.

[4] Anh nhi 嬰 兒: a) trẻ thơ; b) hóa nhi, chân nhân.

[5] Dịch 滌: rửa.

[6] Trừ 除: bỏ đi.

[7] Huyền lãm 玄 覽: gương siêu hình (Trương Mặc); sự hiểu biết sâu xa huyền diệu (Hà Thượng Công); xem nhiều, biết nhiều (kiến thức) (Tống Long Uyên)

[8] Tì 疵: tì vết.

[9] Vô vi 無 為: có sách viết là vô tri.

[10] Vô thư 無 雌: thư 雌: con mái. Tống Long Uyên viết là vi thư 為 雌.

[11] Vô tri 無 知: có sách viết là vô vi 無 為 .

[12] Huyền đức 玄 德: đức sâu xa nhiệm mầu.

[13] «There is a root or depth in thee», says Law, «from whence all these faculties come forth as lines from a centre, or as branches from the body of a tree.

This depth is called the centre, the fund, or bottom, of the soul. This depth is the Unity, the Eternity, I had almost said the infinity of the soul, for it is so infinite that nothing can satisfy it, or give it any rest, but the infinity of God.» -- Evelyn Underhill, Mysticism, p. 61.

[14] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 14.

[15] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 14b.

[16] Dục tri tiên đạo, tiên tận nhân đạo, nhân đạo bất tu, tiên đạo viễn hĩ. 欲 知 仙 道 先 盡 人 道 人 道 不 修 仙 道 遠 矣.

[17] Thượng phẩm đan pháp 上 品 丹 法 Tiết thứ tr. 7a. Thái ất kim hoa tông chỉ 太 乙 金 華 宗 旨, 15b.

[18] Thượng phẩm đơn pháp, tr. 10a.

[19] ib. 1a.

[20] Luyện khứ phàm tâm độc tồn chân tính 鍊 去 凡 心 獨 存 真 性. ib. 1a.

[21] Thôi Hi Phạm, Nhập dược kính, tr. 6b.

[22] Thôi Hi Phạm, Nhập dược kính, tr. 6b.

[23] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giải nghĩa, tr. 14b.

[24] Âm chú, Hà Thượng Công, Lão tử Đạo đức kinh, tr. 5a.

[25] Nghiêm Toản, Lão tử Đạo đức kinh, quyển 1, tr. 53.

[26] Xem Lưu Tư, Bạch thoại thích giải Đạo đức kinh, tr. 23.

Xem Nghiêm Toản, Lão tử Đạo đức kinh, tr. 58-59.

[27] Đọc thêm Trang Tử, Nam Hoa Kinh, chương Đại Tông Sư, đoạn J; Trí bắc du đoạn C, v. v...

[28] Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung tân khảo, tr. 499-500.

[29] To let oneself go, be quiet, receptive, is the condition under which such contact with the comic Life may be obtained. «I have noticed that when one pains, one should think of nothing: everything then comes better,» says the young Raphael to Leonardo Da Vinci. The superficial self must here acknowledge its own insufficiency, must become the humble servant of a more profound and vital consciousness...

Then the conscious mind being passive, the more divine mind below the threshold – organ of our free creative life – can emerge and presents its report. In the words of an older mystic, «The soul leaving all things and forgetting herself, is immersed in the ocean of Divine Splendour, and illuminated by the sublime Abyss of the Unfathomable Wisdom».

(Evelyn Underhill, Mysticism, p. 76-77)

[30] Surrender and deification, Ib. p. 113.

[31] Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung tân khảo, tr. 50.

[32] Kinh Dịch, quẻ Khôn, hào lục tam.

[33] Kinh Dịch, quẻ Minh Di, Tượng truyện.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	**11**	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 11

VÔ DỤNG

無 用

Hán văn:

三 十 輻 共 一 轂. 當 其 無, 有 車 之 用. 埏 埴 以 為 器. 當 其 無, 有 器 之 用. 鑿 戶 牖 以 為 室. 當 其 無, 有 室 之 用. 故 有 之 以 為 利, 無 之 以 為 用.

Phiên âm:

1. Tam thập phúc,[1] cộng nhất cốc.[2] Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.

2. Duyên [3] thực [4] dĩ vi khí. Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.

3. Tạc hộ [5] dũ [6] dĩ vi thất. Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.

4. Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng.[7]

Dịch xuôi:

1. Ba chục căm, hợp lại một bầu. Nhờ chỗ «trống không», mới có cái dùng của xe.

2. Nhào đất để làm chén bát. Nhờ chỗ «trống không», mới có cái dùng của chén bát.

3. Đục cửa lớn, cửa sổ để làm nhà; nhờ có chỗ trống không, mới có cái dùng của nhà.

4. Cho nên lấy cái «có» để làm cái lợi, lấy cái «không» để làm cái dụng.

Dịch thơ:

1. Bánh xe ba mươi tai hoa,

Cái bầu giữa trống, nó nhờ nó quay.

2. Bát kia lấy đất dựng gầy,

Nhờ lòng bát rỗng, mới hay đựng đồ.

3. Làm nhà trổ cửa nhỏ, to,

Nhờ cửa mở trống, cái nhà mới quang.

4. Hữu hình để chở, để mang,

Vô hình mới thực chính tang «cái dùng».

BÌNH GIẢNG

Trong chương này, Lão tử dùng ba ví dụ để nói lên sự quan trọng của Hư vô. Đó là:

- Khoảng không của trục xe

- Khoảng không trong lòng bát

- Khoảng không nơi các cửa lớn nhỏ, và

- Khoảng không trong lòng nhà.

Suy ra, thì cái hữu hình hữu tướng chỉ cốt là để dung chứa cái không, và cái không mới thực sự quan hệ.

Nhân chương này, thiết tưởng nên bàn về chữ Vô, chữ Không của đạo Lão.

1. Chữ Hư, Vô trong siêu hình học Lão giáo

Chữ Hư, chữ Vô, chữ Không, trong siêu hình học đạo Lão, tức là Tuyệt đối. Đạo đức kinh chương 40 viết: «Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư Vô.»

Xướng đạo Chân ngôn viết: Đạo gia gọi là Hư; Phật gia gọi là Không. «Không có thể nhìn thấy mọi sự, nghe thấy mọi sự. «Không» vẫn không làm gì gián cách, không vốn vô lượng, vô biên. Cho nên khi một người suy nghĩ, người cùng nhà không hay biết, mà Hư không vô lượng, vô biên đã biết, đã hay... Vì thế, Nho gia «thận độc, úy không» (cẩn thận khi ở một mình, sợ hãi cái Không).[8]

Nơi con người hư vô chính là chân tâm, bản tâm con người. Sách Tựu Chính lục viết: «Thiên hạ vạn sự vạn vật giai hữu hình, hữu tích, duy có tâm là không thể lấy hình tích mà tìm cầu; không tiếng không hơi; không không, đãng đãng...»[9]

2. Những khoảng không trong con người

Nếu ở nơi bánh xe, chén bát, nhà cửa, khoảng không trọng hơn khoảng có, thì ở nơi con người các khoảng không, đều trọng hơn khoảng có.

Y gia chỉ biết các khoảng có. Đạo gia chuyên chú trọng đến các khoảng không. Theo đạo gia thì có ba khoảng không quan trọng nhất trong con người, mà họ thường gọi là Thiên cốc, Ứng cốc, Linh cốc.

a) Thiên cốc 天 谷 hay Thượng đan điền 上 丹 田 hay Huyền quan khiếu 玄 關 竅 ở Nê hoàn cung 泥 丸 宮 hay Não thất ba.[10]

b) Ứng cốc 應 谷 hay Giáng cung 絳 宮 hay Trung đan điền 中 丹 田 ở xoang giữa ngực (médiastin) gần tim.[11]

c) Linh cốc 靈 谷 hay Khí hải 氣 海 hay Hạ đan điền 下 丹 田 xoang bụng dưới rốn (cavité abdominale, région Hi pogastrique).[12]

Thiên cốc 天 谷 hay Huyền quan khiếu 玄 關 竅, dĩ nhiên là quan trọng hơn cả.[13]

Sách Tu chân biện nạn tiền biên viết:

Tại thiên, tắc Vô cực 在 天 則 無 極

Tại nhân, tắc Huyền khiếu. [14] 在 人 則 玄 竅

Các xoang cốc trong người đều không thương với nhau bằng những kinh lạc vô hình và nhất là qua ngả ống giữa tủy xương sống (canal épendymaire).

3. Tu đạo là đi tìm không, thực hiện không

Người tu đạo chính là đi tìm Không. Những cái có, nhỡn tiền, ai chẳng thấy. Xác thịt trần trần, ai chẳng thấy. Cho nên người cao siêu, tu đạo, tức là đi tìm cái vô hình, vô tướng mà mọi người không tìm thấy; chỉ cho nhau cái không, mà người thường không thấy.

Tính mệnh khuê chỉ 性 命 圭 旨 có thơ rằng:

«Đại đạo căn kinh thức giả hi
大 道 根 莖 識 者 稀
Thường nhân nhật dụng thục năng tri
常 人 日 用 孰 能 知
Vị quân chỉ xuất thần tiên quật
為 君 指 出 神 仙 窟
Nhất khiếu loan loan tự nguyệt mi.»
一 竅 灣 灣 似 月 眉

Tạm dịch:

Căn kinh đại đạo ít ai hay,
Thường nhân dùng mãi, biết nào ai?
Vì người, xin chỉ thần tiên động,
Một khiếu cong cong tựa nét ngài... [15]

Tu là đem tâm thần về Không động.

Trương Vô Mộng nói: «Tâm tại linh quan, thân hữu chủ. Khí qui nguyên hải thọ vô cùng.» 心 在 靈 關 身 有 主 氣 歸 元 海 壽 無 窮.

«Tâm ở linh quan thân có chủ,
Khí về nguyên hải thọ vô cùng...» [16]

Nhập dược kính nói: «Nê hoàn là bản cung của Thần, Thần về Nê hoàn thời vạn thần triều hội. Vì thế nói: «Người muốn bất tử, thời tu Côn Lôn.»[17]

Mục đích của sự tu trì là: Thành thần trở về với Vô cực. (Luyện thần hoàn hư. Phục qui vô cực. 煉 神 還 虛, 復 歸 無 極)

Các đạo sĩ Yoga xưa tu luyện không phải đi tìm «Thiên đường» mà cốt là kết hợp với bản nguyên của vũ trụ. [18]

Như vậy con người một nửa là Hữu một nửa là Vô. Tìm ra được nửa Vô trong người, làm cho các năng lực còn tiềm tàng trong Vô đó được thi triển, mới là con người toàn diện. [19]

Lý tưởng đời sống theo đạo Lão đều xoay quanh chữ VÔ 無. Ta thấy đạo Lão toàn chủ trương VÔ:

- Vô kỷ 無 己
- Vô công 無 功
- Vô danh 無 名
- Vô vi 無 為
- Vô dục 無 欲

Có hoàn toàn Vô, mới hòa mình được với Bản thể vũ trụ vô biên tế.

Thiệu Khang Tiết nói: «Vô ngã, nhiên hậu vạn vật giai ngã. Thử thị chí ngôn, diệc thị chân quyết.» [20]

Tống Long Uyên bình chương này đại khái như sau: Trời đất có trống giữa thì âm dương mới có diệu dụng. Thánh nhân có «hư tâm» sự vạn dụng mới vi diệu. Nếu đất trời không trống giữa, thì bốn mùa sẽ không vần xoay, quỉ thần sẽ không biến hóa, cho nên người biết thế nào là «Hư Trung», sẽ biết căn bản của Tạo hóa. Nếu thánh nhân không «hư tâm», sẽ không hiểu được thiên lý vi diệu, không làm cho nhân tâm trở nên chính đính, không thể sửa đổi phong tục, treo gương cho nhân quần. Cho nên người biết thế nào là «hư tâm» sẽ biết căn bản của đạo đức. [21]

---

[1] Phúc 輻: tai hoa (rayons, rais).

[2] Cốc 轂: bầu (moyeu).

[3] Duyên 埏: pha trộn, nhào nặn.

[4] Thực 埴: đất sét, đất thó.

[5] Hộ 戶: cửa một cánh, (cửa 2 cánh là môn).

[6] Dũ 牖: cửa sổ.

[7] Xướng đạo chân ngôn (tr. 28b) có một đoạn dài nói về Hư vô.

[8] Đạo gia vị chi Hư, Phật gia vị chi Không. Không năng vô sở bất kiến, vô sở bất văn... Không vô sở cách. Không bản vô lượng vô biên. Cố nhất nhân phát nhất niệm đồng thất chi nhân bất tri, nhi vô lượng chi không tri chi. Nho gia chi thận độc, úy không cố dã. 道家謂之虛佛家謂之空. 空能無所不見無所不聞. 空無所隔空本無量無邊. 故一人發一念同室之人不知而無量之空知之. 儒者之慎獨畏空故也. Xướng đạo chân ngôn, quyển 5, tr. 31.

[9] Thiên hạ vạn vật giai hữu hình, hữu tích, duy tâm bất khả dĩ hình tích cầu, vô thanh vô xú, không không, đãng đãng. 天下萬物皆有形有跡惟心不可以形跡求無聲無臭空空蕩蕩 Tựu Chính lục, tr. 1b.

[10] Lạc Dục Đường Ngữ Lục 樂育堂語錄, quyển 2: Hà vị thiên cốc? Cái nhân đầu hữu cửu cung, trung hữu nhất sở, danh viết thiên cốc. Thanh tịnh vô trần, năng tương nguyên thần an trí kỳ trung, hào bất ngoại trì, tắc thành chân chứng thánh. 何謂天谷蓋人頭有九宮中有一所名曰天谷. 清淨無塵能將元神安置其中毫不外馳則成真証聖 (Thiên cốc là gì? Đầu người có 9 cung, trong đó

có một chỗ tên là thiên cốc. Thanh tịnh không nhiễm trần thì có thể đem nguyên thần an trí tại nơi đó, không mảy may [để nguyên thần] thoát chạy ra ngoài ắt sẽ chứng thành tiên thánh).

[11] Tử Thanh Chỉ Huyền Tập 紫清指玄集 giải thích: Trung hữu ứng cốc giáng cung, tàng khí chi phủ dã. Hậu thế xưng vi trung đan điền 中有應谷絳宮藏氣之府也. 後世稱為中丹田 (Bên trong có ứng cốc [tức là] giáng cung, là nơi chứa khí. Người đời sau gọi là trung đan điền.)

[12] Tử Thanh Chỉ Huyền Tập 紫清指玄集 giải thích: Hạ hữu linh cốc quan nguyên, tàng tinh chi phủ dã. Hậu thế xưng vi hạ đan điền 下有靈谷關元藏精之府也. 後世稱為下丹田 (Phía dưới có linh cốc [tức là] quan nguyên, là nơi chứa tinh.)

[13] Dans les trois sections du corps, ils (les Taoïstes) placent trois régions principales, l'une dans la tête, la deuxième dans la poitrine, la troisième dans le ventre. Ce sont en quelque sorte les portes du commandement de chacune des sections. On les appelle les Champs de Cinabre dantian (đan điền) pour rappeler le nom de l'élément essentiel de la drogue d'immortalité, le cinabre. Le premier, ou Palais du Nihuan (Nirvâna) est dans le cerveau; le deuxième, le Palais Écarlate, est près du cœur; le troisième, le Champ de Cinabre inférieur, est au-dessous du nombril. Henri Maspéro, Le Taoïsme, p. 92.

Thiên cốc (thượng đan điền) cũng gọi là tính căn 性根 là nơi phát xuất tư duy thần chí, sách Tu Chân Thập Thư 修真十書 (quyển 3) gọi đó là «nơi tụ tập của vạn thần» 萬神會集之鄉 (vạn thần hội tập chi hương), tức là não bộ 腦部. Sách Kim Đan Đại Thành 金丹大成, chương Kim Đan Vấn Đáp 金丹問答, bảo: «Não vi thượng điền.» 腦為上田 (Não là thượng [đan] điền). Thượng đan điền cũng gọi là thâm uyên 深淵 hay thái uyên 太淵. Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy 周易參同契發揮, quyển trung, nói: «Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ quy trung.» 真人潛深淵浮游守規中. Chân nhân ở đây là nguyên thần 元神; thâm uyên là thái uyên hay thượng đan điền. Sách Chu Dịch Tham Đồng Khế này đưa ra 67 thuật ngữ khác nhau cùng chỉ thượng đan điền như: 1. Nê hoàn cung 泥丸宮, 2. Lưu châu cung 流珠宮, 3. Ngọc Thanh cung 玉清宮, 4. Tử Thanh cung 紫清宮, 5. Thúy vi cung 翠微宮, 6. Thái Nhất cung 太一宮, 7. Thái huyền quan 太玄關, 8. Huyền môn 玄門, 9. Huyền thất 玄室, 10. Huyền cốc 玄谷, 11. Huyền điền 玄田, 12. Sa điền 砂田, 13. Đệ nhất quan 第一關, 14. Đô quan 都關, 15. Thiên quan 天關, 16. Thiên môn 天門, 17. Thiên cốc 天谷, 18. Thiên điền 天田, 19. Thiên tâm 天心, 20. Thiên luân 天輪, 21. Thiên trục 天軸, 22. Thiên nguyên 天源, 23. Thiên trì 天池, 24. Thiên căn 天根, 25. Thiên đường 天堂, 26. Thiên cung 天宮, 27. Càn cung 乾宮, 28. Càn gia 乾家, 29. Giao cảm cung 交感宮, 30. Ly cung 離宮, 31. Thần cung 神宮, 32. Thần thất 神室, 33. Thần quan 神關, 34. Thần kinh 神京, 35. Thần đô 神都, 36. Huyền đô 玄都, 37. Cố đô 故都, 38. Cố hương 故鄉, 40. Cố khâu 故丘, 41. Cố lâm 故林, 42. Cố cung 故宮, 43. Tử phủ 紫府, 44. Tử đình 紫庭, 45. Tử kim thành 紫金城, 46. Tử kim đỉnh 紫金鼎, 47. Chu sa đỉnh 朱砂鼎, 48. Hống đỉnh 汞鼎, 49. Ngọc đỉnh 玉鼎, 50. Ngọc thất 玉室, 51. Ngọc kinh 玉京, 52. Ngọc vũ 玉宇, 53. Diêu phong 瑤峰, 54. Đệ nhất phong 第一峰, 55. Tối cao phong 最高峰, 56. Chúc Dung phong 祝融峰, 57. Côn Lôn đỉnh 昆崙頂, 58. Không Động sơn 崆峒山, 59. Bồng Lai 蓬萊, 60. Thượng đảo 上島, 61. Thượng kinh 上京, 62. Thượng cung 上宮, 63. Thượng huyền 上玄, 64. Thượng nguyên 上元, 65. Thượng cốc 上谷, 66. Thượng thổ phủ 上土釜, 67. Thái vi cung 太微宮. Sách Tính Mệnh Khuê Chỉ 性命圭旨 (nơi Phản Chiếu đồ 反照圖) đưa ra 47 thuật ngữ khác nhau của thượng đan điền. Ngoài 21 danh từ đã kể trùng lặp trong Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy, Tính Mệnh Khuê Chỉ còn kể thêm các thuật ngữ: 1. Thanh hư phủ 清虛府, 2. Thượng thiên quan 上天關, 3. Tam ma địa 三摩地, 4. Hoàng phòng 黃房, 5. Chân tế 真際, 6. Bỉ ngạn 彼岸, 7. Diêu trì 瑤池, 8. Nê hoàn 泥

丸, 9. Nội viện 內 院, 10. Liêu thiên 寥 天, 11. Đế Ất 帝 乙, 12. Tắng sơn 甑 山, 13. Thiên phù 天 符, 14. Ma ni châu 摩 尼 珠, 15. Ngọc kinh sơn 玉 京 山, 16. Thái uyên trì 太 淵 池, 17. Uy quang đỉnh 威 光 鼎, 18. Bát nhã ngạn 般 若 岸, 19. Ba la mật địa 波羅 密 地, 20. Bách linh chi mệnh trạch 百 靈 之 命 宅, 21. Tân dịch chi sơn nguyên 津 液 之 山 源, 22. Viên giác hải 圓 覺 海, 23. Trung nhất cung 中 一 宮, 24. Đà la ni môn 陀 羅 尼 門, 25. Não huyết chi quỳnh phòng 腦 血 之 瓊 房, 26. Hồn tinh chi ngọc thất 魂 精 之 玉 室.

[14] Tu chân biện nạn tiền biên, tr. 25a.

[15] Xướng đạo chân ngôn, tr. 10b có một đoạn nói về Hư trong con người.

[16] Tính mệnh khuê chỉ, quyển Hanh.

[17] Nê hoàn, Thần chi bản cung dã. Thần qui nê hoàn tắc vạn thần triều hội. Tử dục bất tử tu Côn Lôn thị dã. 泥 丸 神 之 本 宮 也 . 神 歸 泥 丸 則 萬 神 朝 會 . 子 欲 不 死 修 昆 崙 是 也 . Nhập dược kính, tr. 10b.

[18] Aucun Yogi ne cherche «le Ciel» mais l'union avec ce qui est la source de tous les mondes. Arthur Avalon, La Puissance du Serpent.

[19] Only the mystic can be called a whole man, since in the other half, the powers of the self always sleep. -- Everlyn Underhill, Mysticism, p. 75.

[20] Thiệu tử vân: Vô ngã, nhiên hậu vạn vật giai ngã. Thử thị chí ngôn, diệc thị chân quyết 邵 子 云 : 無 我 然 後 萬 物 皆 我 . 此 是 至 言 亦 是 真 訣 (Vô ngã rồi sau vạn vật mới đều có ngã. Thực chí lý vậy). Tựu Chính lục, tr. 3b.

[21] Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giải nghĩa, tr. 16a.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	**12**	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 12

KIỂM DỤC

檢 欲

Hán văn:

五 色 令 人 目 盲. 五 音 令 人 耳 聾. 五 味 令 人 口 爽. 馳 騁 田 獵 令 人 心 發 狂. 難 得 之 貨, 令 人 行 妨. 是 以 聖 人 為 腹 不 為 目. 故 去 彼 取 此.

Phiên âm:

1. Ngũ sắc lịnh [1] nhân mục manh.[2] Ngũ âm lịnh nhân nhĩ lung.[3] Ngũ vị lịnh nhân khẩu sảng.[4] Trì sính [5] điền liệp [6] lịnh nhân tâm phát cuồng. Nan đắc chi hóa, lịnh nhân hành phương.[7]

2. Thị dĩ thánh nhân vị phúc bất vị mục. Cố khứ bỉ thủ thử.

Dịch xuôi:

1. Năm màu khiến người mù mắt. Năm giọng khiến người điếc tai. Năm mùi khiến người tê lưỡi. Ruổi rong săn bắn, khiến lòng người hóa cuồng. Của cải khó được, khiến người bị tai hại.

2. Bởi vậy, thánh nhân vì bụng không vì mắt. Nên bỏ cái kia, lấy cái này.

Dịch thơ:

1. Sắc năm màu làm ta choáng mắt,

Thanh năm cung ngây ngất lỗ tai.

Năm mùi tê lưỡi mềm sai,

Ruổi rong săn bắn, lòng người hóa điên.

Của hiếm có ngả nghiêng nhân đức,

Khinh giác quan, giữ chắc lòng son.

2. Thánh nhân hiểu lẽ mất còn.

BÌNH GIẢNG

Các lời khuyên của Lão tử trên đây rất hữu ích cho công phu tu luyện.

Như ta đã biết Lão tử là một nhà huyền học. Mà Huyền học là sự vươn vượt lên trên thế giới hiện tượng hữu hình để đạt tới Chân thể nấp sau bức màn hiện tượng. [8]

Nhà huyền học là một người «phản vọng, qui chân», bỏ điều sai lạc, trở về cùng chân lý»,[9] không hướng ngoại, mà trở về tâm điểm tâm thần. [10]

Muốn hướng nội, để tìm ra thiên chân thiên thể, cần phải thoát mọi phiền trược, thúc phọc bên ngoài, cần phải định thần, tĩnh trí. Chính vì vậy, mà những thú vui giác quan bên ngoài trở thành chướng ngại. Chúng làm cho tản thần, hao khí; chúng làm cho tâm hồn trở nên bất định không hoàn toàn chuyên chú vào được vấn đề trọng đại nhất của người tu đạo, là thực hiện thiên chân.

Những nhà huyền học chân chính thường sống rất thâm trầm nơi tâm khảm, nơi mà «tiểu ngã» trở nên vô nghĩa, vì «tâm hồn» tiếp xúc với nguồn sống của đại thể... [11]

Vì thế cho nên họ rất sợ những cám dỗ ngoại lai, mặc dầu là những cám dỗ nhỏ nhặt.

Thánh Jean de la Croix viết: «... Tâm hồn bị sa lầy trong tình ái, mắc mứu trong cạm bẫy của dục vọng và lòng vị kỷ, dầu là nhỏ nhoi mấy chăng nữa, cũng bị ngăn cản không thể vươn mình lên đến Chân Thiện. Sự luyến ái tạo vật đó đã thành trở ngại lớn lao không cho tâm hồn phối kết với Thượng Đế.» [12]

Các vị thiền sư cũng cho rằng lòng khát khao sự vật sẽ tạo nên một trạng thái sắc tướng, một trạng thái nô lệ. Vì thế nên họ muốn đời sống mình vô sắc tướng.[13]

Lại nói:

Mảng vui là mất khinh phiêu,

Khinh thường hoan lạc, có chiều trường sinh. [14]

Suy ra ta mới hiểu tại sao xưa nay tại sao có nhiều người lại đi ẩn tu trong các tu viện, hoặc nơi sa mạc hoang vu. Đó là vì họ đã chọn đời sống tinh thần vĩnh cửu, thay vì đời sống giác quan tạm bợ.

Trong các pháp môn tu luyện, ta lại thấy môn «thiền định» là quan trọng và phổ quát hơn cả, mà thiền định chính là khép cửa giác quan, vận khí, điều thần, tập trung tư tưởng, thần trí, để cuối cùng đi đến chỗ cao siêu nhất là xuất thần nhập định, huyền hóa với Đại đạo.

Trang tử gọi thế là «Tọa vong».[15]

Tóm lại chương này khuyên ta hãy rũ bỏ cái phù hoa sắc tướng bên ngoài, để giữ gìn cái «Ta» thiên nhiên, chân thực, giữ gìn lấy cái Đại ngã siêu linh, vô sắc tướng.

Trong khi vạn sự, vạn loài trong vũ trụ phá tán và hủy hoại hình thể mình,[16] thì nhà huyền học cố thu thần định trí, hồi quang phản chiếu, như vậy có phải là đã thoát ly được mọi định luật chi phối vạn vật không, và đã siêu thoát không?

---

[1] Lịnh 令: hay lệnh, khiến.

[2] Manh 肓: mù.

[3] Lung 聾: điếc.

[4] Sảng 爽: sai.

[5] Trì sính 馳 騁: rong ruổi.

[6] Điền liệp 田 獵: săn bắn. Săn mùa Xuân gọi là Điền 田; Săn mùa Hạ gọi là Miêu 苗; Săn mùa Thu gọi là Tiễn 獮; Săn mùa Đông gọi là Liệp (lạp) 獵, vì thế săn bắn mới gọi là Điền liệp (lạp) 田 獵.

[7] Phương 妨: tổn thương hư hỏng.

[8] The hermetic science is a method of transcending the phenomenal world and attain to the realty which is behind phenomena. -- Everlyn Underhill, Mysticism, p. 181.

[9] Xem Đạo đức kinh giải nghĩa, tr. 17a.

[10] Not outward bound, but rather on the journey to its centre. -- Evelyn Underhill, Mysticism, p. 123.

[11] In the deepest recesses of her (St. Teresa) spirit, in that unplumbed abyss where selfhood ceases to have meaning and the individual soul touches the life of the All, distinction vanished and she «saw God in a point». -- Everlyn Underhill, Mysticism, p. 123.

[12] L'Âme est englouée dans ses affections, prise au piège de ses passions et de son égoisme, même infime, et se trouve ainsi empêchée de s'élancer vers son véritable bien. C'est cet attachement à la créature qui constitue l'obstacle majeur à l'union de l'âme avec Dieu. St Jean de la Croix, p. 114.

[13] La soif des choses produit l'état coloré que le Yogi considère comme une servitude, un esclavage. C'est l'état incolore qu'il s'impose à sa vie. -- Ernest E. Wood, La Pratique du Yoga, p. 31.

[14] Celui qui accapare une joie,

Détruit la vie ailée.

Celui qui embrasse la joie au passage,

Vit dans l'aurore de l'éternité.

Ib. p. 32.

[15] Xem Nam Hoa kinh, Đại tông sư, J và Trí Bắc Du, C.

[16] All the phenomena of nature visible and invisible, within the atom and in outer space, indicate that the substance and energy of the universe are inexorably diffusing like vapor through the insatiable void. The sun is slowly but surely burning out, the stars are dying embers, and everywhere in the cosmos, heat is turning to cold, matter is dissolving into radiation, and energy is being dissipated into empty space. -- Lincoln Barnett, The Universe and Dr Einstein, p. 110.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	**13**	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 13

YẾM SỈ

厭 恥

Hán văn:

寵 辱 若 驚. (貴) 大 患 若身. 何 謂 寵 辱 若 驚. 寵 為 (上, 辱 為) 下. 得 之 若 驚, 失 之 若 驚. 何 謂 (貴) 大 患 若 身. 吾 所 以 有 大 患 者, 為 吾 有 身. 及 吾 無 身, 吾 有 何 患? 故 貴以 身 為 天 下, 若 可 寄 天 下. 愛 以 身 為 天 下, 若 可 托 天 下.

Phiên âm:

1. Sủng nhục nhược [1] kinh. (Quí) [2] đại hoạn nhược* thân.

2. Hà vị sủng nhục nhược* kinh. Sủng vi (thượng, nhục vi) hạ. [3] Đắc chi nhược* kinh, Thất chi nhược* kinh.

3. Hà vị (quí) [4] đại hoạn nhược* thân. Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?

4. Cố quí dĩ thân vi thiên hạ, nhược [5] khả ký thiên hạ. Ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược* khả thác thiên hạ.

Dịch xuôi:

1. Vinh, nhục cũng làm lo âu. Sở dĩ hoạn nạn là vì có thân.

2. Tại sao vinh, nhục đều làm lo âu? Vinh là ở ngôi cao, nhục là ở địa vị thấp. Được cũng lo, mất cũng lo. Vì thế nên nói: Vinh nhục đều lo.

3. Tại sao nói: «Hoạn nạn là vì có thân?» Ta sở dĩ phải lo âu nhiều, chính vì ta có thân. Nếu không có

thân, ta đâu có lo !

4. Cho nên ai quí thiên hạ hơn thân mình, thì có thể đem thiên hạ giao phó cho, ai yêu thiên hạ hơn thân mình, thì có thể gửi gắm thiên hạ cho họ được.[6]

Dịch thơ:

1. Vinh hay nhục lo âu cũng rứa,
Ta lo âu vì có tấm thân.
2. Nhục vinh là mối bận tâm,
Lên voi xuống chó cũng ngần ấy lo.
3. Luôn sợ hãi là do thân thể,
Không thân này hồ dễ âu lo.
4. Xin đem thiên hạ hiến cho,
Ai vì thiên hạ, chẳng tơ tưởng mình.

BÌNH GIẢNG

Hai chương trên, Lão tử khuyên ta: (1) Phải sống hư tâm, khinh khoát. (2) Phải biết tiết dục, đừng mê mải chạy theo những thú vui giác quan.

Trong chương này, Lão tử tiếp tục khuyên ta: Đừng nên bận tâm vì công danh trần tục cũng như nên vươn lên khỏi đời sống phàm tục của tiểu ngã.

1. Không nên bận tâm vì công danh trần tục

Lão tử cho rằng công danh chỉ làm khổ con người.

Vinh cũng lo, cũng khổ.

Nhục cũng lo cũng khổ.

Cái vinh nhục đầy lo âu ấy, chỉ có những người đã qua cầu mới hay.

Vinh nhục ở đời như là những đợt sóng cồn kế tiếp nhau trên bể hoạn.

Câu Tiễn đương là vua nước Việt, bỗng thua trận, bị Phù Sai bắt, cùng với vợ, về nước Ngô chăn ngựa.

Sở Chiêu Vương, đang làm vua nước Sở, bị vua Hạp Lư nước Ngô, cùng Tôn Võ và Ngũ Tử Tư tấn công, phải bỏ kinh đô, xuống thuyền mà chạy. Bỗng gặp bọn thảo khấu. Tùy tùng nói đây là Sở Chiêu Vương xin đừng xâm phạm. Bọn thảo khấu trả lời: «Ta chỉ biết có của, chứ không biết có chúa.» Nói đoạn đánh người, cướp của đốt thuyền. Vua, tôi phải bỏ thuyền lên bờ mà chạy. Sau gặp thuyền của quân đại phu Lâm Doãn Vĩ cũng đi lánh nạn. Vua tôi xin cho lên thuyền. Lâm Doãn Vĩ đáp: «Ta chở chúa mất nước đi làm gì?» Rồi đi luôn không ghé.

Napoléon trước kia ở cung vàng, điện ngọc, mà khi bị đi đày ra Sainte Hélène cũng chỉ nằm trên một giường sắt nhà binh cũ, dùng một cái chậu rửa mặt cũ, đặt trên một cái giá gỗ cũ, như một người nghèo nhà quê.

Nhiều vua chúa Trung Đông xưa bị vua nước địch bắt được, phải khom lưng làm ghế, để vua địch bước lên, mỗi khi lên ngựa.

Bacon nói: «Người trên làm đày tớ đến ba lần: đày tớ cho vua, đày tớ cho danh vọng, đày tớ cho công

việc, vì thế họ mất hết tự do; bản thân mất tự do; hoạt động mất tự do; giờ giấc mất tự do. Thật là kỳ dị: người có quyền cai trị người khác, lại không cai trị nổi mình.» [7]

Young nói: «Địa vị cao không mang lại hạnh phúc, mà mang lại rắc rối. Không ai nghĩ rằng người trên khổ, chỉ có người trên mới thấy điều đó.» [8]

Ugo Foscolo nói: «Danh vọng của những người lớn, một phần là do sự liều lĩnh, hai phần là do may mắn, còn một phần nữa là do tội ác của họ.» [9]

Cung Oán Ngâm Khúc viết:

«Mùi phú quí dử làng xa mã,
Bả vinh hoa lừa gã công khanh.
Giấc Nam Kha khéo bất bình,
Bừng con mắt dậy, thấy mình tay không.»

Chính vì thế mà Lão tử khuyên ta đừng nên bận tâm đến vinh nhục bên ngoài.

2. Phải vươn lên khỏi đời sống phàm tục của tiểu ngã

Lão tử cũng khuyên chúng ta không nên bám víu vào thân tâm bên ngoài, vì nó cũng chỉ phù du tạm bợ như những cái gì hữu hình, hữu tướng, vì nó chính là nguồn gốc của mọi sự khổ đau, phiền trước của con người.

Người tu đạo phải biết vươn lên trên những giới hạn hình hài sắc tướng của tiểu ngã để tiến lên đến bình diện vô biên tế của Đại Ngã, bình diện của tự do và hạnh phúc trường tồn. [10]

Như vậy Lão tử đã chỉ cho ta thấy nguồn gốc lo âu sầu khổ chính là cái phàm thân của ta, là cái tiểu ngã của ta. Thế tức là ngài dạy ta: muốn thoát khổ phải đi đến chỗ vô kỷ, vô ngã.

Khổng tử đã đạt tới vô ngã. [11]

Phật giáo chủ trương diệt ngã.

Như vậy Phật, Lão, Khổng đều chủ trương rằng cái phàm thân là giả tướng, cái chân tâm, chân ngã mới là con người đích thực, là «Chân nhân».

Huyền học Âu Châu cũng đề cập hai con người:

- Một con người phù phiếm, phàm tục mà các nhà huyền học đều lo rũ bỏ. [12]

- Một con người siêu việt, mà các nhà huyền học đều muốn thực hiện. [13]

3. Không cầu danh tranh lợi

Lão tử kết luận rằng chỉ những người không cầu danh, tranh lợi, chỉ những người thoát được ra ngoài vòng phàm thân, phàm tâm, mới là những người xứng đáng cầm đầu thiên hạ.

---

[1] Sáu chữ nhược 若 trên đều có nghĩa như chữ giả 者.

[2] Bản của Lưu Tư bỏ chữ quí 貴, cho là thừa, Cao Hanh cũng nghĩ vậy.

[3] Nhiều sách chỉ viết: Sủng vi hạ 寵 為 下. Nhưng Trần Danh Nguyên và Lý Đạo Thuần sửa lại như trên là: Sủng vi thượng, nhục vi hạ 寵 為 上 辱 為 下.

[4] Chữ quí 貴 ở đây cũng nên bỏ đi. (Cao Hanh).

[5] Hai chữ nhược 若 sau nghĩa như chữ tắc 則 (: thì).

[6] À celui qui est uniquement soucieux de la grandeur de l'empire (et non de la sienne), à celui qui ne désire que le bien de l'empire (et non le sien propre), qu'à celui-là on confie l'empire (et il sera en bonnes mains). -- Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste.

[7] Men in great place are thrice servants, servants of the sovereign or state, servants of fame, and servants of business; so that they have no freedom, neither in their person, in their actions, nor in their times. It is a strange desire to seek powers over others, and to lose power over a man's self - (Bacon). The New Dictionary of Thoughts, p. 250.

[8] High Stations tumult, not bliss create, - None think the great unhappy, but the great (Young) ib. 251.

[9] La gloire des grands hommes tient pour un quart à leur audace, pour deux quarts au hasard, pour le dernier quart à leurs crimes. Encyclopédie des Citations, p. 432.

[10] The law of this Infinite life, which was in the Incarnation expressing its own nature to a supreme degree, must then also be the law of the finite life; in so far as that life aspries to transcend individual limitations, rise to freedom and attain union with Infinity. Evelyn Underhill, Mysticism, p. 145.

[11] Tử tuyệt tứ. Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã 子 絕 四 : 毋 意, 毋 必, 毋 固, 毋 我 (Luận Ngữ, Tử Hãn chương 9, câu 4) Đức Khổng có bốn không: (1) Không có ý riêng (lòng tư dục); (2) Không có lòng kỳ tất, nhưng biết tùy cảnh mà làm; (3) Không cố chấp, tức là biết bao dung; (4) Vô ngã: tức là không vị kỷ, tư kỷ.

[12] Xem Everlyn Underhill, Mysticism, các trang viết trong dấâu ngoặc. Surface personality (272), surface consciousness (68), superficial consciousness (?), superficial mind (69), surface mind (262), the finite Life (145), the natural mind (122), the lower nature (145, surface life (80).

[13] The transcendental consciousness (272), the interior man (272), the mystical consciousness (273), the subliminal mind (190), the superhuman plane (191), the supersensual plane (147), subconscious deeps (80), the divine Substance (144), the absolute (144), The Principle of Life (144), The Principle of Restitution (144), The Infinite Life (145), The Divine (133), The Archetypal world (186), the deified Life (212).

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	**14**	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 14

TÁN HUYỀN

贊 玄

Hán văn:

視 之 不 見, 名 曰 夷. 聽 之 不 聞, 名 曰 希. 搏 之 不 得, 名 曰 微. 此 三 者 不 可 致 詰. 故 混 而 為 一. 其 上 不 皎, 其下 不 昧, 繩 繩 不 可 名, 復 歸 於 無 物. 是 謂 無 狀 之 狀, 無 物 之 象. 是 謂 惚 恍, 迎 之 不 見 其 首. 隨 之 不 見 其 後. 執 古 之 道, 以 御 今 之 有. 能 知 古 始, 是 謂 道 紀.

Phiên âm:

1. Thị chi bất kiến, danh viết Di. Thính chi bất văn, danh viết Hi. Bác chi bất đắc, danh viết Vi. Thử tam giả bất khả trí cật. [1] Cố hỗn nhi vi nhất.

2. Kỳ thượng bất kiểu. [2] Kỳ hạ bất muội. Thằng thằng [3] bất khả danh, phục qui ư vô vật. Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng. Thị vị bất hốt hoảng, nghinh chi bất kiến kỳ thủ. Tùy chi bất kiến kỳ hậu.

3. Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu. Năng tri cổ thủy, Thị vị đạo kỷ.[4]

Dịch xuôi:

1. Nhìn không thấy, gọi là Di. Nghe không thấy, gọi là Hi. Nắm không được, gọi là Vi. Ba điều ấy không thể suy cứu đến cùng. Cho nên hợp lại làm một.

2. Trên nó không sáng. Dưới nó không mờ. Miên man dằng dặc mà không thể đặt tên. Rồi lại trở về chỗ không có gì. Đó là trạng thái của cái không trạng thái. Hình tượng của cái không có vật chất. Cái có hoảng hốt, đón trước không thấy đầu, theo sau không thấy đuôi.

3. Giữ cái Đạo xưa để trị chuyện nay; biết cái đầu mối của thời xưa, ấy là nắm được giềng mối đạo.

Dịch thơ:

1. Gọi là Di vì nhìn chẳng nổi,
Nghe không ra nên gọi là Hi,
Thoát tay nên gọi là Vi,
Ba điều ấy, khôn suy cho cùng.
Suy không cùng nên chung làm một,
2. Trên chẳng trong, dưới suốt chẳng mờ,
Mung lung nên khó gọi thưa,
Miên man bất tận nên vô tượng hình.
Không dáng dấp, siêu linh ta gọi,
Không tượng hình nên mới siêu linh.
Phất phơ không bóng không hình,
Đầu đuôi chẳng có, cung nghinh đàng nào.
3. Đành phải sống ướm vào «cổ giả».
Thấu nguồn xưa là rõ đạo Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại luận về Đạo thể. Đại khái Lão tử cho rằng Đạo thể huyền vi, mung lung, ảo diệu, thoát tầm kích quan năng của con người. Đại đạo vô hình tướng, nên không có đầu đuôi, dù đón trước theo sau cũng không truy lùng ra dáng dấp.

Tuy nhiên, ta vẫn có cách biết được Đạo, nếu ta biết cách khảo sát đời sống các vị thánh nhân đời trước. Hiểu được thời cổ, tức là biết được chuyện nay, hiểu được Đạo thể.

*

Như vậy chương này Lão tử lại luận về Đạo và cho rằng Đạo vô thanh vô xú, bất khả tư nghị.

Rémusat năm 1823 đã cho rằng ba chữ Di, Hi, Vi có lẽ là đã được phiên âm từ chữa (Yod, He, Vau, He: Yahweh: Thượng đế). Chữ này có lẽ đã được nhập vào Trung Hoa trước thời Lão tử. Sau này các Ông Victor von Strauss (1870) và Bác sĩ Edkins (1884) cũng lại chủ trương như vậy. James Legge cho rằng chủ trương này vu khoát. [5]

Tôi không nghĩ rằng ba chữ Di, Hi, Vi đã được phiên âm từ chữ YHVH của Do Thái, nhưng biết chắc là nơi đây Lão tử bàn về Đạo thể, tức là bàn về Thượng đế theo từ ngữ các nhà huyền học. Nhan Hồi cũng đã nói trong Luận ngữ:

«Càng trông lên, càng thấy cao,
Càng dùi vào càng thấy kiên cố,
Mới thấy đằng trước,
Thoát đã ra sau...» [6]

Các bậc đại thánh Âu châu, từ Ruysbroeck, Jean de la Croix đến Thérèse d'Avila, đều phân biệt rõ ràng giữa Thực tại mà họ thấy, với những hình ảnh mà họ dùng để mô tả Thực tại ấy.

Họ luôn luôn chủ trương như Dionysius và Eckhart rằng Cái mà họ chiêm ngưỡng vốn không có hình tướng. Họ lại cũng chủ trương như Jean de la Croix rằng: tâm hồn không thể nào phối hiệp hoàn toàn được với Đạo, nếu họ còn phải qua trung gian của Hình, Thức, Sắc, Tướng. [7]

Phật cũng nói: «Nhược dĩ sắc kiến Ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất kiến Như Lai.» 若 以 色 見 我, 以 音 聲 求 我, 是 人 行 邪 道, 不 見 如 來 (Kim Cương kinh).

Nếu Đạo đã vô hình tướng như vậy thì làm sao mà tìm thấy Đạo? Các nhà bình giải đoạn này bình giải mỗi người một cách. Chung qui ta thấy có ba cách này:

a) Muốn tìm Đạo phải truy kỳ nguyên, từ lúc chưa có đất trời. [8]

b) Muốn tìm Đạo phải biết hồi quang phản chiếu, để tìm ra Đạo thể ở đáy lòng. [9]

c) Muốn tìm Đạo, phải nương theo cách thức của người xưa.

Khảo các nhà huyền học, ta thấy xưa cũng như nay, đạo lý chỉ có một, đó là: Trời chẳng xa người. Tewekkul Beg, một nhà huyền học Hồi giáo thế kỷ 17 nói: «Ngài chính là tôi, thế mà trước kia tôi u mê, không biết điều huyền diệu siêu việt ấy.» [10]

Plotin nói: «Thượng đế chẳng ở ngoài ai, nhưng hiện diện trong mọi sự vật, mặc dầu mọi người không biết vậy.» Nói cách khác: «Thần Chúa ở trong các bạn.» [11]

«Tuyệt đối mà mọi người tìm cầu không có ở cao xa diệu vợi tách rời khỏi vũ trụ hình tướng bất toàn này, nhưng đã ở ngay trong lòng biến dịch; đã đứng chờ ngay ở cửa lòng con người và gõ và chờ cho phàm tâm con người dần dà tìm ra được kho tàng của nó.» [12]

Đại đỗng chân kinh 大 洞 真 經 cũng viết: «Trời vốn dĩ chẳng xa người.» (Thiên nhân bản thị vô sai biệt 天 人 本 是 無 差 別); [13] và mục đích của khoa luyện đan cũng chính là tìm ra được, Thái cực, được Trời, được Đạo trong lòng mình. [14]

---

[1] Trí cật 致 詰: gạn hỏi đến cùng.

[2] Kiểu 皎: sáng.

[3] Thằng thằng 繩 繩: miên man.

[4] Đạo kỷ 道 紀: giềng mối của Đạo.

[5] Cf. J. Legge, The Textes of Taoism, p. 106.

[6] Nhan Uyên vị nhiên thán viết: Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên. Chiêm chi tại tiền, hốt nhiên (yên) tại hậu 顏 淵 喟 然 歎 曰: 仰 之 彌 高, 鑽 之 彌 堅. 瞻 之 在 前, 忽 然 (焉) 在 後. Luận Ngữ, chương 9, câu 10.

[7] The great mystics, however - Ruysbroeck, St. John of the Cross, and St Teresa herself in her later stages - distinguish clearly between the indicible Realty which they perceive and the image under which they describe it. Again and again they tell us with Dionysius and Eckhart, that the Object of their contemplation «hath no image»: or with St John of the Cross that «the Soul can never attain to the height of the divine union, so far as it is possible in this life, through the medium of any forms or figures.» Evelyn Underhill, Mysticism, p. 94.

[8] Cổ thủy giả, chỉ Đại Đạo tại Tượng đế chi tiên. Cố vân cổ thủy 古 始 者, 指 大 道 在 象 帝 之 先. 故 云 古 始. Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 21b.

[9] Nhân năng phản quan tự tính, bất chước thanh sắc, bất chấp hữu vô, tiền niệm bất khởi, hậu niệm bất tục, niệm niệm bất hữu, ly nhất thiết sắc tướng, tắc vô trạng chi trạng, vô tượng chi tượng, tự nhiên vạn pháp hỗn nhi vi nhất. 人 能 返 觀 自 性, 不 著 聲 色, 不 執 有 無, 前 念 不 起, 後 念不 續, 念 念 不 有, 離 一 切 色 相, 則 無 狀 之 狀, 無 象 之 象, 自 然 萬 法 混 而 為 一. Ib. tr. 32a.

[10] «Thou art I, but dark was my heart, I knew not the secret transcendent» says Tewekkul Beg, a moslem mystic of the seventeenth century. Cf. Evelyn Underhill, Mysticism, p. 119.

[11] «God» says Plotinus «is not external to anyone, but is present with all things, though they are ignorant that he is so.» In other and older words: The Spirit of God is within you. Ib. p. 119.

[12] The Absolute Whom all seek does not hold Himself aloof from an imperfect material Universe, but dwells within the flux of things: stands as it were at the very threshold of consciousness and knocks, awaiting the the self's slow discovery of her treasures. Evelyn Underhill, Mysticism p. 119.

[13] Thiên nhân bản thi vô sai biệt; Nhất điểm linh quang hỗn thái huyền. 天 人 本 是 無 差 別; 一 點 靈 光 混 太 玄. Tr. 5b.

[14] Đại đỗng chân kinh: Đan giả hà dã, nhân trung chi thái cực dã 大 洞 真 經: 丹 者 何 也, 人 中 之 太 極 也.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	**15**	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 15

HIỂN ĐỨC

顯 德

Hán văn:

古 之 善 為 士 者, 微 妙 玄 通, 深 不 可 識. 夫 唯 不 可 識, 故 強 為 之 容. 豫 焉 若 冬 涉 川. 猶 兮 若 畏 四 鄰. 儼 兮 其 若 客. 渙 兮 其 若 冰 之 將 釋. 敦 兮 其 若 朴. 曠 兮 其 若 谷. 混 兮, 其 若 濁. 孰 能 濁 以 止, 靜 而 徐 清. 孰 以 安 以 久 動 而 徐 生. 保 此 道 者, 不 欲 盈. 夫 唯 不 盈 故 能 蔽, 不 新 成.

Phiên âm:

1. Cổ chi thiện vi sĩ [1] giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức. Phù duy bất khả thức, cố cưỡng vi chi dung.

2. Dự [2] yên nhược đông thiệp xuyên. Do [3] hề nhược úy tứ lân. Nghiễm [4] hề kỳ nhược khách.[5] Hoán hề nhược băng chi tương thích. Đôn hề kỳ nhược phác.[6] Khoáng [7] hề kỳ nhược cốc. Hỗn hề kỳ nhược trọc.

3. Thục năng trọc dĩ chỉ, tĩnh nhi từ thanh. Thục dĩ [8] an dĩ cửu động nhi từ sinh.[9]

4. Bảo thử Đạo giả bất dục doanh. Phù duy bất doanh cố năng tế,[10] bất tân thành.[11]

Dịch xuôi:

1. Bậc hoàn thiện xưa siêu vi, huyền diệu, thâm thúy, thông suốt; thâm thúy khôn lường. Vì khó lường nên gượng tả hình dung.

2. Các ngài thận trọng như mùa đông đi qua sông; các ngài e dè sợ láng giềng bốn bên; kính cẩn như

khách; lạnh lùng như băng tan; mộc mạc chất phác như chưa đẽo gọt; man mác như hang núi; hỗn mang như nước đục.

3. Ai có thể đục mà nhờ tĩnh lại dần dần trong. Ai có thể yên mà nhờ động lại dần dần linh hoạt.

4. Kẻ giữ đạo không muốn đầy. Chỉ vì không muốn đầy, nên mới che dấu và chẳng đổi mới.

Dịch thơ:

1. Ai người xưa khuôn theo đạo cả,
Sống huyền vi, rất khó tri tường.
Nay ta gạn ép văn chương,
Hình dung dáng dấp, liệu đường phác ra.
2. Họ e ấp như qua băng tuyết,
Họ ngỡ ngàng như khiếp láng giềng.
Hình dung khách khí trang nghiêm,
Băng tan, tuyết tán, như in lạnh lùng.
Họ đầy đặn như tuồng mộc mạc,
Nhưng phiêu khinh man mác hang sâu.
Hỗn mang ngỡ nước đục ngầu,
3. Đục ngầu lắng xuống một mầu trong veo.
Ngỡ ù cạc một chiều an phận,
Nào ai hay sống động khôn lường.
4. Phù hoa gom góp chẳng màng,
Ai say đạo cả, coi thường phù hoa.
Sống ẩn dật, không ưa thanh thế,
Việc thế gian hồ dễ đổi thay.

BÌNH GIẢNG

Chương này chứng tỏ các bậc chân nhân đắc đạo đã có từ thượng cổ. Lão tử cho rằng các ngài là những người siêu việt huyền vi, nan trắc, nên rất khó hình dung. Tuy nhiên, Lão tử cũng đã phác họa ra chân dung một vị chân nhân đắc đạo.

1. Bậc chân nhân đắc đạo vi, diệu, huyền, thông.

(Vi 微 = ẩn áo; Diệu 妙 = bất trắc; Huyền 玄 = u thâm; Thông 通 = vô ngại.) Ẩn áo, huyền vi, tứ thông, bát đạt, hành tung khôn lường, in tựa thần minh.

2. Các ngài thận trọng như người qua sông băng giá, buổi đông thiên.

Sự cẩn thận là một đức tính cố hữu của các bậc triết nhân. Kinh Dịch viết:

«E dè thắng bớt bánh xe,
Hồ kia đuôi ướt, ngại bề lội sông.
Thế thời mới khỏi lỗi lầm.»
(Dịch, quẻ Ký tế, hào Sơ lục)

3. Các ngài kính cẩn như sợ láng giềng. Bậc chí nhân luôn luôn kính sợ Trời, kính sợ Đạo tiềm ẩn đáy lòng mình, nên lúc nào cũng thận trọng, nên dẫu ở một mình cũng tưởng như ở nơi: mười mắt trông vào, mười tay chỉ vào (Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ.) 十 目 所 視,十 手 所 指,其嚴 乎 (Đại học, chương 6)

4. Vì tin rằng Trời, Đạo cũng ngự trị trong lòng mọi người nên các ngài đối với ai cũng nghiêm trang cung kính, như gặp khách quí. [12]

5. Các ngài, mới thoạt gặp, có một vẻ ngoài lạnh lùng. Ấy chính là:

Quân tử chi giao đạm như thủy 君 子 之 交 淡 如 水.

Tiểu nhân chi giao cam như mật 小 人 之 交 甘 如 蜜.

Tống Long Uyên lại giải rằng các bậc nhân xưa coi mọi chuyện đời như là «bào ảnh quang hoa» 泡 影 光 華 (Xem: Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 23).

6. Các ngài có một vẻ ngoài đơn sơ, chất phác. Luận Ngữ cũng nói: «Những người cương nghị, chất phác, ít nói thời gần sự hoàn thiện.»[13]

7. Các ngài có một tâm hồn rộng rãi, bao la, không câu nệ cố chấp. Uyên Giám loại hàm ghi: Thánh nhân có độ lượng vũ trụ. [14]

8. Các ngài sống cuộc đời ẩn dật, không phô trương thanh thế đức độ, tài năng.

Đó là chủ trương: Thao quang hối tích, ẩn thánh hiển phàm (che bớt ánh sáng làm mờ dấu tích, che dấu vẻ thánh, làm lộ nét phàm) của người xưa. [15]

9. Vì thế cho nên các bậc thánh nhân bề ngoài thời rất tầm thường, tưởng chừng như vẩn đục, ù lì, mà bề trong thời trong trẻo, linh động. Đạo đức kinh chương 70 viết:

«Xưa nay các bậc thánh nhân,

Ngọc tàng dưới lớp quần áo xác xơ.»

10. Thánh nhân không chuộng phù hoa; chẳng những không ưa phô trương thanh thế, hiện tại (tế) mà cũng chẳng mơ ước vinh quang tương lai [16] cũng như chẳng có những mộng tưởng chọc nước quấy trời. [17]

---

[1] Mã Tự Luân, Phó Dịch đều viết: Thiện chi vi đạo giả 善 之 為 道 者.

[2] Dự 豫: do dự.

[3] Do 猶: do dự.

[4] Nghiễm 儼: nghiêm trang.

[5] Khách 客: có sách viết là dung.

[6] Phác 樸: chất phác.

[7] Khoáng 曠: rộng.

[8] Tống Long Uyên thay chữ dĩ 以 bằng chữ năng 能.

[9] Lưu Tư đổi cả câu này lại như sau: Thục năng hối dĩ lý chi từ minh; thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh;

thục năng an dĩ động chi (đích) từ sinh 孰 能 晦 以 理 之 徐 明, 孰 能 濁 以 靜 之 徐 清 ; 孰 能 安 以 動 之 (的) 徐 生.

[10] Có sách viết là tế 蔽 (che). Hà Thượng Công giải là che dấu ánh sáng. Có sách viết là tệ 弊 (tệ lậu, xấu). Có sách viết là tệ 敝 (nát, tệ).

[11] Tân thành 新 成: Hà Thượng Công giải là quí công danh.

[12] Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế. 出 門 如 見 大 賓, 使 民 如 承 大 祭. Luận ngữ chương 12 Nhan Uyên.

[13] Cương, nghị, mộc, nột cận nhân 剛, 毅, 木, 訥 近 仁. Luận Ngữ, chương 13, câu 27.

[14] Thánh nhân giả, thiên địa chi lượng dã 聖 人 者, 天 地 之 量 也 (Trình tử 程 子). Uyên giám loại hàm 淵 鑑 類 函, q. IV, tr. 4670, mục chữ Thánh 聖.

[15] Xem Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 22-23.

[16] Thí như vị lai chi công danh, vị lai chi vinh quí, giai thị tân thành chi sự 譬 如 未 來 之 功 名, 未 來 之 榮 貴, 皆 是 新 成 之 事. Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 24.

[17] Celui qui garde cette règle de ne pas se consumer en désirs stériles d'un état chimérique, celui là vivra volontiers dans l'obscurité, et ne prétendra pas à renouveler le monde. -- Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 30.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	**16**	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 16

QUI CĂN

歸 根

Hán văn:

致 虛 極, 守 靜 篤. 萬 物 并 作, 吾 以 觀 其 復. 夫 物 芸 芸, 各 歸 其 根. 歸 根 曰 靜, 靜 曰 復 命. 復 命 曰 常. 知 常 曰 明. 不 知 常, 妄 作, 凶. 知 常 容. 容 乃 公. 公 乃 王. 王 乃 天. 天 乃 道. 道 乃 久. 沒 身 不 殆.

Phiên âm:

1. Trí hư cực, thủ tĩnh đốc.

2. Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục.[1] Phù vật vân vân, các qui kỳ căn. [2]

3. Qui căn viết tĩnh. Tĩnh viết phục mạng.[3] Phục mạng viết thường.

4. Tri thường viết minh. Bất tri thường, vọng tác, hung.[4]

5. Tri thường dung. Dung nãi công. Công nãi vương.[5] Vương nãi thiên. Thiên nãi Đạo. Đạo nãi cửu. [6] Một [7] thân bất đãi.[8]

Dịch xuôi:

1. Hư không cùng cực, hết sức yên tĩnh.

2. Vạn vật đua sống, ta nhân đó xem chúng trở về (nguồn). Vạn vật trùng trùng đều trở về cội.

3. Trở về cội rễ là tĩnh; tĩnh là phục mệnh; phục mệnh tức là trường cửu.

4. Biết «trường cửu» mới là sáng suốt. Không biết trường cửu sẽ làm càn và gây hung họa.

5. Biết «trường cửu» sẽ thung dung như công hầu vương tước, sẽ hợp với Trời với Đạo. Hợp Đạo rồi sẽ cửu trường: thân có mất đi, cũng chẳng nguy hại gì.[9]

Dịch thơ:

Thử tách khỏi vòng đời luân chuyển,
Để lặng thinh ngắm chuyện trần hoàn.
Muôn loài sinh hóa đa đoan,
Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên.
Hoàn bản nguyên, an nhiên phục mệnh.
Phục mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.
Biết trường tồn mới là thông,
Trường tôn không biết, ra lòng tác yêu.
Biết trường tồn muôn điều thư thái,
Lòng ung dung hưởng khoái công hầu.
Công hầu, vương tước, xa đâu,
Vượt thang thần thánh, lên bầu trời cao.
Lên trời thẳm hòa vào Đạo cả,
Cùng đất trời, muôn thủa trường sinh.
Xác tan, chẳng hại chi mình.[10]

BÌNH GIẢNG

1. Đi đến chỗ «hư cực, tĩnh đốc» tức là đã tách rời khỏi vòng biến chuyển của trần hoàn, «dữ Đạo hợp chân», huyền hóa với Trời với Đạo.

«Hư cực» tức là khi lòng trống, không còn vấn vương sắc tướng, trần ai, tục lụy. «Tĩnh đốc» tức là khi tâm tư không phát sinh một niềm lự nào.

Tách rời khỏi vòng biến dịch, để nhìn xem dòng biến dịch sẽ chuyển hướng về đâu? Lão tử đã cho thấy vạn sự biến dịch chung qui sẽ trở về cội gốc, mà cội gốc ấy chính là Trời, là Đạo. Biết được lẽ phản phục, tuần hoàn của Vũ trụ, tức là bao quát được lẽ Dịch. Đó là quan niệm «Nhất bản tán vạn thù; Vạn thù qui nhất bản.» 一 本 散 萬 殊, 萬殊 歸 一 本 của triết học Đông Phương.

Đó là một cuộc biến hóa có hai chiều tiến thoái, thăng giáng, thịnh suy, để thực hiện một vòng tuần hoàn của Tạo Hóa. Khoa học ngày nay mới chỉ biết rằng «tiến hóa có một chiều» theo định luật Dương tiêu Âm trưởng (hoạt lực giảm, tiềm lực tăng) của Carnot Clausius.[11] Nhưng các nhà huyền học đều sớm nhận thấy vòng trần hoàn biến dịch ấy của vũ trụ. Radhakhrishman nói: «Đầu và cuối sẽ ăn khớp với nhau.» [12] «Lịch trình của lịch sử đã từ thần minh đi xuống, và rồi ra sẽ trở về lại Thần minh.» [13]

Các môn phái triết học Á đông Ấn Độ hay Trung hoa, cũng đều nhận định rằng: Vũ trụ này có trở về tâm, trở về nguồn mới thoát được sự phá tán, suy vong.[14]

Khảo các Giáo phụ Công giáo, ta thấy chỉ có Origène là có chủ trương như Lão tử. Origène cho rằng mọi hồn đã phạm tội ở trần gian, khi chết đi, sẽ bị lửa làm cho tinh khiết, rồi dần dà, các tâm hồn sa đọa ấy, cũng như ma quỉ, sẽ siêu thăng dần dần; cuối cùng sẽ được thanh lọc hoàn toàn và sẽ sống lại trong

những thể xác khinh phiêu và Thượng đế sẽ là mọi sự trong mọi người.[15]

Biết được lẽ phản phục, tuần hoàn của trời đất ta sẽ thấy vũ trụ này sinh hóa tuy có những chu kỳ cố định như không bao giờ cùng, không bao giờ hết miên man vô tận.

Biết được nhẽ ấy, sẽ thung dung, khinh khoát, và sẽ phóng tâm tu luyện để đi đến chỗ huyền hóa với Trời với Đạo, và dẫu cái xác này tiêu ma đi theo định luật chi phối vật chất, thì ít là cái thần ta cũng vĩnh cửu với đất trời...

---

[1] Bản của Phó Dịch chép: «Ngô dĩ quan kỳ phục.» Nhiều bản chép: «Ngô dĩ quan phục.» 吾 以 觀 復 Hà Thượng Công chép: «Ngô dĩ thị quan kỳ phục.» 吾 以 是 觀 其 復 .

[2] Nhiều bản viết: «Các phục qui kỳ căn.» 各 復 歸 其 根. Bản của Phó Dịch không có chữ «phục»: 各 歸 其 根.

[3] Nhiều bản chép là «Thị vị phục mạng» 是 謂 復 命. Nhưng bản của La Chấn Ngọc 羅 振 玉 Cảnh Long ngự chú và Anh Luân 英 倫 đều viết: «Tĩnh viết phục mạng.» 靜 曰 復 命.

[4] Vọng tác 妄 作: làm càn.

[5] Bản của Vương Bật chép: «Công nãi vương, vương nãi thiên» 公 乃 王, 王 乃 天. Nhưng nhiều bản sửa là: «Công nãi chu, chu nãi thiên» 公 乃 周, 周 乃 天.

[6] Năm chữ «nãi» 乃 ở trên trong bản Cảnh Long đều đổi thành chữ «năng» 能 .

[7] Một 沒: hết.

[8] Đãi 殆: nguy.

[9] Các nhà bình giải thường hiểu đoạn này như sau: «Biết trường cửu sẽ bao dung, bao dung sẽ công bình; công bình sẽ bao quát; bao quát là Trời, Trời là Đạo. Đạo thì trường cửu. Chung thân không nguy.»

[10] Đoạn sau có thể dịch khác như sau:

«Biết trường tồn muôn chiều khoan quảng,

Lượng bao dung, rộng choán càn khôn.

Bao dung, rộng rãi ngàn muôn,

Như trời, bao quát chẳng còn riêng tư,

Không riêng tư, y như Đạo cả,

Hợp Đạo rồi, muôn thủa lâu lai.

Tiêu tan là cái hình hài,

Tinh thần âu sẽ muôn đời trường sinh.

[11] L'energie se dégrade et l'univers tend vers l'immobilité. André Lamouche - La destinée humaine, Flammarion, p. 94.

Rappelons que le Principe de Carnot traduit la tendance de l'énergie à se dégrader ou à se dissiper, ce qui entraine une augmentation de l'entropie, c'est-à-dire de l'extension spatiale de l'énergie au cours de ses transformations. Ib. p. 49 note 16.

... C'est cette marche à sens unique, toujours dans le sens de dégradation irréversible, qui justifie le nom de principe d'évolution par lequel on désigne souvent le second principe de Carnot. Ib. p. 95.

[12] Radhakrishman says, «There is coincidence of the beginning and the end.» Grace E. Cairns, Philosophy of History, p. 312.

[13] The process of history has come from the divine Spirit and to the Divine Spirit it returns. Ib. 312.

[14] For all Oriental cyclical Philosophyes - Hindou, Buddhist, Jain or Chinese, Taoist, Yoga system - spiritual freedom is the goal. This means escape from the bondage of the matter world of fragmentation and desintegration - to the world of spiritual unit and integration with the one, the Center, who is at the same time the All. Ib., p. 459.

[15] Un point principal de sa (Origène) doctrine était «l'apocastatase universlle»; les âmes de ceux qui ont commis le péché sur la terre, vont après la mort, dans un feu de puri- fication, mais peu à peu toutes, ainsi que les démons, montent de degré en degré et finalement, totalement purifiées, ressusciteront dans des corps éthérés et Dieu sera de nouveau tout en tous. Berthold Altaner, Précis de Patrologie, p. 306.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	**17**	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 17

THUẦN PHONG

淳 風

Hán văn:

太 上, 不 知 有 之. 其 次, 親 而 譽 之. 其 次, 畏 之. 其 次, 侮 之. 信 不 足 焉, 有 不 信 焉. 悠 兮, 其 貴 言. 功 成 事 遂, 百 姓 謂 我 自 然.

Phiên âm:

1. Thái thượng,[1] hạ [2] tri hữu chi.

2. Kỳ thứ, thân nhi dự chi.

3. Kỳ thứ, úy chi.

4. Kỳ thứ, vũ chi. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

5. Du hề,[3] kỳ quí ngôn. Công thành, sự toại, bách tính vị ngã tự nhiên.

Dịch xuôi:

1. Thánh quân thời cổ xưa (cai trị), dân ở dưới không biết rằng có.

2. Bậc dưới, họ thân và ngợi khen. Bậc dưới nữa họ sợ. Bậc dưới nữa, họ khinh. Vì không đủ tin, nên dân không tin.

3. Bậc thánh xưa quí lời nói. Công việc xong xuôi, mà dân đều bảo rằng: «Tự nhiên bởi ta.»

Dịch thơ:

Thánh xưa trị nước, trị dân,

Bàn dân ở dưới coi gần như không.

Rồi ra thân cận tán đồng,

Rồi ra sợ hãi, rồi đâm khinh nhờn.

Bởi không thủ tín đàng hoàng,

Cho nên dân mới ngỡ ngàng chẳng tin.

Thánh xưa lời nói giữ gìn,

Khi xong công việc, dân xem tự mình.

BÌNH GIẢNG

Lão tử cho thấy nền chính trị Trung Hoa đã trải qua nhiều thời kỳ, và càng ngày càng sa đọa, từ thời đại hoàng kim «vô vi nhi trị» 無 為 而 治 xuống dần mãi cho tới thời kỳ hữu vi 有 為 dùng bá đạo trị dân.

Để dễ bề khảo sát, ta có thể chia nền chính trị Trung Hoa thành nhiều thời kỳ như sau:

1. Trước thời Tam Hoàng 三 皇 và thời Tam Hoàng (khoảng 2800 trở về trước) (Phục Hi 伏 羲, Thần Nông 神 農, Chúc Dung 祝 融). [4] Đó là thời của Vô vi nhi trị 無 為 而 治.

2. Thời Ngũ Đế 五 帝 (2700 - 2200) (Hoàng đế 黃 帝, Chuyên Húc 顓 頊, Đế Cốc [Khốc] 帝 嚳, Nghiêu 堯, Thuấn 舜). [5] Đó là thời của Đức trị 德 治. Thời này phát minh ra lễ nhạc, tôn ti trật tự, cung thất, áo xống, thư tịch, xe cộ, cầu đò, v.v.

3. Thời Tam Vương 三 王 (2200 - 1000): [Đại Vũ 大 禹 (2505-2197); Thành Thang 成 湯 (1766-1753); Vũ Vương 武 王[6] (1122-1115)]. Đó là thời của Nghĩa trị 義 治 và Hình phạt 刑 罰.

4. Thời Ngũ Bá 五 霸 (伯) (từ 1000 về sau): [Tề Hoàn Công 齊 桓 公 (683-641); Tấn Văn Công 晉 文 公 (634-626); Tần Mục Công 秦 穆 (繆)公 (673-644); Tống Tương Công 宋 襄 公 (649-653); Sở Trang Vương 楚 莊 王 (612-589)]. Đó là thời của Trí trị 智 治 và Mưu lược 謀 略.

- Thời thái thượng tức là thời Tam Hoàng về trước. Thời ấy các bậc chân quân trị dân bằng phương pháp vô vi, tự nhiên đến nỗi dân như không hay không biết.

Trang tử viết: «Thời chí đức, không chuộng hiền, không dùng tài; người trên như cành cây (rủ bóng mà không hay); người dưới như hươu rừng (đến nương bóng mà không ơn). Các bậc lãnh đạo cư xử đoan chính mà không cho thế là nghĩa; thương yêu mà không biết đó là nhân; thành thực mà không biết thế là trung; xử phải mà không biết thế là tín; hoạt động lao tác một cách tự nhiên mà không mong báo đền. Vì thế nên không có chuyện gì nổi bật, và cũng chẳng có sử ký.» [7]

Thời buổi vô vi, ở nơi đường cái, dân chúng thường gõ mõ đất mà ca rằng: «Sáng làm, tối nghỉ, đào giếng để uống, trồng tỉa để ăn, có thấy đâu đức vua reo rắc đến ta?» [8]

- Kịp đến thời Ngũ Đế, dân chúng ngày càng cảm thấy ảnh hưởng của vua chúa, và thân vua, khen vua.

- Đến thời Tam Vương, vua chúa đã bắt đầu xa dân, hình phạt đã được bày đặt, pháp luật đã trở nên chặt chẽ, nên dân chúng đâm ra sợ sệt các nhà lãnh đạo.

- Đến thời Ngũ Bá, vì vua chúa dùng xảo thuật, mưu kế để chiếm nước, đoạt dân, nên dân bắt đầu khinh khi, không còn mến phục nhà cầm quyền nữa.

Chung qui cũng là vì vua chúa không biết thủ tín đối với dân. Lão tử kết luận rằng nhà vua cần phải thận trọng trong lời ăn tiếng nói, và phải biết cai trị cho hết sức khéo léo, tế nhị, đến nỗi khi một công trình gì hoàn tất, dân vẫn tưởng là do dân làm, chứ không phải do vua chủ xướng và điều động.

Tóm lại trị dân mà «vô vi» mới tốt, còn đi vào «hữu vi» thì dù ít, dù nhiều cũng vẫn chẳng hay. [9] Thậm chí Trang tử cho rằng con người bắt đầu sa đọa từ thời Toại Nhân 燧 人 (Toại Nhân đã phát minh ra lửa) và Phục Hi 伏 羲 (Phục Hi đã lập ra qui chế hôn phối gia đình). [10]

---

[1] Thái thượng 太 上: bậc chí nhân, thánh đức. Hà Thượng Công cho đó là bậc «Thái cổ vô danh chi quân» 太 古 無 名 之 君. Có sách viết: «Hạ bất tri hữu chi» 下 不 知 有 之.

[2] Hạ 下: người dân.

[3] Do 猶: theo Hà Thượng Công. -- Du 悠: theo Vương Bật.

[4] Theo Bạch Hổ thông 白 虎 通.

[5] Theo Đại Đới, Lễ ký.

[6] Theo Từ Nguyên.

[7] Trang tử Nam Hoa Kinh, Thiên địa.

[8] Vô quái hồ «vô vi» chi thế, khang cù lão nhân kích nhưỡng nhi ca: «Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức, tạc tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực, đế lực hà hữu ư ngã tai?» 無 怪 乎 無 為 之 世, 康 衢 老 人 擊 壤 而 歌: 日 出 而 作, 日 入 而 息, 鑿 井而 飲, 耕 田 而 食, 帝 力 何 有 於 我 哉? Lý Văn Hùng 李 文 雄, Trung Quốc tân thiên tự văn 中 國 新 千 字 文, tr. 44.

[9] Văn Trung tử cũng có nói: «Cường quốc chiến binh, bá quốc chiến trí, vương quốc chiến nghĩa, đế quốc chiến đức, hoàng quốc chiến vô vi» 強 國 戰 兵, 霸 國 戰 智, 王 國 戰 義, 帝 國 戰 德, 皇 國 戰 無 為. Xem Nguyễn Duy Cần, Lão tử, Đạo đức kinh, q. I, tr. 108.

[10] Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 332-333.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	**18**
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 18

TỤC BẠC

俗 薄

Hán văn:

大 道 廢, 有 仁 義. 智 慧 出, 有 大 偽. 六 親 不 和, 有 孝 慈. 國 家 昏 亂, 有 忠 臣.

Phiên âm:

1. Đại Đạo phế,[1] hữu nhân nghĩa.

Trí tuệ [2] xuất, hữu đại ngụy.

2. Lục thân [3] bất hòa, hữu hiếu từ.

3. Quốc gia hôn loạn, hữu trung thần.[4]

Dịch xuôi:

1. Đại đạo mất mới có nhân nghĩa,

Trí tuệ sinh mới có dối trá lớn.

2. Lục thân bất hòa, nên có kẻ thảo người lành.

3. Quốc gia rối loạn mới có trung thần.

Dịch thơ:

Đạo cả hết, đạo huyền đồng hết,

Mới lan tràn học thuyết nghĩa nhân.

Trí sinh, trá ngụy sinh dần,

(Dân gian còn biết thiên chân là gì !)

Tình gia tộc một khi suy giảm,

Hiếu từ sinh trong đám cháu con.

Quốc gia gặp lúc ám hôn,

Trung thần xuất hiện, giang sơn ly loàn.

BÌNH GIẢNG

Lão cũng như Trang, chủ trương sống thuận theo tự nhiên «không làm sai thực tính của tính mệnh», không bỏ mất «thiên chân», không bỏ mất lẽ thường nhiên ở đời.

Muốn được vậy phải tránh mọi chuyện hữu vi giả tạo, dầu sự hữu vi giả tạo ấy là lý tưởng nghĩa nhân.

Thà rằng sống nghĩa nhân, mà không biết nghĩa nhân là gì, còn hơn nêu cao chiêu bài nghĩa nhân, mà lại sống bất nhân, bất nghĩa.

Thà rằng như đàn cá sống tung tăng trong nước, mà không để ý đến nước là quí, còn hơn là làm đàn cá mắc cạn thiếu nước phải mớm rãi cho nhau để tỏ tình thương nhau.[5]

Trang tử, trong thiên Mã đề, đã viết như sau: «Thời xưa dân sống tự nhiên, theo tính tự nhiên.» Mọi người đều canh cửi lấy áo mặc, cầy bừa lấy lúa ăn. Họ sống kết thành một hồn khối duy nhất không hề chia ly, thuận theo tính tự nhiên.

Thời buổi tự nhiên thuần túy ấy, mọi người đi lại rong chơi phỉ chí, ngắm cảnh mặc tình, chẳng có phép tắc nào chi phối dáng đi điệu đứng, lối nhìn của họ. Thời ấy, trên núi không có đường ngang, lối ngách, không có hầm hồ; dưới nước không có thuyền, đập. Muôn vật đua sinh, chung sống. Cho nên có thể buộc thú vật dắt đi chơi; tổ quạ, quẹt có thể trèo lên xem mà không hại. Thời ấy, người chung sống với vật và chưa có chuyện kỳ thị quân tử tiểu nhân. Tất cả đều sống hồn nhiên thuần phác, vui theo tính trời.

«Kịp đến thánh nhân cặm cụi làm nhân, tập tễnh làm nghĩa, mà thiên hạ mới mất tự tin; lan man làm nhạc, khúm núm làm lễ, mà thiên hạ mới chia ly...» [6]

Như vậy tức là ở đời «một phép lập, là một tệ sinh». Cũng một lẽ, óc chất càng mở mang, con người càng trở nên sảo trá.

Gia đình có đảo điên thì mới có sự phân biệt ai là hiếu tử, ai là ngỗ nghịch. Quốc gia có hôn loạn, thì mới có sự phân biệt giữa trung thần và nghịch tặc.

Do đó nhà nào có người hiếu tử là dấu hiệu nhà đó đã suy vi, không có tinh thuần; nước mà đã có trung thần tức là nước đã loạn ly, lòng dân đã kẻ Tần người Sở chia phôi.

Như vậy, theo Lão tử, lịch sử loài người đã suy vi dần từ một thời hoàng kim, còn người đã dần dần bước xuống thời bạc, đồng, sắt, thép, loạn ly, ngụy tạo. Chính vì thế mà Hà Thượng Công đã dùng hai chữ «Tục bạc» mà gọi chương này. «Tục bạc» là phong tục một ngày một trở nên phù phiếm bạc bẽo.

Sự sa đọa ấy đã được Trang tử mô tả:

«Thời thượng cổ là thời đạo đức,

Thời Đại Đình, Lật Lục, Chúc Dong,

Hiên Viên, Ly Súc, Thần Nông.

Phục Hi, Hách Tự, Hoàng,[7] *Trung* [8] *Dung Thành.*

Thời buổi ấy thanh bình an lạc,
Và chúng dân thuần phác ung dung.
Thắt thừng, bện lõi mà dùng,
Ăn ngon, mặc đẹp chưa từng xốn xang.
Thời buổi ấy làm bang giáp cạnh,
Tiếng gà kêu, chó cắn đều nghe,
Tuy không cách trở sơn khê,
Nhưng không tiếp xúc đi về với nhau.
Thời buổi ấy đâu đâu cũng trị,
Sống yên bình đến thế thời thôi...
Ngày nay, người chạy theo người,
Thoạt nghe hiền thánh, là sôi lên tìm.
Đùm cơm gạo, đi xem cho thỏa,
Bỏ thân tình, bỏ cả việc quan.
Xe xe, ngựa ngựa miên man,
Trước sau nô nức từng đoàn kéo đi.
Thích khôn khéo, thích nghe khôn khéo.
Nên loạn ly trăm nẻo phát sinh,
Càng khôn, càng loạn nhân tình,
Càng khôn ngoan lắm, điêu linh càng nhiều.
Càng cung nỏ, càng điều dò bẫy,
Thời chim trời càng sẩy, càng sa.
Cành nhiều mồi, lưới, đó, lờ,
Thời thôi cá nước những lo cùng phiền.
Càng cạm bẫy, lưới, ken, ke, lẫy,
Thời thú rừng càng thấy lao lung.
Lọc lừa, trí trá càng tăng,
Càng nhiều biện thuyết, nhố nhăng càng nhiều.
Thiên hạ thích tìm điều chẳng biết,
Điều biết rồi lại xếp một bên,
Tưởng là không phải chê liền,
Tưởng là đã phải một niềm chấp nê.
Ấy vì thế sinh bè sinh đảng,
Thế cho nên sinh loạn, sinh ly.
Làm cho nhật nguyệt mờ đi,

Làm cho sông núi tinh huy giảm dần.

Làm sâu bọ phong trần, nhớn nhác,

Làm muông chim ngơ ngác bồn chồn,

Ghê thay là bệnh thích khôn,

Làm cho «thiên ám, địa hôn» cũng vì.

Bỏ «điềm đạm», «vô vi» bỏ hết,

Chỉ ưa điều bép xép, lăng nhăng,

Nào hay bép xép xì xằng

Là nguồn ly loạn, lố lăng xưa rày.» [9]

---

[1] Phế 廢: bỏ.

[2] Hà Thượng Công và nhiều bản khác viết: Trí huệ 智 惠.

[3] Lục thân 六 親: cha mẹ, chú bác, anh em.

[4] Bản Phó Dịch đổi là «hữu trinh thần» 有 貞 臣. -- Bản Quảng Minh 廣 明 (đời Đường Hi Tông 唐 僖 宗), sau mỗi vế trên, lại có thêm chữ yên 焉; tức là sau các chữ phế 廢, xuất 出, hòa 和, loạn 亂, đều có chữ yên 焉.

[5] Xem Nam Hoa kinh, Nhượng Tống dịch, tr. 245.

[6] Trang tử, Nam Hoa kinh, chương IX, Mã đề, đoạn B, và C.

Xem Nhượng Tống dịch, Nam Hoa kinh, tr. 170.

Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, tr. 275.

[7] Hoàng: Bá Hoàng 伯 皇.

[8] Trung: Trung Ương 中 央.

Đại Đình 大 庭, Lật Lục 栗 陸, Chúc Dung 祝 融, Hiên Viên 軒 轅, Ly Súc 驪 畜, Thần Nông 神 農, Phục Hi 伏 羲, Hách Tư 赫 胥, Bá Hoàng 伯 皇, Trung Ương 中 央, Dung Thành 容 成.

[9] Phỏng dịch chương Khư Khiếp 胠 篋, Trang từ Nam Hoa kinh, chương 10.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 19

HOÀN THUẦN

還 淳

Hán văn:

絕 聖 棄 智, 民 利 百 倍. 絕 仁 棄 義, 民 復 孝 慈. 絕 巧 棄 利, 盜 賊 無 有. 此 三 者 以 為 文, 不 足. 故 令 有 所 屬. 見 素 抱 朴. 少 思 寡 欲.

Phiên âm:

1. Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội. [1]

2. Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ. [2]

3. Tuyệt [3] xảo khí [4] lợi, đạo tặc vô hữu.

4. Thử tam giả dĩ vi văn,[5] bất túc. [6]

5. Cố lệnh hữu sở thuộc. [7] Kiến [8] tố bão phác. Thiểu tư quả dục.

Dịch xuôi:

1. Dứt thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm.

2. Dứt thân bỏ nghĩa dân lại thảo lành.

3. Dứt khéo, bỏ lợi, không có trộm cướp.

4. Ba điều đó hào nhoáng bên ngoài, chẳng đủ vào đâu.

5. Phải chú trọng điều này: Giữ vẹn tinh anh, chất phác: ít riêng tây, ít ham muốn.

Dịch thơ:

1. Dứt bỏ thánh, khinh thường tiểu trí,

Trong dân gian, lợi sẽ gấp trăm.

2. Tung hê, nhân, nghĩa, chẳng cần,

Tự nhiên dân sẽ mười phân hiếu từ,

3. Dứt khéo léo cùng là tài lợi,

Dân theo gương bỏ thói gian tham.

4. Ra chi phù phiếm vẻ văn,

Cốt sao nắm giữ được phần tinh hoa.

5. Hiển dương Đạo, sống cho phác thiệt,

Ít đam mê và ít riêng tây.

BÌNH GIẢNG

Chương này được Hà Thượng Công đặt tên là «Hoàn thuần». Đại khái, Lão tử khuyên ta hãy bỏ hết mọi điều nhân vi, nhân tạo để trở về đời sống tự nhiên; hãy rũ bỏ những qui ước xã hội tù túng con người để sống cho khinh khoát; hãy gạt bỏ lòng tiểu kỷ tham dục, để sống đời thuần phác hòa đồng.

Trước hết Lão tử khuyên ta hãy dứt thánh, bỏ trí.

Chữ thánh đây không có nghĩa là vị thánh nhân chân thực đã thực hiện được thiên chân, đã sống theo thiên lý, mà là những bậc thông minh hơn người, thường làm quân sư cho vua chúa, vẽ vời cho vua chúa biết những phép tắc, đường lối để khống trị dân.[9]

Trí đây không phải là những người đại trí, đã thấu suốt được bản tính, đã nhìn thấy được thiên chân tiềm ẩn đáy lòng, mà là những bậc tiểu trí bày ra trăm mưu ngàn chước mê hoặc lòng người.

Lão tử cho rằng dẹp được những hạng thánh, trí ấy đi dân chúng sẽ hạnh phúc hơn nhiều.

Lão tử cũng cho rằng đem những chiêu bài nhân nghĩa ra để mà dạy dân tức là làm cho lòng dân rối loạn, không còn biết thế nào là sống theo tự nhiên, và bước dần vào đời sống giả tạo.

Trang tử cũng chủ trương: «Tại sao không để cho dân sống tự nhiên? Tại sao lại muốn cho dân quên mất bản tính của họ? Từ khi vua Thuấn (khoảng 2255) dùng khẩu hiệu «Nhân Nghĩa» làm lạc hướng con người, con người đã trở nên khổ sở, vì bị tù túng trong những khuôn khổ giả tạo, nhân vi.»[10]

Lão tử khuyên ta dứt khéo, bỏ lợi thì mới có thể sống an bình. Xã hội chúng ta ngày nay đã mắc bệnh chuộng khéo, ham lợi, nên mới khổ sở vì những nạn đao binh, đạo tặc lớn nhỏ; lớn như đi chinh phục nước người, nhỏ như đi cướp giật của người, hoặc bày ra những mưu thần chước quỉ để moi móc tiền người.

Lão tử cho rằng những cái hào nhoáng bên ngoài không thể nào thỏa mãn được con người. Con người muốn sống hạnh phúc vẫn cần phải quay về với thiên chân, với tự nhiên.[11] Tóm lại, thiên chân, thiên tính bao giờ cũng hơn nhân vi qui ước. Trang tử viết trong thiên Khư Khiếp đại khái như sau:

«... Lắm phép tắc loạn ly cũng lắm,

Càng vẽ vời càng lắm điêu linh.

Thánh sinh, đạo chích cũng sinh,

Thánh tiêu, trộm cắp lẻ mình tiêu luôn.

Làm đấu hộc, đong lường, cân trái,

Bầy tín phù, bầy ngãi, bầy nhân.
Càng nhiều phép tắc gian trần,
Gian ngoan điêu trác càng tăng thêm hoài.
Ăn cắp nhỏ mới tai, mới họa,
Ăn cắp nhiều, thời bá, thời vương.
Bá vương rồi cũng huênh hoang,
Chiêu hiền, đãi khách xênh xang quanh mình.
Nên dứt thánh, dứt tình với trí,
Thời cướp ngày sẽ bí lối sinh.
Trầm châu, đắm ngọc tan tành,
Rồi ra trộm cắp lưu manh hết liền.
Phá ấn tín, dân nên thuần phác,
Đập đấu cân, dân gác ghen tuông,
Phá tan thánh pháp kỷ cương,
Rồi ra dân sẽ rộng đường tới lui.
Vứt đàn sáo, bịt tai Sư Khoáng,
Thời chúng dân sẽ sáng tai ra.
Tung hê màu sắc, văn hoa,
Cho mờ van vả, cho nhòa Ly Châu.
Hãy hủy hẳn giây, câu, khuôn thước,
Tay Công Thùy tìm chước chặt đi.
Sử, Tăng ta hãy khinh khi,
Bị mồm Dương, Mặc, bịt đi đỡ phiền.
Điều nhân nghĩa đảo điên hãy bỏ,
Bỏ đi rồi sẽ rõ «Huyền đồng»
«Huyền đồng» là chính thần thông,
Hợp cùng Đạo cả, ung dung vẹn nghì.
Kìa Tăng, Sử, Công Thùy, Sư Khoáng,
Hạng Ly Chu và hạng Mặc Dương,
Đều là nhân đức phô trương,
Rốc bầu tinh túy, huyên hoang bên ngoài.
Chính vì vậy gieo tai gieo họa,
Loạn dân tình, loạn cả nước non,
Tưởng là ích lợi ngàn muôn,
Nào ngờ điên đảo, mỏi mòn lòng ai.» [12]

Trang tử cũng còn viết trong thiên Đại Tông Sư đại khái như sau:

«Đời trần thế là đời mộng ảo,
Tỉnh với mơ lộn lạo, khác chi.
Tử sinh như ở với đi,
Như thay hình tướng có chi bận lòng.
Dù nam bắc tây đông cũng vậy,
Trời bảo sao ta hãy vui theo,
Mặc cho ngoại cảnh xoay chiều,
Giữ lòng tạo hóa phiêu diêu thỏa tình.
Đem thân gửi mênh mông bát ngát,
Thời thân này mất mất làm sao.
Muốn tìm ra Đạo chí cao,
Mà không suy tưởng, nhẽ nào tìm ra.
Hãy thâu lượm tinh hoa sử sách,
Hãy khơi tung nguồn mạch đáy lòng,
Hư vô khi đã khai thông,
Rồi ra sẽ được huyền đồng chẳng sai.
Tìm Trời, phải quên đời, quên cảnh,
Quên phù sinh, ảo ảnh bên ngoài,
Tâm hồn khi hết pha phôi,
Mới mong rực rỡ ảnh Trời hiện ra.
Đã thấy Đạo, đâu là kim cổ,
Hết cổ kim, vào chỗ trường sinh.
Ham sinh, thời lại điêu linh,
Phù sinh chẳng chuộng, thần minh ấy là,
Hãy cố gắng vượt qua nhân nghĩa,
Hãy quên đi nghi lễ của đời,
Quên mình, quên cả hình hài,
Thông minh, trí tuệ gác ngoài tâm linh.
Hãy hợp với vô hình, vô tượng,
Cùng Đại thông vô lượng sánh đôi.
Thế là được Đạo, được Trời,
Thoát vòng biến hóa muôn đời trường sinh.» [13]

---

[1] Bách bội 百 倍: gấp trăm.

[2] Phục 復: trở lại.

[3] Tuyệt 絕: dứt.

[4] Khí 棄: bỏ.

[5] Văn 文: vẻ hào nhoáng bên ngoài.

[6] Bất túc 不 足: không đủ.

[7] Nguyễn Duy Cần và Nghiêm Toản đọc 屬 là «chúc».

[8] Nghiêm Toản đọc 見 là «hiện».

[9] Ta thấy ở nhiều chương khác Lão tử thường đề cập đến bậc thánh nhân chân chính.

[10] Xem Nam Hoa kinh, chương Biền mẫu, đoạn A. -- Les Pères du Système Taoïste, p. 271.

[11] The work of the Church ends when the knowledge of God begins.» Evelyn Underhill, Mysticism, p. 199.

[12] Xem Nam Hoa kinh, chương 10, Khư Khiếp, đoạn B.

[13] Nam Hoa kinh, chương 6, Đại tông sư, các đoạn F, G, H.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	**20**	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 20

DỊ TỤC

異 俗

Hán văn:

絕 學 無 憂. 唯 之 與 阿, 相 去 幾 何. 善 之 與 惡, 相 去 若 何. 人 之 所 畏, 不 可 不 畏. 荒 兮 其 未 央 哉. 眾 人 熙 熙, 如 享 太 牢, 如 登 春 台. 我 獨 泊 兮 其 未 兆, 如 嬰 兒 之 未 孩. 儡 儡 兮 若 無 所 歸. 眾 人 皆 有 餘, 而 我 獨 若 遺. 我 愚 人 之 心 也 哉. 沌 沌 兮 眾 人 昭 昭, 我 獨 昏 昏. 眾 人 察 察, 我 獨 悶 悶. 澹 兮 其 若 海. 飂 兮 若 無 止. 眾 人 皆 有 以 而 我 頑 且 鄙. 我 獨 異 於 人, 而 貴 食 母.

Phiên âm:

1. Tuyệt học vô ưu. Duy [1] chi dự a,[2] tương khứ kỷ hà.[3]

Thiện chi dữ ác tương khứ nhược hà.[4]

2. Nhân chi sở úy, bất khả bất úy. Hoang [5] hề kỳ vị ương tai.[6]

3. Chúng nhân hi hi [7] như hưởng thái lao,[8] như đăng xuân đài.

4. Ngã độc bạc [9] hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hài.[10] Luy luy [11] hề nhược vô sở qui.

5. Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di.[12] Ngã ngu [13] nhân chi tâm dã tai. Độn độn hề [14] chúng nhân [15] chiêu chiêu,[16] ngã độc hôn hôn.[17] Chúng nhân[18] sát sát,[19] ngã độc muộn muộn.[20] Đạm [21] hề kỳ nhược hải.[22] Liêu [23] hề nhược vô chỉ.[24] Chúng nhân giai hữu dĩ [25] nhi ngã ngoan [26] thả bỉ.[27]

6. Ngã độc dị ư nhân, nhi quí thực mẫu.

Dịch xuôi:

1. Dứt học, hết lo. Dạ với ơi khác nhau bao lăm? Lành với dữ khác nhau mấy tầm?

2. Cái mà người sợ, ta há không sợ, nhưng không đến nỗi hoảng hốt mất tinh thần. [28]

3. Người đời hớn hở, như hưởng cỗ bàn, như lên đài xuân.

4. Riêng ta lặng lẽ, chẳng chút phô trương, y như trẻ thơ, chưa biết mỉm cười. Dáng điệu phờ phạc, lênh đênh vô định.

5. Chúng nhân có thừa, riêng ta thiếu thốn. Lòng ta ngu dốt thay, mù mịt tay. Người đời sáng chói, riêng ta mịt mù. Vắng lặng như biển khơi, vi vu như gió thổi. Mọi người đều có chỗ dùng, riêng ta ngu xuẩn, thô kệch.

6. Riêng ta sống khác người, vì không lìa xa «mẹ thiên nhiên».

Dịch thơ:

1. Rũ tục học, sẽ quên lo lắng,
Dạ với ơi khác đặng bao lăm.
2. Dữ lành khác độ mấy tầm,
Cái điều người sợ, bình tâm được nào.
Nhưng chẳng nỗi ra vào hốt hoảng,
Lo thì lo nhưng chẳng bàng hoàng.
3. Người vui như hưởng cỗ bàn,
Vui như trẩy hội đăng đàn tiết xuân.
4. Riêng ta nín lặng tần ngần,
Như tuồng trẻ nít chưa phân biệt gì.
Ta ngơ ngẩn biết đi đâu tá,
5. Người giàu sang, ta há bị quên!
Lòng ta ngu độn thấp hèn,
Người đời sáng suốt, sao riêng ta đần.
Người xét nét, biện phân mọi lẽ,
Chỉ riêng ta quạnh quẽ, trong suông.
Mênh mang trên mặt trùng dương,
Mặc cho gió cuốn, sóng vương không ngừng.
Ai cũng có chỗ dùng lợi ích,
Chỉ riêng ta thô kệch ương gàn.
Nay ta sống khác nhân gian,
Vì ưa sữa «mẹ muôn ngàn thụ sinh».

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử có ý mô tả sự khác biệt giữa hai lối sống: (a) Lối sống của thánh nhân; (b) Lối sống của phàm nhân.

Thánh nhân không mấy bận tâm về nền «tục học» vì thấy hiểu rằng trong thế giới tương đối này, dở hay, giỏi dốt cũng chỉ là như tuồng ảo hóa. Có biết nhẽ ấy, sẽ thấy lòng được thung dung, khinh khoát.

Tục nhân lo cái gì, thánh nhân lo cái ấy; nhưng tục nhân thì lo đến hốt hoảng mất tinh thần, còn thánh nhân thì không bao giờ để ngoại cảnh làm xao xuyến tâm thần.

Phàm nhân chạy theo phù du, ảo ảnh bên ngoài, lao đầu vào những thú ăn chơi, đài các. Thánh nhân thời sống thanh đạm, bạn bè cùng những thú vui cao khiết tinh thần, nên thường bị người đời coi là quê kệch, lạc hậu, thoái hóa.

Phàm nhân chạy theo tài lợi, cố súc tích tài lợi; còn thánh nhân thì lại không am tường những cung cách kiếm tiền.

Phàm nhân tỏ ra sắc sảo, tính toán rạch ròi mọi chuyện thế gian; thánh nhân không mấy lưu tâm đến thế sự, nên khi lâm sự, thường vụng về, ngây thơ, không thể có những thủ đoạn gian ngoan, xảo nguyệt.

Xét theo tiêu chuẩn thế tục, thì phàm nhân có vẻ văn minh tân tiến, còn thánh nhân thời lại có vẻ quê mùa, chất phác, vì một đằng theo rõi thời trang, thời thế; một đằng sống nội tâm, mà không mấy chú trong đến những hình thức bên ngoài.

Cái khác biệt của thánh nhân là:

Thánh nhân sống phối kết với Đạo, với Trời, không lìa xa Thiên chân, Thiên thể, còn phàm nhân thì sống xa Đạo, xa Trời, bị cuốn lôi trong vòng hồng trần tục lụy.

Câu «quí thực mẫu» của Lão tử toát lại đời sống huyền đồng của các bậc thánh nhân mọi nơi mọi đời.

Câu này làm ta liên tưởng đến một đoạn sau đây trong quyển Mysticism của Everlyn Underhill:

«Nhà huyền học trực giác được một thế giới siêu nhiên nằm gọn trong biên cương của lòng sốt mến, và một tâm hồn siêu thoát tục lụy, nhưng hằng khao khát muốn vươn lên cho tới Tuyệt đối; chỉ vừa lòng khi được sống phối hợp với Thượng đế. Lúc ấy, theo sự mô tả của Patmore, thánh nhân sẽ như «trẻ thơ còn ngậm vú mẹ Tạo Hóa» hay như «người tình đã tìm lại được người tình».[29]

---

[1] Duy 唯: dạ (với ý cung kính).

[2] A 阿: ơi (với ý khinh thường).

[3] Kỷ hà 幾 何: là bao.

[4] Nhược hà 若 何: là bao. (Có sách viết là Hà nhược).

[5] Hoang 荒: rộng lớn, hoang vu.

[6] Vị ương 未 央: không bờ bến.

[7] Hi hi 熙 熙: vui vẻ.

[8] Thái lao 太 牢: yến tiệc lớn.

[9] Bạc 泊: yên lặng, thuần phác.

[10] Hài 孩: cười.

[11] Luy luy 儡 儡: nhớn nhác, phờ phạc. -- Bản Hà Thượng Công viết là «thằng thằng hề...» 乘 乘 兮 (chữ 乘 ở đây đọc là thằng [: nghiêng đổ], không đọc là thừa).

[12] Di 遺: bỏ sót, mất.

[13] Ngu 愚: ngu dốt.

[14] Độn độn 沌 沌: hỗn độn mờ mịt.

[15] Có sách viết là «tục nhân» 俗 人.

[16] Chiêu chiêu 昭 昭: sáng sủa.

[17] Bản của Hà Thượng công: Ngã độc nhược hôn 我 獨 若 昏.

[18] Có sách viết là «tục nhân» 俗 人.

[19] Sát sát 察 察: trong trẻo, tinh tường.

[20] Muộn muộn 悶 悶: đục vẩn, mờ mịt.

[21] Đạm 澹: lặng lẽ, có sách viết là «Hốt» 忽.

[22] Hải 海: có sách viết là «Hối» 晦.

[23] Liêu 飂: vi vút.

[24] Vô chỉ 無 止: không ngừng.

[25] Dĩ 以: dùng.

[26] Ngoan 頑: ngu, ương, bướng.

[27] Bỉ 鄙: thô bỉ, dốt nát.

[28] Dịch theo Wieger: «Mấy chữ hoang hề, kỳ vị ương tai này rất khó dịch. Vương Bật cho đó là để mô tả sự cách biệt giữa đạo nhân với tục nhân.»

[29] The mystic vision, then, is of a spiritual universe held tight within the bonds of love, and of the free and restless human soul, having within it, the spark of divine desire, the tendency to the absolute, only finding satisfaction and true life when united with this life of God. Then in Patmore's lovely image «the babe is at its mother's breast, the lover has returned to the beloved». Evelyn Underhill, Mysticism, p. 160.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	**21**	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 21

HƯ TÂM

虛 心

Hán văn:

孔 德 之 容, 惟 道 是 從. 道 之 為 物, 惟 恍 惟 惚. 惚 兮 恍 兮, 其 中 有 象. 恍 兮 惚 兮, 其 中 有 物; 窈 兮 冥 兮, 其 中 有 精. 其 精 甚 真, 其 中 有 信. 自 古 及 今, 其 名 不 去, 以 閱 眾 甫. 吾 何 以 治 眾 甫 之 狀 哉. 以 此.

Phiên âm:

1. Khổng đức chi dung, duy Đạo thị tùng.[1]

2. Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt. Hốt hề, hoảng hề, kỳ trung hữu tượng. Hoảng hề, hốt hề kỳ trung hữu vật; ảo hề minh hề, kỳ trung hữu tinh. Kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín.

3. Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ.[2]

4. Ngô hà dĩ trị chúng phủ chi trạng tai, dĩ thử.

Dịch xuôi:

1. Dung nghi của bậc Đại đức, khuôn theo Đạo.

2. Đạo sinh ra muôn vật, hoảng hoảng hốt hốt nhưng trong vẫn có hình ảnh của Đạo. Hoảng hoảng hốt hốt nhưng trong vẫn có bản thể (của Đạo). Mờ mịt nhưng trong vẫn có tinh hoa (của Đạo). Tinh hoa ấy rất chân thực; trong lại có tín.

3. Từ xưa đến nay, tên ngài vẫn đó, để bẩm sinh ra muôn vật.

4. Ta làm sao biết được hình trạng đầu gốc muôn vật? Nhờ vậy !

Dịch thơ:

1. *Người chí thánh hòa mình với Đạo,*

Dáng dấp người ẩn áo vẻ Trời.

2. *Trời sinh ra khắp muôn loài,*

Phất phơ phất phưởng ảnh Trời ở trong.

Tưởng muôn loài tối tăm u ẩn,

Tinh quang Trời vẫn lẩn bên trong.

Tinh quang ấy thực thiên chân.

Khơi nguồn tín dưỡng xa gần xưa nay.

3. *Xưa và nay, tên ngài vẫn đó,*

Tên ngài còn mới có chúng sinh,

4. Ta hay dáng dấp quần sinh,

Là nhờ phương pháp thuyết trình trên đây.

BÌNH GIẢNG

Chương này có hai cách bình giải:

1. Đạo sinh xuất muôn loài, nên từ trong lòng Đạo đã thấy mung lung, hoảng hốt, hình ảnh của muôn loài muôn vật.

2. Đạo sinh xuất muôn loài, nhưng vẫn lồng trong lòng muôn loài muôn vật.

Léon Wieger bình dịch theo lối thứ nhất như sau:

a. Vạn vật trong thế giới hiện tướng đều phát xuất từ nguyên thể bằng cách khai triển, hiển dương.

b. Nguyên thể là như thế này: Nguyên thể hoảng hốt khó phân, khó định. Tuy khó phân định nhưng bên trong đã có các chủng loại. Tuy khó phân định, nhưng bên trong đã có các vật, tuy còn là ở trong trạng thái tiềm ẩn. Thực là ẩn áo, thực là nhiệm mầu. Trong nhiệm mầu ẩn áo đó vẫn có một tinh hoa; tinh hoa đó là thực tại. Đạo là như thế đó.

c. Từ xưa đến nay tên ngài vẫn y nguyên. Ngài sinh xuất ra muôn vật.

d. Làm sao mà ta biết gốc gác quần sinh?

Ta biết bằng cách đó (bằng cách quan sát vũ trụ một cách khách quan); do đó ta thấy vạn vật tương đối đều phát xuất từ Tuyệt đối.[3]

Tôi bình dịch theo lối thứ hai. Đại khái rằng:

Thánh nhân trong dạ có Trời; Vạn vật trong lòng có Đạo.

Đạo chẳng hề xa rời người vật, vì thế nên bậc đại thánh chính là hiện thân của Trời.

Vạn vật bên ngoài tưởng chừng như là tối tăm, u uẩn, phàm hèn nhưng kỳ thực vẫn hàm chứa Đạo, hàm chứa Tuyệt đối bên trong.

Mới hay Tuyệt đối không hề rời xa Tương đối, hay nói theo từ ngữ Phật giáo: Niết bàn không hề rời xa Luân Hồi.

Muốn tìm Niết Bàn phải tìm trong Luân Hồi, Muốn tìm Tuyệt đối, phải tìm trong tương đối. Muốn tìm

Trời, tìm Đạo, phải tìm ngay trong lòng mình.

Ở đây tôi trình bày cả hai phương pháp bình giảng, vì chúng bổ túc lẫn cho nhau và cho chúng ta một cái nhìn viên mãn về vũ trụ vạn hữu.

Vũ trụ vạn hữu này là biểu dương của Thượng đế, của Tuyệt đối. Cho nên vũ trụ vạn hữu này vẫn hàm tàng Tuyệt đối. Đó chính là phương pháp chính xác để biết nơi đâu mà tìm ra Đạo, ra Trời !

---

[1] Câu này tôi giải thích theo Cao Hanh và Trương Mạc: Bậc đại đức khi nói năng cử động luôn luôn theo Đạo mà hành chỉ.

[2] Chúng phủ 眾 甫: vật trước nhất đầu tiên phát sinh ra vạn vật.

[3] Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 33 - 34.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	**22**	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 22

ÍCH KHIÊM

益 謙

Hán văn:

曲 則 全; 枉 則 直; 窪 則 盈; 敝 則 新; 少 則 得; 多 則 惑. 是 以 聖 人 抱 一, 為 天 下 式. 不 自 見, 故 明. 不 自 是, 故 彰. 不 自 伐, 故 有 功. 不 自 矜, 故 長. 夫 唯 不 爭, 故 天 下 莫 能 與 之 爭. 古 之 所 謂 曲 則 全 者, 豈 虛 言 哉. 誠 全 而 歸 之.

Phiên âm:

1. Khúc tắc toàn; uổng tắc trực; hóa tắc doanh; tệ tắc tân; thiểu tắc đắc; đa tắc hoặc.

2. Thị dĩ thánh nhân bão Nhất, vi thiên hạ thức. Bất tự hiện, cố minh. Bất tự thị, cố chương. Bất tự phạt cố hữu công. Bất tự căng, cố trưởng.

3. Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

4. Cổ chi sở vị «khúc tắc toàn giả», khởi hư ngôn tai. Thành toàn nhi qui chi.

Dịch xuôi:

1. Cái gì khiếm khuyết, thì làm cho nên toàn vẹn. Cái gì cong, thì làm cho ngay. Cái gì trũng thì làm cho đầy. Cái gì cũ thì làm cho nên mới. Ít thì lại được, nhiều thời lại mê.

2. Cho nên thánh nhân ôm giữ cái Một (Đạo), để làm mẫu mực cho thiên hạ. Không phô trương, cho nên sáng; không tự cho mình là phải, cho nên hiển dương; không kể công, nên có công; không khoe mình, cho nên hơn người.

3. Vì không tranh giành, cho nên thiên hạ không ai tranh dành với mình. Câu nói của người xưa: «Cái gì khiếm khuyết, thì làm cho nên toàn vẹn», há phải là câu nói suông? Vẹn toàn rồi sẽ trở về với Đạo.

Dịch thơ:

1. Bao dang dở, làm cho tươm tất,
Bao cong queo, hãy bắt cho ngay.
Hãy san chỗ trũng cho đầy,
Cũ càng đổi mới, mới ngay tức thì.
Đạm thanh sẽ thoả thuê, đầy đủ,
Phiền toái nhiều, trí lự ám hôn.
2. Thánh nhân một dạ sắt son,
Hoà mình với Đạo, treo gương cho đời.
Ít phô trương, (nhưng) rạng ngời, sáng quắc,
Chẳng khoe khoang, (nhưng) vằng vặc trăng sao.
Chẳng vênh váo, vẫn cao công nghiệp,
Chẳng huênh hoang, ngồi tít tầng cao.
3. Không tranh ai nỡ tranh nào,
Lời người xưa nói nhẽ nào sai ngoa:
«Bao dang dở, làm cho tươm tất,
Tươm tất rồi ắt sẽ về Ngài.»

BÌNH GIẢNG

Chương này các nhà bình giải thường cho rằng Lão tử đề cao sự khiêm cung. Chính vì thế mà Hà Thượng Công đã toát lược chương này bằng hai chữ «Ích khiêm».

Nhưng thiết tưởng bình giải như vậy chưa nêu rõ được hết các ý tứ của Lão tử. Thực vậy, trong chương này Lão tử khuyên ta:

1. Sửa sang mọi lỗi lầm, khiếm khuyết để đi đến chỗ thành toàn, sống đơn sơ thuần phác. (đoạn 1)

2. Kết hợp với Trời, với Đạo, sống âm thầm lặng lẽ, không phô trương thanh thế, vô vi mà vẫn treo gương cho đời. (đoạn 2)

3. Không tranh chấp với ai. (đoạn 3)

4. Từ xưa tới nay, ai cũng công nhận rằng có thành toàn mới trở về được với Trời, với Đạo. (đoạn 4)

Phân tách như vậy ta sẽ thấy chương này hết sức phong phú. Trước tiên Lão tử cho thấy bổn phận chúng ta là cải tiến không ngừng để đi đến chỗ toàn thiện. Đó cũng chính là thiên mệnh. Trung Dung viết:

«Hoàn toàn là đạo của Trời,
Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay. [1]

Chúa Jésus cũng dạy: «Các bạn hãy trở nên hoàn thiện, như cha các bạn ở trên trời.» [2]

Con người sinh ra ở đời, khó có ai hoàn thiện, hoàn mỹ ngay. Nhưng mọi người đều có thể trở nên hoàn thiện, hoàn mỹ nếu biết sang sửa tâm hồn mình.

Lão tử mô tả sự sửa sang tâm hồn bằng mấy lời bóng bảy:

Bao dang dở làm cho tươm tất,

Bao cong queo hãy bắt cho ngay.

Hãy san chỗ trũng cho đầy,

Cũ càng đổi mới, mới ngay tức thì.

Câu này cũng tương tự như câu sau đây trong thánh kinh Công giáo:

«Vì Yahve, hãy mở đường trong sa mạc,

Hãy chỉnh trang đạo lộ chốn hoang vu,

Lấp thung lũng, bạt đồi núi âm u,

Biến vực thẳm cho trở thành đồng nội.» (Isaie 40, 3, 4)

Trung Dung cũng dành chương XXIII để dạy về phương pháp chỉnh trang tâm hồn ngõ hầu tiến tới hoàn thiện. Trung Dung gọi thế là «Trí Khúc». Couvreur giải hai chữ «trí khúc» là: Cố làm cho tâm tình còn khiếm khuyết trở nên hoàn hảo.

2. Khi đã sửa sang được mọi chếch mác, dở dang trong tâm hồn rồi, con người mới có thể «bão nhất», kết hợp với Trời với Đạo, nêu gương sáng soi cho đời. Lúc này chẳng cần phô trương, mà ảnh hưởng tự nhiên sẽ ngày một lan rộng.

3. Thế là không cần chạy theo vinh quang, mà vinh quang sẽ đến với mình, không phải tranh chấp với ai, mà vẫn có địa vị sang cả.

4. Lão tử kết luận: «Tự cổ cập kim», có sửa sang được hết chếch mác, có trở nên hoàn thiện, mới trở về được với Đạo, với Trời.

Như vậy Lão tử đã tìm ra được một định luật thiên nhiên và đạo giáo rất quan trọng: «Con người phải tinh tiến, phải cải thiện mình, để đi đến chỗ hoàn thiện. Có hoàn thiện mới có thể «đắc Đạo, bão nhất».

Chắc chắn không một vị giáo chủ nào có thể dạy ngược với định luật này được.

---

[1] Thành giả, Thiên chi đạo dã; thành chi giả, nhân chi đạo dã 誠 者, 天 之 道 也; 誠 之 者, 人 之 道 也. Trung Dung, chương XX.

[2] Mathieu, V, 48.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	**23**	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 23

HƯ VÔ

虛 無

Hán văn:

希 言 自 然. 飄 風 不 終 朝, 驟 雨 不 終 日. 孰 為 此 者, 天 地. 天 地 尚 不 能 久, 而 況 於 人 乎. 故 從 事 於 道 者. 道 者 同 於 道. 德 者 同 於 德. 失 者 同 於 失. 同 於 道 者, 道 亦 樂 得 之. 同 於 德 者, 德 亦 樂 得 之. 同 於 失 者, 失 亦 樂 得 之. 信 不 足 焉, 有 不 信 焉.

Phiên âm:

1. Hi ngôn tự nhiên.

2. Phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật. Thục vi thử giả, thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cửu, nhi huống ư nhân hồ.

3. Cố tòng sự ư Đạo giả. Đạo giả đồng ư Đạo. Đức giả đồng ư Đức. Thất giả đồng ư thất. Đồng ư Đạo giả, Đạo diệc lạc đắc chi. Đồng ư Đức giả, Đức diệc lạc đắc chi; đồng ư thất giả, thất diệc lạc đắc chi. [1]

4. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Dịch xuôi:

1. Ít nói, (sống) tự nhiên,

2. Vì gió lốc không suốt sáng, mưa rào không suốt ngày. Ai làm những chuyện ấy? Trời, Đất. Trời Đất còn không thể lâu, huống nữa người.

3. Cho nên theo Đạo thì đồng với Đạo. Theo Đức thì đồng với Đức. Theo mất thì đồng với mất. Đồng với Đạo, đạo vui tiếp đó. Đồng với Đức, Đức vui tiếp đó. Đồng với thất, thất vui tiếp đó.

4. Tin không đủ. Có sự không tin.

Dịch thơ:

1. Sống tự nhiên, xẻn lời ít nói,

2. Vì gió giông chẳng thổi sớm, trưa.

Mưa rào chẳng suốt ngày mưa,

Ai làm gió sớm mưa trưa thế này?

(Trời đất).

Trời đất còn thoảng bay chốc lát,

Vẻ chi người, sống thác dường bao !

3. Đem vạn vật ướm vào Đạo cả,

Đấng thánh nhân huyền hóa đạo Trời.

Người nhân ôm đức chẳng rời,

Người ham đắc thất, cả đời vẫn ham.

Ôm lấy Trời, hân hoan Trời rước.

Ôm đức ân, sẽ được đức ân.

Miệt mài công cuộc gian trần,

Gian trần vui đón, cho thuần hư vinh.

Kẻ chẳng tin, người tin chẳng đủ,

Không đủ tin hay cứ không tin.

Đoạn 3 và 4 trên đây có thể dịch theo cách thứ hai như sau:

3. Đem vạn vật ướm vào Đạo cả,

Đấng thánh nhân huyền hóa Đạo Trời.

Sá chi đắc thất trần ai,

Vui vầy cùng Đạo thảnh thơi mặc tình.

Sống huyền hóa, siêu linh thoải mái.

Người tin, chăng, nào ngại gì đâu.

BÌNH GIẢNG

Chương này thực ra rất khó bình giảng cho xác đáng. Mỗi bản kinh lại chép một khác. Có ba chữ chính trong chương này: Đạo 道, Đức 德, Thất 失.

Các bản Vương Bật, Hà Thượng Công, Tống Long Uyên, v.v. đều viết là Đạo 道, Đức 德, Thất 失.

Bản của Wieger, và Duyvendak lại viết là: Đạo 道, Đắc 得, Thất 失. Và cho rằng viết Đức 德 là sai.

Cho nên bình giảng chương này, chúng ta không thể có tham vọng đưa ra một ý kiến chính xác, mà chỉ mong nói lên được đại ý.

A. Đoạn 1 và 2 tương đối dễ bình giảng.

Đại khái Lão tử khuyên chúng ta nên sống giản dị, tự nhiên, tuần tự nhi tiến, đừng lo lắng làm những chuyện bất thường, để được nhĩ mục quan chiêm.

Những chuyện bất thường không thể tồn tại, y thức như những cơn giông cơn gió, những trận mưa lũ,

mưa rào, chỉ chốc lát rồi lại qua đi.

Lời lẽ Lão tử ở đây tuy khác nhưng ý tứ thì xét ra cũng giống với đoạn XI của Trung Dung. Đức Khổng nói:

«Tìm bí ẩn, làm điều quái dị,
Cốt mong cho hậu thế người khen.
(Sá chi chuyện ấy nhỏ nhen)
Đã là quân tử chẳng thèm quan tâm.
Làm trai quyết chí tu thân,
Đường đường quân tử ta tuân Đạo trời.
Giữa đường đứt gánh trở lui,
«Bán đồ nhi phế» có đời nào đâu.
Trung Dung quân tử trước sau,
Dẫu không tăm tiếng chẳng rầu lòng ai.
Thánh nhân ấy thánh nhân rồi.» [2]

Hoặc giống với đoạn thánh vịnh David sau đây:

«Chúa, hỡi Chúa, tôi không ngạo nghễ,
Mắt tôi không đượm vẻ kiêu căng.
Vinh quang tôi chẳng dám mong,
Không mơ những chuyện quá tầm mức tôi.
Hồn chẳng chút lôi thôi xao xuyến,
Chẳng bận lòng những chuyện viễn vông.
Hồn tôi, những muốn thong dong,
Như con trẻ nhỏ, nằm lòng mẹ chơi.» [3]

B. Đoạn 3 của Lão tử mới thực là khó giải thích. Đại khái có hai cách giải thích:

1. Chúng ta, thực sự muốn gì, sẽ được nấy:

- Muốn Đạo sẽ được Đạo.

- Muốn Đức sẽ được Đức.

(Đức 德 là sự phát huy của Đạo 道 ra bên ngoài. Đức cũng là vẻ đẹp của Đạo chiếu sáng vào tâm hồn).

- Muốn phù hoa, sẽ được phù hoa.[4]

Sở dĩ gọi Thất là phù hoa, vì những chuyện vinh hoa đắc thất ở đời thoảng bay trong chốc lát.

Như vậy ở đời muốn đạt được thành quả bất kỳ về phương diện gì, trước hết là phải:

- Đặt ra cho mình một mục phiêu, một lý tưởng.

- Cố gắng hết sức thực hiện mục phiêu ấy.

2. Hoặc chúng ta có thể giải theo Wieger: [5]

Ở đời này chúng ta chỉ nên sống hòa mình với Đạo, còn các chuyện đắc thất bên ngoài, chẳng nên quá quan tâm, như vậy lòng ta lúc nào cũng sẽ ung dung thư thái.

Tinh thần này đã được cụ Nguyễn Công Trứ lồng vào thi ca như sau:

«Được mất dương dương người thái thượng,

Khen chê phơi phới ngọn đông phong.[6]

C. Cuối cùng Lão tử kết luận:

Ở đời sở dĩ có nhiều người không thành công trong công trình tu đạo, chính là vì đã không tin vào mình, vào những khả năng vô biên của tâm hồn mình, hoặc là tin chẳng đủ, bởi vì nếu chúng ta có đức tin bằng hạt cải, chúng ta sẽ có thể đảo hải di sơn.[7]

Ước mong lối bình giải này phản ánh được phần nào tư tưởng của Lão tử.

---

[1] Câu này Wieger, Duyvendak sửa lại như sau: «Đạo giả đồng ư Đạo, đắc giả đồng ư đắc, thất giả đồng ư thất. Đồng ư Đạo giả, Đạo diệc lạc đắc chi; đồng ư đắc giả, thất diệc lạc đắc chi.» 道 者 同 於 道, 得 者 同 於 得. 失 者 同 於 失. 同 於 道 者, 道 亦 樂 得 之; 同 於 得 者, 失 亦 樂 得 之. Tóm lại Wieger đã thay chữ Đức 德 bằng chữ đắc 得. Vương Bật khi bình giảng đoạn này cũng đã thay thế chữ Đức bằng chữ đắc. Hà Thượng Công lại viết: «Thất diệc lạc thất chi» 失 亦 樂 失 之.

[2] Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung Tân Khảo, quyển 2, Chương XI.

[3] Thánh Vịnh David 131.

[4] Nơi đây chúng ta giải theo những bản kinh có ba chữ: Đạo, Đức, Thất.

[5] Giải theo những bản kinh có ba chữ: Đạo, Đắc, Thất.

[6] Xem bài ca Ngất ngưởng của Nguyễn Công Trứ.

[7] Xem thêm Mathieu 17, 19. Luc 17, 6

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	**24**	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 24

KHỔ ÂN

苦 恩

Hán văn:

企 者 不 立, 跨 者 不 行. 自 見 者 不 明; 自 是 者 不 彰; 自 伐 者 無 功; 自 矜 者 不 長. 其 於 道 也, 曰 餘 食 贅 行, 物 或 惡 之. 故 有 道 者 不 處.

Phiên âm:

1. Khí [1] giả bất lập, khóa [2] giả bất hành. Tự hiện giả bất minh; tự thị giả bất chương; tự phạt giả vô công; tự căng giả bất trường.

2. Kỳ ư Đạo dã,[3] viết dư thực chuế [4] hành, vật hoặc ố chi. Cố hữu Đạo giả bất xử.

Dịch xuôi:

1. Kiễng chân lên, không đứng thẳng được. Xoạc cẳng ra không đi được. Tự coi là sáng, nên không sáng. Tự xem là phải, nên không hiển dương. Tự kể công, nên không có công. Tự khoe mình, nên không hơn người.

2. Đứng về phương diện Đạo mà nói, thì đó là những «đồ thừa việc thải». Cho nên người có Đạo không thiết.

Dịch thơ:

1. Kiễng chân lên làm sao đứng thẳng,
Xoạc cẳng ra, đi chẳng được nào.
Thích khoe sáng suốt làm sao?

Tự cho mình phải, đời nào hiển dương.

Cầu cạnh quá, thời thường thất bại,

Quá ỷ mình, danh lại không cao.

2. Mắt thần ta mượn nhìn vào,

Cơm thừa, việc thải xiết bao tục tằn.

Đó đâu phải đạo thánh nhân.

BÌNH GIẢNG

Chương này ngược với chương 22. Chương 22 mô tả đường lối của thánh nhân:

- Hư vô, tự nhiên,

- Xẻn lời, ít nói.

- Không kiêu căng,

- Không tự thị.

Chương này mô tả đường lối của phàm nhân:

- Làm điều bất thường quái dị, chọc nước quấy trời.

- Tự kiêu, tự đại.

Nhưng Lão tử cho rằng những việc bất thường không thể nào tồn tại. Càng khoe khoang, càng cầu cạnh, càng kể công, lại càng không có danh, không có công.

Tu đạo mà đi vào con đường ấy, tức là đi vào con đường lầm lạc. Đó chẳng qua là những chuyện «cặn bã» như cơm thừa, việc thải, chứ chẳng có gì là cao đẹp.

Ta có thể dùng chương 14 Trung Dung, để trình bày lại bằng những lời lẽ khác, những ý kiến mà Lão tử đã đề ra trong 2 chương 22 và 24 này.

«Người quân tử sống theo địa vị,

Không ước mơ, lo nghĩ viễn vông.

Sang giàu, sống lối giàu sang,

Nghèo nàn, sống lối nghèo nàn ngại chi.

Tới man di, sống y man mọi,

Gặp gian lao, vui nỗi gian lao.

Bất kỳ sống ở cảnh nào,

Lòng người quân tử ra vào thỏa thuê.

Ở cấp trên không đè nén dưới,

Ở dưới không luồn cúi người trên.

Trời, người, chẳng oán, chẳng phiền.

Ung dung thanh thản chờ xem ý trời.

Kẻ tiểu nhân suốt đời tác quái,

Xông gian lao rong ruổi cầu may,

Người quân tử như tay xạ thủ,

Chệch hồng tâm, lỗi đó trách mình.

---

[1] Khí (xí) 企: kiễng chân. Có bản viết là 跂.

[2] Khóa 跨: xoạc cẳng.

[3] Kỳ ư Đạo dã 其 於 道 也: đứng về phương diện Đạo mà xét. Có bản chép là Kỳ tại Đạo dã 其 在 道 也.

[4] Chuế 贅: thừa thãi, không cần thiết. Theo Cao Hanh, bốn chữ «dư thực, chuế hạnh» 餘 食 贅 行 nên đổi là «dư đức, chuế hạnh» 餘 德 贅 行 và cho đó là cái «Nhân, đức, thông, minh» bên ngoài. Các nhà bình giải Âu Châu thường giải chuế là cái bướu, và hiểu bốn chữ «dư thực chuế hạnh» như «dư thực, chuế hình» 餘 食 贅 形.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	**25**	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 25

TƯỢNG NGUYÊN

象 元

Hán văn:

有 物 混 成, 先 天 地 生. 寂 兮, 寥 兮, 獨 立 而 不 改. 周 行 而 不 殆. 可 以 為 天 下 母. 吾 不 知 其 名; 字 之 曰 道, 強 為 之 名 曰 大. 大 曰 逝. 逝 曰 遠. 遠 曰 反. 故 道 大, 天 大, 地 大, 王 亦 大. 域 中 有 四 大, 而 王 居 其 一 焉. 人 法 地, 地 法 天, 天 法 道, 道 法 自 然.

Phiên âm:

1. Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hề, liêu hề, độc lập nhi bất cải. Chu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên hạ mẫu.

2. Ngô bất tri kỳ danh; tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại. Đại viết thệ. Thệ viết viễn. Viễn viết phản.

3. Cố Đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi vương cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên.

Dịch xuôi:

1. Có một vật hỗn độn mà nên, sinh trước trời đất; yên lặng, trống không; đứng một mình mà chẳng thay; đi khắp nơi mà không mỏi. Có thể làm mẹ thiên hạ.

2. Ta không biết tên, đặt tên chữ đó là Đạo. Gượng gọi tên đó là Lớn. Lớn là đi, đi là xa; xa là trở lại.

3. Cho nên Đạo lớn, Trời lớn, Đất lớn. Người cũng lớn. Trong đời có bốn thứ lớn, mà Người là một. Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời; Trời bắt chước Đạo; Đạo bắt chước tự nhiên.

Dịch thơ:

1. Có một đấng an nhiên tự hữu,

Trước đất trời, vĩnh cửu tự thành.

Tịch liêu, vắng ngắt, vắng tanh,

Một mình mình biết, một mình mình hay.

Muôn vàn chẳng chút đổi thay,

Đó đây quanh quất, đó đây chẳng chồn,

Sinh muôn vật, mẹ muôn thiên hạ.

2. Tính danh người ta há biết sao,

Tên Ngài phải gọi thế nào,

Gọi liều là Đạo, xưng ào là To.

Vì quá to, nên xa thăm thẳm,

Thăm thẳm xa mà vẫn gần kề.

3. Đạo to, to lớn muôn bề,

Trời to, đất lớn, Người (khoe) lớn (quyền).

Bốn trọng đại trong miền Vũ trụ,

Người nghiễm nhiên được ghé một vai.

Người theo khuôn phép đất đai,

Khuôn trời đất lấy, Đạo cai quản Trời.

Tự nhiên, Đạo cứ thảnh thơi.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại tiếp tục bình về Đạo. Đại cương vẫn là:

1. Đạo là căn nguyên vạn hữu.

2. Đạo vô hình tướng, nên không thể nào đặt tên cho xứng

3. Đạo vô bất tại. (James Legge cho rằng những chữ «Đại, thể, viễn, phản» tương đương với chữ vô bất tại).

Đạo là Nguyên lý, nên tam tài (Trời, Đất, Người) đều do đạo xuất sinh. Đạo Nho cho rằng người là một ngôi trong Tam tài. Lão tử lại cho rằng Người là một ngôi trong «tứ Đại» (Đạo, Thiên, Địa, Nhân). Tuy nhiên, hai đằng vẫn nói lên sự cao trọng của con người.

Vả lại, đường lối con người chung qui là phải khuôn theo trời đất, phải khuôn theo Đạo. Mà Đạo thời «tự nhiên». Cho nên đạt tới mức sống «Tự nhiên» là mức sống cao siêu nhất.

Lưu Tư, tác giả quyển «Bạch thoại dịch giải Lão tử» đã toát lược trong ĐĐK và phân loại của Lão tử trong ĐĐK về Đạo như sau:

1. Khi gọi tên Đạo 道, Lão tử dùng những chữ:

- Đạo 道 (chương 1, 4, 21, 23, v. v.)

- Nhất 一 (ch. 10, 22)

- Cốc thần 谷 神 (ch. 6)

- Huyền tẫn 玄 牝 (ch. 6)

2. Khi tả hình dáng của Đạo, Lão tử nói:

- Hoảng hề, hốt hề 恍 兮 惚 兮 (ch. 21)

- Ảo hề, minh hề 窈 兮 冥 兮 (ch. 21)

- Vô trạng chi trạng 無 狀 之 狀 (ch. 14)

- Vô trạng chi tượng 無 狀 之 象 (ch. 14)

- Thị chi bất khả kiến 視 之 不 可 見 (ch. 14)

- Thính chi bất khả văn 聽 之 不 可 聞 (ch. 14)

- Nghinh chi bất kiến kỳ thủ 迎 之 不 見 其 首 (ch. 14)

- Tùy chi bất kiến kỳ hậu 隨 之 不 見 其 後 (ch. 14)

3. Khi đề cập gốc Đạo, Lão tử nói:

- Đế tượng chi tiên 帝 象 之 先 (ch. 5)

- Tiên thiên địa sinh 先 天 地 生 (ch. 25)

4. Nói về sự vận hành của Đạo Lão tử nói:

- Độc lập nhi bất cải 獨 立 而 不 改 (ch. 25)

- Chu hành nhi bất đãi 周 行 而 不 殆 (ch. 25)

- Kỳ thượng bất kiểu 其 上 不 皎 (ch. 14)

- Kỳ hạ bất muội 其 下 不 昧 (ch. 14)

5. Nói về cái dụng của Đạo, Lão tử viết:

- Uyên hề tự vạn vật chi tông 淵 兮 似 萬 物 之 宗 (ch. 4)

- Dĩ duyệt chúng phủ 以 閱 眾 甫 (ch. 21)

- Hầu vương nhược năng thủ chi vạn vật tương tự tân 侯 王 若 能 守 之 萬 物 將 自 賓 (ch. 32)

- Vạn vật đặc chi nhi sinh 萬 物 恃 之 而 生 (ch. 34)

- Đạo thường vô vi nhi vô bất vi 道 常 無 為 而 無 不 為 (ch. 39)

- Thiên đắc nhất dĩ thanh; Địa đắc nhất dĩ ninh; Thần đắc Nhất dĩ linh; Cốc đắc Nhất dĩ doanh; Vạn vật đắc Nhất dĩ sinh; Hầu vương đắc Nhất dĩ thiên hạ trinh. 神 得 一 以 靈; 谷 得 一 以 盈; 萬 物 得 一 以 生; 侯 王 得 一 以 天 下 貞 (ch. 39)

- Đạo sinh Nhất; Nhất sinh nhị; nhị sinh tam; tam sinh vạn vật 道 生 一; 一 生 二; 二生 三 三 生 萬 物, v.v. (ch. 42)

Thực ra, Lão tử còn có nhiều đoạn khác luận về Đạo nhưng sự cố gắng của Lưu tiên sinh khi thu nhập và phân phối những dữ kiện trên cũng đã hết sức đáng khen ngợi.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	**26**	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 26

TRỌNG ĐỨC

重 德

Hán văn:

重 為 輕 根. 靜 為 躁 君. 是 以 聖 人 終 日 行 不 離 輜 重. 雖 有 榮 觀, 燕 處 超 然. 奈 何 萬 乘 之 主, 而 以 身 輕 天 下? 輕 則 失 根, 躁 則 失 君.

Phiên âm:

1. Trọng vi khinh căn. Tĩnh vi táo quân.

2. Thị dĩ thánh nhân[1] chung nhật hành bất ly tri trọng.[2] Tuy hữu vinh quan,[3] yến xử [4] siêu nhiên. [5]

3. Nại hà [6] vạn thặng [7] chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ. Khinh tắc thất căn [8], táo tắc thất quân.

Dịch xuôi:

1. Nặng là gốc của nhẹ. Tĩnh là chủ của xao động.

2. Cho nên thánh nhân suốt ngày rong ruổi, mà không bỏ mất sự trang trọng, yên tĩnh. [9] Tuy sống trong vinh hoa, mà lòng vẫn thung dung sống vượt lên trên.

3. Tại sao vua một nước có muôn cỗ xe lại đem thân coi nhẹ thiên hạ. Nhẹ ắt mất gốc, xao động ắt mất chủ.

Dịch thơ:

1. (Người) trang trọng hơn (người) nhẹ (dạ)

(Người) thung dung chúa (gã) long đong.

2. Đường đường là đấng thánh nhân,

Suốt ngày rong ruổi, vẫn không buông tuồng.

Tuy rằng ở chỗ cao sang,

Tâm hồn thư thái, chẳng màng phồn hoa.

3. Làm vua thống trị sơn hà,

Cớ sao dở thói kiêu sa lộng quyền.

Buông tuồng là mất căn nguyên.

Lo toan trăm nỗi là quên mất Trời.

BÌNH GIẢNG

Chương này dạy ta hai điều:

1. Sống cho trang trọng

2. Sống cho yên tĩnh

Chúng ta phải sống trang trọng vì tâm niệm rằng: trong mình ta, gồm đủ thiên lý, thiên đạo, gồm đủ tam tài (thiên, địa, nhân) tam bảo (tinh, khí, thần).

Lý Long Uyên khi bình chương này đã viết đại khái như sau: «Người quân tử đem một thân một mình mà suy hành cho cả thiên hạ; khi làm, hoặc ngơi nghỉ; khi nói năng hay im lặng, đều cảm thấy là do thiên lý lưu hành. Bất kỳ ở địa vị nào (vua, tôi, cha, con), cũng lấy cương thường luân lý để bảo đảm cho sự trang trọng mình; mỗi khi ứng sự tiếp vật, đều lấy đạo đức nhân nghĩa để bảo toàn cho sự trang trọng mình...» [10]

Trung Dung cũng viết:

Mỗi động tác quân tử đều nên như mẫu mực,

Mỗi hành vi là khuôn phép chúng nhân theo.

Mỗi lời nói, thiên hạ đời sau sẽ nương vào,

Người xa ngưỡng mộ, người gần không hề ngán. [11]

Thứ đến, Lão tử khuyên ta nên sống với một thần trí định tĩnh.

Lý Long Uyên bình câu «Tuy hữu vinh quan, yến xử siêu nhiên» như sau: «Nên sống vô vi trần tĩnh, «Vinh quan» tức là tất cả những vật dục phân hóa, thanh sắc hóa lợi. Mọi người đều tranh nhau hưởng mùi đời, lặn ngụp trong ba đào thế sự, chỉ có người quân tử là sống an nhàn, siêu thoát; thanh tĩnh khác đời, hư minh thuần nhất; tùy thời thuận lý; không để cho vật dục làm đổi rời; không để cho tính tình vọng động càn rỡ; y như là gió mát trăng trong, lúc nào cũng ung dung thư thái, siêu thoát hồn nhiên... Người tu đạo nếu có thể sống trong sang giàu mà không để cho giàu sang làm thay lòng dạ, sống trong nghèo nàn, mà không để cho nghèo nàn làm lụy tấm thân, được như vậy tức là người quân tử thoát tục rồi còn gì?» [12]

Gia Cát Vũ hầu cũng viết: «Phi đạm bạc vô dĩ minh chí, phi ninh tĩnh vô dĩ trí viễn.»

非 淡 泊 無 以 明 志, 非 寧 靜 無 以 致 遠.

(Không đạm bạc làm sao sáng suốt,

Không tĩnh định làm sao tiến xa.)

Lý Long Uyên cho rằng: mỗi con người chúng ta đều tôn quí vô ngần, mỗi con người chúng ta đều là một quốc gia có muôn cỗ xe, cho nên chúng ta đừng nên giảm giá trị của mình. Người tu đạo nên lấy đó làm đề tài suy nghĩ.

Lão tử kết luận: Coi nhẹ mình tức là mất căn nguyên; ôm đồm nhiều chuyện phù du, là bỏ mất Đại Đạo.

---

[1] Có nhiều bản chép là «thị dĩ quân tử» 是 以 君 子.

[2] Tri trọng 輜 重: xe hành lý. Hà Thượng Công giải Tri 輜 là Tĩnh; Trọng 重 là Trọng 重.

[3] Vinh quan 榮 觀: 1) cảnh đẹp; 2) cung điện.

[4] Yến xử 燕 處: 1) Ở yên; 2) nơi cung phi ở (theo cách hiểu Hà Thượng Công).

[5] Siêu nhiên 超 然: 1) vượt lên trên; 2) xa lánh (theo cách hiểu Hà Thượng Công).

[6] Nại hà 奈 何: có bản chép: Như chi hà 如 之 何; Như hà 如 何.

[7] Vạn thặng 萬 乘: muôn cỗ binh xa, chỉ bậc thiên tử.

[8] Căn 根: có bản chép là «thần» 臣; có bản chép là «bổn» 本.

[9] Wieger dịch: cho nên vị quốc dân, khi đi (trong xe nhẹ) không bao giờ lìa xe nặng chở hành lý của mình.

[10] Xem Kim Liên chính tông Long Môn pháp phái, Long Uyên tử Tống Thường Tinh chú giải, Đạo Đức kinh giảng nghĩa, tr. 41b.

[11] Xem Nguyễn Văn Thọ, Trung Dung Tân Khảo, chương 29.

[12] Xem Đạo Đức kinh giảng nghĩa, tr. 42.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	**27**
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 27

XẢO DỤNG

巧 用

Hán văn:

善 行 無 轍 跡. 善 言 無 瑕 謫. 善 數不 用 籌 策. 善 閉 無 關 楗 而 不 可 開. 善 結無 繩 約 而 不 可 解. 是 以 聖 人 常 善 救 人, 故 無 棄 人; 常 善 救 物 故 無 棄 物. 是 謂 襲 明. 故 善 人 不 善 人 之 師, 不 善 人, 善 人 之 資. 不 貴 其 師, 不 愛 其 資, 雖 智 大 迷, 是 謂 要 妙.

Phiên âm:

1. Thiện hành vô triệt tích. Thiện ngôn vô hà trích. Thiện số bất dụng trù sách. Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai. Thiện kết vô thằng ước, nhi bất khả giải.

2. Thị dĩ thánh nhân, thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật cố vô khí vật.

3. Thị vi tập minh. Cố thiện nhân bất thiện nhân chi sư, bất thiện nhân, thiện nhân chi tư. Bất quí kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí đại mê, thị vị yếu diệu.

Dịch xuôi:

1. Đi khéo không để vết chân. Nói khéo không có lỗi lầm. Đếm khéo không dùng thẻ. Đóng khéo không róng, chốt mà không mở được. Thắt khéo, không dây rợ mà không cởi được.

2. Cho nên thánh nhân thường khéo cứu người, nên không có ai bị bỏ; thường khéo cứu vật nên không có vật nào bị bỏ. Thế gọi là sáng gấp đôi.

3. Cho nên người hay là thày kẻ dở. Kẻ dở giúp người hay. Không quí người hay, không yêu kẻ dở, dẫu là bậc trí, cũng mê lầm. Sự mầu nhiệm cốt yếu là ở chỗ đó.

Dịch thơ:

1. Giỏi di chuyển, không lưu dấu tích,

Khéo nói năng tránh hết lỗi lầm.

Đếm tài, chẳng thẻ, chẳng thăm,

Bít bưng khéo léo, khỏi cần khóa then.

Thắt buộc giỏi chẳng phiền dây rợ,

Không rợ dây nhưng khó gỡ ra.

2. Thánh nhân cứu thế tài hoa,

Cứu người chẳng bỏ sót qua một người.

Thánh nhân lại có tài dụng vật,

Muôn sự đời chẳng vất bỏ chi.

3. Quang huy lồng bóng quang huy,

Người hay đưa kẻ dở về đường ngay.

Người bất thiện xưa nay đâu uổng,

Họ đỡ đần nuôi dưỡng người lành.

Nếu không quí trọng thầy mình,

Không thương người giúp, khôn thành u mê.

Chuyện đời ẩn áo ly kỳ.

BÌNH GIẢNG

Thánh nhân khi đã đạt tới chỗ vô vi khinh thoát, sẽ trở nên hết sức khéo léo; không còn phải dùng đến những phương thiện của thường nhân, mà vẫn đạt được mục phiêu mong muốn.

- Không ra khỏi cửa, mà vẫn đạt đạo, vẫn tri thiên hạ.

- Dựa vào Đạo, dựa vào những định luật tự nhiên mà ăn nói, nên lời nói không phạm lỗi lầm.

- Không cần thẻ thăm tính toán mà vẫn giữ được phần hơn thiên hạ (vì giữ được Đạo).

- Chẳng dùng đến khóa then, mà dâm tà cũng không thể xâm nhập được vào thần trí, mà tinh thần cũng chẳng chút phôi pha.

- Chẳng cần dây rợ buộc ràng mà vẫn gắn bó được với Trời với Đạo.

- Thánh nhân không hẹp lượng, nhưng bao dung, phiếm ái muôn loài muôn vật. Thánh nhân không thiên vị người hay, không ruồng rẫy kẻ dở, vì quan niệm rằng người hay thời làm thày kẻ dở, còn kẻ dở chính là để giúp dỡ người hay.

Sinh ra đời mà bao dung hà hải, cố gắng tác thành cho muôn loài, muôn vật, chẳng hề từ chối, hắt hủi một ai khi họ cần mình, đó chẳng phải là tâm địa của thánh hiền hay sao?

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 28

PHẢN PHÁC

反 朴

Hán văn:

知 其 雄, 守 其 雌, 為 天 下 溪; 常 德 不 離, 復 歸 嬰 兒. 知 其 白, 守 其 黑, 為 天 下 式. 常 德 不 忒, 復 歸 無 極. 知 其 榮, 守 其 辱, 為 天 下 谷. 為 天 下 谷, 常 德 乃 足. 復 歸 於 朴. 朴 散 則 為 器; 聖 人 用 之, 則 為 官 長. 故 大 制 不 割.

Phiên âm:

1. Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê; thường đức bất ly, phục qui anh nhi.

2. Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức.[1] Thường đức bất thắc,[2] phục qui ư vô cực.

3. Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc. Vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc. Phục qui ư phác.

4. Phác tán tắc vi khí; thánh nhân dụng chi, tắc vi quan trưởng. Cố đại chế bất cát.

Dịch xuôi:

1. Biết sống, giữ mái, làm khe lạch cho thiên hạ. Làm khe lạch cho thiên hạ không lìa «thường đức», trở về trạng thái anh nhi.

2. Biết trắng, giữ đen, làm phép tắc cho thiên hạ. Làm phép tắc cho thiên hạ, không sai «thường đức», trở về vô cực.

3. Biết vinh, giữ nhục, làm hang sâu cho thiên hạ. Làm hang sâu cho thiên hạ, đầy đủ «đức hằng», trở về mộc mạc.

4. Mộc mạc tán thời thành đồ dùng. Thánh nhân được dùng, làm quan trên; cho nên phép lớn không chia cắt.[3]

Dịch thơ:

1. Cầm thư (kiễm) biết (thanh) hùng (kiếm)
Sống lem nhem, theo tiếng thế gian.
Lem nhem trước mắt trần hoàn,
Nhưng mà đức cả tiềm tàng chất chiu.
Quá chất chiu ra chiều trẻ nhỏ.
2. Cầm tối đen, biết có sáng trong,
Treo gương đã quyết một lòng,
Treo gương thiên hạ, «đức Hằng» tất giao.
Nghĩa tất giao gá vào Vô cực.
3. Biết Ngài vinh ta nhục có sao.
Khiêm cung như thể hang sâu,
Hang sâu thăm thẳm, đức mầu chứa chan.
Bỏ phức tạp, chỉ ham phác thực,
Giữ chu toàn thực chất thiên lương.
4. Thiên chân phân tán, vãi vương,
Sẽ thành đồ đạc để nương, để dùng.
Thánh nhân nếu lâm vòng hữu dụng,
Bất quá là trưởng thượng bách quan.
Mới hay phép lớn mênh mang,
Không chia, không cắt, vẹn toàn mới hay.

BÌNH GIẢNG

Các nhà bình giảng chương này thường bình và giải rằng: nên khiêm cung, không nên phô trương thanh thế.

Chẳng hạn, Wieger dịch như sau:

1. Biết mình dũng mãnh (biết mình là gà trống) mà lại ăn ở trong tình trạng thấp kém (của con gà mái); tự nguyện sống nơi thấp kém trong nước... Cư xử như vậy tỏ ra rằng mình vẫn giữ được «thường đức» (tuyệt đối vô vị lợi, sống phối kết với Đạo,

2. Biết mình thông sáng, mà vẫn ăn ở ra tuồng ngu dốt; sẵn sàng làm bậc thang cho mọi người... Cư xử như vậy tỏ ra rằng «thường đức» chưa bị giao động», và mình hãy còn phối hiệp với Đại Đạo.

3. Biết mình đáng hưởng vinh hoa, mà sẵn sàng sống trong bóng tối; nguyện làm hang (làm chỗ thấp nhất) trong thiên hạ. Cư xử được như vậy, tỏ ra rằng mình vẫn giữ được nguyên vẹn lòng vô tư nguyên thủy, và vẫn giữ được sự chất phác hồn nhiên, v.v.

Xưa nay các nhà bình giải đại loại đều cho rằng Lão tử muốn ta sống khiêm cung như vậy mà thôi. Tuy nhiên chúng ta cũng có thể bình dịch theo một khía cạnh khác như sau:

Từ những kinh nghiệm mà ta có về tâm hồn ta,[4] ta có thể suy ra [5] rằng trong ta còn có Trời, có

Đạo.

Tại sao vậy? Vì trời đất, đã có âm, thời phải có dương, đã có đen thời phải có trắng.

Cho nên nếu chúng ta nghiệm thấy rằng tâm hồn ta là âm (thư) là đen (hắc), thì lập tức ta sẽ suy ra được trong tâm hồn ta còn có Dương (Hùng), còn có trắng (Bạch) đó là phép từ «trái» suy ra «phải» từ «đầu này» suy ra «đầu kia».

Như vậy từ người tìm ra Trời ra Đạo tưởng không có khó. Ta chỉ việc áp dụng định luật Âm Dương điên đảo, Âm Dương phản phúc của Dịch lý. Thế tức là:

«Điên đảo âm dương phản cửu hoàn.» 顛 倒 陰 陽 反 九 還 (Lộn lạo âm dương để về với Trời với Đạo.)

Cho nên nếu chúng ta tách ra được khỏi trạng thái tâm hồn bác tạp, ô trọc, tầm thường, chúng ta sẽ tìm ra được «thường đức», tìm ra được «mẫu mực không hề sai thác» trong tâm hồn ta, mẫu mực mà từ xưa đến nay, người ta thường gọi là Di, là Trung, là Minh Đức, là Lương tri v. v., và đồng thời chúng ta cũng tìm ra được «Vô cực» vô biên tế, hồn nhiên, thuần phác.

Đó là con đường duy nhất mà các nhà Huyền học dùng để trở về với Đạo, với Trời.

Thánh Augustin cũng đã nói: «Chúa thẳm sâu hơn sự thẳm sâu của lòng tôi.» [6]

Bình giải theo lối thứ hai của chúng ta này, chúng ta sẽ thấy hai chữ «Phản phác» của Hà Thượng Công nơi đầu chương hết sức có ý nghĩa.

Như vậy theo Lão tử, mục đích con người là thực hiện «Thiên chân» thực hiện «Đạo thể». Có thực hiện được Đạo thể, mới trở nên toàn chân, viên mãn. Không thực hiện được Đạo thể, thời dẫu làm chức vị gì chẳng nữa, cũng vẫn khí cụ cho đời, vẫn bị phân tán, khiếm khuyết.

Trời sinh ra con người có thể có «Đại dụng», mà cũng có thể có «Tiểu dụng». Thực hiện được cái «Đại dụng» thì trời đất cũng không đủ chứa, thực hiện cái tiểu dụng thời nhiều khi không đủ miếng ăn. [7] Đó là ý nghĩa câu thứ tư: «Phác tán tắc vi khí...»

Chúng ta có thể dùng thiên Tiêu diêu du của Trang tử để bình giải chương này như sau:

«Hồn ta hỡi hãy tiêu diêu,
Tung đôi cánh rộng khinh phiêu chín tầng.
Hãy tung cánh chim bằng muôn dặm,
Cưỡi gió mây bay thẳng về Nam.
Bay về quê cũ giang san,
Hồ Trời vùng vẫy miên man thỏa tình.
Mặc nhân thế rẻ khinh đàm tiếu,
Óc phàm phu sao hiểu chí nhân.
Vùi thân trong chốn hồng trần,
Họ như ve, sẻ, qua lần tháng năm.
Tầm mắt hẹp, mà tâm ti tiểu,
Kiếp phù du nào hiểu chi đâu.
Thân lươn bao quản lấm đầu,

Cốt sao cho khỏi cơ cầu thì thôi.
Phận sâu bọ đành rồi sâu bọ,
Thân nấm rêu, nào rõ tuần trăng.
Ve sầu nào biết thu xuân,
Minh linh ngoài mấy vạn năm hay gì.
Như Bành tổ có chi là thọ,
Mà chúng nhân quá cỡ tán dương.
Người vui tước phận lý hương,
Người vui mũ áo xênh xang trị vì.
Kìa Liệt tử thích đi mây gió,
Cưỡi gió mây đây đó thỏa lòng.
Còn ta khinh khoát vô cùng,
Sánh vai nhật nguyệt vẫy vùng khinh phiêu.
Quên mình, quên hết mọi điều,
Quên tên, quên cả bao nhiêu công trình.
Sống đời sống thần linh sảng khoái,
Như Hứa Do chẳng đoái vương hầu.
Uống ăn nào có chi đâu,
Mà lo với lắng cho dầu lòng ai.
Ta chẳng nói những bài phách lối,
Lời của ta đâu nỗi hoang đường.
Lời ta minh chính đàng hoàng.
Vì người không hiểu, trách quàng, trách xiên.
Kẻ mù tối sao xem màu sắc,
Người điếc tai sao bắt âm thanh.
Cho nên những kẻ vô minh,
Tối tăm, ù cạc ngọn ngành hiểu chi.
Sao biết được uy nghi sang cả,
Của những người huyền hóa siêu linh.
Đất trời gồm tóm trong mình,
Lồng vào muôn vật sự tình nào hai.
Dẫu sóng cả ngất trời không đắm,
Dẫu nóng nung cũng chẳng làm sao.
Trời mây mặc sức tiêu dao,
Cho dù Nghiêu, Thuấn dễ nào sánh vai.

Kiếp sống nọ mấy ai biết dụng,

Biết cách dùng cho đúng cho hay.

Có dưa năm thạch trong tay,

Bổ ra năm bảy, dưa này vứt đi

Nhưng nếu biết để y như trước,

Dùng làm phao, sông nước nó băng.

Đổi bất qui thủ [8] lấy vàng.

Ngỡ là đã khéo tính toan lãi lời.

Ai ngờ nó giúp Ngô thắng Việt,

Giúp chủ nhân mãn kiếp vinh quang.

Biết dùng thời thực mênh mang,

Dùng sai, dùng dở, oán than nỗi gì.

Nhưng hay nhất là khi vô dụng,

Thoát vòng đời tù túng lợi danh.

Sống trong vô cực siêu linh,

Xa bề khổ ải, mặc tình nhởn nhơ.» [9]

---

[1] Thức 式: khuôn phép, mẫu mực.

[2] Thắc 忒: biến đổi, sai lầm.

[3] - Stanislas Julien dịch: Lorsque le Saint est élevé aux emplois, il devient le chef des magistrats. Il gouverne gravement et ne blesse personne.

- James Legge dịch: The sage, when employed, becomes the Head of all the officers (of Government), and in his greatest regulations he employs no violent measures.

- Nguyễn Duy Cần dịch: Mộc mạc tán ra sinh đủ hạng người. Thánh nhân dùng hạng tài năng. Phong làm quan trưởng. Nên phép trị lớn không chia.

- Như vậy ta thấy có hai lối dịch: (a) hoặc dịch: Thánh nhân nếu được dùng, sẽ thành quan trưởng; (b) hoặc dịch: Thánh nhân dùng những quan trưởng.

[4] Giải chữ Thủ 守.

[5] Giải chữ Tri 知.

[6] «Tu eras interior intimo meo. (Conf. III. 6-11)

[7] Xem Mạnh Tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, câu 6: «Cẩu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải; cẩu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu» 苟 能 充 之, 足 以 保 四 海; 苟 不 充 之, 不 足 以 事 父 母.

[8] Bất qui thủ 不 龜 手 : Một thứ thuốc bôi vào chân tay cho khỏi nứt nẻ.

[9] Phóng tác theo thiên Tiêu diêu du trong Nam Hoa kinh.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	**29**	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 29

VÔ VI

無 為

Hán văn:

將 欲 取 天 下 而 為 之, 吾 見 其 不 得 已. 天 下 神 器, 不 可 為 也. 為 者 敗 之, 執 者 失 之. 故 物 或 行, 或 隨, 或 歔, 或 吹, 或 強, 或 羸, 或 挫, 或 隳. 是 以 聖 人 去 甚, 去 奢, 去 泰.

Phiên âm:

1. Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.

2. Cố vật hoặc hành, hoặc tùy, hoặc hư,[1] hoặc xuy,[2] hoặc cường,[3] hoặc luy,[4] hoặc tỏa,[5] hoặc huy.[6]

3. Thị dĩ thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

Dịch xuôi:

1. Muốn đem thiên hạ mà làm (theo ý mình) ta thấy không thể được. Thiên hạ là đồ vật linh thiêng, không thể làm (theo ý mình). Hễ làm thì hỏng, hễ giữ thì mất.

2. Cho nên vật hoặc đi hoặc theo hoặc hà hơi, hoặc thổi, hoặc mạnh hoặc yếu; hoặc bền vững hoặc mong manh.

3. Cho nên thánh nhân chỉ ngăn sự thái quá, sự xa xỉ, sự tham lam.

Dịch thơ:

1. Những muốn nặn, muốn nhào thiên hạ,

Suy cho cùng, chẳng khá được nào.

Lòng người nghệ phẩm (thần khí) tối cao,

Ai cho ta nặn, ta nhào tự do.

Ngao ngán kẻ mưu đồ như vậy,

Chẳng chóng chày, hủy hoại lòng người.

Lòng người ai nắm giữ hoài,

Già tay nắn bóp, bao đời tiêu ma.

2. Người trần thế (muôn hoa đua nở)

Có nhanh chân, cũng có chậm chân.

Người nóng nảy, kẻ lần chần,

Người in gang thép, kẻ thuần đào tơ.

Người kiên gan, kẻ như cánh bướm. [7]

3. Nên thánh hiền sùng thượng chữ khoan.

Chỉ ngăn quá lạm cực đoan,

Quá giàu, quá chướng, quá ham tiền tài. [8]

BÌNH GIẢNG

Mọi người, mọi tổ chức đạo giáo, chính trị, xã hội đều mong muốn nhào nặn con người theo ý mình, duy Lão tử dạy ta không nên nuôi hoài bão cải tạo con người theo chiều hướng của mình.

Lão tử vốn chủ trương thiên chân thiên tính là hoàn hảo, cho nên nếu ta có dụng tâm muốn thay đổi con người thì chỉ làm cho con người trở nên sa đọa mà thôi.

Chính vì từ trước tới nay con người đã bị nhồi sọ bằng mọi chủ nghĩa, chủ thuyết, nên ngày nay con người thực y như đang bị ngây ngất, vật vờ vì những cần sa ma túy tư tưởng.

Krisnamurti cho rằng con người cần được hoàn toàn giải độc thì mới có thể đi đến chỗ khinh khoát tự do.[9] Ta có thể nói Krishnamurti là một con người ở thế kỷ 20 này, không ngờ mà đã thực hiện chủ trương trên đây của Lão tử. Krishnamurti từ tấm bé đã được bà Annie Besant, đồ đệ của bà Blavatsky, đem về Âu châu giáo dục vì bà có linh giác rằng Krishnamurti này sẽ thành vị «chân sư của thế giới».[10]

Krishnamurti được giáo dục rất kỹ càng ở Oxford, Pháp, California. Ông được tặng một tòa lâu đài ở Eerde với 2000 mẫu tây rừng (Hòa Lan). Tất cả tín hữu phái Thông Thiên học đều hồi hộp chờ ngày ông sẽ chính thức đăng quang làm giáo chủ Thông Thiên học. Thì đùng một cái, năm 1928 ông Krishnamurti trả lại hết mọi chức tước, tài sản mà Thông thiên học đã tặng ông đồng thời từ chối không chịu đăng quang và tuyên bố: Nhân loại đã có nhiều lồng rồi, ông không muốn tạo thêm lồng mới nữa.

Krishnamurti cho rằng: các tôn giáo không giải thoát được con người vì lẽ chúng khống chế con người, làm mất tự do con người, và gây ra những mâu thuẫn trong thâm tâm con người. Những duyên do đó làm cho con người không thể chuyển hóa để nhận ra được Chân đạo.[11]

Ông cho rằng: «Chỉ có ta mới cứu nổi ta.» [12]

Ta cũng có thể mượn lời lẽ của Trang tử trong thiên Tại hựu để bình giảng chương này, như sau:

Giữ sao cho vẹn tình trời,
Giữ sao đức cả khỏi phai khỏi mờ.
Tinh toàn đức tính trời cho.
Ắt là thái thịnh ắt là bình an.
Cần chi mòn mỏi tâm can,
Càng bày vẽ lắm càng oan trái nhiều.
Trị dân chớ có đặt điều,
Làm dân vui, khổ trăm điều mà chi.
Càng nhiều lễ độ, lễ nghi,
Gian ngoan càng lắm, gian phi càng nhiều.
Nghĩa phân mầm mống đăm chiêu,
Nặng bề hình thức, nhẹ chiều tinh hoa.
Cho nên đường lối cao xa,
Con đường tuyệt diệu phải là vô vi.
Khi người quân tử trị vì,
Cần chi thao thức, suy vi hình hài.
Vô vi bắt trước lối trời,
Ngồi yên dùng mắt tuyệt vời mà xem.
Im lìm vẫn tựa sấm rền,
Dùng thần vận chuyển khắp miền trời mây.
Im lìm lặng lẽ khoan thai,
Thế mà muôn vật muôn loài nhởn nhơ.
Gặp Lão Đàm, Thôi Cồ ướm hỏi,
Không trị người sao đổi lòng người.
Thưa rằng đừng lấy làm chơi,
Lòng người đâu phải là nơi rỡn đùa.
Bị đè nén bơ phờ rời rạc,
Được chắt chiu vênh vác ngông nghênh.
Lúc mềm, mềm tội, mềm tình,
Đến khi cứng rắn, sắt đanh thua gì.
Lúc nóng nảy khác chi lửa đỏ,
Lúc lạnh lùng, lạnh rõ như băng.
Nhanh thời bốn biển mịt mùng,
Cũng trong chớp mắt vẫy vùng rong chơi.
Khi êm ả chơi vơi vực thẳm,

Lúc bừng lên, vút thẳng trời mây.

Kiêu hùng, khinh khoát bấy nay,

Chẳng thừng nào trói, chẳng giây nào cầm.

Lạ thay là cái nhân tâm !...

Muốn tù túng cầm chân thiên hạ,

Nên muôn nghìn tai họa mới sinh.

Nghĩa nhân đảo lộn nhân tình,

Do nhân, do nghĩa, điêu linh nhân quần.

Tẩy trừ thánh trí gian trần,

Tẩy trừ cho hết là dân an hòa. [13]

---

[1] Hư 歔: hà hơi cho nóng lên (apathiques).

[2] Xuy 吹: thổi cho nguội (ardents).

[3] Cường 強: mạnh (fort).

[4] Luy 羸: yếu (faibles).

[5] Tỏa 挫: Hà Thượng Công viết là tải 載 và giải là an 安.

[6] Huy 隳: hủy nát. Hà Thượng Công giải là nguy 危.

Wieger dịch tỏa 挫 là: durables; huy 隳 là éphémères.

[7] Wieger dịch: Quand il gouverne, le Sage laisse aller tous les êtres (et l'empire qui est leur somme), d'après leurs natures diverses; les agiles et les lents; les apathiques et les ardents, les forts et les faibles, les durables et les éphémères.

[8] Wieger dịch: Il se borne à réprimer les formes d'excès qui seraient nuisibles à l'ensemble des êtres comme la puissance la richesse, l'ambition.

[9] Déconditionner la totalité de la conscience. -- Planète, no 14, p. 15.

[10] Instructeur du monde. Ib. p. 22.

[11] «Aucune croyance organisée ne peut libérer l'homme en vue de trouver la vérité». (Krishnamurti) Planète, No 14, p. 22.

... Or la liberté est l'essence même de la religion dans le vrai sens de ce mot. Cette essentielle liberté est déniée par toutes les organisations religieuses, en dépit de ce qu'elles disent. -- Ib., p. 20.

... Tant qu'elle existe dans la conscience un conflit quel qu'il soit, il n'y a pas mutation. Tant que domine sur nos pensées l'autorité de l'Église ou de l'État, il n'y a pas mutation...

Tant que l'éducation, le milieu social, la tradition, la culture, bref notre civilisation, avec tous ses rouages nous conditionne, il n'y a pas mutation... -- Ib. p. 16.

... La religion organisée ne peut produire que des réformes sociales, des changements superficiels... -

- Ib. p. 19.

Un esprit vraiment religieuse est dénué de toute peur car il est libre de toutes les structures que les civilisations ont imposées au cours des millénaires... -- Ib. p. 20.

[12] Il y a de l'espoir en homme, non en la société, en les systèmes religieux organisés, mais en vous et en moi... -- Ib. p. 13.

[13] Trang tử, Nam Hoa kinh, Tại hựu.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	**30**	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 30

KIỆM VŨ

儉 武

Hán văn:

以 道 作 人 主 者 不 以 兵 強 天 下. 其 事 好 還. 師 之 所 處, 荊 棘 生 焉. 大 軍 之 後, 必 有 凶 年. 故 善 者 果 而 已; 不 敢 以 取 強; 果 而 勿 矜; 果 而 勿 伐; 果 而 勿 驕; 果 而 不 得 已; 果 而 勿 強. 物 壯 則 老, 是 謂 非 道, 非 道 早 已.

Phiên âm:

1. Dĩ Đạo tác [1] nhân chủ giả bất dĩ binh cưỡng thiên hạ. Kỳ sự hiếu hoàn. Sư chi sở xử, kinh cức sinh yên. Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên.

2. Cố thiện giả quả [2] nhi dĩ; bất cảm dĩ thủ cường; quả nhi vật căng; quả nhi vật phạt; quả nhi vật kiêu; quả nhi bất đắc dĩ; quả nhi vật cường.

3. Vật tráng tắc Lão, thị vị phi Đạo, phi Đạo tảo dĩ.[3]

Dịch xuôi:

1. Ai coi Đạo là vua (thiên hạ) không dùng binh mà bức thiên hạ. Chiến tranh có vay có trả Chỗ quân sĩ đóng, gai góc sẽ sinh. Sau trận chiến lớn, ắt có những năm tai ương.

2. Cho nên người khéo sẽ giải quyết (trận chiến) một cách mau lẹ, mà không ỷ sức mạnh; giải quyết mau lẹ mà không khoe khoang; giải quyết mau lẹ mà không tự khen; giải quyết mau lẹ mà không kiêu căng; giải quyết mau lẹ vì bất đắc dĩ; giải quyết mau lẹ mà không muốn trở nên mạnh mẽ.

3. Vật lớn mạnh ắt già; Như vậy là trái Đạo; trái Đạo sẽ mất sớm.

Dịch thơ:

1. Ai coi Trời là vua muôn nước,

Chẳng hưng binh, tính cuộc chiến tranh.

Chiến tranh phản phúc tung hoành,

Bao nơi quân lữ đã thành góc gai.

Sau vó ngựa những người chiến sĩ,

Là những năm rầu rĩ lầm than.

2. Tướng tài dẹp loạn mau tan,

Nhưng mà chẳng dám khoe khoang sức mình.

Tuy đánh mạnh, chẳng vinh vì thế,

Chẳng kiêu căng, chẳng kể công lao.

Ép tình nên chẳng hùng hào,

Chứ đâu có muốn đề cao sức mình.

3. Khi sức lực phong doanh thịnh tráng,

Thời già nua, suy giảm theo sau.

Cậy tài cậy mạnh hay đâu,

Đi sai Đạo lý, trước sau chẳng bề.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên không nên dụng binh, dụng võ, vì binh đao gây họa không cùng. Nếu cần dùng đến võ lực, thì cũng chỉ dùng trong những trường hợp bất khả kháng chứ đừng nên cậy mạnh, cậy thế, đừng nên dùng binh đao để xâm lăng.

Tư tưởng của Lão tử phản ảnh lại tư tưởng của Dịch và của cổ nhân về chiến tranh. [4]

- Dịch coi chiến tranh như là cái gì độc hại (xem quẻ Sư, phần Thoán). Nên mỗi khi hưng binh động chúng, phải có chính nghĩa (quẻ Sư, phần Thoán).

- Chỉ nên hưng binh động chúng để tự vệ (quẻ Sư, hào lục ngũ).

- Đã hưng binh động chúng, cần phải chọn tướng tài chỉ huy (quẻ Sư, hào hai) và cần phải biết phép dùng binh (quẻ Sư, hào Sơ)

Người xưa chỉ dùng sức mạnh, dùng võ lực để:

- Thế thiên trừ bạo.

- Bảo vệ những di sản tinh thần của tiền nhân.

Vì thế chỉ khi cần mới mộ binh; Hết giặc lại cho binh sĩ về làng. Chính vì thế mà chữ Vũ 武 gồm hai chữ «chỉ qua» 止 戈 (ngừng gươm giáo) và ngụ ý dùng vũ lực để ngăn chiến tranh. [5]

Người tướng tài tuyệt đối không được cho quân tham đến tài sản tính mệnh của dân chúng. Đó là đường lối của vua Thành Thang khi hưng binh đánh vua Kiệt và của Vũ Vương khi hưng binh đánh vua Trụ. Chủ trương này được dân chúng hết sức hoan nghênh.[6]

Binh pháp Tư Mã Nhương thư có câu: «Đánh giặc giỏi nhất là dùng mưu; thứ đến là dùng ngoại giao, thứ nữa là dùng binh; thứ nữa là đánh phá thành lũy.[7]

Cũng nên nhắc lại rằng khi Vũ Vương dẹp xong Trụ Vương, liền đem trâu trận, ngựa chiến phóng thích nơi miền núi Hoa Dương và miền đồng Đào Lâm để tỏ ý sẽ dùng văn để mà cai trị, cải hóa thiên hạ, thay vì dùng võ, dùng bạo lực. [8]

Sau này nhân loại càng ngày càng tỏ ra cuồng bạo: mỗi khi có chiến tranh, dân chúng, binh sĩ chết không biết cơ man nào. Bạch Khởi giết trong một đêm 40 vạn hàng binh Triệu, làm cho máu chảy đầy sông Dương Cốc. [9] Hạng Võ giết dân chúng Hàm Dương hơn 4600 mạng, thây chất đầy chợ, máu chảy như sông.[10] Đến thời văn minh chúng ta bây giờ chiến tranh lại càng tàn phá khốc liệt, không còn biết phân biệt đâu là dân, đâu là quân, đâu là có tội, đâu là vô tội.

Có một điều đáng lưu ý là Lão tử cũng như kinh Dịch không hoàn toàn hô hào dẹp bỏ binh đao, vũ lực, mà chỉ khuyên nên hết sức thận trọng trong việc dùng vũ lực. Có lẽ như vậy, sát với thực tế hơn.

---

[1] Các bản thường viết là tá 佐.

[2] Quả 果: quả quyết. Có bản chép là: Cố thiện hữu quả 故 善 有 果.

[3] Có bản chép là: Thị vi bất Đạo, bất Đạo tảo hĩ 是 為 不 道, 不 道 早 矣.

[4] Nên đọc các bài thơ chống chiến tranh sau đây:

a- «Lương châu từ» 涼 州 詞 của Vương Hàn 王 翰 (Trần Trọng Kim, Đường thi, tr. 357)

b- «Thạch hào lại» 石 壕 吏 của Đỗ Phủ 杜 甫 (Trần Trọng Kim, Đường thi, tr. 65,67)

c- «Loạn trung ức chư huynh đệ» 亂 中 憶 諸 兄 弟 của Bạch Cư Dị 白 居 易 (Bùi Khánh Đản, Đường thi, tr. 349)

[5] Sở Trang Vương viết phù vũ định công tập binh; cố chỉ qua vi vũ 楚 莊 王 曰 夫 武 定 功 戢 兵; 故 止 戈 為 武 (Sở Trang Vương nói vũ là xác định công trạng, tàng phục binh lính. Cho nên ngừng gươm giáo gọi là vũ). Xem Thuyết Văn Giải Tự 說 文 解 字, Trung Hoa Thư Cục xuất bản, Bắc Kinh tái bản 1996, tr. 266. Léon Wieger giải: Tùng chỉ, tùng qua, hội ý 從 止 從 戈 會 意 . Qua 戈 (khí giới) đình chỉ 止 các cuộc xâm lăng thù hận, nhờ đó dân chúng ấm no. Trong cách viết hiện đại, nét phiệt của chữ qua 戈 được đảo lên trên. Xem Léon Wieger, Caractères Chinois, bài 71, tr. 178.

[6] Xem Mạnh tử, Tận tâm, chương cú hạ, câu 4, 5.

[7] Thượng binh phạt mưu, kỳ thứ phạt giao, kỳ thứ phạt binh, kỳ thứ công thành 上 兵 伐 謀, 其 次 伐 交, 其 次 伐 兵, 其 次 攻 城.

[8] Kinh Thư, Vũ Thành, tiết 2.

[9] Xem Võ Minh Trí dịch, Đông Châu liệt quốc, tr. 1168.

[10] Thanh Phong dịch, Tây Hán diễn nghĩa, tr. 141.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	**31**	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 31

YẾN VŨ [1]

偃 武

Hán văn:

夫 佳 兵 者, 不 祥 之 器, 物 或 惡 之. 故 有 道 者 不 處. 君 子 居 則 貴 左, 用 兵 則 貴 右. 兵 者, 不 祥 之 器, 非 君 子 之器. 不 得 已 而 用 之. 恬 淡 為 上. 勝 而 不 美. 而 美 之 者, 是 樂 殺 人. 夫 樂 殺 人 者, 則 不 可 以 得 志 於 天 下 矣. 吉 事 尚 左, 凶 事 尚 右. 偏 將 軍 居 左, 上 將 軍 居 右, 言 以 喪 禮 處 之. 殺 人 之 眾, 以 哀 悲 泣 之. 戰 勝 以 喪 禮 處 之.

Phiên âm:

1. Phù giai [2] binh giả bất tường chi khí, vật hoặc ố chi. Cố hữu Đạo giả bất xử.

2. Quân tử cư đắc quí tả, dụng binh tắc quí hữu. Binh giả bất tường [3] chi khí, phi quân tử chi khí. Bất đắc dĩ nhi dụng chi. Điềm đạm vi thượng. Thắng nhi bất mỹ [4]. Nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân. Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả dĩ đắc chí ư thiên hạ hĩ.

3. Cát sự [5] thượng [6] tả. Hung sự thượng hữu. Thiên tướng quân [7] cư tả. Thượng tướng quân cư hữu. Ngôn dĩ tang lễ [8] xử chi. Sát nhân chi chúng, dĩ ai bi [9] khảo chi. Chiến thắng dĩ tang lễ xử chi.

Dịch xuôi:

1. Binh đao là vật bất tường, ai cũng ghét; cho nên người có Đạo chẳng (thích) dùng.

2. (Khi bình thời) vị quốc quân trọng (ai thì mới đứng về) bên trái; (lúc chiến tranh) (muốn) trọng (võ tướng thì lại mời đứng ở) bên trái. Binh đao là vật bất tường; quân tử chẳng nên dùng nó. Bất đắc dĩ mới phải dùng. Người quân tử ưa sống điềm đạm. Thắng không có mừng. Mừng vì thắng hẳn là tâm địa kẻ

thích giết người. Thích giết người không thể cai trị thiên hạ.

3. (Theo nghi lễ) lành ở bên trái, dữ ở bên phải. Phó tướng ở bên trái, thượng tướng ở bên phải. Đó là nghi tiết dùng trong tang lễ. Kẻ giết người, phải khóc lóc xót thương (những người oan khuất). Kẻ chiến thắng phải đứng làm chủ tang.[10]

Dịch thơ:

1. Binh đao là chuyện bất tường,
Muôn loài khiếp sợ chán chường binh đao.
Người đạo hạnh chẳng vào chốn đó,
2. Chốn binh đao chẳng có mặt người.
Người quân tử ưa nơi tả dực,
Khách kiếm cung, thích chức hữu biên.
Đao binh họa hại vô biên,
Nên người quân tử chẳng phiền đao binh.
Bất đắc dĩ hạ mình dùng nó,
Nhưng dằn lòng hãy cố tránh voi,
Thắng về đừng lấy làm vui,
Ai vui khi thắng là người sát nhân.
Lấy đổ máu nhân dân làm khoái,
Thâu tóm sao muôn giải giang sơn.
3. Nếu đem nghi lễ mà bàn,
Hai bên phải trái dữ, lành chia hai.
Bên tả dực là ngài phó tướng,
Còn hữu biên là thượng tướng quân.
Đó là thứ tự qua phân,
Dùng trong tang lễ (xa gần xưa nay).
Người nào đã dúng tay giết lát,
Đã ra tay tàn sát chúng nhân,
Thời nên bi lụy thương tâm,
Một khi chiến thắng, khóc dân vong tàn.

BÌNH GIẢNG

Chương này vẫn khuyên ta đừng nên trọng binh đao, cỗ súy binh đao. Thánh nhân xưa nay đều như vậy.

Vệ Linh Công nước Vệ hỏi đức Khổng về chiến trận. Ngài đáp: «Việc sắp đặt cúng tế nơi tông miếu, tôi thường có nghe qua. Còn cuộc sắp đặt quan binh chiến phạt thì tôi chưa từng học.» Sáng hôm sau, ngài bỏ đi. [11]

Các bậc thánh nhân xưa nếu «phải làm một việc bất nghĩa, giết một kẻ vô tội để lên ngôi thiên tử trị vì

thiên hạ, thời cũng không làm». [12]

Tiếp theo, Lão tử bàn về ý nghĩa của hai bên phải trái.

Theo Dịch thì phía trái là phía Dương, phía Sinh 生; phía phải là phía Âm, phía Sát 殺 . Cho nên văn thời đứng bên trái, võ thời đứng bên phải.

Lại bàn thêm rằng khi chiến thắng về, vị chủ soái phải đứng ra để chịu tang, để khóc thương những người vì mình đã phải chết oan vì chiến tranh.

Đó cũng là một tục lạ, vì xưa nay phàm thắng trận người ta thường làm lễ linh đình để cảm ơn thần thánh đã hộ trì cho mình, tiêu diệt được địch nhân. Có mấy ai đã chịu rỏ lệ khóc thương cho những người bạc mệnh bao giờ !

---

[1] Chữ 偃 đọc là yến như Thuyết Văn Giải Tự phiên thiết: ư hiến thiết 於 憲 切 ; đa số đọc là yển như Từ Hải phiên thiết: ỷ kiển thiết, âm yển, nguyễn vận 倚 蹇 切 音 堰 阮 韻. Nghĩa là tức 息 (ngừng nghỉ). Kinh Thư, thiên Vũ Thành 武 成, nói: Yển vũ tu văn 偃 武 修 文. Nghĩa là: Yển tức võ bị, tu minh văn giáo 偃 息 武 備 修 明 文 教 (ngưng việc vũ, sửa việc văn). Từ đó Hán Thư 漢 書 Lễ Nhạc Chí 禮 樂 志 gọi là yển vũ 偃 武. Trang Tử, thiên Từ Vô Quỷ 徐 無 鬼 ghi: Yển binh kỳ khả hồ? 偃 兵 其 可 乎 (xếp bỏ việc binh được sao?)

[2] Vương Niệm Tôn cho rằng nên đổi là chuy 佳 hay duy 唯.

[3] Bất tường 不 祥: chẳng lành.

[4] Bất mỹ 不 美: không cho là hay.

[5] Cát sự 吉 事: việc lành.

[6] Thượng 尚: chuộng, trọng.

[7] Thiên tướng quân 偏 將 軍: phó tướng.

[8] Tang lễ 喪 禮: lễ tang.

[9] Ai bi 哀悲: buồn thương. -- Bị chú: Đặc biệt chương 31 này trong bản Vương Bật không thấy có lời bình. Có lẽ là lời bình và lời kinh đã lẫn lộn nhau.

[10] Chương này phỏng dịch theo Léon Wieger, cho xuôi nghĩa.

[11] Xem Luận Ngữ, chương XV, câu 1.

[12] Hành nhất bất nghĩa, sát nhất bất cô nhi đắc thiên hạ, giai bất vi dã 行 一 不 義, 殺 一 不 辜 而 得 天 下,皆 不 為 也. Xem Mạnh tử, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, câu 2.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	**32**	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 32

THÁNH ĐỨC

聖 德

Hán văn:

道 常 無 名. 朴 雖 小, 天下 不 敢 臣. 侯 王 若 能 守 之, 萬 物 將 自 賓. 天 地 相 合, 以 降 甘 露, 民 莫 之 令 而 自 均. 始 制 有 名, 名 亦 既 有. 夫 亦 將 知 止; 知 止 可 以 不 殆. 譬 道 之 在 天 下; 猶 川 谷 之 於 江 海.

Phiên âm:

1. Đạo thường vô danh. Phác tuy tiểu, thiên hạ bất cảm thần. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân. Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi lệnh, nhi tự quân.[1]

2. Thủy chế hữu danh, danh diệc ký hữu. Phù diệc tương tri chỉ; [2] tri chỉ khả bất đãi. [3] Thí Đạo chi tại thiên hạ; do xuyên cốc chi ư giang hải.

Dịch xuôi:

1. Đạo thường không tên, mộc mạc. Tuy nhỏ, dưới trời không ai bắt được nó phải thuần phục. Nếu bậc vương hầu giữ được nó, vạn vật sẽ thuần phục; trời đất hòa hợp làm cho móc ngọt rơi xuống. Dân không phải sai khiến, mà chia đều nhau.

2. Bắt đầu phân chia, mới có tên. Đã có tên phải biết chốn dừng. Biết chốn dừng mới không hại. Đạo sánh với thiên hạ, như suối khe với sông biển.

Dịch thơ:

1. Đạo vốn dĩ không tên, không tuổi,

Lại tế vi xiết nỗi đơn thuần.

Thế mà trong khắp nhân quần,

Đố ai bắt được Đạo thuần phục oai.

Vương hầu nào thờ Ngài một dạ,

Thì dân con cảm hóa liền tay.

Đất trời đúng tiết vần xoay,

Cam lồ tưới xuống (cỏ cây phỉ tình),

Dân gian sống an bình đầy đủ,

Chẳng đợi truyền tự sẻ áo cơm.

2. Kìa tạo vật nhiều tên, lắm tuổi,

Lắm tuổi tên, một cội, một nguồn.

Mang danh vào chốn trần hoàn,

Biết nơi dừng bước mới ngoan mới lành.

(Nơi Đạo cả siêu linh), dừng bước,

Sẽ thoát vành (ô trược), gian nan.

Đạo kia đối với thế gian,

Như khe, như suối đối hàng biển sông.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại tiếp tục bình luận về Đạo.

A. Đạo vừa là cực tiểu, vừa là cực đại

- Cực tiểu vì «vô danh» và «thuần phác».

- Cực đại vì mọi vương tước đều phải thuần phục.

Quan niệm này sẽ còn được nhắc lại nơi chương 34: «Thường vô dục khả danh ư tiểu; Vạn vật qui yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại.» 常 無 欲,可 名於 小 ;萬 物 歸 焉 而 不 為 主,可 名 為 大 .

Trang tử nơi Tạp thiên, Thiên Hạ, cũng nói: «Rất lớn không ngoài... rất nhỏ không trong.» (Chí đại vô ngoại, chí tiểu vô nội 至 大 無 外,至 小 無 內) [4]

Nói Đạo vừa cực tiểu, vừa cực đại, nghĩa là nói Đạo bao quát hết cả mọi phương diện, vì thế nên tuyệt đối vô cùng.

B. Thuận theo Đạo, thiên hạ sẽ bình trị.

Lão tử chủ trương nếu con người sống thuận theo Đạo, thuận theo lẽ tự nhiên, thiên hạ sẽ bình trị. Nói thế tức là bao lâu chúng ta còn đi sai đường lối của trời đất, bao lâu còn chưa thuận thiên thời, thủy thổ, vật lý, tâm lý, thiên lý, thì bấy lâu, cuộc đời chúng ta - bất kỳ là đời sống tư nhân, hay quốc gia, xã hội - vẫn chưa được ổn định.

C. Đạo trước và sau khi sinh ra vạn vật:

Đạo khi chưa sinh ra vạn vật thì hồn nhiên nhất thể; đạo khi đã sinh vạn vật thì y như sẽ phân tán, chia phôi thành nhiều hình trạng và có nhiều danh hiệu khác nhau.

Con người giác ngộ phải biết sống một cuộc sống không xa lìa Đạo thể, phải biết dừng chân nơi bến

bờ hoàn thiện, thuần phác, vĩnh cửu.

Tìm ra được vĩnh cửu giữa vạn trạng phù du; tìm ra được tĩnh lãng giữa muôn vàn đợt sóng thế sự rạt rào; tìm ra được thiên chân giữa mọi hoàn cảnh tang thương, ảo hóa; tìm ra được viên mãn, thuần phác trong một thế giới đầy bác tạp, chếch mác dở dang, như vậy tức là:

- Tri chỉ theo Lão tử.

- «Hưu Hồ Thiên quân» 休乎天鈞 (an nghỉ trong Thượng đế) theo Trang tử. [5]

- «Chỉ ư chí thiện» 止於至善 theo Đại Học [6] hay «Thung dung trung đạo» 從容中道 theo từ ngữ Trung Dung. [7]

- «Đáo bỉ ngạn» 到彼岸 theo từ ngữ Phật giáo.

Lão tử còn cho ta thấy rằng Đạo sinh ra muôn loài muôn vật, y thức như khe suối sinh ra sông biển. Đạo không lìa khỏi muôn loài muôn vật, cũng như khe suối chẳng bao giờ lìa khỏi sông biển. Nước khe suối tuôn ra sông biển, rồi nước sông biển lại thành mưa trở về nguồn.[8]

Các học giả thường bình giải như Tô Tử Do rằng: «Nước tụ vào sông biển; suối khe ở núi có thể coi như những bộ phận nhỏ của nước chia ra. Muôn loài là tế phân của Đạo, mà Đạo là đầu gốc muôn loài. Vật thì hết thảy sông ngòi trở lại đại dương cũng như hết thảy mọi vật dưới trời này phải lộn về Đạo đã phát sinh ra chúng.» [9]

Bình giảng như cách trên, xét về ý thời không sai, nhưng không ăn ý với câu văn của Lão tử.

Lão tử viết: «Đạo đối với thiên hạ, như suối khe đối với sông biển.» Như vậy Đạo ứng với suối khe, thiên hạ ứng với sông biển.

Wieger bình toàn chương này một cách sâu sắc như sau: «Mọi vật tồn tại là nhờ ở sự triển dương của Đạo. Những sự triển dương ấy không tách rời khỏi Đạo, và Đạo không suy giảm khi chia sẻ với tạo vật. Sự triển dương của Đạo trong mỗi vật chính là bản thể của vật. Đạo là Đại thể, tức là toàn thể vạn vật, vì vạn vật là những tiểu thể phát sinh do sự triển dương của Đạo.» [10]

---

[1] Duyvendak đem câu «Phác tuy tiểu... dân mạc chi lệnh nhi tự quân» 朴雖小，天下不敢臣。侯王若能守之，萬物將自賓。天地相合，以降甘露，民莫之令而自均 xuống chương 37. Duyvendak lại còn cho rằng chương 32 này có liên lạc với chương 66. Và có lẽ chương 66 tiếp ngay sau chương 32 này.

[2] Chữ «tri chỉ» 知止 đây giống với chữ «tri chỉ» 知止 trong Đại Học và «tri chỉ» 知止 trong Nam Hoa kinh, chương 23, Canh tang sở, đoạn C.

[3] Hà Thượng Công viết: Thiên diệc tương tri chi; tri chi khả dĩ bất đãi 天亦將知之. 知之可以不殆. Và giảng rằng: Nếu mình hành động theo Đạo đức, thì trời sẽ biết, và thần linh sẽ hộ trì, nên không gặp nguy hại.

[4] Xem thêm Trung Dung, chương 12: Ngứ đại, thiên hạ mạc năng tải yên; ngứ tiểu, thiên hạ mạc năng phá yên 語大, 天下莫能載焉語小天下莫能破焉.

[5] Thị dĩ thánh nhân hòa chi dĩ thị phi, nhi hưu hồ Thiên quân 是以聖人和之以是非而休乎天鈞. Trang tử Nam hoa kinh, Tề Vật luận, đoạn C.

[6] Cf. Đại Học, chương 1.

[7] Xem Trung Dung, chương 20.

[8] Duyvendak dịch: La place de la Voie à l'égard de tout-sous-le-ciel peut être comparée à celles des torrents et des vallées à l'égard du Fleuve et de la Mer. Cf. J. J. L. Duyvendak, Le Livre de la Voie et de la Vertue, 1953 p. 77.

[9] Xem Nghiêm Toản, Lão tử Đạo Đức kinh, q. 1, tr. 226. Xem Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 40. Wieger dịch: Il en est du Principe par rapport aux êtres divers qui remplissent le monde, comme de la masse des grands fleuves et des mers par rapport aux ruisseaux et aux filets d'eau. Ib. 40.

[10] Chaque être existe par un prolongement du Principe en lui. Ces prolongements ne sont pas détachés du Principe, lequel ne diminue donc pas en se communiquant. Le prolongement du Principe est la nature universelle, étant la somme de toutes les natures individuelles, ses prolongements. Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 40-41.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	**33**	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 33

BIỆN ĐỨC

辨 德

Hán văn:

知 人 者 智, 自 知 者 明. 勝 人 者 有 力, 自 勝 者 強. 知 足 者 富, 強 行 者 有 志. 不 失 其 所 者 久. 死 而 不 亡 者 壽.

Phiên âm:

1. Tri nhân giả trí, tự tri giả minh. Thắng nhân giả hữu lực,[1] tự thắng giả cường. Tri túc giả phú, cường hành giả hữu chí.[2]

2. Bất thất kỳ sở giả cửu.[3] Tử nhi bất vong giả thọ.[4]

Dịch xuôi:

1. Biết người là khôn. Biết mình là sáng. Thắng người là kẻ có sức; tự thắng là kẻ mạnh. Biết «tri túc» là giàu; cố gắng là người có chí.

2. Không đánh mất điểm tựa sẽ vững bền. Chết mà không hết, thế là thọ.

Dịch thơ:

1. Biết người là kẻ trí cao,
Biết mình ấy kẻ anh hào quang minh.
Thắng người khác đã đành rằng khỏe,
Tự thắng mình xiết kể hùng cường.
Biết túc mãn ấy giàu sang,

Cố công gắng sức, bền gan ấy người.

2. Muốn trường cửu chớ rời chỗ tựa,

Chết vẫn còn là thọ muôn đời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên:

1. Phải biết mình.
2. Phải tự thắng, phải kiềm chế được mình.
3. Phải biết «tri túc».
4. Phải biết cố gắng.
5. Phải tìm cho ra chỗ dựa nương cho mình.
6. Phải làm sao để trường sinh bất tử.

1. Phải biết mình

«Triết nhân» thì «tri kỷ». Có biết mình, mới biết Trời. Mạnh tử viết:

«Biết hết tâm, sẽ hay biết tính,

Hay biết tính, nhất định biết Trời.» [5]

Biết mình để biết Trời tức là phương pháp đi từ ngọn ngành để lần về gốc gác.

Chứ học để biết phàm tâm với thất tình, lục dục của nó suông mà thôi, thì thiết tưởng chẳng ích lợi gì.

Có nhiều người sống suốt đời mà chỉ biết có một thứ học «trục vật», chạy theo ngoại cảnh, tìm hiểu ngoại cảnh. Những người đó là những người trí giả, thức giả (intellectuels, savants) chứ không phải là những người minh triết (philosophes).

2. Phải tự thắng, phải kiềm chế được mình

Cái cao siêu của con người chính là sự thoát được vòng kiềm tỏa của thất tình, lục dục; từ phàm phu trở thành một con người siêu nhiên. Muốn vậy cần phải tự thắng.

3. Phải biết tri túc

Biết tri túc sẽ sung sướng; không biết tri túc sẽ lao đao, lận đận suốt đời, chạy theo tiền tài, danh lợi để rồi cũng lại như:

«Vua Ngô 36 tàn vàng,

Chết xuống âm phủ chẳng mang được gì.»

4. Phải cố gắng

Muốn thực hiện được đại công trình nói trên, tức là trở thành con người siêu nhiên, cần phải cố gắng không ngừng. Đó là định luật của trời đất. Dịch kinh viết: «Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.» 天 行 健, 君 子 以 自 強 不 息 (Trời vận hành không ngơi nghỉ, người quân tử thấy thế, cũng phải cố gắng không ngừng.)[6]

5. Phải tìm cho ra được chỗ dựa

Đâu là chỗ nương dựa cho chính mình? Trong thế giới này, đại phàm cái gì có hình thức, sắc tướng đều là bào ảnh, quang hoa, nay còn, mai mất, không thể nào là chỗ dựa nương cho mình được.

Cho nên, suy cho cùng, thì chỉ có Trời, có Đạo, có Tuyệt đối vĩnh cửu, bất biến mới có thể làm chỗ dựa nương cho mình được mà thôi. Kinh Kim Cương viết: «Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.» 應 無 所 住 而 生 其 心 Chính là dạy ta phải dựa vào Tuyệt đối.

Dịch kinh viết:

«Hiền nhân thông lý trung hoàng,

Tìm nơi chính vị mà an thân mình.

Đẹp từ tâm khảm xuất sinh,

Làm cho cơ thể sướng vinh mỹ miều.

Phát ra sự nghiệp cao siêu,

Thực là đẹp đẽ điến điều còn chi.» [7]

Trang tử trong thiên Đại Tông sư, đoạn 3, cũng khuyên ta nên gửi thân vào «Đại Khối» để được trường tồn.[8]

6. Phải làm sao để trường sinh bất tử

Lý Long Uyên bình câu «Tử nhi bất vong giả thọ» như sau: «Trời được chân thể của mình nên tồn tại; Con người được chân thể của mình sẽ trường thọ. Cũng có thể nói rằng: Vào nơi vô gián, siêu xuất sinh tử, cùng trời đất hợp làm một là «Tử nhi bất vong giả thọ». Chết ở đây là chết cái phàm tâm, vọng tâm. Còn nơi đây là còn cái Chân tính, Pháp tính. Vọng tâm đã chết rồi, Chân tính tự nhiên sẽ trường tồn. Cho nên thánh nhân xưa không coi cái chết là chết, mà coi sự không biết Đạo là cái chết; không gọi cái sống là sống, mà coi sự biết Đạo là cái sống. Khi đã biết Đại Đạo, dẫu thân chết đi, nhưng Chân tính chẳng chết; Hình tuy tiêu đi, nhưng Chân ngã chẳng tiêu. Thế tức là: Pháp tính của ta bất sinh, bất tử, bất hoại, bất diệt, không có cổ kim, thường trụ, thường tại, tuy không kể số thọ mình, nhưng mà thọ vô cùng. Nếu bảo rằng sắc thân không chết là thọ, thì đó là cái thọ sắc tướng mà thôi. Chưa thoát được cái thọ sắc tướng, thì làm sao có thể siêu xuất sinh tử mà đạt được tới bờ bên kia được, thì làm sao mà chứng quả «chân thường vô lậu» được? «Tử nhi bất vong giả thọ» là như vậy.» [9]

Tôi hoàn toàn đồng ý với Tống Long Uyên.

---

[1] Có bản chép: Thắng nhân giả lực 勝 人 者 力 (bỏ chữ hữu 有).

[2] Có bản chép: Cường hành giả hữu 強 行 者 有 (bỏ chữ chí 志).

[3] Có bản chép: Bất thất kỳ sở chỉ giả cửu 不 失 其 所 止 者 久 (thêm chữ chỉ 止).

[4] Chữ vong xưa viết là vong 忘 (quên). Nhiều bản viết vong 亡 (mất). Vong 亡 là mất mới có ý nghĩa.

[5] Xem Mạnh tử, Tận Tâm, chương cú hạ, câu 1.

[6] Xem quẻ Kiền, Đại tượng truyện.

[7] Xem Dịch kinh, Quẻ Khôn, Văn ngôn, Hào lục ngũ.

[8] Mon corps fait partie de la grande masse (du cosmos, de la nature, du tout). En elle, le soutien de mon enfance, l'activité durant mon âge muâr, la paix dans ma vieillesse, le repos à ma mort. Bonne elle m'a été durant l'état de vie, bonne elle me sera durant l'état mort. De tout lieu particulier un object déposé peut être dérobé; mais un objet confié au tout lui-même, ne sera pas enlevé. Identifiez-vous

avez la grande masse; en elle est la permanence. Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 253.

[9] Xem Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, tr. 55.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	**34**	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 34

NHIỆM THÀNH

任 成

Hán văn:

大 道 氾 兮, 其 可 左 右. 萬 物 恃 之 而 生 而 不 死. 功 成 不 名 有. 愛 養 萬 物 而 不 為 主. 常 無 欲 可 名 於 小, 萬 物 歸 之 而 不 為 主, 可 名 於 大. 是 以 聖 人 終 不 為 大, 故 能 成 其 大.

Phiên âm:

1. Đại Đạo phiếm[1] hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh nhi [2] bất tử. Công thành bất danh hữu.[3] Ái dưỡng [4] vạn vật nhi bất vi chủ. Thường vô dục khả danh ư tiểu, vạn vật qui chi nhi bất vi chủ, khả danh ư đại.[5]

2. Thị dĩ thánh nhân chung bất vi đại,[6] cố năng thành kỳ đại.

Dịch xuôi:

1. Đại Đạo tràn lan bên phải, bên trái. Vạn vật nhờ Nó mà sinh, mà nó không nói gì. [7] Nên việc rồi, không xưng là có. Thương yêu nuôi dưỡng muôn loài mà không làm chủ. Thường không ham muốn. Có thể gọi tên là nhỏ; Muôn vật theo về mà không làm chủ, nên có thể gọi tên là lớn.

2. Thánh nhân suốt đời không cho mình là lớn, cho nên thành được việc lớn của mình.

Dịch thơ:

1. Đạo cao cả lan tràn tả hữu,

Cho muôn loài bám víu sống còn.

Dưỡng sinh vạn vật trần gian,
Lặng thinh chẳng có khoe khoang nửa lời.
Chẳng tranh chấp công, công chú,
Muôn công trình vẫn cứ nín thinh.
Dưỡng nuôi ưu ái quần sinh,
Chẳng phân chủ tớ, chẳng dành quyền uy.
Không ham muốn, có bề yếu thế,
Nhưng thật tình quá lẽ lớn lao.
Quần sinh muôn kiếp gồm thâu,
Mà không có giọng vương hầu, chúa tôi.
Đấng thánh nhân suốt đời khiêm tốn,
Chẳng bao giờ khoe lớn, khoe công.
Vì không cậy thế cậy thần,
Cho nên lập được đại công với đời.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên bậc thánh nhân bắt chước Trời, bắt chước Đạo mà hành sự.

Vì thế chương này chia làm hai phần:

- Phần trên nói về thái độ, về hành vi của Đạo
- Phần dưới nói về thái độ, về hành vi của thánh nhân.

Đạo thời vô kỷ, vô ngôn, vô công, vô danh. Cho nên thánh nhân cũng nên vô kỷ, vô ngôn, vô công, vô danh.

Trang Tử, trong Nam Hoa kinh cũng có một đoạn tương tự như đoạn này:

Tìm Trời phải quên đời, quên cảnh,
Quên phù sinh, ảo ảnh bên ngoài.
Tâm hồn khi hết pha phôi,
Mới mong rực rỡ ảnh trời hiện ra.
Đã thấy Đạo đâu là kim cổ,
Hết cổ kim vào chỗ trường sinh.
Ham sinh thời lại điêu linh,
Phù sinh chẳng chuộng, thần minh ấy là.
Hãy cố gắng vượt qua nhân nghĩa,
Hãy quên đi nghi lễ của đời.
Quên mình, quên cả hình hài,
Thông minh, trí tuệ gác ngoài tâm linh.
Hãy hợp với vô hình vô tượng,

Cùng Đại Thông vô lượng sánh đôi.

Thế là được Đạo, được Trời,

Thoát vòng biến hóa muôn đời trường sinh.

Ai chỉ vẽ sự tình sau trước,

Ấy thầy ta đại lược cho ta.

Thầy ta, muôn vật điều hòa,

Mà nào kể nghĩa, với là kể ơn.

Ban phúc trạch cho muôn thế hệ,

Mà chưa hề lấy thế làm nhân.

Trường tồn đã mấy muôn năm,

Mà chưa hề thấy có phần già nua.

Thày ta chở cùng che trời đất,

Lại ra tay điêu khắc muôn loài.

Thế mà một mực thảnh thơi,

Chưa hề có bảo là tài, là hay. [8]

---

[1] Có bản viết là 汎.

[2] Có bản viết là dĩ 以.

[3] Bản Phó Dịch chép: Công thành nhi bất cư 功 成 而 不 居. Bản Hà Thượng Công chép: Công thành nhi bất danh hữu 功 成 而 不 名 有. Bản Trần Trụ chép: Công thành nhi bất hữu 功 成 而 不 有.

[4] Có nhiều bản chép là: Y Dưỡng 衣 養 hay Y bị 衣 被.

[5] Có bản chép: Khả danh vi đại 可 名 為 大.

[6] Có nhiều bản chép: Chung bất tự vi đại 終 不 自 為 大.

[7] Trương Mặc hiểu chữ từ 辭 là «lời nói». Các bản khác thường hiểu là «từ chối».

[8] Xem Nam Hoa kinh, Đại Tông Sư, các đoạn G, H, I, K.

Trang tử cũng viết trong thiên Tiêu diêu du:

Chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh 至 人 無 己, 神 人 無 功, 聖 人 無 名 (Xem Nam Hoa kinh, Tiêu diêu du, đoạn C)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	**35**	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 35

NHÂN ĐỨC

仁 德

Hán văn:

執 大 象, 天 下 往. 往 而 不 害. 安 平 泰. 樂 與 餌, 過 客 止. 道 之 出 口, 淡 乎 其 無 味. 視 之 而 不 足 見, 聽 之 而 不 足 聞. 用 之 不 可 既.

Phiên âm:

1. Chấp đại tượng,[1] thiên hạ vãng. Vãng nhi bất hại. An bình thái.

2. Nhạc dữ nhị,[2] quá khách chỉ. Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị. Thị chi nhi bất túc kiến, thính chi nhi bất túc văn. Dụng chi bất khả ký.

Dịch xuôi:

1. Thánh nhân cầm gương lớn, cho thiên hạ theo. Theo mà chẳng hại, lại an ổn, thanh bình.

2. Nhã nhạc, cỗ bàn khi khách về rồi thời hết.[3] Đạo ra khỏi miệng thời nhạt nhẽo như thể là vô vi, không đáng xem, không đáng nghe, nhưng đem dùng thì vô tận.

Dịch thơ:

1. Đấng thánh nhân là gương trong trẻo,

Soi Đạo trời cho mọi người theo,

Ai theo nào hại đâu nào,

Lại còn an lạc, ra vào thái khang.

2. Bao nhã nhạc cỗ bàn yến ẩm,

Khách đi rồi vắng lặng như không.

Đạo Trời ra khỏi tấc lòng,

Nói ra ngoài miệng, nhạt không, nhạt phèo.

Để mắt nhìn, như chiều chẳng xứng,

Lắng tai nghe ngỡ chẳng đáng nghe,

Nhưng đem dùng thật thỏa thuê.

Muôn nghìn ứng dụng chẳng hề có vơi.

BÌNH GIẢNG

Đấng thánh nhân là hiện thân của Trời, cho nên đời sống của người là gương mẫu cho thiên hạ. Thiên hạ mà theo các ngài thì chỉ có lợi, chứ không có hại, lợi vì tâm hồn sẽ trở nên sảng khoái, thư thái, an nhiên.

Tuy nhiên, thánh nhân không thể nào mô tả lại cho thiên hạ hết mọi trạng thái nội tâm của mình khi đã đắc Đạo, cũng như không thể mô tả được hết mọi kỳ thú của Đạo. Vì thế cho nên, chính mình chúng ta phải chứng nghiệm lại những điều cổ nhân đã nói, phải thực hiện lại những trạng thái tâm thần mà cổ nhân đã qua, nếu không thì Đạo sẽ trở nên vô vị.

Trang Tử trong thiên Thiên đạo đã cho rằng: «Sách vở của thánh nhân xưa truyền lại chỉ là những cặn bã của tư tưởng họ mà thôi.» [4]

Thực vậy, đọc sách thánh hiền thì thiếu gì người đọc, nhưng sống đời của thánh hiền thì xưa nay đã mấy ai.

Trang tử cũng cho rằng: «Đạo bất khả tư nghị, nên nói hay viết gì về Đạo cũng đều bất xứng. Hỏi, thưa, bàn luận về Đạo, tất cả đều vô nghĩa. Còn luẩn quẩn trong vòng đó, thời chưa thể nào thoát phàm, nhập thánh được.» [5]

---

[1] Tượng 象: hình trạng; gương mẫu, phép tắc.

[2] Nhị 餌: đồ ăn.

[3] Các bản khác thường dịch: Nhã nhạc và cỗ bàn khiến cho khách đi đường dừng lại.

[4] Xem Trang tử Nam Hoa kinh, Thiên đạo (chương 13) đoạn H.

[5] Xem Trang tử Nam Hoa kinh, Trí Bắc Du (ch. 22) đoạn H.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	**36**
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 36

VI MINH

微 明

Hán văn:

將 欲 歙 之, 必 故 張 之. 將 欲 弱 之, 必 故 強 之. 將 欲 廢 之, 必 故 興 之. 將 欲 奪 之, 必 故 與 之. 是 謂 微 明, 柔 弱 勝 剛 強. 魚 不 可 脫 於 淵, 國 之 利 器, 不 可 以 示 人.

Phiên âm:

1. Tương dục hấp chi,[1] tất cố trương [2] chi. Tương dục nhược chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Tương dục đoạt chi,[3] tất cố dữ chi. [4] Thị vị vi minh,[5] nhu nhược thắng cương cường.

2. Ngư bất khả thoát ư uyên, quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân.[6]

Dịch xuôi:

1. Trước khi làm cho chùng, thời giương ra cho thẳng. Trước khi làm cho suy yếu, thời giúp cho mạnh thêm. Trước khi vứt bỏ đi, thời làm cho hưng vượng. Trước khi muốn cướp lấy, thời hãy cho trước. Thế gọi là hiểu lẽ vi diệu (của Trời). Mềm yếu được cứng mạnh.

2. Cá chẳng khá rời vực, đồ quốc bảo chẳng nên phô trương.

Dịch thơ:

1. Muốn cho chùng, trước dương cho thẳng,

Muốn cho suy, trước tẩm mạnh thêm.

Trước khi thải loại hư hèn,

Tất cho hưng vượng, một phen huy hoàng.

Trước khi đòi lại của ban,

Thời thường sao cũng tiên vàn gia ân.

Luật trời khắc cốt minh tâm,

Xưa nay nhu lại có phần thắng cương.

2. Vực sâu cá phải náu nương,

Những đồ quốc bảo, phô trương ích gì.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử chỉ có ý khuyên ta nên sống ẩn dật, đừng chạy theo vinh hoa, phú quí làm chi.

Lẽ doanh hư của trời đất đã bày ra trước mắt. Thịnh rồi sẽ suy; mạnh rồi sẽ yếu, hưng rồi sẽ phế; có rồi sẽ mất.

Xưa nay về phương diện chánh trị hay binh bị, muốn đánh bại địch thủ, trước hết phải làm cho họ trở nên tự kiêu, tự đắc, nghĩ mình là vô địch, bất khả xâm phạm.

Việt Vương Câu Tiễn muốn báo thù Ngô Phù Sai. Văn Chủng hiến kế mà rằng: «Tôi có nghe chim bay cao, chết vì tham ăn lạ; cá ở vực sâu chết vì tham mùi thơm, bây giờ như Chúa công muốn trả thù, thì Ngô Chúa sở hảo cái gì cũng nên tìm để qua dâng, làm cho thích ý. Hiện tôi có nghĩ được bảy điều quyết phá được nước Ngô:

- Một là quyên đồ quý hóa, làm cho vui lòng Chúa tôi nước Ngô;

- Hai là mua lúa mắc giá, để nước Ngô tích tụ không được nhiều;

- Ba là dâng con gái để tâm chí mê lầm;

- Bốn là đem hiến những gỗ tốt thợ hay, khiến làm cung đền cho hết của;

- Năm là khiến mưu thần tới bày điều mưu loạn;

- Sáu là cưỡng bức những vị gian thần hay cản ngăn, khiến họ tự giết mình thì Ngô Chúa phải yếu thế;

- Bảy là tích của cải tập quân lính để thừa lúc Ngô gần suy đốn mà đánh một trận.

Câu Tiễn cho là bảy kế rất hay.» [7]

Việt Vương đem áp dụng bảy kế hoạch ấy, sau cả phá được nước Ngô, thắng trận trở về. Chiến sĩ thời áo gấm về làng, cung nhân thì tươi như hoa nở đứng đầy nơi cung điện... Nhưng ngàn năm về sau, nơi cung điện xưa của Câu Tiễn, chỉ còn có hoa tàn, cỏ úa, và trở thành nơi trú ẩn của bầy chim đa đa bay lượn vô tình.

Lý Bạch đã cảm hoài như sau:

Việt Vương Câu Tiễn phá Ngô quy,

越 王 勾 踐 破 吳 歸

Chiến sĩ hoàn gia tận cẩm y,

戰 士 還 家 盡 錦 衣

Cung nữ như hoa mãn xuân điện,

宮 女 如 花 滿 春 殿

Chỉ kim duy hữu giá cô phi. [8]

只 今 惟 有 鷓 鴣 飛

Bùi Khánh Đản dịch:

Bình Ngô Câu Tiễn kéo quân ra,

Chiến sĩ về quê, rặt gấm là,

Cung nữ như hoa đầy điện ngọc,

Ngày nay chỉ thấy bóng chim đa.

Thánh nhân hiểu lẽ thăng trầm của trời đất, nên không chạy theo vinh hoa phú quí phù du, mà vui sống ẩn dật cùng Đạo.

Cho nên muốn tiêu sái an nhiên, hãy sống ẩn dật. Cá muốn an toàn, hãy ở dưới vực sâu; đồ quốc bảo muốn khỏi mất, chớ đem khoe cho dân chúng thấy.

---

[1] Hấp 歙: rút lại.

[2] Trương 張: dương lên.

[3] Đoạt 奪: lấy lại.

[4] Dữ 與: cho.

[5] Vi minh 微 明: căn do thì huyền vi, hiệu quả thì rõ rệt (Hà Thượng Công).

[6] Trong Nam Hoa kinh, chương 10, Khư Khiếp, đoạn B, ta cũng thấy Trang tử lặp lại câu này.

[7] Võ Minh Trí dịch, Đông Châu liệt quốc, tr. 955-956.

[8] Xem Bùi Khánh Đản, Đường thi, tr. 513.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 37

VI CHÍNH

為 政

Hán văn:

道 常 無 為 而 無 不 為. 侯 王 若 能 守 之, 萬 物 將 自 化. 化 而 欲 作, 吾 將 鎮 之. 以 無 名 之 朴, 亦 將 無 欲. 不 欲 以 靜, 天 下 將 自 定.

Phiên âm:

1. Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.

2. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa.

3. Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi. Dĩ vô danh chi phác, diệc tương vô dục. Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự định.

Dịch xuôi:

1. Đạo thường không làm gì; nhưng không gì không làm.

2. Nếu bậc vương hầu giữ được Đạo thì muôn loài sẽ tự chuyển hóa.

3. Chuyển hóa mà muốn vẽ vời sinh chuyện, ta sẽ chấn tĩnh lại bằng cái «Không tên mộc mạc». Vô danh mộc mạc ắt không ham muốn. Không ham muốn dễ được yên tĩnh, do đó thiên hạ sẽ định.

Dịch thơ:

1. Trời im lìm vô vi bất biến,

Vẫn làm nên muôn chuyện muôn công.

2. Vương hầu lấy đó làm lòng,

Muôn loài ắt sẽ hanh thông thái bình.

3. Nếu có kẻ sinh tình dở dói,

Ta can cho bỏ thói lao đao,

Kìa gương cao cả tầng cao,

Vô danh thuần phác, lẽ nào chẳng theo.

Sống phác giản, chẳng đeo danh lợi,

Lòng thênh thang sạch mọi tham lam.

Không tham, lòng sẽ bình an,

Tự nhiên thiên hạ thái khang, trị bình.

BÌNH GIẢNG

Chương này là chương chót của thượng kinh.

Lão tử lại khuyên ta nên sống vô vi thuần phác. Tại sao? Vì Lão tử mong muốn cho chúng ta có một đời sống huyền hóa siêu linh, hợp nhất với Trời, với Đạo.

Trang tử viết: «Có hai đường lối: đường lối Trời, đường lối người. Vô vi một cách cao siêu, tôn quí đó là đường lối Trời. Hữu vi để mắc vòng tục lụy, đó là đường lối người. Đường lối Trời cao siêu (đường lối của chủ nhân). Đường lối người thấp kém (đường lối của thần hạ). Cho nên đường lối Trời người khác nhau xa vậy...» [1]

Chính vì chúng ta dở thói, dở lắm quẻ, sinh lắm chuyện nên cá nhân ta mới lao đao lận đận, nên thiên hạ mới khổ sở, nên Trời người mới trở nên gàng quải chia phôi.

Vậy muốn thung dung, phối hợp với Trời, với Đạo hãy sống vô vi tự nhiên, thuần phác.

Nhan Hồi hỏi Khổng tử: «Trời người hợp nhất nghĩa là gì? Khổng tử đáp: Người là Trời (vì là một phần của Đại khối), Trời cũng là Trời (vì là Đại khối). Cái làm cho con người mất Trời chính là cá tính của mỗi người. (Vì thế nên) thánh nhân an nhiên để hồn hóa với Đại thể.» [2]

Đó là những điều đáng cho ta lưu tâm suy nghĩ, khi đọc xong quyển thượng kinh này.

---

[1] Đạo hữu thiên đạo, hữu nhân đạo, vô vi nhi tôn giả, thiên đạo dã; hữu vi nhi lụy giả, nhân đạo dã. Chủ giả thiên đạo dã. Thần giả nhân đạo dã. Thiên đạo chi dữ nhân đạo, tương khứ viễn hĩ… 道有天道, 有人道, 無為而尊者, 天道也; 有為而累者, 人道也. 主者天道也. 臣者人道也. 天道之與人道, 將去遠矣... Trang tử, Nam Hoa kinh, chương 11, Tại Hựu, đoạn F.

[2] Hà vi nhân dữ Thiên nhất da? Trọng Ni viết: Hữu nhân, thiên dã. Hữu Thiên diệc Thiên dã. Nhân chi bất năng hữu Thiên, tính dã. Thánh nhân yến nhiên, thể thệ nhi chung hĩ 何為人與天一邪? 仲尼曰: 有人, 天也. 有天亦天也. 人之不能有天, 性也. 聖人晏然, 體逝而終矣. Trang tử, Nam Hoa kinh, chương 20, đoạn G.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	**38**	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

Hạ Kinh

ĐỨC KINH

下 經 ● 德 經

CHƯƠNG 38 [1]

LUẬN ĐỨC

論 德

Hán văn:

上 德 不 德, 是 以 有 德. 下 德 不 失 德, 是 以 無 德. 上 德 無 為 而 無 以 為. 下 德 為 之而 有 以 為. 上人 為 之 而 無 以 為. 上 義 為 之 而 有 以 為. 上 禮 為 之 而 莫 之 應. 則 攘 臂 而 扔 之. 故 失 道 而 後 德, 失 德 而 後 仁. 失 仁 而 後 義. 失 義 而 後 禮. 夫 禮 者, 忠 信 之 薄 而 亂 之 首. 前 識 者, 道 之 華, 而 愚 之 始. 是 以 大 丈 夫 處 其 厚, 不 居 其 薄. 處 其 實, 不 居 其 華. 故 去 彼 取 此.

Phiên âm:

1. Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức. Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.

2. Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi.[2] Hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi.

3. Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi. Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi. Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng. [3] Tắc nhương tí nhi nhưng chi.[4] Cố thất Đạo nhi hậu Đức. Thất Đức nhi hậu Nhân. Thất Nhân nhi hậu Nghĩa. Thất Nghĩa nhi hậu Lễ. Phù Lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ. Tiền thức giả [5] Đạo chi hoa, [6] nhi ngu chi thủy.

4. Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu [7] bất cư kỳ bạc. Xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử.[8]

Dịch xuôi:

1. Bậc đức cao coi thường tục đức, vì thế nên có đức. Người đức thấp nệ vào tục đức, vì thế nên không có đức.

2. Bậc đức cao không làm, vả cũng không hệ lụy vì công việc. Người đức thấp có làm, vả lại hệ lụy vì công việc.

3. Bậc «thượng nhân» có làm nhưng không hệ lụy vì công việc. Bậc «thượng nghĩa» có làm, nhưng hệ lụy vì công việc. Bậc «thượng lễ» có làm; nếu không được người hưởng ứng, thì sắn tay áo lôi kéo người theo. Cho nên mất Đạo thì đến Đức. Mất Đức thì đến Nhân. Mất Nhân thì đến Nghĩa. Mất Nghĩa thì đến Lễ. Mà Lễ là trung tín đã đi đến chỗ mỏng manh, và là đầu mối loạn lạc. Giỏi giang là hào nháng của Đạo và là đầu mối của sự ngu si.

4. Cho nên bậc đại trượng phu ở chỗ dày dặn mà tránh chỗ mỏng mảnh, ở chỗ thực mà tránh chỗ hào nháng. Thế tức là bỏ cái kia (hào nháng, mỏng mảnh) mà giữ cái này (dày dặn, thực chất).

Dịch thơ:

1. Người đức cả coi thường tục đức,
Thế cho nên thơm phức hương nhân.
Phàm phu nệ đức phàm trần,
Cho nên xơ xác thêm phần xác xơ.
2. Người đức cả vô vi khinh khoát,
Người phàm phu lao tác tây đông.
Người nhân dạ ít đèo bòng,
Con người nghĩa khí kể công kể giờ.
Con người nghi lễ so đo,
Làm chưa thấy ứng, nhỏ to bất bình.
Hễ Đạo mất nặng tình với Đức,
Đức không còn lục tục theo Nhân.
Hết Nhân có Nghĩa theo chân,
Nghĩa không còn nữa thấy thuần Lễ nghi.
Nên nghi lễ là chi khinh bạc,
Cũng là mầm loạn lạc chia ly.
Bề ngoài rực rỡ uy nghi,
Bề trong tăm tối, ngu si ngỡ ngàng.
Nên quân tử chỉ ham đầy đặn,
Chứ không ưa hào nháng phong phanh.
Chỉ cần thực chất cho tinh,
Không cần bóng bẩy lung linh bên ngoài.
Bắc cân khinh trọng cho tài,

Biết đường ôm ấp, biết bài dễ duôi.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử luận thế nào là sống một đời sống đạo đức chân thực và thế nào là sống một đời sống giả tạo.

Sống một đời sống đạo đức chân thực là sống phối hợp với đạo, với trời; lấy sự trau dồi bồi dưỡng tâm linh làm trọng; lấy sự thuận theo thiên lý làm hay, mà không câu nệ đến những khuôn sáo giả tạo bên ngoài do xã hội vẽ vời ra.

Sống một đời sống giả tạo là nệ vào những hình thức bên ngoài, lo những công chuyện lặt vặt bên ngoài; làm việc để cầu danh tranh lợi, cố bám víu vào những khuôn sáo bên ngoài, cho thế là hay, là phải.

Cho nên bậc thượng nhân sống một cuộc đời vô vi, vô cầu, «được cả thế gian mà lòng không dự» (hữu thiên hạ dã nhi bất dự 有 天 下 也 而 不 與).[9]

Còn những người cấp dưới, làm gì cũng phải cố gắng; gượng gạo không tự nhiên; có những mục đích vị kỷ cầu danh, tranh lợi.

Lão tử cũng cho rằng theo trào lưu lịch sử, nhân loại đã sa đọa dần dần, đời sống đạo đức ngày càng trở nên phù phiếm, và đã qua những giai đoạn sau đây:

1. Đạo 道 (phối hợp với Trời - Mysticisme)
2. Đức 德 (Đức - Sống đời sống nghệ thuật, khinh khoát - Grâce, Esthétique).
3. Nhân 仁 (Ascèse morale - sống theo những quy luật nhân luân).
4. Nghĩa 義 (lý sự - Dogmatisme, Rationalisme).
5. Lễ 禮 (lễ nghi - Formalisme).

Thế là chiều hướng thoái hóa đã đi:

a) từ trong ra ngoài

b) từ tinh đến thô

c) từ gốc đến ngọn

d) từ thực chất đến hào nháng

e) từ thuần phác đến nhiêu khê.

Khảo:

- lịch sử các dân nước

- lịch sử các đạo giáo cũ mới

- sự tiến triển của mỗi đạo giáo

Ta đều thấy chiều hướng biến thiên đều đi từ:

- tinh đến thô [10]

- thực chất đến hào nháng

- tâm linh đến thể xác, giác quan.

- Tâm linh (Đạo) đến xã hội (đời) [11]

Sự nhận xét này không làm ta thất vọng, vì tin chắc rằng sự thoái hóa, sự hướng ngoại của nhân loại thế nào cũng có lúc đạt tới một «cùng điểm» và rồi sẽ lộn lại bước dần mọi chặng đường từ:

- Hào nhoáng đến tinh hoa

- Giác quan đến tâm linh

- Xã hội (đời) đến tâm linh (Đạo)

Sự trở về với các giá trị tinh thần tức là sự sinh lại của con người (régénération) và chỉ khi nào nhân loại đạt tới Đạo, đạt tới cực điểm tinh hoa, thì bấy giờ nhân loại mới được giải thoát, cứu rỗi (rédemption universelle).

Vì thế cho nên những bậc đại giác xưa nay chỉ trọng thực chất, mà khinh hào nháng; trọng tự nhiên (naturel) mà khinh nhân tạo, nhân vi (artificiel, conventionel).

Đời sống các ngài là đời sống nội tâm, đời sống tâm thần siêu thoát. Vinh quang các ngài là vinh quang nội tại. Lý tưởng các ngài là sống chẳng rời Thiên chân, chẳng rời Đạo thể.

---

[1] Đạo đức kinh giảng nghĩa 道 德 經 講 義 của Tống Long Uyên 宋 龍 淵 lại chia Đạo đức kinh như sau:

(1) Thượng kinh 上 經 từ chương 1 đến hết chương 40.

(2) Hạ kinh 下 經 từ chương 41 đến hết chương 81.

[2] Bản của Phó Dịch, Hàn Phi tử: nhi vô bất vi 而 無 不 為.

[3] Nhương tí (tý) 攘 臂 : xắn tay áo để lộ ra cánh tay.

[4] Nhưng 扔: dẫn.

[5] Tiền thức giả 前 識 者 : kẻ có kiến thức hơn người, biết trước những điều người khác chưa biết.

[6] Đạo chi hoa 道 之 華 : đạo chi mạt.

[7] Xử kỳ hậu 處 其 厚: xử thân ư đôn phác 處 身 於 敦 樸 (Hà Thượng Công)

[8] Khứ bỉ thủ thử 去 彼 取 此 : khứ hoa bạc, thủ thử hậu thật 去 華 薄, 取 此 厚 實 (Hà Thượng Công)

[9] Luận Ngữ 論 語, Thái bá đệ bát 泰 伯 第 八, câu 18.

[10] Ví dụ: Một vị Giáo chủ ra đời, chỉ đặt nặng vấn đề kết hợp với Thượng đế, sống đời sống thần linh siêu thoát. Các thế hệ sau mới bày vẽ đặt để ra các quy luật, luân lý, tín lý và lễ nghi.

[11] Dũ ly dũ viễn. Tiệm thứ do nội hướng ngoại, tiệm thứ xả bản trục mạt 愈 離 愈 遠 . 漸 次 由 內 向 外, 漸 次捨 本 逐 末. Lưu Tư, Bạch Thoại dịch giải Lão tử, tr. 96.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	**39**	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 39

PHÁP BẢN

法 本

Hán văn:

昔 之 得 一 者. 天 得 一 以 清. 地 得 一 以 寧. 神 得 一 以 靈. 谷 得 一 以 盈. 萬 物 得 一 以 生. 侯 得 一 以 為 天 下 貞. 其 致 之一 也. 天 無 以 清, 將 恐 裂. 地 無 以 寧, 將 恐 廢. 神 無 以 靈, 將 恐 歇. 谷 無 以 盈, 將 恐 竭. 萬 物 無 以 生, 將 恐 滅. 侯 王 無 貴 高, 將 恐 蹶. 故 貴 以 賤 為 本. 高 以 下 為 基. 是 以 侯 王 自 謂 孤 寡, 不 穀. 此 其 以 賤 為 本 耶? 非 乎? 故 致 數, 譽 無 譽. 不 欲 琭 琭 如 玉, 珞 珞 如 石.

Phiên âm:

1. Tích chi đắc nhất giả. Thiên đắc Nhất [1] dĩ thanh. Địa đắc Nhất dĩ ninh. Thần đắc Nhất dĩ linh. Cốc đắc Nhất dĩ doanh. Vạn vật đắc Nhất dĩ sinh. Hầu vương đắc Nhất dĩ vi thiên hạ trinh.[2] Kỳ trí chi Nhất dã. [3]

2. Thiên vô dĩ thanh, tương khủng liệt.[4] Địa vô dĩ ninh, tương khủng phế. [5] Thần vô dĩ linh, tương khủng hiệt.[6] Cốc vô dĩ doanh tương khủng kiệt. [7] Vạn vật vô dĩ sinh, tương khủng diệt.[8] Hầu vương vô quí cao, tương khủng quyết. [9]

3. Cố quí dĩ tiện vi bản. Cao dĩ hạ vi cơ.[10] Thị dĩ hầu vương tự vị cô quả, bất cốc. [11] Thử kỳ dĩ tiện vi bản da ? Phi hồ ? [12]

4. Cố trí số, dư vô dư. [13] Bất dục lục lục [14] như ngọc, lạc lạc như thạch.[15]

Dịch xuôi:

1. Những vật xưa được Đạo: Trời được Đạo, nên trong. Đất được Đạo, nên yên. Thần được Đạo, nên linh. Hang được Đạo, nên đầy. Vạn vật được Đạo, nên sống. Hầu vương được Đạo, nên trị vì thiên hạ. Đều là do đạt Đạo mà nên.

2. Trời không có Đạo (để) trong, sẽ vỡ. Đất không có Đạo (để) yên sẽ lở. Hang không có Đạo (để) đầy, sẽ cạn. Thần không có Đạo (để) linh, sẽ tán. Vạn vật không có Đạo (để) sống, sẽ tuyệt. Hầu vương không có Đạo (để) được sang cả, sẽ bị diệt vong.

3. Cho nên sang lấy hèn làm gốc. Cao lấy thấp làm nền. Vì thế bậc vương hầu xưng mình là «côi cút» là ít đức, là «vô dụng», thế không phải là lấy hèn làm gốc hay sao ?

4. Phân tách cho cùng, tất cả đều là hư danh (xe không là xe) không muốn coi ai quý như ngọc, hay hèn như đá.[16]

Dịch thơ:

1. Được Hóa công xưa nay thế cả,
Trời có Ngài nên hóa trong xanh.
Nhờ Ngài nên đất an ninh,
Chư thần nhờ thế uy linh nhiệm mầu.
Có Hóa công, hang sâu hóa đặc, [17]
Nhờ có Ngài muôn vật tốt tươi,
Vương hầu cũng dựa đức người,
Trị vì thiên hạ thảnh thơi an bình.
Trăm điều cũng một mối manh,
Muôn loài cũng một khuôn xanh lo lường.
2. Trời mất Ngài, tan hoang xơ xác,
Đất không Ngài, bạt lạc nát tan,
Không Ngài, thần cũng lầm than,
Không Ngài, hang thẳm lại hoàn hư vô.
Vật mất Ngài sa cơ hủy diệt,
Nước không Ngài, vua hết quyền uy.
3. Xưa nay quý tiện tương tùy,
Cao không có thấp lấy chi làm nền.
Nên vua chúa tự khiêm tự hạ,
Tự nhún mình: «Cô quả», «đớn hèn»,
Phải chăng, hèn kém là nền,
Phải chăng tự hạ, mới bền quyền uy.
4. Cũng lẽ ấy đem suy nhân sự,
Coi mọi người một lứa như nhau.
Ta không phân biệt thấp cao,

Người nào là ngọc, người nào là than. [18]

BÌNH GIẢNG

Chương này có thể chia làm hai phần:

- phần 1 nói về Đạo,

- phần 2 nói về sự khiêm cung mà người cầm quyền cần phải có.

1. Đạo là căn cốt muôn loài

Chương này Lão tử thay vì dùng chữ Đạo, lại dùng chữ Nhất. Tại sao ? Vì chữ Nhất là số 1, là số sinh ra mọi số khác. Cho nên số 1 tượng trưng cho Đạo là căn nguyên sinh ra vạn vật.

Sách Kim đơn đại chỉ quyết 金 丹 大 旨 訣 viết: «Đạo là một, một là Tiên thiên, Tiên thiên là Thái cực. Nho gia gọi là Thái cực; Phật gia gọi là Viên giác; Đạo gia gọi là kim đơn, đều là số một ấy. Cho nên khi chưa có trời đất đã có Thái cực. Thái cực chính là tổ khí sinh ra trời đất là mẫu khí sinh ra vạn vật... Thái cực là thuần thể, trời đất là phá thể. Từ thuần thể sinh ra phá thể. Nay muốn phản bản hoàn nguyên phải nhờ phá thể mà trở về thuần thể...» [19]

Như vậy, muôn loài sống động muốn phát triển đều phải dựa nương vào Đạo, cũng như cành lá muốn tươi tốt, phải nương vào gốc rễ.

Cho nên, nếu muôn loài mà tách rời khỏi Đạo sẽ lâm cảnh lầm than, sa đọa. Đó là một định luật phổ quát.

Trung Dung viết: «Đạo giả dã bất khả tu du ly dã.» 道 者 也 不 可 須 臾 離 也 (Đạo không lìa ta một phút giây) (chương một).

Lại viết: «Thể vật nhi bất khả di.» 體 物 而 不 可 遺 (lồng trong vạn vật mà không tách rời ra được) (Trung Dung, chương 16).

Nếu vậy thì chúng ta làm sao có thể tính toán công chuyện gì riêng tư, ngoài Đạo được. Sóng bể chỉ hùng tráng nhờ vào sức mạnh của trùng dương. Sóng bể tách rời khỏi trùng dương sẽ vô giá trị. Suy ra, mỗi người chúng ta cũng vậy. Nếu hợp với Đạo thì hay, nếu lìa xa Đạo thì dở.

2. Người cầm quyền phải khiêm cung

Đoạn cuối khuyên người cầm quyền phải khiêm cung. Từ ngàn xưa, trong khi xưng hô, người cầm quyền luôn luôn tỏ ra từ tốn và xưng mình là: Cô gia; quả nhân. Và hơn nữa, nhà cầm quyền cũng không nên khinh dân, vì dân chính là căn bản, là chốn dựa nương đích thực của mình.

Kinh Dịch nơi quẻ Bác cũng dạy:

«Bác là núi tựa đất dầy,

Người trên hãy xử đặn đầy với dân.

Với dân đầy đặn ở ăn,

Rồi ra địa vị tư thân vững vàng. [20]

---

[1] Nhất 一 : Đạo, Thái cực.

[2] Hà Thượng Công chép là: Dĩ vi thiên hạ chính 以 為 天 下 正.

[3] Hà Thượng Công chỉ chép: Kỳ trí chi 其 致 之 (không có chữ nhất dã 一 也).

[4] Liệt 裂: tan vỡ.

[5] Có nhiều bản viết là phát 發. Phế 廢: đổ nát.

[6] Hiệt 歇: hết.

[7] Kiệt 竭: hết.

[8] Diệt 滅: tan mất.

[9] Quyết 蹶: hư hỏng, đổ nát.

[10] Cơ 基: nền móng.

[11] Bất cốc 不 穀: không tốt. Không được như lúa má (ngũ cốc) nuôi sống con người.

[12] Có bản chép: Thử phi dĩ tiện vi bản da? 此 非 以 賤 為 本 邪 (Hà Thượng Công).

[13] Hà Thượng Công chép: Cố trí số, xa vô xa. 故 致 數 車 無 車 .

[14] Lục lục 琭 琭: ít ỏi, đẹp đẽ.

[15] Lạc lạc 珞 珞 : nhiều nhặn, xấu xí.

[16] Wieger dịch: Appliquant le même principe de la simplicité dans leur gouvernement, qu'ils réduisent les multitudes de leurs sujets à l'unité, les considérant comme une masse indivise avec une impartialité sereine, n'estimant pas les uns précieux comme jade et les autres vils comme cailloux. Cf. Les Pères du système Taoïste, p. 44.

[17] Nhiều bản dịch: không muốn được quí như ngọc, bị khinh như sỏi.

Xem các bản dịch của James Legge, Nguyễn Duy Cần, Nghiêm Toản. Đây tôi theo Wieger, dịch như trên, ý muốn nói lên rằng người đạo hạnh không nên quá trọng ai, hoặc quá khinh ai.

[18] Dịch là than thay sỏi cho đẹp vần thơ.

[19] Xem Kim đơn đại chỉ quyết, tr. 1.

[20] Tượng viết: Sơn phụ ư địa. Bác. Thượng dĩ hậu hạ an trạch. 象 曰 山 附 於 地 . 剝 . 上 以 厚 下 安 宅 (quẻ Bác 剝, Đại Tượng truyện.) Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập II (Thượng Kinh), tr. 289.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	**40**	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 40

KHỬ DỤNG

去 用

Hán văn:

反 者 道 之 動. 弱 者 道 之 用. 天 下 萬 物 生 於 有, 有 生 於 無.

Phiên âm:

1. Phản[1] giả Đạo chi động. Nhược giả Đạo chi dụng.

2. Thiên hạ vạn vật sinh ư hữu,[2] hữu sinh ư vô.[3]

Dịch xuôi:

1. Trở lại là cái động của Đạo. Yếu mềm là cái dụng của Đạo.

2. Thiên hạ vạn vật sinh từ có. Có sinh từ Không.

Dịch thơ:

1. Đạo thường chuyển ngược dòng đời,

Đạo thường khoác lấy vẻ ngoài tơ non.

2. Muôn loài từ Có bắt nguồn,

Nhưng mà «Có» lại do khuôn «Vô hình».

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên ta trở về với Đạo.

Như chúng ta đã biết, sự biến hoá của trời đất có hai chiều hướng:

1- Từ Đạo ra vạn vật

2- Từ vạn vật trở về Đạo.

Từ Đạo ra vạn vật, thì Đạo, thì Thần như ẩn mình, để cho các ngoại lực hoạt động. Từ vạn vật trở về với Đạo, thì Thần mới thực sự hoạt động. Điều này, chúng ta có thể chứng nghiệm nơi bản thân. Nếu chúng ta:

- Hướng ngoại, trục vật, thì «thần ẩn, tâm hoạt» 神 隱 心 活 (thần ẩn, tâm hoạt động).

- Hướng nội, tầm nguyên, thì «tâm tử, thần hoạt» 心 死 神 活 (tâm chết, thần hoạt động).

Muốn trở về với Đạo phải thuận theo các định luật tự nhiên, đừng cưỡng lại với trời đất, nhân tâm. Cũng y như khi ta có chìa khóa thì mở khóa dễ dàng bằng không có chìa, thì vật lộn cách mấy khóa cũng không chịu mở.

Thế tức là: «Yếu mềm là cái dụng của Đạo.»

Muốn trở về với Đạo, cần phải biết vươn lên trên những cái hữu hình, hữu tướng, để lên tới căn bản vô hình, vô tướng.

Nhập dược kính 入 藥 鏡 có thơ:

Tiên thiên nhất khí bản vô hư,

先 天 一 氣 本 無 虛

Thái đắc lai thời kết thử châu,

採 得 來 時 結 黍 珠

Thử thị kim đơn huyền diệu xứ,

此 是 金 丹 玄 妙 處

Vô trung hữu hữu thị Chân vô.

無 中 有 有 是 真 無

(Nhập dược kính, tr. 11)

Tạm dịch:

Tiên thiên một khí vốn vô hư,

Thu được đem về kết ngọc châu,

Nơi ấy kim đơn huyền diệu xứ,

Trong Vô có Có ấy Chân Vô.

---

[1] Phản 反: (1) trở lại; (2) tương phản (Theo Vương Bật); (3) gốc (theo Hà Thượng Công). James Legge theo Vương Bật cho rằng Đạo hoạt động bằng mâu thuẫn, tương phản. Ông viết: «The movement of the Tao by contraries proceeds.» Xem J. Legge, The textes of Taoism, p. 131.

[2] Vương bật giải hữu 有 là trời, đất.

[3] Vương Bật giải vô 無 là Đạo.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	**41**	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 41

ĐỒNG DỊ

同 異

Hán văn:

上 士 聞 道, 勤 而 行 之. 中 士 聞 道, 若 存 若 亡. 下 士 聞 道, 大 笑 之. 不 笑, 不 足 以 為 道. 故 建 言 有 之: 明 道 若 昧. 進 道 若 退. 夷 道 若 纇. 上 德 若 谷. 大 白 若 辱. 廣 德 若 不 足. 建 德 若 偷. 質 真 若 渝. 大 方 無 隅; 大 器 晚 成; 大 音 希 聲; 大 象 無 形. 道 隱 無 名. 夫 唯 道 善 貸 且 善 成.

Phiên âm:

1. Thượng sĩ văn Đạo, cần nhi hành chi. Trung sĩ văn Đạo, nhược tồn, nhược vong. Hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi. Bất tiếu, bất túc dĩ vi Đạo.

2. Cố kiến ngôn hữu chi: Minh Đạo nhược muội. Tiến Đạo nhược thối. Di [1] Đạo nhược lỗi.[2] Thượng Đức nhược cốc.[3] Đại bạch nhược nhục.[4] Quảng đức nhược bất túc. Kiến đức nhược thâu.[5] Chất chân nhược du.[6]

3. Đại phương vô ngung; đại khí vãn thành; đại âm hi thanh; đại tượng vô hình. Đạo ẩn vô danh. Phù duy Đạo thiện thải thả thành.

Dịch xuôi:

1. Bậc học cao nghe đạo, cố gắng mà theo. Bậc học bình thường nghe Đạo như còn như mất. Bậc học thấp kém nghe Đạo, cả cười bỏ qua. Nếu không cười, không đủ gọi đó là Đạo.

2. Nên người xưa nói: Sáng về Đạo, dường tăm tối. Tiến về Đạo, nhường như thụt lùi. Ngang với Đạo, dường như cục cằn. Đức cao dường như hang suối. Thật trong trắng dường như bợn nhơ. Đức rồi rào

dường như không đủ. Đức vững chắc dường như cẩu thả. Chất thực dường như biến đổi.

3. Hình vuông lớn không góc. Đồ dùng lớn lâu thành. Tiếng lớn nghe không thấy. Tượng lớn, không có hình. Đạo ẩn, không tên. Chỉ có Đạo, hay cho lại tác thành (muôn vật).

Dịch thơ:

1. Người thượng đẳng khi nghe biết Đạo,
Liền ân cần tiết tháo, khuôn theo.
Người thường biết đạo ít nhiều,
Nửa quên, nửa nhớ, ra chiều lửng lơ.
Người hèn kém hễ cho nghe Đạo,
Liền cười vang, chế nhạo rỡn chơi.
Đạo Trời ẩn áo, đầy vơi,
Không cười đâu thấy Đạo Trời huyền vi.
2. Lời xưa đã từng khi truyền tụng,
Biết Đạo thời như vụng như đần.
Tiến lên mà ngỡ lui chân,
Tới bên Đạo cả mà thân tưởng hèn.
Đức siêu việt thấp in thung lũng,
Đức cao dày tưởng những vô tài,
Thực chất tốt vẻ ngoài ngỡ kém,
3. Hình vuông to góc biến còn đâu,
Những đồ quí báu làm lâu,
Tiếng to dường sấm mà hầu vô thanh.
Tướng to mới vô hình vô ảnh,
Trời mênh mông yên tĩnh như không.
Đạo Trời tản mạn vô cùng,
Không làm mà vẫn thành công mới là.

BÌNH GIẢNG

Đạo cả huyền vi, người có căn cơ mới thấy cái hay, cái đẹp của Đạo, nên quyết chí đem Đạo ra thi hành.

Còn những người bình thường thì học Đạo, nhưng không thấy say sưa, thích thú, nghe đấy rồi quên đấy.

Những người hạ căn khi nghe Đạo thời khi dễ, cười chê. Kẻ hạ căn có cười chê Đạo, thì mới rõ Đạo là cao siêu. Thánh kinh nói: «Bạn đừng cho chó những gì thiêng liêng; đừng ném ngọc cho lợn; chúng có thể chà đạp nát ngọc, và quay lại cắn bạn.»[7]

Tục ngữ ta có câu: «Đàn cầm đem khảy tai trâu.» cũng ý ấy.

Những người đạo cao đức cả thường kín tiếng, kín tăm. Đó là chủ trương:

- «Thao quang, ẩn tích» (giấu sáng, che vết)

- «Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần» (pha sánh sáng, hòa mình cùng trần cấu)

- Làm cho mắt trần không thấy được núi Thái sơn trước mình.

Liệt tử kể: «Công Nghi Bá mạnh có tiếng. Đường Khê Công đem khoe với Chu Vương. Vương cho mời Công Nghi Bá. Bá vào triều. Thấy Bá có thân hình nhỏ nhắn, vua lấy làm lạ, hỏi: 'Người ta khen khanh mạnh, khanh làm được chi?' Công Nghi Bá tâu: 'Thần có thể đánh gẫy chân con cào cào, xé rách cánh con ve sầu. ' Vua bất mãn nói: 'Trẫm gọi người có sức mạnh, là người xé được da tê giác, cầm đuôi trâu mà ghì nổi chín con. Nếu ngươi chỉ làm được những chuyện trên, sao người ta lại khen ngươi là khỏe?' Công Nghi Bá tâu: 'Lời bệ ha nói thực nghĩa lý. Thần xin thành thực tâu trình. Thần là đồ đệ của Thương Khâu Tử, một người mạnh nhất thiên hạ; thế nhưng vì không khoe sức, nên đến nay người trong nhà cũng không hay. Trước khi ngài chết, thần ở bên ngài. Ngài dạy: 'Những kẻ hiếu danh, cần phải làm những việc phi thường để cầu danh; nếu mình chỉ làm được những việc tầm thường, thì người nhà cũng không biết mình là người thế nào. Nhưng ta cho thế là hay nhất, và ta khuyên ngươi nên bắt chước... ' Thế mà nay một vị chư hầu đã khen sức mạnh thần với bệ hạ, như vậy là thần đã để lộ chân tướng, trái với lời dặn dò của sư phụ tôi. Nguyên sự tôi để lộ chân tướng đã tỏ ra là tôi yếu sức, vì người dấu được sức mình mạnh hơn người khoe sức mình.» [8]

---

[1] Di 夷: ngang, bằng.

[2] Lỗi 纇: có mấu nút, có tì vết.

[3] Cốc 谷: hang núi.

[4] Nhục 辱: xấu hổ.

[5] Thâu 偷: cẩu thả, trễ nhác.

[6] Du 渝 : đổi dời.

[7] Ne donnez pas aux chiens ce qui est sacré, ne jettez pas vos perles devant les porcs; ils pourraient bien les piétiner puis se retourner contre vous pour vous déchirer. (Mat. VII)

[8] Liệt tử, Xung Hư chân kinh 沖 虛 真 經, chương 4, đoạn K.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	**42**	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 42

ĐẠO HÓA

道 化

Hán văn:

道 生 一, 一 生 二, 二 生 三, 三 生 萬 物. 萬 物 負 陰 而 抱 陽, 沖 氣 以 為 和. 人 之 所 惡 唯 孤, 寡, 不 谷. 而 王 公 以 為 稱. 故 物 或 損 之 而 益. 或 益 之 而 損. 人 之 所 教, 我 亦 教 之. 強 梁 者 不 得 其 死. 吾 將 以 為 教 父.

Phiên âm:

1. Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bão Dương, xung khí dĩ vi hòa.

2. Nhân chi sở ố duy cô, quả, bất cốc. Nhi vương công dĩ vi xưng. Cố vật hoặc tổn chi nhi ích. Hoặc ích chi nhi tổn.

3. Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi. Cường lương giả bất đắc kỳ tử. Ngô tương dĩ vi giáo phụ.

Dịch xuôi:

1. Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Trong vạn vật không có vật nào không cõng Âm và ôm Dương. Ở giữa là nguyên khí dung hòa.

2. Cái mà người ta ghét là: côi cút, góa bụa, bất tài, bất lực. Thế mà vua chúa lại dùng nó để tự xưng. Như vậy thì sự đời bớt là thêm, thêm là bớt.

3. Điều người xưa dạy, nay ta cũng dạy: Dùng bạo lực sẽ chết « bất đắc kỳ tử». Đó là lời của thày ta.

Dịch thơ:

1. Đạo sinh ra chân nguyên Nhất thể,

Nhất thể sinh nhị khí Âm Dương.

Âm Dương biến hóa khôn lường,

Sinh, Thần, khí, chất rõ ràng bộ ba.

Bộ ba ấy sinh ra vạn vật,

Vạn vật luôn ôm ấp Âm Dương.

Lung linh cầm giữ mối giường,

Nhưng mà xung khí vẫn thường ẩn trong.

2. Người đời ghét cô đơn, hèn hạ,

Nhưng vương hầu cô quả vẫn xưng.

Cho nên muốn tổn thời tăng,

Muốn tăng thời tổn lẽ hằng xưa nay.

Người xưa dạy câu này chí lý.

Ta cũng đem ta chỉ cho người:

«Xin đừng bạo động ai ơi,

Ai mà bạo động, chết thôi bạo tàn.»

Đó lời giáo phụ ta ban.

BÌNH GIẢNG

Chương này bàn về ba đề mục khá khác nhau:

1. Bàn về cung cách Đạo hóa thành vạn hữu.

2. Bàn về sự khiêm cung của vương hầu.

3. Dạy đừng nên dùng bạo lực.

1. Cung cách Đạo hóa thành vạn hữu

Câu «Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật», có thể giải được nhiều cách:

a. Có người cho rằng: Đạo chính là Nhất, mà Nhất là «chân nguyên, nhất thể», là «xung hư chi nhất khí» hay nói nôm na rằng: «Đạo là nguyên khí.»

Nguyên khí ấy sinh ra Âm Dương (nhất sinh nhị).

Âm Dương sinh ra: Hình, khí, chất (nhị sinh tam) Hình khí chất sinh vạn vật. [1]

b. Tôi cũng theo chủ trương này, duy chỉ đổi rằng: Âm Dương sinh ra Thần, Khí, Chất. Rồi Thần, Khí, Chất giao nhau sẽ sinh ra vạn hữu.

c. Chu Hi cho rằng: Đạo là Thái cực, Nhất là Dương, Nhị là Âm. Tam là Âm Dương tác dụng lẫn nhau. Và cho rằng nếu coi Đạo là Nhất, thì làm sao nói được rằng Đạo sinh Nhất.[2]

d. Tư Mã Quang cho rằng: Chữ «Đạo sinh Nhất» có thể hiểu được rằng: Đạo từ Vô trở thành Hữu, từ Vô danh trở thành Hữu danh. [3]

e. «Lữ tổ Đạo đức kinh giải» cho rằng:

- Một là Nguyên Khí

- Hai là Âm Dương

- Ba là tam tài: Thiên địa nhân.

Thực ra điều chính yếu mà chúng ta nên ghi nhận ở đây là: Đạo không dựng nên vạn hữu, mà Đạo đã tự phân hoá mình thành vạn hữu. Cho nên ta thấy Lão tử viết tiếp: vạn vật:

- ngoài có Âm (Phụ Âm)

- trong có Dương (Bão Dương)

- trong cùng có Đạo, có «Xung hòa chi khí» ở giữa làm chủ chốt.

2. Bàn về sự khiêm cung của vương hầu

Lão tử luôn khuyên người trên phải khiêm cung. Tự giảm giá trị mình, sẽ được người tăng giá trị. Nhược bằng cao ngạo, luôn muốn đề cao giá trị mình, thì sẽ bị người làm cho hạ giá trị.

3. Dạy dừng nên dùng bạo lực

Lão tử khuyên chớ nên «bạo động» vì bạo động sẽ chết bạo tàn. Câu «Cường lương giả bất đắc kỳ tử» đã được khắc vào sau lưng của một người bằng vàng (hoặc bằng kim khí) để ở trước thềm đền thờ Hậu Tắc, tổ tiên của Nhà Chu. Như vậy Lão tử chỉ nhắc lại một lời khuyên của người xưa.

Chữ «giáo phụ» có thể hiểu được hai cách:

- Thầy của Lão tử.

- Lời dạy chính yếu của Lão tử.

Các sách thường giải: Đó là lời dạy chính yếu của Lão tử». Ở đây tôi dịch là «Giáo phụ ta», ý muốn nói rằng Lão tử cũng phải học hỏi người xưa rất nhiều, chứ không phải là «sinh nhi tri chi».

---

[1] Đạo do ư Vô nhi sinh «Xung hư chi nhất khí». Xung hư chi nhất khí» sinh Âm Dương nhị giả. Âm Dương nhị khí giao cảm hòa hợp sinh Hình, Khí, Chất tam giả. 道由於無而生沖虛之一氣. 沖虛之一氣生陰陽二者. 陰陽二氣交感和合生形, 氣, 質三者. Triết học, tr. 9.

[2] Thử Đạo tự tức Dịch chi Thái cực, nhất nãi Dương thuộc chi cơ, nhị nãi Âm số chi ngẫu. Tam nãi cơ ngẫu chi tích. Kỳ viết nhị sinh tam giả do sở vị nhị dữ nhất vi tam dã. Nhược Đạo dĩ Nhất vi Thái cực, tắc bất dung ngôn Đạo sinh Nhất hĩ. 此道字即易之太極, 一乃陽屬之奇, 二乃陰數之偶. 三乃奇偶之積. 其曰二生三者由所謂二與一為三也. 若道以一為太極, 則不容言道生一矣. Đáp Trình Thái Chi 答程泰之 (Chu Hi, tr. 112)

[3] Xem J. Legge, The Textes of Taoism, p. 134.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	**43**	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 43

BIẾN DỤNG

遍 用

Hán văn:

天 下 之 至 柔, 馳 騁 天 下 之 至 堅. 無 有 入 無 間. 吾 是 以 知 無 為 之 有 益. 不 言 之 教, 無 為 之 益, 天 下 希 及 之.

Phiên âm:

1. Thiên hạ chi chí nhu, trì sính[1] thiên hạ chi trí kiên. Vô hữu nhập vô gián. [2] Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích.

2. Bất ngôn chi giáo,[3] vô vi chi ích, thiên hạ hi[4] cập chi.[5]

Dịch xuôi:

1. Cái mềm nhất trong trời đất chi phối được cái cứng nhất trong trời đất. Cái «không có» lọt được vào chỗ «không có kẽ hở». Vì thế nên ta biết lợi ích của vạn vật

2. Cách Dạy mà không dùng đến lời, cũng như ích lợi của «Vô vi», ít người có thể hiểu thấu.

Dịch thơ:

1. Cái mềm nhất ở trong trời đất,

Thắng cái gì cứng nhất trần hoàn.

Vô hình nhập chỗ vô gian,

Vô vi ích lợi muôn vàn ai hay.

2. Không nói vẫn làm thầy thiên hạ,

Không làm nhưng kết quả ngàn muôn.

Nào ngờ không nói, không làm,

Chứa chan ích lợi, người phàm đâu hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại nói đến ích lợi của vạn vật.

Trên đây chúng ta đã bàn giải về Vô vi rất nhiều. Nay mượn một câu trong sách «Quan Thế Âm Bồ Tát bản tích cảm ứng tụng» để giải chương này như sau:

«Tất cả cái gì hữu vi đều là mộng ảo, đều là bào ảnh, là thân phận con phù du, hay là bóng xế ngàn cây. Hãy vội vàng trở về với Vô vi, và luôn luôn tự nhủ như vậy.» [6]

Như vậy, Vô vi không phải là ăn không, ngồi rỗi mà chính là hành động hợp với Thiên chân, thiên lý, với định luật vũ trụ.[7]

Nhập dược kính có thơ:

Mặc mặc vô vi chỉ thủ Trung,

墨 墨 無 為 只 守 中

Chu thiên hỏa hậu Tham, Đồng.

周 天 火 候 合 參 同

Vô vi hoàn tự hữu vi đắc,

無 為 還 自 有 為 得

Cử động vô phi hợp thánh công. [8]

舉 動 無 非 合 聖 功

Tạm dịch:

Lặng lẽ vô vi giữ điểm Trung,

Tu tròn chính quả, hợp Thiên Không.

Vô vi cũng tự Hữu vi được,

Cử động rồi ra hợp thánh công.

---

[1] Trì sính 馳 騁: (1) ngựa ruổi mau; (2) giá ngự, khống chế.

[2] Vô gián 無 間: không có kẽ hở.

[3] Bất ngôn chi giáo 不 言 之 教: cái dạy không lời.

[4] Hi 希: ít.

[5] Cập chi 及 之: theo kịp; biết kịp.

[6] Nhất thiết hữu vi mộng ảo, bào ảnh, phù du chi thân, tang du chi cảnh, tốc hội Vô vi, thời thời tự tỉnh. 一 切 有 為 夢 幻, 泡影, 蜉 蝣 之 身, 桑 榆 之 景, 速 會 無 為, 時 時 自 省. Xem Quan Thế Âm Bồ Tát bản tích cảm ứng tụng 觀 世 音 菩 薩 本 跡 感 應 頌, quyển thứ 6, tr. 41–42.

- Hoài Nam tử giải: phù du là thứ con sáng sinh, chiều chết.

(Hoài Nam tử: Phù du triêu sinh nhi mộ tử 淮 南 子: 蜉 蝣 朝 生 暮 死). Ông cũng giải «tang du chi cảnh» 桑 榆 之 景 là ánh mặt trời tà rọi trên các ngọn cây. (Hựu Hoài Nam tử viết: Nhật tây thùy cảnh tại thụ đoan, vị chi tang du 又 淮 南 子 曰: 日 西 垂 景 在 樹 端, 謂 之 桑 榆)

- Đại Bi kinh có câu: Ước mong chúng ta mau trở về nhà Vô vi (Đại Bi kinh: nguyện ngã tốc hội vô vi xá. 大 悲 經: 願 我 速 會 無 為 舍) Sđd, tr. 41–42.

[7] Vô vi vô tác, động hợp thiên địa chi diệu. 無 為 無 作, 動 合 天 地 之 妙. Nhập dược kính, tr. 12.

[8] Nhập dược kính, tr. 12.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	**44**	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 44

TRI CHỈ

知 止

Hán văn:

名 與 身 孰 親, 身 與 貨 孰 多. 得 與 亡 孰 病. 是 故, 甚 愛 必 甚 費. 多 藏 必 厚 亡. 知 足 不 辱. 知 止 不 殆. 可 以 長 久.

Phiên âm:

1. Danh dữ thân thục thân, thân dữ hóa thục[1] đa.[2] Đắc dữ vong thục bệnh.[3]

2. Thị cố, thậm ái tắc thậm phí.[4] Đa tàng tất hậu [5] vong. Tri túc bất nhục. Tri chỉ bất đãi. [6] Khả dĩ trường cửu.

Dịch xuôi:

1. Danh với thân cái nào quý hơn? Thân với của, cái nào trọng hơn? Được với mất, cái nào khổ hơn?

2. Cho nên, yêu nhiều ắt tổn nhiều. Chứa nhiều ắt mất nhiều. Biết đủ (an phận thủ thường), không nhục. Biết dừng không nguy. Có thể trường cửu.

Dịch thơ:

1. Tiếng với ta cái gì là quí?

Của với mình xét kỹ chi hơn?

Bắc cân hai lẽ mất còn,

Đằng nào khổ sở, tính toan cho rành.

2. Chắt chiu quá lại thành uổng phí,

Cóp nhặt nhiều ắt sẽ tay không,

Thảnh thơi, là có đủ dùng,

Ít ham, ít nhục, thung dung một đời.

Lòng khinh khoát, biết nơi dừng bước,

Thoát hiểm nguy lại được trường sinh.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử khuyên ta không nên tham danh, tham tài đến nỗi phải vong thân, vong mạng...

Tâm thần ta là vật chí quí, chí bảo của trời đất; ta đừng nên dại dột mà đem đổi chác lấy công danh, tiền bạc phù du hư ảo.

Lão tử khuyên ta hãy nên bắc cân xem thân ta, mạng ta là trọng; hay danh lợi là trọng. Được danh lợi mà mất tâm thần, hỏi đằng nào nguy hại hơn ?

Thế tức là «đắc dữ vong thục bệnh». «Đắc» đây nên hiểu là «đắc danh vọng», «đắc hóa tài», mà «vong» đây nên hiểu là «vong thân, vong mạng».

Giải như thế, ta thấy câu này có âm hưởng như câu thánh kinh: «Được lợi lãi cả thế gian mà lỗ vốn mất linh hồn nào được ích lợi gì?» [7]

Nếu chúng ta chạy theo hóa tài, ham mê danh vọng, tâm thần ta ngày sẽ một bị hao tán, phí phao. Cái phí phao ấy mới thực là lớn lao vậy. (Thị cố thậm ái, tất thậm phí.) Mà cho dầu ta súc tích đến bao nhiêu chăng nữa chúng ta cũng sẽ khó lòng mà giữ được cho toàn.

Hà Thượng Công bình rằng: «Sống mà súc tích cho đầy kho lẫm; chết mà súc tích cho đầy quan quách, thì sống sẽ lo trộm cướp đánh đập phá phách, chết sẽ lo bị đào mồ, cuốc mả.» [8]

Cho nên biết an thường, thủ phận sẽ thoát được ra ngoài vòng cương tỏa của lợi danh, và sẽ tránh được nhiều điều tủi nhục. Biết an thường, thủ phận, bỏ lợi lộc công danh hư ảo, lo tu thân, luyện trí, tu tâm, hợp Đạo, rồi ra sẽ được cửu trường.

---

[1] Thục 孰: cái gì.

[2] Đa 多: nhiều, trọng.

[3] Bệnh 病: hại.

[4] Phí 費: hao tổn.

[5] Hậu 厚 : dày, nhiều.

[6] Đãi 殆 : nguy.

[7] Marc, 8, 36.

[8] Sinh đa tàng ư phủ khố, tử đa tàng ư khâu mộ; sinh hữu công kiếp chi ưu, tử hữu quật trủng thám cữu chi hoạn. 生 多藏 於 府 庫, 死 多 藏 於 丘 墓. 生 有 攻 劫 之 憂, 死 有 掘 冢 探 柩 之 患. Âm chú Hà Thượng Công, Lão tử Đạo Đức kinh, chương 44.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	**45**
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 45

HỒNG ĐỨC

洪 德

Hán văn:

大 成 若 缺, 其 用 不 弊. 大 盈 若 沖, 其 用 不 窮. 大 直 若 屈. 大 巧 若 拙. 大 辯 若 訥. 躁 勝 寒. 靜 勝 熱. 清 靜 為 天 下 正.

Phiên âm:

1. Đại thành nhược khuyết [1] kỳ dụng bất tệ. [2] Đại doanh nhược xung[3] kỳ dụng bất cùng. Đại trực nhược khuất.[4] Đại xảo nhược chuyết.[5] Đại biện nhược nột.

2. Táo thắng hàn. Tĩnh thắng nhiệt. Thanh tĩnh vi thiên hạ chính.

Dịch xuôi:

1. Hoàn toàn mà ngỡ là khiếm khuyết, nhưng dùng không bao giờ hỏng. Thực đầy mà ngỡ như vơi, nhưng dùng không bao giờ hết. Thẳng băng mà ngỡ như cong; tuyệt khéo mà như vụng về; rất hùng biện, mà như là ấp úng.

2. Nóng thắng lạnh, yên thắng nóng, thanh tĩnh mà chính được thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Thực mỹ mãn mà như khuyết điểm,
Nhưng đem dùng chẳng chuyển, chẳng mòn.
Thật đầy mà ngỡ trống trơn,
Đem dùng mới thấy chứa chan vô cùng.

Thẳng băng mà ngó như cong,

Muôn nghìn khéo léo, dáng trông vụng về.

Thật hùng biện như e, như ấp,

Vẻ ngây ngô, sắc mắc ai đương.

2. Múa may cho bớt lạnh lùng,

Nghỉ ngơi cho nóng đỡ nung hình hài.

Một niềm thanh tĩnh thảnh thơi,

Tự nhiên thiên hạ đổi đời hóa hay.

BÌNH GIẢNG

Đoạn này Lão tử lại cho thấy thánh nhân thường có vẻ ngoài khiêm cung, từ tốn. Quan niệm này đã thấy có ở nơi chương 41.

Luận Ngữ cũng có ít câu tương tự. Đức Khổng nói: «Người quân tử muốn cho lời nói của mình thì ít oi, chậm lụt mà công việc của mình thì cần mẫn, siêng năng.» [6]

Ngài lại nói: «Người cương nghị chất phác, ít ăn, ít nói, thì gần với mức nhân.» [7]

Đoạn sau Lão tử dạy nên dùng «thanh tĩnh, vô vi» để trị đời. Vì sao ? Thưa vì muốn bớt lạnh, cần hoạt động; muốn bớt nóng cần nghỉ ngơi. Ngày nay thế giới đang bừng bừng chạy theo danh theo lợi, nếu chúng ta lại cũng bồn chồn, nóng nảy thì có khác nào đổ thêm dầu vào lửa đâu; như vậy làm sao mà trị đời. Cho nên chỉ có cách là thanh tĩnh, tiêu sái, thung dung thì mới treo gương được cho đời, gỡ được cho con người thoát khỏi vòng phiền trược của thế sự.

---

[1] Khuyết 缺: không hoàn toàn.

[2] Tệ 弊 : hư.

[3] Xung 沖 : trống không.

[4] Khuất 屈: cong.

[5] Chuyết 拙: vụng.

[6] Tử viết: Quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hạnh. 子 曰: 君 子 欲 訥 言, 而 敏 於 行. Luận Ngữ 論 語, Lý Nhân 里 仁, câu 4.

[7] Tử viết: Cương, nghị, mộc, nột cận nhân 子 曰: 剛, 毅, 木, 訥 近 仁. Luận Ngữ, Tử Lộ 子 路, câu 27.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 46

KIỆM DỤC

儉 欲

Hán văn:

天 下 有 道, 卻 走 馬 以 糞. 天 下 無 道, 戎 馬 生 於 郊. 禍莫 大 於 不 知 足. 咎 莫 大 於 欲 得. 故 知 足之 足, 常 足 矣.

Phiên âm:

1. Thiên hạ hữu đạo, khước tẩu mã dĩ phẩn. Thiên hạ vô đạo, nhung mã sinh ư giao.

2. Họa mạc đại ư bất tri túc.[1] Cữu mạc đại ư dục đắc. Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ.[2]

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ có Đạo, thì ngựa dùng vào việc vun phân ruộng. Thiên hạ không Đạo, ngựa chiến sinh ngoài thành.

2. Không họa nào lớn bằng không biết đủ. Không hại nào lớn bằng muốn được của. Cho nên biết cho mình là có đủ, thời luôn luôn đủ.

Dịch thơ:

1. Trần gian mà có Hóa Công,

Ngựa hay cũng thải về đồng vun phân.

Trần gian mà mất Thiên quân,

Bên thành chiến mã hí rầm ngày đêm.

2. Nguy thay những kẻ bon chen,

(Suốt đời chẳng lửng dạ thèm khát khao).

Hại thay những kẻ vơ vào,

(Vơ vơ, vét vét biết bao giờ cùng).

Ở đời muốn được thung dung,

Nhiều no, ít đủ, ta không phàn nàn.

BÌNH GIẢNG

Thiên hạ mà có Đạo, thì dân chúng an bình, ngựa chiến không còn có việc dùng, phải đem về quê làm việc đồng áng.

Khi nào thì gọi là nước có Đạo? Nước có Đạo là khi trên dưới giữ đúng bổn phận mình, vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con; ai nấy đều lo tu tâm, ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người, yêu kính đồng loại, biết trọng nghĩa, khinh tài.

Đó là thời đại hòa, đại thuận. Thời ấy, không còn ai muốn cất giữ những dụng cụ chiến tranh, nên ngựa chiến cũng hóa thành vô dụng.

Vua Vũ Vương đã có thời thả trâu trận, ngựa chiến nơi miền núi Hoa Dương, và miền đồng Đào Lâm tỏ ý sẽ dùng văn mà cai trị, cải hoá thiên hạ, thay vì dùng võ, dùng bạo lực.[3]

Nhưng khi mà nước vô Đạo, thì chinh chiến nhiễu nhương nhân dân đồ thán, mà khi ấy thời ngay bên thành, đã thấy đầy dẫy những chiến mã.

Thế nào là một nước vô Đạo? Một nước vô Đạo là một nước đã mất cương thường, trên chẳng ra trên, dưới chẳng ra dưới, ai ai cũng chỉ vụ danh, vụ lợi mà khinh nhân nghĩa. Người người khi trá lẫn nhau, bóc lột lẫn nhau, chia rẽ nhau. Trong thì cương thường đổ nát, ngoài thì không giữ được hòa hiếu với lân bang, vì thế nên sinh ra chinh chiến.

Chung qui, chinh chiến sinh ra là vì con người không biết kiềm chế lòng dục. Ai cũng muốn vơ vét, súc tích thêm của cải; ai cũng tỏ lòng tham. Cho nên cái hay nhất cho cá nhân, cũng như cho xã hội là biết vừa lòng với số phận mình, biết vui sống trong hoàn cảnh mình.

Đọc chương Đạo Đức kinh bàn về «Tri túc» này, ta lại liên tưởng đến thái độ của nho gia trong Luận Ngữ.

Đức Khổng nói: «Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay gối đầu, trong cảnh bần hàn mà vẫn vui sướng. Phú quý do bất nghĩa thì coi như mây nổi.» [4]

Đức Khổng cũng khen Nhan Hồi như sau: «Hiền thay là trò Hồi! Người ở trong ngõ hẹp với một giỏ cơm, một bầu nước. Ở cảnh ấy người ta không ai chịu cực khổ cho nổi. Thế mà trò Hồi chẳng đổi chí vui thích của mình. Hiền thay là trò Hồi.» [5]

Cụ Nguyễn Công Trứ đã hiểu được lẽ «lạc thiên tri mệnh»[6] 樂 天 知 命 hay «an phận lạc thiên» 安 分 樂 天 của Nho và Lão nên đã viết:

«Cảnh cùng thông, ai có bận chi đâu,

Mùi tiêu sái với trần gian dễ mấy.

Thơ rằng:

Hữu danh nhàn phú quý 有 名 閒 富 貴

Vô sự tiểu thần tiên 無 事 小 神 仙

Đấng anh hùng an phận lạc thiên 安 分 樂 天

So trời đất cũng nhất ban xuân ý.» [7] 一 般 春 意.

---

[1] Bản Hà thượng Công, bản Tống Long Uyên, bản Léon Wieger lại thêm một câu như sau: Tội mạc đại ư khả dục; Họa mạc đại ư bất tri túc; Cửu mạc đại ư dục đắc. 罪 莫 大 於 可 欲; 禍 莫 大 於 不 知 足; 咎 莫 大 於 欲 得.

[2] Bản Hà thượng Công và bản Léon Wieger không có chữ hĩ 矣 .

[3] Xem Kinh Thư, Vũ Thành 武 成, tiết 2.

[4] Tử viết: «Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quí, ư ngã như phù vân». 子 曰: 飯 疏 食, 飲 水, 曲 肱 而 之, 樂 亦 在 其 中 矣. Luận Ngữ 論 語, Thuật Nhi 述 而, chương 7, câu 15.

[5] Tử viết: «Hiền tai Hồi dã ! nhất đan tự, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng. Nhân bất kham kỳ ưu. Hồi dã bất cải kỳ lạc. Hiền tai Hồi dã.» 子 曰 賢 哉 回 也 ! 一 簞 食, 一 瓢 飲, 在 陋 巷. 人 不 堪 其 憂. 回 也不 改 其 樂. 賢 哉 回 也. Luận Ngữ 論 語, Ung Dã 雍 也, chương 6, câu 9.

[6] Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu. 樂 天 知 命 故 不 憂 (Thánh nhân vui cái vui trời; bởi hay định mạng nên vui thập phần) Hệ từ thượng, chương 4. Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập III (Hạ Kinh), tr. 437.

[7] Xem Đàm Xuân Thiều, Trần trọng San, Việt văn độc bản, đệ nhị, tr. 35, bài Hành tàng.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	**47**	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 47

GIÁM VIỄN

鑒遠

Hán văn:

不出戶, 知天下. 不闚牖, 見天道. 其出彌遠, 其知彌少. 是以聖人不行而知, 不見而名, 不為而成.

Phiên âm:

1. Bất xuất hộ, tri thiên hạ. Bất khuy [1] dũ [2] kiến thiên đạo. [3] Kỳ xuất di * viễn, kỳ tri di* [4] thiểu.

2. Thị dĩ thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành.

Dịch xuôi:

1. Chẳng ra khỏi cửa mà biết thiên hạ. Chẳng dòm qua cửa sổ, mà biết đạo Trời. Đi càng xa, biết càng ít.

2. Cho nên thánh nhân chẳng đi mà biết, chẳng thấy mà hay, chẳng làm mà nên.

Dịch thơ:

1. Ở nhà chẳng bước đi đâu,
Thế mà thiên hạ gót đầu vẫn hay.
Tuy rằng cửa đóng then cài,
Thế mà vẫn hiểu Đạo trời tinh vi.
Con đường phiêu lãng càng đi,
Càng xa càng lạc biết gì nữa đâu.

2. Cho nên hiền thánh trước sau,

Không đi mà biết, không cầu mà nên.

Cần chi vất vả bon chen,

Không làm mà vẫn ấm êm vuông tròn.

BÌNH GIẢNG

Chương này ý nghĩa rất rõ ràng. Đại ý rằng: Nếu chúng ta biết thu thần, định trí thì trí huệ sẽ phát sinh, [5] và sẽ biết được nhiều điều vi diệu của tạo hóa. Người xưa cho rằng: Ta và vạn vật đều cùng một gốc, nên nếu hiểu biết rõ lý lẽ ở nơi một người, sẽ hiểu biết lý lẽ của thiên hạ. [6] Thế là:

- dĩ nhất sự suy vạn sự

- dĩ nhất tâm suy vạn tâm

- dĩ nhất nhật suy vạn đại

Cho nên không ra khỏi nhà đã biết chuyện thiên hạ.

Người xưa lại quan niệm thêm rằng luật trời, đạo trời ghi tạc ngay trong lòng con người; nên không cần bon chen vất vả, chỉ cần biết định tĩnh, biết tiềm tâm suy cứu, là tìm thấy luật Trời.

Còn như bon chen vất vả, luân lạc trong chốn hồng trần, thì bất quá chỉ có được những kiến thức vụn vặt, những lối nhìn chật hẹp mà thôi.

Tóm lại:

Thấy bằng mắt không bằng thấy bằng trí; mà thấy bằng trí không bằng thấy bằng thần. Chỉ có thần mới không vội mà nhanh, không đi mà đến. [7]

---

[1] Khuy 闚: nhòm.

[2] Dũ 牖: cửa sổ.

[3] Bản Phó Dịch viết: «Bất xuất hộ, khả dĩ tri thiên hạ, bất khuy dũ, khả dĩ kiến thiên đạo.» 不 出 戶, 可 以 知 天 下, 不 闚 牖, 可 以 見 天 道 .

[4] * Di 彌: càng.

[5] Thần định tắc tuệ sinh 神 定 則 慧 生. Huỳnh Nguyên Cát, Đạo Đức kinh chú thích, chương 47.

[6] Vật ngã đồng nguyên, cùng nhất kỷ chi lý, tức năng tận thiên hạ chi lý. 物 我 同 源,窮 一 己 之 理,即 能 盡 天 下 之 理. Sđd, tr. 47.

[7] Duy thần dã, cố bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí. 惟 神 也,故 不 疾 而 速,不 行 而 至 Kinh Dịch, Hệ từ thượng.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	**48**	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 48

VONG TRI

忘 知

Hán văn:

為 學 日 益, 為 道 日 損. 損 之 又 損, 至 於 無 為. 無 為 而 無 不 為, 取 天 下 常 以 無 事. 及 其 有 事, 不 足 以 取 天 下.

Phiên âm:

1. Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn. Tổn chi hựu tổn dĩ chí ư vô vi.

2. Vô vi nhi vô bất vi, thủ thiên hạ thường dĩ vô sự. Cập kỳ hữu sự bất túc dĩ thủ thiên hạ.

Dịch xuôi:

1. Theo học ngày một thêm, theo Đạo ngày một bớt. Bớt rồi lại bớt, đến mức Vô vi.

2. Không làm mà không gì không làm; muốn được thiên hạ phải dùng vô vi; dùng hữu vi không đủ để được thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Học nhiều càng lắm rườm rà,

Càng gần Đạo cả càng ra đơn thuần.

Giản phân rồi lại giản phân,

Tần phiền rũ sạch còn thuần vô vi.

2. Vô vi huyền diệu khôn bì,

Không làm mà chẳng việc chi không làm.

Vô vi mà được thế gian,

Càng xoay xở lắm đời càng rối beng.

BÌNH GIẢNG

Nếu chúng ta đi vào con đường kiến văn kiến thức, chúng ta phải lo trau dồi thêm mãi kiến thức kiến văn. Đó là con đường hướng ngoại, con đường dẫn tới công danh lợi lộc.

Còn nếu chúng ta định đi tìm Đạo, tìm bản thể trong con người chúng ta thì chúng ta phải đi vào con đường rũ bỏ:

- Chúng ta phải từ bỏ cho hết mọi tà tâm tà niệm.

- Chúng ta phải rũ bỏ lòng tư kỷ, tư dục.

- Chúng ta phải từ bỏ lòng ham danh lợi.

- Chúng ta phải rũ bỏ mọi tri kiến phiền tạp phù phiếm.

- Chúng ta phải rũ bỏ hết mọi sự xuyến xao làm mất sự tĩnh lãng của tâm thần.

- Chúng ta phải rũ bỏ mọi chấp trước mê vọng.

«Khi mà nhân dục đã hủy hết, thiên lý sẽ trở nên thuần toàn. Khi mà tính đã yên như ngọc lưu ly không còn vấn vương một chút chi ô nhiễm, khi mà lòng đã sáng như tấm gương trong, không còn bợn một chút chi nhơ bẩn, lúc ấy Bản thể sẽ hiển hiện ra sáng láng, cái Chân tâm tự tại, cái «Bản lai diện mục» của chúng ta sẽ biểu lộ ra rõ ràng, và lúc ấy Vô cực chân nhân mới để lộ dung quang...» [1]

Theo quan niệm của các nhà huyền học, thì nếu chúng ta không biết gạt bỏ những kiến văn phù phiếm, nếu chúng ta không vượt lên trên được các hình thức sắc tướng, thì làm sao chúng ta hợp nhất được với Đấng Chí Tôn. [2]

Đi vào nội tâm, trừ sạch mọi tà tâm, tà niệm, vọng niệm, vọng tưởng, chúng ta sẽ đạt được tới vô vi. Đạt tới vô vi tức là đạt tới Bản thể Căn nguyên, đạt tới Pháp giới, đạt tới Niết bàn theo từ ngữ nhà Phật.

Vì kinh Đại Niết Bàn cho rằng:

- «Giải thoát là trừ sạch vô minh sinh ra chân minh.»[3]

- «Giải thoát là rốt ráo thanh tịnh.»[4]

- «Phật tánh tức là chân giải thoát.»[5]

- «Chân giải thoát tức là Như lai.»[6]

- «Như lai tức là Niết bàn. Niết bàn tức là Vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô thượng chánh giác.»[7]

Cho nên rũ bỏ đây tức là dập tắt «lửa phiền não», vượt vòng sinh tử hình tướng để mà lên cõi bất sanh bất diệt».

Phật cũng còn nói: «Bất sanh bất diệt tức là giải thoát, giải thoát như vậy tức là Như lai.»[8]

Rũ bỏ hết để đạt tới «vô sở đắc» mà «vô sở đắc thời gọi là Huệ» [9] là Đại Niết Bàn.[10]

Đạt tới vô sở đắc, đạt tới vô vi tức là dứt hẳn tất cả sinh tử [11] đạt tới «Thường, lạc, ngã, tịnh».[12]

Từ trên đến đây, chúng ta đã dùng từ ngữ của thánh hiền Âu Á để chứng minh rằng:

Phải rũ bỏ phù hoa, bác tạp mới tìm ra Tinh Hoa, tìm ra Chân bản thể tinh tuyền. Tìm ra được rồi tức là:

- Phối thiên

- Đắc Nhất, đắc Đạo

- Đạt tới Vô vi

- Đạt tới Vô thượng chính đẳng, chính giác, tới Niết Bàn.

Như vậy con đường tu, công phu tu luyện, mục đích tu trì nhất nhất đều đã được vạch rõ.

Khi đã đạt tới mức sâu nhất của lòng con người chúng ta đã đạt tới Trung tâm Vũ Trụ, đạt tới Thiên Địa chi tâm, đạt tới phổ quát đại đồng, và như vậy chúng ta sẽ bao quát được không gian thời gian. Như vậy chính là được cả thiên hạ, cả vũ trụ.

Những công chuyện hời hợt bên ngoài làm sao mà để lại được tầm ảnh hưởng gì lớn lao, sâu sắc. Thêm kiến văn, kiến thức, thêm kinh nghiệm. Đó là con đường hướng ngoại, tìm về công danh lợi lộc.

Tổn là tổn nhân dục, tổn lòng tham danh tham lợi, rũ bỏ phù hoa. Đó là con đường hướng nội, đi tìm về Đạo về Bản Thể.

Thiên tính nằm trong con người, cũng như vàng, như ngọc nằm trong quặng trong đá. Càng làm tiêu hao được đá, được quặng bên ngoài thời ngọc lành sẽ hiện ra.

Tổn là hao tổn lửa phiền não bên ngoài để cho còn nguyên có Pháp thân Như Lai.

---

[1] Nhân dục khử tận, thiên lý thuần toàn; tính tĩnh như lưu ly, bất dung nhất hào ô nhiễm, tâm thanh tự minh kính, vị hữu bán diễm trần ế, bản thể quang minh, chân tâm tự tại, bản lai chi diện mục, phương tài hiển lộ, vô cực chi chân nhân, thủy hiện kim dung 人欲去盡, 天理純全; 性靜如琉璃, 不容一毫污染, 心清似明鏡, 未有半點塵翳, 本體光明, 真心自在, 本來之面目, 方纔顯露, 無極之真人, 始見金容. Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng nghĩa, quyển hạ, chương 48, tr. 16.

[2] Et toi, cher Timothée, l'âme toute tendue vers les mystiques contemplations, renonce à tes sens, à tes travaux intellectuels, à toutes les choses sensibles et intelligibles, à tout ce qui est, à tout ce qui n'est pas et recherche le plus que tu pourras, au cours de tes investigations intérieures, l'union avec Celui qui est au-dessus de toute essence et de toute connaissance, car seulement par le libre, absolu et pur détachement de toi-même et de toute choses, renonçant à tout, délivré de tout tu atteindras le rayon supra-essentiel de la divine obscurité. (Denys le pseudo Aréopagite) Illan de casa Fuerte, La Religion essentielle, p. 66.

[3] Kinh Đại bát Niết bàn, tập 1, tr. 184.

[4] Sđd, tr. 187.

[5] Sđd, tr. 187.

[6] Sđd, tr. 187.

[7] Kinh Đại bát Niết bàn, tập 1, tr. 187.

[8] Sđd, tr. 193.

[9] Kinh Đại bát Niết bàn, tập 2 (Thích trí Tịnh dịch) tr. 99.

[10] Sđd, tr. 99.

[11] Sđd, tr. 100.

[12] Sđd, tr. 101.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	**49**	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 49

NHIỆM ĐỨC

任 德

Hán văn:

聖 人 無 常 心, 以 百 姓 心 為 心. 善 者 吾 善 之. 不 善 者 吾 亦 善 之, 得 善 矣. 信 者 吾 信 之. 不 信 者 吾 亦 信 之, 得 信 矣. 聖 人 在 天 下, 歙 歙 為 天 下 渾 其 心. 百 姓 皆 注 其 耳 目, 聖 人 皆 孩 之.

Phiên âm:

1. Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi. Bất thiện giả ngô diệc thiện chi. Đắc thiện hĩ. Tín giả ngô tín chi. Bất tín giả ngô diệc tín chi, đắc tín hĩ.

2. Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp vi thiên hạ hồn kỳ tâm. Bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi.

Dịch xuôi:

1. Thánh nhân không có lòng, thường lấy lòng thiên hạ làm lòng mình. Với kẻ lành dữ đều tốt. Thế là tốt rất mực. Với người thành tín hay gian ngoan, cũng đều tin cậy ngang nhau, đó là lòng tin rất mực.

2. Thánh nhân ở trong thiên hạ mà lòng luôn hồn nhiên, không có thiên tư, thiên kiến. Mọi người đều để tai mắt vào người mà người coi mọi người như những đứa trẻ thơ.

Dịch thơ:

1. Thánh nhân lòng chẳng khư khư,

Lấy lòng thiên hạ làm như lòng mình.

Dẫu người lành dữ mặc tình,

Với ai ta cũng chân thành trước sau.

Đó là đức hạnh nhiệm mầu,

Đó là thánh thiện trước sau muôn ngàn.

Người ngay thẳng kẻ gian ngoan,

Với ai ta cũng chu toàn tấm son,

Ấy là thành tín vuông tròn.

2. Thánh nhân sống ở trần hoàn,

Tâm hồn man mác khó toan khó lường.

Muôn người mắt trố, tai trương,

Thánh nhân xem tựa một phường trẻ thơ.

BÌNH GIẢNG

Thánh nhân «vô thường tâm» tức là thánh nhân «vô kỷ» không có lòng riêng, luôn «hư tâm» để cảm thông với thiên hạ. Có «vô tâm» thánh nhân mới cảm được thiên hạ.

Như trời cho mặt trời mọc lên lặn xuống cho kẻ lành lẫn kẻ dữ, thánh nhân thương yêu mọi người không phân biệt lành dữ, và niềm tin vào nơi mọi con người mặc dầu họ thành khẩn hay gian ngoan.

Đạt được mức độ «vô tâm», «vô kỷ» là đạt được tới mức độ hoàn thiện cao siêu tuyệt vời rồi vậy.

Cho nên sống trong đời thánh nhân luôn luôn phơi phới hồn nhiên, như một tấm gương trong soi cho mọi người không phân lành dữ.

Thánh nhân cũng không chấp nhất những lỗi lầm của trăm họ, vì biết lộ trình họ hãy còn thấp kém còn ấu trĩ.

Ta cũng nên ghi nhận rằng thánh nhân theo đạo Lão cũng như Đạo Nho là những người có phẩm cách siêu quần bạt tụy, là những mẫu người lý tưởng «dữ Đạo hợp chân» «dữ Thiên đồng đức».

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	**50**	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 50

QUÍ SINH

貴 生

Hán văn:

出 生 入 死. 生 之 徒, 十 有 三. 死 之 徒, 十 有 三. 人 之 生, 動 之 死 地 亦 十 有 三. 夫 何 故? 以 其 生 生 之 厚. 蓋 聞 善 攝 生 者, 陸 行 不 遇 兕 虎, 入 軍 不 被 甲 兵. 兕 無 所 投 其 角; 虎 無 所 措 其 爪; 兵 無 所 容 其 刃. 夫 何 故? 以 其 無 死 地.

Phiên âm:

1 Xuất sinh nhập tử.

2. Sinh chi đồ,[1] thập hữu tam.[2] Tử chi đồ, thập hữu tam. Nhân chi sinh, động chi tử địa diệc thập hữu tam. Phù hà cố ? Dĩ kỳ sinh sinh chi hậu.

3. Cái văn thiện nhiếp sinh giả, lục hành bất ngộ hủy hổ; nhập quân bất bị giáp binh. Hủy vô sở đầu kỳ giác; hổ vô sở thố kỳ trảo; binh vô sở dung kỳ nhận. Phù hà cố ? Dĩ kỳ vô tử địa.

Dịch xuôi:

1. Bước vào cõi sinh, tức là đã vào cõi tử.

2. Có 13 duyên cớ sống, chết. Con người sinh ra đời liền bị 13 duyên do đưa vào cõi chết.[3] Tại sao ? Vì con người muốn sống cho hết mức.

3. Nhưng ta nghe rằng người khéo giữ gìn sự sống đi trên đường không gặp tê, gặp hổ; vào trong quân lữ không cần mang giáp, mang gươm. Vì không có chỗ nào để húc; hổ không có chỗ nào để vấu; binh không có chỗ nào để chém. Tại sao ? Vì họ không có chỗ chết.

Dịch thơ:

1. Ra cõi sinh là vào cõi tử,

(Tử với sinh một cửa chia đôi.)

2. Nẻo đường sống chết đôi nơi,

Bên nào đường lối cũng thời mười ba.

Kiếp phù sinh phôi pha tàn úa,

Truy kỳ nguyên cũng có mười ba.

Kiếp người tàn úa phôi pha,

Chung qui là tại quá ưa hưởng đời.

3. Ai mà biết tài bồi nguồn sống,

Đi đường trường chẳng đụng hùm heo.

Vào nơi trận mạc cheo leo,

Cheo leo nhưng vẫn muôn chiều bình yên.

Tê chẳng chỗ để xiên sừng nhọn,

Hổ không nơi cho móng xé cào.

Quân binh chẳng chỗ hạ đao,

Vì không còn có chỗ nào tử vong.

BÌNH GIẢNG

Sinh ra ở đời nếu không biết đường tu luyện sẽ đi vào cõi, chết. [4] Cái gì giúp cho ta đi vào con đường sống ? Đó là cái thân (tứ chi, cửu khiếu) và tâm (thất tình, lục dục).

Cái gì làm cho ta đi vào con đường chết đó cũng chính là: thân (tứ chi, cửu khiếu) và tâm (thất tình, lục dục).

Mới hay trước sau cũng chỉ là một thân, một tâm, biết xử dụng, biết kiềm chế, điều khiển thì sống; không biết xử dụng, không biết kiềm chế điều khiển sẽ đi vào chỗ chết.[5]

Ai tu luyện xưa nay mà không phải đi qua cửa ải xác thân con người mà Cụ Nguyễn Đình Chiểu gọi là cửa ải «Nhân xu» ? Trong Ngư tiều vấn đáp y thuật ta thấy viết:

Ngư rằng: Nhắm chốn Đan kỳ,

Éo le khúc nẻo, đường đi chẳng gần.

Nhiều non, nhiều núi, nhiều rừng,

Nhiều đèo, nhiều ải, nhiều chừng động hoang.

Chút công khó nhọc chẳng màng,

Chỉn lo góc biển mối đàng Nhân Xu.

Nhân xu ải ấy ở đầu,

Nẻo lành, nẻo dữ cân sâu khôn lường.

(Xem NTVĐYT, tr. 97)

Thân tâm con người có thất tình, lục dục.

Thất tình 七 情 là hỉ 喜, nộ 怒, ai 哀, lạc 樂, ái 愛, ố 惡, dục 欲. Lục dục 六 欲 là lục căn 六 根 hay lục tặc 六 賊, sinh ra. Lục căn là nhãn 眼, nhĩ 耳, tị 鼻, thiệt 舌, thân 身, ý 意. Lục căn con người tiếp xúc với ngoại cảnh, với lục trần 六 塵 (sắc 色, thanh 聲, hương 香, vị 味, xúc 觸, pháp 法) bên ngoài, nên sinh ra lòng ham muốn riêng tư. Cụ Nguyễn Đình Chiểu giải về lục căn lục tặc như sau:

Tiều rằng: Lục tặc làm sao ?

Xin phân sáu ấy âm hao cho rành.

Ngư rằng: Tai, mắt, nhiều tình,

Tai tham tiếng nhạc, mắt giành sắc sinh.

Mũi thời tham vị hương hinh,

Miệng thời tham béo ngọt thanh rượu trà;

Vóc thời muốn bận sô; sa;

Bụng thời muốn ở cửa nhà thếp son.

Cho hay Lục tặc ấy còn,

Khiến con người tục lần mòn hư thân.

(NTVĐYT, tr. 103)

Tấm thân ta tuy là căn do sinh ra sự chết chóc, nhưng nó cũng chính là công cụ giúp ta giải thoát.

Tống Long Uyên viết: «Căn do chết chóc có 13: đó cũng chính là thất tình lục dục. Đối với người tu, thì đó là cửa đưa vào cõi sống; đối với kẻ phóng túng, thì đó là cửa đưa vào cõi chết. Muốn hiểu được guồng máy sống chết vào ra sao, chỉ cần xem con người đã xử dụng tâm thân ra sao mà thôi.» [6]

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nơi quyển 6 viết:

«Nhất căn ký phản nguyên,

Lục căn thành giải thoát.»

(Một căn đã hoàn nguyên,

Sáu căn thành giải thoát.) [7]

Như vậy sinh ra ở đời chúng ta có hai hướng đi, hai ngả đường:

1. Một đường phóng túng dục tình, làm tôi mọi xác thân ngoại cảnh để rồi đi vào cõi chết. Chết đây nên hiểu là chết về phương diện tâm thần.

2. Một đường tu tâm, luyện khí, hàm dưỡng tính tình, bảo toàn được tinh hoa của trời đất để rồi cuối cùng trở thành Chân Nhân, trường sinh cùng trời đất. Trường sinh đây phải hiểu là phương diện tâm thần.

Muốn tìm được trường sinh bất tử, phải tìm cho ra được Chân Thần nơi mình.

Dục cầu nhân bất tử, tu tầm «Bất tử nhân». 欲 求 人 不 死 , 須 尋 不 死 人 .

Chỉ có Chân Nhân 真 人, Chân Thần 真 神 nơi con người mới không thể bị hủy hoại, tử vong. Kinh Bhagavad Gita viết: «Chân thần nơi con người bất sinh bất tử, như lai thường tại; chẳng hề sinh, có từ vạn cổ, trường tồn vĩnh cửu. Chân thần ấy chẳng bị giết khi xác thân bị giết.» [8]

«Y như một người, bỏ áo cũ mặc áo mới, Chân thần nơi con người vứt bỏ xác cũ, mặc lấy xác mới.» [9]

«Khí giới không chặt chẻ được Ngài, lửa không đốt được Ngài, nước không làm ướt được Ngài, và gió không làm khô được Ngài.» [10]

«Ngài không thể bị chặt, cắt, không thể bị đốt cháy, không thể bị ướt át, hay làm cho khô ráo; trường tồn, phổ quát, bất biến, có từ vạn cổ.» [11]

«Chân thân ngự trị trong thân xác mỗi người không thể bị thương được.» [12]

Sách Ngộ đạo lục cũng viết: «Con người sở dĩ làm con người được chính là do Thần vậy. Thần còn thời sống, Thần đi thời chết. Thần là một vật thông thiên, triệt địa, quán cổ, quán kim, không gì nhỏ mà không vào, không đâu mà không có; vào nước không ngột, vào lửa không cháy, xuyên qua kim, thạch, lớn thì trùm trời đất, nhỏ ta thời xuyên qua ngọn lông...» [13]

Như vậy muốn bất tử, bất hoại, cần phải:

- Đắc Nhất 得 一
- Đắc thần 得 神
- Đắc Đạo 得 道
- Thành thần 成 神
- Thành Đạo. 成 道 .

---

[1] Đồ 徒: (1) người, loại; (2) căn do.

[2] Thập hữu tam 十 有 三 : (1) ba phần mười; (2) mười ba.

Wieger, James Legge, Vương Bật v. v. giải Đồ và Thập hữu tam theo lối (1). Hà thượng Công, Stanislas Julien, Nguyễn Duy Cần, Nghiêm Toản giải theo lối (2).

[3] Câu này có nhiều cách dịch và giải khác nhau, xin xem phần bình giảng. Đây tôi phỏng theo bản dịch của Stanislas Julien.

[4] For certain is death for the born, and certain is birth for the death; therefore, over the inevitable thou shouldst not grieve. The Bhagavad Gita, English translation by Annie Besant, p. 29.

[5] Câu Sinh chi đầu hữu thập tam, tử chi đồ hữu thập tam có thể dịch được nhiều cách.

(a) James Legge, Léon Wieger theo Vương Bật đại khái bình giải câu này như sau:

- Trong 10 người thì có 3 người biết giữ gìn sự sống mình bằng cách ngăn chặn, giảm thiểu hết mọi duyên do trong ngoài có thể làm phương hại đến sức khỏe.
- Trong 10 người cũng lại có 3 người sống bừa bãi để đến nỗi sinh bệnh rồi chết.
- Lại cũng có 3 người, tuy ham sống, nhưng lại có hành động phương hại đến sức khỏe, làm mình mau bệnh, mau già, mau chết.
- Chỉ còn lại có một người là biết sống hợp với Đạo.

(b) Stanislas Julien và nhiều nhà bình giải cho rằng có 13 điều làm cho ta sống. 13 điều này đã ghi trong Đạo đức kinh.

1- Hư 虛 (chương 3, 6), 2- Vô 無 (11), 3- Thanh 清 (15, 45), 4- Tĩnh 靜 (16, 26, 37, 45, 57), 5- Nhu 柔 (10, 26, 43, 78), 6- Nhược 若 (3, 78, 78), 7- Từ 慈 (67), 8- Kiệm 儉 (67), 9- Bất cảm vi thiên hạ tiên 不

敢 為 天 下 先 (67), 10- Tri túc 知 足 (44, 46), 11- Tri chỉ 知 止 (44, 46), 12- Bất dục đắc 不 欲 得 (46), 13- Vô vi 無 為 (2, 10, 37, 42, 48, 63). Mười ba điều ngược lại với 13 điều trên sẽ đưa ta vào cõi chết.

(c) Hà Thượng Công cho 13 điều đó là tứ chi, cửu khiếu.

(d) Tống Long Uyên giải 13 duyên cớ đây là thất tình, lục dục (hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục; nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý).

[6] Tử chi đồ, thập hữu tam, diệc thị chỉ thất tình lục dục dã. Thất tình lục dục, tu chi giả, tiện thị sinh ngã chi môn; túng chi ngã giả, tiện thị tử ngã chi hộ. Sinh tử, xuất nhập chi cơ, đãn khán nhân chi trì dưỡng giả hà như nhĩ. 死 之 徒, 十 有 三, 亦 是 指 七 情 六 欲 也. 七 情 六 欲, 修 之 者, 便 是 生 我 之 門; 縱 之 我 者, 便 是 死 我 之 戶. 生 死, 出 入之 機, 但 看 人 之 持 養 者 何 如 耳. Tống Long Uyên, Đạo đức kinh giảng nghĩa, quyển hạ, tr. 19.

[7] Xem Đoàn Trung Còn, Phật học Từ Điển, quyển I, tr. 225 nơi chữ Lục căn.

[8] He (the dweller in the body) is not born, nor doth he die; not having been, ceaseth he any more to be; unborn, perpetual, eternal, ancient, he is not slain when the body is slaughtered. The Bhagavad Gita (bản dịch tiếng Anh của Annie Besant, p. 26).

[9] As a man, casting off worn out garment, taketh new ones, so the dweller in the body casting off worn out bodies, entered in others that are new. Sđd., p. 27.

[10] Weapons cleave him not, nor fire burneth him, nor water wet him, nor wind drieth him away. Sđd., p. 27.

[11] Uncleavable he, incombustible he and indeed neither to be wetted nor dried away; perpetual all pervasive, stable, immovable, ancient. Sđd., p. 27.

[12] This dweller in the body of every one is ever invulnerable. Sđd., p. 29.

[13] Nhân chi sở dĩ đắc vi nhân giả, thần dã. Thần tại tắc sinh, thần khứ tắc tử. Thần chi vi vật, thông thiên triệt địa, đạt cổ như kim, vô vi bất nhập, vô xứ bất tại. Nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phàn, nhập kim thạch bất ngại, đại tắc lượng sung vũ trụ, tiểu tắc tế nhập hào đoan. 人 之 所 以 得 為 人 者, 神 也. 神 在 則 生, 神 去 則 死. 神 之 為 物, 通 天 徹 地, 達 古 如 今, 無 為 不 入, 無 處 不 在. 入 水 不 溺, 入 火 不 爇, 入 金 石 不 礙, 大 則 量 充 宇 宙, 小 則 細 入 毫 端. Thê Vân Sơn, Lưu Nguyên Ngộ đạo lục, tr. 23.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	**51**	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 51

DƯỠNG ĐỨC

養 德

Hán văn:

道 生 之, 德 畜 之, 物 形 之, 勢 成 之. 是 以 萬 物 莫 不 尊 道 而 貴 德. 道 之 尊, 德 之 貴, 夫 莫 之 命, 而 常 自 然. 故 道 生 之, 德 畜 之, 長 之, 育 之, 成 之, 熟 之, 養 之, 覆 之, 生 而 不有, 為 而 不 恃, 長 而 不 宰, 是 謂 玄 德.

Phiên âm:

1. Đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi. Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quí Đức.

2. Đạo chi tôn, Đức chi quí, phù mạc chi mệnh, nhi thường tự nhiên.

3. Cố Đạo sinh chi, Đức súc chi, trưởng chi, dục chi, thành chi, thục chi,[1] dưỡng chi, phú chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể, thị vị huyền đức.

Dịch xuôi:

1. Đạo sinh, Đức dưỡng, vật chất cho hình, hoàn cảnh tác thành (muôn vật). Cho nên muôn vật đều tôn Đạo, quí Đức.

2. Sự cao trọng của Đạo Đức chẳng nhờ ai ban, mà Đạo Đức tự nhiên vốn đã cao trọng.[2]

3. Cho nên Đạo sinh, Đức dưỡng, làm cho vạn vật lớn lên; dưỡng nuôi vạn vật, tác thành che chở vạn vật. Sinh vạn vật mà không nhận là của mình; làm mà không cậy công; làm cho lớn lên mà không đòi làm chủ, thế gọi là Đức nhiệm mầu.

Dịch thơ:

1. Đạo sinh mà Đức dưỡng nuôi,

Khoác hình vật chất mà đời nên công.

Muôn loài nhớ tổ, nhớ tông.

Nên tôn Đạo cả, mà sùng Đức cao.

2. Đạo cao, Đức cả từ bao,

Tự nhiên vốn dĩ đời nào nhờ ai.

3. Đạo sinh mà Đức tài bồi,

Chăm nom dưỡng dục chẳng ngơi tác thành.

Sinh nhưng chẳng giữ cho mình,

Tác thành nào kể công trình trước sau.

Tuy hơn mà chẳng đè đầu,

Đó là Đức cả nhiệm mầu huyền vi.

BÌNH GIẢNG

Vạn vật nhờ Đạo sinh, Đức dưỡng, vật chất tạo hình hài, thời thế giúp thành công. Vì thế muôn loài luôn tôn sùng Đạo Đức. Tuy nhiên không phải nhờ muôn loài tôn sùng mà Đạo Đức mới trở nên cao cả. Đạo Đức vốn dĩ đã cao cả từ muôn thủa.

Đạo và Đức tuy hai mà một, tuy một mà hai. Đạo là bản thể, Đức là ứng dụng. [3] Đạo tản mạn thời là Đức, triển Dương thời là Đức.[4] Cho nên Đức là sự hiển dương của Đạo. [5] Như vậy ta đã biết Đạo là một nguyên lý siêu việt, là nguyên lý cấu tạo ra vạn vật. Còn Đức bao gồm tất cả các ảnh hưởng, các hiệu năng của Đạo để giúp cho muôn vật được đi tới thành toàn.

---

[1] Câu «thành nhi, thục nhi» 成 之 熟 之 là theo bản Wieger, Hà thượng Công. Các bản Vương Bật, Lưu Tư, v. v. lại viết là «đình chi, độc chi» 亭 之 毒 之.

[2] Nguyễn Duy Cần dịch: «Đâu phải tôn Đạo quí Đức là một phận sự bắt buộc, mà là một chiều hướng tự nhiên.» James Legge cũng dịch đại khái như vậy. Lối dịch của tôi phỏng theo Wieger, Stanislas Julien, v. v...

[3] Đạo thị Đức đích thể. Đức thị Đạo đích dụng. 道 是 德 的 體 . 德 是 道 的 用 . — Lưu Tư, Bạch thoại giải thích Lão tử, tr. 129.

[4] Description pittoresque de 德tei, son action productrice continue et variée, par la métaphore 紀ki dévidage d'une bobine. Le sens est clair: 道 散 為 德 les produits divers du Principe, sont les manifestations de sa vertu; 德 為 道 之 紀 la chaine infinie de ces manifestations de la vertu du Principe peut s'appeler le dévidage du Principe. — Wieger, Lao-tzeu, p. 29.

[5] La vertu dont parle ici l'auteur est la manifestation du Dao dans les créatures. — Stanislas Julien, Le Livre de la Voie et de la Vertu, chap. 51, Commentaire I.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	**52**	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 52

QUI NGUYÊN

歸 元

Hán văn:

天 下 有 始, 以 為 天 下 母. 既 得 其 母, 以 知 其 子. 既 知 其 子 復 守 其 母. 沒 身 不 殆. 塞 其 兌, 閉 其 門, 終 身 不 勤. 開 其 兌, 濟 其 事, 終 身 不 救. 見 小 曰 明, 守 柔 曰 強. 用 其 光, 復 歸 其 明, 無 遺 身 殃, 是 為 襲 常.

Phiên âm:

1. Thượng hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử. Ký tri kỳ tử phục thủ kỳ mẫu. Một thân bất đãi.

2. Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, chung thân bất cần. Khai kỳ đoài, tế kỳ sự, chung thân bất cứu.

3. Kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường. Dụng kỳ quang, phục qui kỳ minh, vô di thân ương, thị vi tập thường.

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ có khởi điểm. Khởi điểm ấy là mẹ thiên hạ. Đã được mẹ, thời biết con, trở về giữ mẹ, thân đến chết vẫn không nguy.

2. Ngậm miệng,[1] đóng tai, suốt đời không lận đận. Mở miệng lo công việc, suốt đời không cứu được.

3. Thấy được tế vi mới là Minh, giữ được mềm yếu mới là Cường. Dùng ánh sáng của Đạo, để quay về sự quang minh của Đạo, thân không sợ tai ương, đó là tìm về vĩnh cửu.[2]

Dịch thơ:

1. Trần gian có gốc có nguồn,

Gốc nguồn ấy chính mẹ muôn vạn loài.

Một khi đã biết mẹ rồi,

Suy ra con cháu khúc nhôi khó gì.

Biết con, phải biết nghịch suy,

Suy con ra mẹ, ta đi ngược dòng.

Thế là chẳng sống uổng công,

Chết đi mà vẫn sống cùng nước non.

2. Âm thầm ấp ủ tấc son,

Một đời trần cấu chẳng mòn mỏi ai.

Mặc ai đày đọa hình hài,

Một đời tất tưởi, phí hoài tâm thân.

3. Quang minh là thấu vi phân,

Cương cường là biết giữ phần mềm non.

Hãy dùng ánh sáng ngàn muôn,

Đem về soi tỏ gốc nguồn chói chang.

Thế là thoát mọi tai ương.

Thế là biết sống cửu trường vô biên.

BÌNH GIẢNG

Bài này rất dễ bình giảng, nếu chúng ta áp dụng quan niệm của Dịch Kinh.

Trong vũ trụ cái gì là Mẹ, cái gì là con ?

Trong vũ trụ, Thái cực, Đạo hay Bản thể là Mẹ; vạn hữu hay hình tướng là con.

Như vậy Bản thể là cội rễ, là khởi điểm mà vạn hữu, quần sinh hình tướng là chi diệp, là hậu duệ. Bản thể và hình tướng không bao giờ tách rời nhau.

Nho gia đã nói: «Thể dụng nhất nguyên, hiển vi vô gián.» 體 用 一 源,顯 微無 間. Nghĩa là:

Thể với dụng đều cùng một gốc,

Hiển cùng vi chẳng lúc chia phôi.

Suy ra, thì Trời, Đạo có bao giờ lìa khỏi con người đâu. Con người vì u mê nên mới tưởng mình tách rời khỏi Đạo, cho nên mới phải chịu đựng mối sầu chia ly.

Thánh kinh Công giáo viết: «Ta là cây nho, các ngươi là cành nho. Kẻ nào hợp nhất với ta, thì ta với họ sẽ mang nhiều trái; vì sống tách rời khỏi ta, các ngươi không làm được gì.» (Jean 15, 5)

Như vậy Đông Tây đều chấp nhận con người không thể lìa xa đạo thể. Mà Đạo thì trọng, còn tâm thân ta thì khinh. Tại sao ta cứ bám víu lấy cái khinh, mà bỏ mất cái trọng ? Có biết từ tâm thân mà vươn lên tới Đạo, thì cuộc đời ta mới hết tai ương.

Tống Long Uyên bình: «Các bậc tu hành đời xưa, thường áp dụng lẽ Mẹ con ở cùng một chỗ mà tu trì chẳng dám lơi. Vì thế cho nên thần khí được an hòa, thủy hỏa mới ký tế, thực hiện được điều kỳ diệu Cửu hoàn thất phản, và hiểu được lẽ Qui nguyên phục mệnh. Áp dụng lẽ ấy vào thân, thân ta sẽ tu, áp dụng vào nhà, nhà sẽ tề, áp dụng vào nước, nước sẽ trị, áp dụng vào thiên hạ, thiên hạ sẽ bình. Nếu bỏ thực

bắt vọng, mê lú không biết bản tông, như con lạc mẹ, thì lẽ nào mà không nguy khốn.» [3]

Lẽ Tử mẫu đồng cư 子 母 同 居 nói trên cũng đã được thấy đề cập trong đạo Bà La Môn, và Phật Giáo. Quan niệm then chốt của Áo Nghĩa thư (Bà La Môn) là trong con người có đấng vô cùng.

Con người không phải cô đơn, khổ ải lao lung cùng khốn một mình trên bước đường đời, mà trái lại lúc nào cũng có người bạn muôn trùng sang cả ám trợ bên trong. Cho nên nếu con người giác ngộ nhận ra được đấng muôn trùng trong tâm mình, rồi cố gắng tu luyện để đi đến chỗ huyền đồng hợp nhất sẽ trở thành Atman.

Hai chim cùng đậu cành thân,
Keo sơn kết ngãi chẳng phân, chẳng lìa.
Một chim ăn quả thỏa thuê,
Một chim lặng ngắm chẳng hề uống ăn.
Một người sống ở cây thân,
Suy vi não nuột âm thầm oán than.
Ngẩng lên thấy đấng thanh nhàn,
Vinh quang sang cả, liền tan tần phiền. [4]
Hóa công mà thấy nhãn tiền,
Nhãn tiền mà thấy căn nguyên trần hoàn.
Dữ lành rũ sạch tinh toàn,
Rồi ra trong trắng cao sang in Trời. [5]

Quan niệm trên cũng thấy trong Phật Giáo.

Vô cấu tử 無 垢 子 có kệ rằng:

Ngũ uẩn sơn đầu nhất đoạn không,
五 蘊 山 頭 一 段 空
Đồng môn xuất nhập chẳng tương phùng.
同 門 出 入 不 相 逢
Vô lượng kiếp lai nhẫm ốc trú,
無 量 劫 來 賃 屋 住
Đáo đầu bất thức chủ nhân ông.[6]
到 頭 不 識 主 人 翁

Dịch:

Đầu non ngũ uẩn một vầng không,
Vào ra cùng cửa bất tương phùng.
Từ bao nhiêu kiếp thuê nhà ở,
Tới nay nào biết chủ nhân ông.

Nếu Trời, nếu Đạo, nếu bản tâm, Chân tâm, đã ở ngay trong lòng mình, thì việc quan trọng hơn hết là

phải biết Hồi đầu 回 頭, Hồi quang quán chiếu 回 光 觀 照, Định tĩnh 定 靜, dữ Đạo hợp chân 與 道 合 真.

Tính mệnh khuê chỉ 性 命 圭 旨 có thơ:

Nhất khiếu hư không, Huyền tẫn môn,

一 竅 虛 空 玄 牝 門

Điều đình tiết hậu yếu đương ôn,

調 停 節 候 要 當 溫

Tiên nhân đỉnh nội vô tha dược,

仙 人 鼎 內 無 他 藥

Tạp khoáng tiêu thành bách luyện kim.

雜 礦 銷 成 百 煉 金

Dịch:

Một khiếu hư không, Huyền tẫn môn,

Năm tháng chắt chiu giữ vẹn tròn,

Trong đỉnh tiên gia không thuốc khác,

Vàng lìa tạp khoáng sẽ tinh toàn.

Trái lại nếu để cho thần trí ruổi rong lạc lõng ra ngoại cảnh, con người sẽ bị tiêu hao dần mất hết nguyên thần nguyên khí.

Từ ngữ Việt Hán đã có những chữ:

Hồn lạc phách xiêu,

Thần hôn, trí loạn,

Thần lạc, tinh lạc. v. v...

Cho nên nếu chúng ta trông thấy được bản thể vi diệu nơi ta, chúng ta mới có thể gọi được là thông sáng. Giữ được đạo thể tinh thuần, nguồn mạch sinh ra vạn sự, mới thực là con người hùng mạnh.

Ánh sáng thiên chân dọi vào nơi tâm ta, sẽ phản quang. Ta phải biết nương theo làn ánh sáng phản quang ấy mà trỉ về cùng Nguồn Sáng. Như vậy chính là phương pháp trừ bỏ phù sinh mà trở về cùng Vĩnh cửu vậy.

---

[1] Đoài 兌 : (1) Miệng (theo Cao Diên Đệ 高 延 第); (2) Tai mắt mũi mồm (theo Cao Dụ 高 誘).

[2] Tập thường: Có sách viết là 襲 常 có sách viết là 習 常. Tôi viết là 襲 常 và giải là cách nương theo để về cùng vĩnh cửu.

[3] Cổ chi tu hành nhân, thường dĩ tử mẫu đồng cư chi đạo, tu trì bất đãi. Sở dĩ thần khí an hòa, thủy hỏa ký tế, hữu cửu hoàn thất phản chi diệu, đắc qui căn phục mệnh chi lý. Dụng chi ư thân, thân khả tu; Dụng chi ư gia, gia khả tề; Dụng chi ư quốc, quốc khả trị; Dụng chi ư thiên hạ, thiên hạ khả bình. Thảng nhược xả chân trục vọng mê thất bản tông, như tử chi ly mẫu, an hữu bất nguy hồ ? 古 之 修 行 人, 常 以 子 母 同 居 之 道, 修 持 不 怠. 所 以 神 神 氣 安 和, 水 火 既 濟, 有 九 還 七 反 之 妙, 得 歸 根 復 命 之 理. 用 之 於 身, 身 可 修; 用 之 於 家, 家 可 齊; 用 之 於 國, 國 可 治; 用 之 於 天 下, 天 下 可 平. 倘 若 舍 真 逐 妄 迷 失 本 宗, 如 子 之 離 母, 安 有 不 危 乎? Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng

nghĩa, q. hạ, tr. 23a.

[4] Two birds fast bound companions,
Clasp close the self-same tree
Of these two, the one eats sweet fruits,
The other looks on without eating.
On the self-same tree a person, sunken,
Grieves for his impotence, deluded.
When he sees the other, the Lord contented,
And his Greatness, he becomes freed from sorrow...

[5] When a seer sees the brilliant,
Maker, Lord, Person and Brahma-source,
Then being a knower, shaking off good and evil
Stainless, he attains identity with Him.
(Mundaka Up, 3, 1. 1)

[6] Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 9.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	**53**	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 53

ÍCH CHỨNG

益 證

Hán văn:

使 我 介 然 有 知, 行 於 大 道 唯 施 是 畏. 大 道 甚 遺 而 民 好 徑. 朝 甚 除, 田 甚 蕪, 倉 甚 虛. 服 文 綵, 帶 利 劍, 厭 飲 食, 財 貨 有 餘, 是 謂 盜 夸, 非 道 也 哉 !

Phiên âm:

1. Sử ngã giới nhiên [1] hữu tri, hành ư Đại Đạo duy thi [2] thị úy. Đại Đạo thậm di [3] nhi dân hiếu kính.[4]

2. Triều thậm trừ,[5] điền thậm vu, thương thậm hư. Phục văn thái, đới lợi kiếm, yếm ẩm thực, tài hóa hữu dư, thị vị đạo khoa,[6] phi Đạo dã tai.

Dịch xuôi:

1. Nếu ta có chút hiểu biết, ta sẽ đi theo Đại Đạo, và sợ hãi sự phô trương. Đại Đạo thì rộng rãi thanh thản mà con người lại thích đi những con đường nhỏ hẹp.

2. Triều đình lộng lẫy, nhưng ruộng nương hoang phí, kho lẫm trống trơn.

3. Ăn mặc sang trọng, đeo kiếm sắc, ăn uống chán chê, đó là đường lối của phường đạo tặc, chứ đâu phải đường lối của Đại Đạo.

Dịch thơ:

1. Nếu ta có chút khôn ngoan,

Đường trời hôm sớm, lòng vàng chẳng thay.

Im lìm chẳng dám khoe hay,

Phô trương thanh thế nguy này ai đang ?

Lạ thay đại đạo mênh mang,

Mà sao nhân thế bước quàng bước xiên ?

2. Triều đình càng rực ánh tiên,

Ruộng màu càng xác, kho tiền càng xơ.

Áo quần óng ả nhung tơ,

Thanh gươm sắc bén nhởn nhơ bên người.

Ăn chê uống chán chưa thôi,

Tiền tài dư dật của đời, của ta.

Ấy đường «đạo tặc» điêu ngoa,

Phải đâu «đại đạo» không tà, không xiên.

BÌNH GIẢNG

1. Câu thứ nhất có thể dịch được hai cách:

Wieger và tôi đã dịch trống. Wieger dịch: «Nếu ai có chút khôn ngoan, thì phải sống thuận theo đại Đạo và phải hết sức tránh sự phô trương. Nhưng người ta không thích con đường lớn, mà lại thích đường hẹp. Ít người chịu đi theo con đường Hi sinh, vô vị lợi, mà đa số lại chỉ thích theo những con đường hẹp hòi của khoe mẽ, của phô trương, của lợi lộc. Các vua chúa đương thời đã ăn ở như vậy.»

Jame Legge lại dịch theo chiều hướng chính trị như sau: «Nếu bất ngờ mà tôi được tiếng tăm, và (được đặt để vào một địa vị khả dĩ) cai trị (dân nước) theo đại Đạo, tôi sẽ hết sức sợ hãi sự phô trương thanh thế.»

Đến như câu thứ hai và thứ ba, các nhà bình giải đều cho rằng: Nếu vua chúa chỉ chuyên lo phô trương thanh thế chuyên lo cho có nhà cao cửa rộng, áo sống đẹp đẽ, ăn uống xa xỉ, thì sẽ làm hại dân, hại nước, vì dân sẽ phải sưu cao thuế nặng, đi phu, đi phen, đến nỗi ruộng nương hoang phế kho lẫm trống trơn. Trị dân nước mà như vậy, thì là phường đạo tặc, chứ đâu phải là trị dân theo đúng lẽ Trời.

Thánh vương Trung Hoa xưa trị dân chỉ lo cho dân được no ấm mà quên mình. Hết giờ thiết triều, thì về cung nội ăn ở hết sức giản dị, sơ sài, tránh hết mọi xa hoa. Kinh Thư cho rằng vua chúa không được có những cung điện chạm trổ đẹp đẽ. Trong bài Ngữ tử chi ca có đoạn như sau:

«Kìa tổ tiên xưa ban giáo huấn,

Nếu mà trong mê mẩn sắc hương,

Ngoài mà mê mẩn chim muông,

Rượu đào ngất ngưởng ca xoang vui vầy.

Nhà cao cuốn, ham xây, ham ở,

Vách tường ưa chạm trổ huy hoàng,

Chẳng cần nhiều nết đa mang,

Chỉ cần một nết đủ làm suy vong.

Chiến Quốc Sách chép: Đời Vua Vũ có viên quan tên là Nghi Địch nấu rượu rất ngon, Nghi Địch dâng

rượu lên vua. Vua Vũ uống vào rượu thấy rất ngon ngọt, phán rằng: «Đời sau ắt có vị vua vì rượu mà mất nước.» Ngài bèn xa lánh Nghi Địch và tự hậu chẳng hề uống rượu. [7]

Chu Công nói: Văn Vương phục sức xoàng xĩnh, chỉ chăm việc canh nông và trị an. Ngài khiêm cung, nhu mì, thương yêu, bênh vực dân hèn, làm ơn cho kẻ góa bụa. Từ sớm đến trưa, từ trưa đến tối, vua không còn có thì giờ rảnh để ăn, mà mải mê lo cho muôn dân được vui hòa. Ngài không dám ham mê chơi săn. Thâu thuế các nước thì chỉ thâu cho chính đáng. Cho nên vua Văn chịu mệnh khi đã đứng tuổi, mà còn hưởng nước được trên 50 năm. [8]

Đức Khổng viết trong Luận ngữ: «Vua Vũ nhà Hạ, ta chẳng chê trách được. Trong việc ăn uống, ngài giữ đạm bạc, nhưng trong việc cúng tế quỉ thần thì lại trọng hậu. Y phục ngài thường mặc thì xấu, nhưng áo mặc ngài trang sức trong dịp cúng tế thì lại rất đẹp. Cung thất của ngài thì nhỏ hẹp, nhưng ngòi lạch trong nước thì Ngài tận lực sửa sang... Vua Vũ nhà Hạ ta chẳng chê trách được.» [9]

Tóm lại trong chương này Lão tử vẫn nương theo chủ trương Vô vi mà khuyên ta không nên phô trương, không nên vẽ chuyện, mà trái lại trong đời tư cũng như đời công, phải sống sao cho tự nhiên, cho giản dị. Như vậy mới là sống hợp lẽ Trời, mới là trị dân thuận theo lẽ tự nhiên.

---

[1] Giới nhiên 介 然: một ít.

[2] Thi 施 : phô trương (theo Wieger).

[3] Di 遺: rộng rãi. Tống Long Uyên giải di là con đường lớn rỗng rãi bằng phẳng. Lưu Tư giải di là bằng phẳng.

[4] Kính 徑: là đường hẹp.

[5] Trừ 除 : lộng lẫy, tốt đẹp.

[6] Đạo khoa 盜 夸 : khoe khoang sự trộm cắp (theo Wieger) hay sự khoe khoang của kẻ trộm cắp (theo Legge).

[7] Xem Léon Wieger, Textes historiques, Tome I, p. 30. Xem Nguyễn Văn Thọ, Khổng Học tinh hoa, tr. 91.

[8] Xem Kinh Thư, Vô dật, tiết 4, 5, 10, 11.

[9] Xem Luận Ngữ, Thái bá VIII tiết 21. Xem Nguyễn Văn Thọ, Khổng Học tinh hoa, tr. 94.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	**54**
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 54

TU QUAN

修 觀

Hán văn:

善 建 者 不 拔. 善 抱 者 不 脫. 子 孫 以 祭 祀 不 輟. 修 之 於 身, 其 德 乃 真. 修 之 於 家, 其 德 乃 餘. 修 之 於 鄉, 其 德 乃 長. 修 之 於 國, 其 德 乃 豐. 修 之於 天 下, 其 德 乃 普. 故, 以 身 觀 身; 以 家 觀 家, 以 鄉 觀 鄉; 以 國 觀 國; 以 天 下 觀 天 下. 吾 何 以 知 天 下 之 然 哉? 以 此.

Phiên âm:

1. Thiện kiến giả bất bạt.[1] Thiện bão giả bất thoát.[2] Tử tôn dĩ tế tự bất chuyết.[3]

2. Tu chi ư thân, kỳ đức nãi chân. Tu chi ư gia, kỳ đức nãi dư. Tu chi ư hương, kỳ đức nãi trường. Tu chi ư quốc, kỳ đức nãi phong. Tu chi ư thiên hạ, kỳ đức nãi phổ.

3. Cố, dĩ thân quan thân; dĩ gia quan gia; dĩ hương quan hương; dĩ quốc quan quốc; dĩ thiên hạ quan thiên hạ. Ngô hà dĩ tri thiên hạ chi nhiên tai ? Dĩ thử.

Dịch xuôi:

1. Người khéo trồng (xây dựng) thì không nhổ, nậy lên được. Người khéo ôm, thì không rút ra được. Con cháu tế tự không dứt.

2. Nếu lấy Đạo tu thân, thì đức sẽ thực. Nếu lấy Đạo mà tu sửa gia đình, thì đức sẽ thừa. Nếu lấy Đạo mà tu sửa làng, đức sẽ phong thịnh. Nếu lấy Đạo tu sửa thiên hạ, đức sẽ phổ quát.

3. Cho nên, lấy thân mà xét thân, lấy nhà mà xét nhà, lấy làng mà xét làng, lấy nước mà xét nước, lấy thiên hạ mà xét thiên hạ. Ta làm thế nào mà biết thiên hạ ? Bằng cách trên.

Dịch thơ:

1. Khéo xây, nậy cũng chẳng lên,
Khéo ôm, giằng giật vẫn nguyên chẳng rời.
Con con cháu cháu bao đời,
Thay nhau tế tự, chẳng ngơi sự tình.
2. Đạo Trời tu dưỡng nơi mình,
Đức Trời sẽ chứng, tinh thành chẳng sai.
Gia đình tu Đạo hôm mai,
Đức Trời âu sẽ láng lai tràn trề,
Đạo Trời giãi sáng làng quê,
Đức Trời âu cũng thêm bề quang hoa.
Đạo Trời rạng chiếu quốc gia,
Đức Trời lai láng tuôn ra vô ngần.
Đạo Trời soi khắp gian trần,
Đức Trời âu sẽ muôn phần mênh mang.
3. Cho nên muốn biết tuổi vàng,
Xem người, ta lấy mình làm la kinh.
Xem nhà, ta xét gia đình,
Xem làng, ta lấy quê mình xét xem.
Nước ta, ta sánh nước bên,
Ta đem thiên hạ, đọ xem chuyện đời.
Nhờ so, nhờ sánh không thôi,
Truyện đời ta biết, việc đời ta hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử dạy chúng ta:

1. Phải xây dựng, giữ gìn, chắt chiu những gì vĩnh cửu.

2. Cố gắng thực thi Đạo Trời nơi gian trần này.

3. Làm sao biết Đạo Trời đã được thực thi hay chưa.

Chúng ta sẽ lần lượt bình giải từng điểm.

1. Phải xây dựng, giữ gìn, chắt chiu những gì vĩnh cửu

Cái gì vĩnh cửu ở cái thế giới biến thiên này?

Đó là Đạo (Bản thể của vũ trụ, căn nguyên của vũ trụ và của con người, chân tính con người). Đó là Đức, là những qui luật thiên nhiên gắn liền vào vạn vật quần sinh.

Đạo là cái gì bất biến, còn bất kỳ hình tướng gì cũng biến thiên. Đức mà đây tôi giải là những qui luật tự nhiên, là cái gì vĩnh cửu phổ quát. Đó chính là Thiên Ý. Gọi là Thiên Ý vì nó phổ quát vĩnh cửu bất biến.

Trang tử cũng nói: «Vô vi vi chi vị Thiên, vô vi ngôn chi, chi vị Đức.»[4]

Cho nên một con người học đạo phải hiểu lẽ biến, hằng, mới mong đắc đạo được.

Nơi con người thì tâm tư, ý thức, hành động, khởi cư cử chỉ tất cả đều biến. Duy chỉ có thần con người là bất biến. Cho nên công trình cao siêu vĩ đại nhất mà con người có thể làm được ở gian trần này là:

- Kiến Đạo 建 道 (Xây dựng trên nền Đạo)

- Bão Đức 抱 德 (Ôm ấp Đức, ôm ấp, tuân theo định luật thiên nhiên).

Đạo, vì là Thần, nên tiềm ẩn trong lòng sâu tâm hồn con người; cho nên, hồi quang quán chiếu, quay về lòng mình để «Dữ Đạo hợp chân», là điều trọng đại nhất.

Trang tử nói: «Người xưa có lưỡi kiếm Can Việt, cất nó kỹ lưỡng trong vỏ, không dám dùng, vì nó rất quí báu. Thế mà lạ thay con người không chịu giữ gìn thần mình, một cái gì đó còn quí giá hơn lưỡi kiếm Can Việt rất nhiều. Cho nên cái Đạo cao siêu nhất (Thuần tế chi Đạo) là giữ vẹn lấy Thần, giữ Thần không để mất. Hợp với Thần làm một. Hợp với Thần rồi lại thông hiểu thiên luân. Cho nên tục ngữ rằng: 'Chúng nhân trọng lợi, liêm sĩ trọng danh, hiền sĩ trọng chí, thánh nhân quí tinh hoa. ' Cho nên «tố» là cái gì tinh toàn, không pha trộn bác tạp, «thuần» là giữ cho thần nguyên vẹn. Giữ được thuần tố, đó là Chân nhân.» [5]

Trang tử cũng còn nói: «Con người đạo cao đức cả ở nơi bản nguyên, mà trí như thần. Thực hiện đức, thông hiểu Đạo, chẳng phải là người đạo cao đức cả hay sao. Cho nên những người đạo cao đức cả thấy nơi mờ tối, nghe thấy thầm lặng. Mờ tối mà một mình mình thấy sáng láng, thầm lặng mà một mình mình nghe thấy hòa âm, cho nên hết sức là sâu sắc, thấu hiểu vạn vật, hết sức là thần diệu, liễu đạt được tinh hoa. Đối với vạn vật, không làm gì mà vẫn thỏa mãn được ước muốn của chúng. Ảnh hưởng của người bao quát không gian thời gian.» [6]

Chúa Jésus cũng dạy: «Phải tìm cho ra thiên ý, thiên mệnh mà theo. Như vậy mới là xây nhà trên đá.»

Ngài dạy: «Không phải nói với ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa mà được vào nước Trời, nhưng mà phải thực thi thánh ý cha ta, đấng ở trên Trời... Cho nên kẻ nào nghe và thực thi những lời ta vừa nói, thì có thể ví như một người khôn ngoan xây nhà trên đá. Dẫu mưa tuôn, thác đổ, gió gào, nhà đó vẫn nguyên, chẳng đổ vì đã được xây trên đá...» (Mat. 7, 21-27)

Đọc câu thánh kinh này, tôi vẫn tâm niệm rằng thiên ý ấy chính là định luật tự nhiên.

Rồi ngài lại dạy: «Anh em đừng súc tích của cải ở trên đất, nơi đó mối mọt, sâu bọ, có thể ăn, trộm đạo có thể đào khoét và lấy mất. Nhưng hãy súc tích của cải ở trên Trời, nơi đó mối mọt sâu bọ không thể ăn, trộm đạo không thể đào khoét và lấy mất. Vì kho tàng người ở đâu, thì tâm tư người ở đấy.» (Mat. 6, 19-21)

Theo tôi, câu này nên hiểu là: Ngoại cảnh là khinh, tâm linh mới trọng. Súc tích tiền tài danh vọng có hình tướng, tức là súc tích những thứ dễ hủy hoại. Súc tích đạo đức, tâm thần mới là súc tích những thứ bất hủ.

Khi ta chú ý về tâm linh, thì lòng ta trú nơi tâm linh, khi ta lo về ngoại cảnh, thì lòng ta trú nơi ngoại cảnh.

Phật cũng dạy phải tìm cái bất sinh bất tử, bất hủy bất hoại, thay vì chạy theo những cái vô định, vô thường. Phật phân biệt trong con người hai thứ căn bản:

(a) Căn bản tử sinh từ muôn kiếp tức là tâm vọng tưởng.

(b) Căn bản vô thủy, bồ đề Niết Bàn, tức là Chân tâm, là Nguyên thường trường cửu. [7]

Bỏ cái nguyên thường trường cửu mà theo cái vô thường, biến dịch, thấy vọng tâm mà lầm là chân tính của mình, thì làm sao thoát luân hồi? [8]

Dịch kinh cũng dạy:

«Hiền nhân thông lý Trung Hoàng,

Tìm nơi chính vị mà an thân mình.» [9]

Thứ đến phải tìm cho ra những định luật vĩnh cửu của trời đất mà theo; định luật của trời đất không chép riêng trong thánh kinh của một đạo giáo nào, mà đã viết ngay trong lòng mọi người, trong lòng vũ trụ vạn vật.

Con người mò mẫm dần dà mãi mới đọc ra được, vì đó là một «quyển thiên thư không chữ, không lời», chỉ có toàn ký hiệu, toàn hình ảnh.

Nhân loại dần dà sẽ rũ bỏ những «lề luật nhân tạo, chân lý nhân tạo» mà tìm ra những lề luật thiên nhiên, những chân lý thiên nhiên.

Trang tử cho rằng: «Con người giác ngộ sẽ phát huệ, sẽ rũ bỏ hết những gì nhân tạo, chỉ còn thuần những gì thiên tạo. Ai mà đạt tới mức độ đó mới được gọi là dân Trời (Thiên dân), con Trời (Thiên tử).» [10]

Thần thoại Ấn Độ về thần Vishnu viết: «Ta là Chân Nhất và là chốn dựa nương siêu việt. Từ ta đã xuất sinh mọi sự từ trước tới nay và từ nay về sau. Tất cả những gì người thấy được, nghe được, biết được trong hoàn võ, đều có ta ngự bên trong. Hết chu kỳ này sang chu kỳ khác, ta dùng bản thể ta mà sinh ra vũ trụ tinh cầu quần sinh quần vật. Hãy suy ngẫm điều ấy trong tâm tư ngươi, hãy tuân phục định luật của trật tự vĩnh cửu ta, và hãy bước trong thân xác ta mà đi cùng vũ trụ.» [11]

2. Cố gắng thực thi đạo Trời nơi gian trần này

Cố vươn lên cho tới tinh hoa nhân loại, làm cho đạo tâm trở nên xán lạn, đạo đức trở nên tinh toàn tức là thực hiện đạo trời, xây dựng nước trời nơi gian trần này, sẽ làm cho ánh sáng đạo đức hạnh phúc chiếu rõi khắp nơi, từ mình, ra đến nhà, ra đến làng ra đến nước, ra đến thiên hạ.

3. Làm sao biết đạo Trời đã được thực thi hay chưa

Bao lâu nhân loại còn bị tù túng trong vòng nhân vi, nhân tạo, thì bấy lâu con người còn bị khổ sở. Trang tử nói: «Hễ vi phạm định luật thiên nhiên, con người sẽ khổ sở.» [12]

Cho nên nếu thâm tâm ta còn khổ tức là ta chưa đi đúng đường lối của trời đất. Nếu người còn khổ, tức là người chưa đi đúng định luật của trời đất. Nếu gia đình, quốc gia, xã hội thiên hạ còn khổ, còn loạn, tức là nhân loại còn đầy mê lầm, đày dở dang chếch mác, chưa theo đúng được định luật của trời đất.

Đạo giáo phải bắt tay với khoa học, các dân tộc phải bắt tay nhau để tìm ra định luật của trời đất, phải sùng thượng đạo đức một cách tự nhiên, hợp lý, nhân loại mới có cơ hạnh phúc lâu dài. Đó là những ý niệm mà chương 54 này gợi ra cho chúng ta.

---

[1] Bạt 拔: nhổ.

[2] Thoát 脫: sút ra.

[3] Chuyết 啜: dứt, ngừng.

[4] Les Pères du Système Taoïste, Tchoang-Tzeu, chap. 12, B, p. 294-295.

[5] Phù Hữu Can Việt chi kiếm giả, hiệp nhi tàng chi, bất cảm dụng dã. Bảo chi chí dã... Thuần tố chi đạo, duy thần thị thủ, thủ nhi vật thất, dữ thần vi nhất. Nhất nhi tinh thông hợp vu thiên luân. Dã ngữ hữu chi viết: Chúng nhân trọng lợi; liêm sĩ trọng danh; hiền sĩ thượng chí; thánh nhân quí Tinh. Cố tố dã giả vị kỳ vô sở dữ tạp dã. Thuần dã giả, vị kỳ bất khuy kỳ Thần dã. Năng thể thuần tố vị chi chân nhân. 夫有干越之劍者, 柙而藏之, 不敢用也. 寶之至也... 純素之道, 唯神是守, 守而勿失, 與神為一. 一而精通合于千倫. 野語有之曰: 眾人重利; 廉士重名; 賢士尚志; 聖人貴精. 故素也者謂其無所與雜也. 純也者, 謂其不虧其神也. 能體純素謂之真人. Nam Hoa kinh, chương 15, Khắc ý, B.

[6] Phù vương đức chi nhân... lập hề bản nguyên, nhi tri thông ư thần. Lập đức minh đạo, phi vương đức giả da? ... Thử vị vương đức chi nhân thị hồ minh minh, thính hồ vô thanh. Minh minh chi trung độc kiến hiểu yên. Vô thanh chi trung độc văn hòa yên. Cố thâm chi hựu thâm nhi năng vật yên, thần chi hựu thần nhi năng tinh yên. Cố kỳ dữ vạn vật tiếp dã. Chí vô nhi cung kỳ cầu, thời sính nhi yếu kỳ túc, đại tiểu trường đoản, tu viễn. 夫王德之人... 立乎本原, 而知通於神. 立德明道, 非王德者邪... 此謂王德之人視乎冥冥, 聽乎無聲. 冥冥之中獨見曉焉. 無聲之中獨聞和焉. 故深之又深而能物焉, 神之又神而能精焉. 故其與萬物接也. 至無而供其求, 時騁而要其宿, 大小長短, 修遠. Trang tử, Nam Hoa kinh, chương 12, Thiên địa, đoạn C.

[7] Xem Thủ Lăng Nghiêm, quyển 1, Việt Nam Phật tử hội xuất bản, tr. 22-23.

[8] Thất như nguyên thường, cố thụ luân chuyển. 失汝元常, 故受輪轉. Thủ Lăng Nghiêm, Việt Nam Phật tử hội xuất bản, quyển 1, tr. 85.

[9] Dịch kinh, quẻ Khôn, Văn ngôn: Quân tử Hoàng Trung Thông lý chính vị cư thể 君子黃中通理正位居體.

[10] Vũ Thái định giả phát hồ thiên quang. Phát hồ thiên quang giả nhân kiến kỳ nhân. Nhân hữu tu giả, nãi kim hữu hằng. Hữu hằng giả nhân xả chi, thiên trợ chi nhân chi sở xả, vị chi thiên dân; thiên chi sở trợ, vị chi thiên tử. 宇泰定者發乎天光. 發乎天光者人見其人. 人有修者, 乃今有恆. 有恆者人舍之, 天助之人之所舍謂之天民; 天之所助, 謂之天子. Trang tử Nam Hoa kinh, chương 23, Canh tang Sở, B.

[11] «Je suis l'Être Primeval et le Refuge suprême. De moi est issu tout ce qui a été, est ou sera. Tout ce que tu peux voir, entendre, connaýtre dans l'ensemble de l'univers, sache que c'est moi qui y réside. Cycle après cycle, je produis de mon essence les sphères et les créatures du cosmos. Considère cela dans ton cœur, obéis aux lois de mon ordre éternel et marche heureux dans mon corps à travers l'univers.» H. Zimmer, Mythes et Symboles dans l'art et la civilisation de l' Inde, Payot Paris, p. 52.

[12] Que le long reste long, et le court, court. Gardez vous de vouloir allonger les pattes du canard, ou raccourcir celle de la grue. Essayer de le faire leur causerait de la souffrance, ce qui est la note caractéristique de tout ce qui est contre nature, tandis que le plaisir est la marque du naturel. — Léon Wieger, Les Pères du Système Taoïste, p. 269.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 55

HUYỀN PHÙ

玄 符

Hán văn:

含 德 之 厚, 比 於 赤 子. 毒 虫 不 螫, 猛 獸 不 據, 攫 鳥不 搏. 骨 弱 筋 柔 而 握 固. 未 知 牝 牡 之 合而 全 作. 精 之 至 也. 終 日 號 而 不 嗄. 和 之 至 也. 知 和 曰 常. 知 常 曰 明. 益 生 曰 不 祥. 心使 氣 曰 強. 物 壯 則 老, 謂 之 不 道, 不 道 早 已.

Phiên âm:

1. Hàm đức chi hậu, tỷ ư xích tử. Độc trùng bất thích,[1] mãnh thú bất cứ [2] cược [3] điểu bất bác.[4]

2. Cốt nhược cân nhu nhi ốc[5] cố. Vị tri tẫn mẫu chi hợp nhi toàn tác. Tinh chi chí dã. Chung nhật hào nhi bất sá.[6] Hòa chi chí dã. Tri hòa viết thường. Tri thường viết minh. Ích sinh viết bất tường. Tâm sử khí viết cường.

3. Vật tráng tắc lão, vị chi bất Đạo, bất Đạo tảo dĩ.

Dịch xuôi:

1. Kẻ nào đức dày, giống như con đỏ. Độc trùng không cắn, thú dữ không ăn, chim ưng chẳng bắt.

2. Xương yếu gân mềm mà tay nắm chặt. Chưa biết giao hoan, tinh khí vẹn tuyền. Suốt ngày la khóc, mà chẳng khản tiếng. Hòa hợp hoàn toàn. Biết hòa hợp mới trường cửu, biết trường cửu mới sáng suốt. Quá ham sống thì hại, tâm sai khiến khí, thì mạnh.

3. Vật lớn thời già, thế là trái Đạo, trái Đạo chết sống.

Dịch thơ:

1. Chân nhân sống tựa anh hài,

Nọc trùng tuy độc chẳng tài nào châm.

Hùm beo kiêng chẳng dám ăn,

Đại bàng cũng chẳng dám săn làm mồi.

2. Gân mềm xương yếu đành rồi,

Mà sao nắm chặt khó rời khó buông.

Bướm hoa chưa tỏ lối đường,

Tinh ròng chưa chút vấn vương bấy chầy.

Tuy rằng gào khóc suốt ngày,

Nhưng mà cung giọng chẳng thay chẳng khàn.

3. Trung hòa đáo để nhân gian,

Trung hòa thông tỏ lối đường trường sinh.

Biết trường sinh mới thông minh,

Miệt mài cuộc sống hại mình xiết bao.

Tâm làm cho khí tổn hao,

Đời cho là mạnh (nhưng nào có hay).

4. Càng hăng, càng chóng hao gầy,

Cái già xồng xộc tới ngay bên mình.

Thế là nghịch Đạo cao minh,

Sống sai Đạo cả phù sinh trôi vèo.

BÌNH GIẢNG

Chương này Hà Thượng Công gọi là «Huyền Phù». Đại ý rằng người tu đạo như thể có mang một đạo linh phù trong người, không có gì làm hại mình được.

Nơi chương 50 Đạo Đức kinh chúng ta đã thấy những ý kiến tương tự như vậy.

Trước đây chúng ta đã giải rằng Chân nhân vì có chân thần, nên không có gì hủy hoại được, vì thần thì bất tử bất diệt.

Liệt tử cũng nói rằng: «Thánh nhân tàng ẩn trong lòng Trời, cho nên vật không thể làm hại được.» [7]

Phúc Âm thánh Marc cũng thấy viết: «Kẻ nào tin và chịu phép rửa tội sẽ được cứu rỗi; ai không tin, sẽ bị đoán phạt. Và đây là những phép lạ tháp tùng những kẻ sẽ tin: Nhân danh ta, họ sẽ trừ được ma quỉ, sẽ nói được nhiều thứ tiếng. Họ cầm được rắn trong tay,và nếu họ uống phải độc dược họ cũng chẳng sao. Họ đặt tay lên người bệnh, thì những người bệnh sẽ khỏi.» (Marc 16, 16-19)

Thực ra, cái đạo linh phù giúp cho chúng ta tránh được mọi họa hại chính là:

1. Trong thì giữ vẹn được Thần khí (Tinh chi khí dã)

2. Ngoài thì hòa hợp được với tha nhân, quần sinh, vũ trụ (Hòa chi khí dã)

Đạt được thần, đắc Trung, đắc Đạo, thế là vẹn được gốc. Hòa hợp với vạn hữu, thế là vẹn được ngọn.

Con đường trường sinh, thủ thân, bảo mệnh, không ngoài hai chữ Tinh Thần, ngoài hai chữ Trung

Hòa.

Nhược bằng sống lao đao, lận đận dồn hết cả tâm thần, khí lực ra các tầng lớp phù phiếm bên ngoài như vậy là đi ngược đường lối của trời đất, sẽ bị tổn sinh, đoản mệnh, và sẽ thấy cái già, cái chết xồng xộc kéo đến hết sức là mau lẹ!

---

[1] Thích 螫: cắn.

[2] Cứ 據: ăn.

[3] Cược 攫 (quặc): ác điểu, chim ăn thịt, bắt mồi.

[4] Bác 搏 : đánh, chộp.

[5] Ốc 握 (ác): nắm tay.

[6] Sá 嗄: khan tiếng.

[7] Thánh nhân tàng ư thiên cố vật mạc chi năng thương dã. 聖 人 藏 於 天 故 物 莫 之 能 傷 . Liệt tử Xung Hư Chân Kinh, Hoàng đế 黃 帝, chương hai, đoạn D.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	**56**	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 56

HUYỀN ĐỨC

玄 德

Hán văn:

知 者 不 言. 言 者 不 知. 塞 其 兌, 閉 其 門, 挫 其 銳, 解 其 紛, 和 其 光, 同 其 塵. 是 謂 玄 同. 故 不 可 得 而 親, 亦 不 可 得 而 疏; 不 可 得 而 利, 亦 不 可 得 而 害; 不 可 得 而 貴, 亦 不 可 得 而 賤. 故 為 天 下 貴.

Phiên âm:

1. Tri giả bất ngôn. Ngôn giả bất tri.

2. Tắc [1] kỳ đoài,[2] bế kỳ môn, tỏa [3] kỳ nhuệ,[4] giải [5] kỳ phân,[6] hòa kỳ quang, đồng kỳ trần. Thị vị huyền đồng.[7]

3. Cố bất khả đắc nhi thân, diệc bất khả đắc nhi sơ; bất khả đắc nhi lợi, diệc bất khả đắc nhi hại; bất khả đắc nhi quí, diệc bất khả đắc nhi tiện. Cố vi thiên hạ quí.

Dịch xuôi:

1. Người biết thì không nói, người nói không biết.

2. Ngậm miệng, bít tai, làm nhụt sự bén nhọn, tháo gỡ sự tần phiền, giảm ánh sáng, hòa mình cùng bụi bặm, thế gọi là huyền đồng.

3. Cho nên thân cũng không được, sơ cũng không được, lợi cũng không được, hại cũng không được, quí cũng không được, tiện cũng không được. Vì thế nên quí nhất thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Biết thời sẻn tiếng, sẻn lời,

Những người không biết thường thời huênh hoang.

2. Âm thầm đóng khóa ngũ quan,

Mà che sắc sảo, mà san tần phiền.

Hòa mình trong đám dân đen,

Cho mờ ánh sáng, cho nhem phong trần.

Ấy là đạo cả huyền đồng.

3. Ai mà vẹn đạo huyền đồng,

Tâm hồn son sắt khó lòng chuyển lay.

Thân sơ cũng chẳng đổi thay,

Hay hèn, lợi hại mảy may chẳng màng.

Cho nên quí nhất trần gian.

BÌNH GIẢNG

1. Bậc chân nhân sống huyền hóa với trời đất muôn vật

Vì đã kết hợp với đạo thể, nên không cần phô trương, khoe mẽ. Chỉ những người dốt nát, thiển cận mới huênh hoang rườm lời.

2. Bậc chân nhân sống ung dung tiêu sái, không để cho ngoại cảnh hình hài chi phối, không phô trương không lập dị, sống huyền hóa với đất trời.

Chủ trương này đã được Nội kinh lấy làm thuật dưỡng sinh và tu đạo. Nội kinh chủ trương: «Sống điềm đạm, thanh tĩnh, chân khí sẽ vẹn toàn. (Tinh thần mà giữ cho được nguyên vẹn, thì làm sao mà có bệnh tật được.) Cho nên tâm chí thảnh thơi, ít dục vọng, ít lo âu, xác thân vận động nhưng không mệt mỏi. Vì ít tham cầu nên ước gì được nấy, muốn gì được nấy. Ăn uống thế nào cũng ngon, phục sức thế nào cũng được, sống sao cũng vui. Sống vô tư vô cầu cho nên gọi là thuần phác. Cho nên thị dục không làm cho mỏi mắt, dâm tà không huyễn hoặc được tâm tư.» [8]

Khải Huyền tử bình rằng: «Tâm đã hợp với Huyền nên dâm tà không làm mê hoặc được.» 心與玄同故淫邪不能惑 (Tâm dữ huyền đồng, cố dâm tà bất năng hoặc.)

Như vậy, Huyền đồng 玄同 có thể hiểu theo hai cách:

a) Sống huyền hóa với Trời với Đạo.

b) Sống hòa mình cùng vạn hữu.

3. Các bậc chân nhân không bị cảm tình chi phối, lợi hại chi phối, quí tiện chi phối.

Như vậy là các ngài đã thoát vòng phù sinh tương đối. Luận ngữ cũng có chủ trương tương tự khi nói rằng: «Tử tuyệt tứ: Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.» 子絕四:毋意,毋必,毋固,毋我 (Khổng tử đã tuyệt được bốn điều: Ngài không có tình ý riêng tư, không bị ngoại vật chi phối, thúc đẩy, không cố chấp, không còn có cái mình nhỏ nhoi.) [9]

Sống thoát vòng ái ố, lợi danh như vậy là sống siêu phàm thoát tục.

---

[1] Tắc 塞: lấp, đóng.

[2] Đoài 兌: miệng.

[3] Tỏa 挫: làm cho nhụt.

[4] Nhuệ 銳: sự bén nhọn.

[5] Giải 解: tháo gỡ.

[6] Phân 紛 : sự rắc rối.

[7] Huyền đồng 玄 同 : (1) Sống huyền hóa với Trời với Đạo; (2) Sống huyền hóa với vạn hữu.

[8] «Điềm đạm hư vô. Chân khí tòng chi. Tinh thần nội thủ. Bệnh an tòng lai. Thị dĩ chí nhàn nhi thiểu dục. Tâm an nhi bất cụ. Hình lao nhi bất quyện. Khí tòng dĩ thuận, các tòng kỳ dục giai đắc sở nguyện. Cố mỹ kỳ thực, nhiệm kỳ phục, lạc kỳ tục khứ. Cao hạ bất tương mộ kỳ dân cố viết phác. Thị dĩ thị dục bất năng lao kỳ mục, dâm tà bất năng hoặc kỳ tâm.» 恬 淡 虛 無 真 氣 從 之 精 神 內 守 病 安 從 來 是 以 志 閑 而 少 欲 心 安 而 不 懼 . 形 勞 而 不 倦 氣 從 以 順,各 從 其 欲 皆 得 所 願 故 美 其 食,任 其 服 樂 其 俗 去 . 高 下 不 相 慕 其 民 故 曰 朴 是 以 嗜 欲 不 能 勞 其 目,淫 邪 不 能 惑 其 心 (Hoàng đế Nội kinh 黃 帝 內 經 Thượng cổ thiên chân luận 上 古 天 真 論) Xem Hoàng đế Nội kinh, Thượng hải Cầm Chương đồ thư cục ấn hành, q. 1, tr. 1b.

[9] Luận Ngữ, Tử Hãn.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	**57**	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 57

THUẦN PHONG

淳 風

Hán văn:

以 正 治 國. 以 奇 用 兵. 以 無 事 取 天 下. 吾 何 以 知 其 然 哉? 以 此: 天 下 多 忌 諱 而 民 彌 貧. 民 多 利 器, 國 家 滋 昏. 人 多 伎 巧, 奇 物 滋 起. 法 令 滋 彰, 盜 賊 多 有. 故 聖 人 云: 我 無 為 而 民 自 化. 我 好 靜 而 民 自 正. 我 無 事 而 民 自 富. 我 無 欲 而 民 自 朴.

Phiên âm:

1. Dĩ chính [1] trị quốc. Dĩ kỳ [2] dụng binh. Dĩ vô sự thủ thiên hạ.

2. Ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai? Dĩ thử: Thiên hạ đa kỵ húy [3] nhi dân di bần. Dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn. Nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi. Pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu.

3. Cố thánh nhân vân: Ngã vô vi nhi dân tự hóa. Ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính. Ngã vô sự nhi dân tự phú. Ngã vô dục nhi dân tự phác.

Dịch xuôi:

1. Lấy ngay thẳng trị nước; lấy mưu mô dùng binh; lấy vô sự được thiên hạ.

2. Ta làm sao biết được như vậy? Nhờ thế này: Thiên hạ càng nhiều kỵ húy, thì dân càng nghèo. Dân càng lắm lợi khí, thì quốc gia càng tối tăm. Dân càng tài khéo, vật lạ càng nẩy sinh, pháp lệnh càng rõ rệt, trộm cướp càng sinh ra nhiều.

3. Vì thế nên thánh nhân mới dạy: Ta vô vi mà dân tự hóa. Ta ưa tĩnh mà dân tự chính. Ta không dở dói mà dân giàu. Ta không có dục vọng mà dân tự động trở nên chất phác.

Dịch thơ:

1. Đem ngay chính trị dân trị nước,

Đem mưu mô phương lược dùng binh.

Dùng vô sự giữ dân mình,

2. Làm sao ta biết sự tình trước sau ?

Đây ta xin tỏ gót đầu,

Càng điều cấm kỵ, càng sầu dân con.

Dân càng xảo trá đa đoan,

Nước càng tăm tối bàng hoàng hôm mai.

Càng sinh ra lắm người tài,

Của khan vật lạ vãng lai càng nhiều,

Vẽ vời luật pháp bao nhiêu,

Càng điều trộm cướp, càng điều nhiễu nhương.

3. Nên hiền thánh xưa thường hay nói:

Ta «vô vi» vẫn đổi dân tình.

Êm đềm dân vẫn sửa mình,

Ta đây vô sự, dân sinh vẫn giàu.

Ít mơ ước chẳng cầu chẳng cạnh,

Mà dân con tâm tính hóa hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này lại nói lên ích lợi của vô vi trong khi trị dân trị nước.

Các quốc gia ngày nay đua nhau đi vào con đường tổ chức, kỹ thuật. Nhưng càng tăng tiến về tổ chức bao nhiêu, thì cuộc sống càng trở nên nặng nề, phức tạp, giả tạo bấy nhiêu.

Càng lắm pháp luật, càng lắm phiền toái, càng lắm trộm cắp. Cho nên người trên càng vẽ vời, càng vẽ chuyện bao nhiêu thì dân lại càng khổ bấy nhiêu.

Không xoay xở, dân sẽ bớt sưu, bớt thuế, sẽ yên tâm làm lụng, vì thế nên dân sẽ giàu. Đừng bày vẽ ra lắm luật lệ, thì dân càng sống hồn nhiên thuần phác.

Như vậy ta biết rằng, nhà cầm quyền mà thương dân nhất, chính là không «quấy dân». Cái văn minh vật chất ngày nay, cái guồng máy hành chánh ngày nay, càng tinh vi bao nhiêu thì lại càng làm cho con người trở thành máy móc bấy nhiêu. Đó chính là một điều mâu thuẫn nhất của thời đại chúng ta vậy.

---

[1] Chính 正 : ngay thẳng.

[2] Kỳ 奇: trá ngụy, cơ mưu.

[3] Kỵ húy 忌 諱: (1) kiêng kỵ; (2) pháp lệnh cấm đoán.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	**58**	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 58

THUẬN HÓA

順 化

Hán văn:

其 政 悶 悶, 其 民 淳 淳. 其 政 察 察, 其 民 缺 缺. 禍 兮 福 之 所 倚, 福 兮 禍 之 所 伏. 孰 知 其 極. 其 無 正. 正 復 為 奇, 善 復 為 妖. 人 之 迷, 其 日 固 久. 是 以 聖 人 方 而 不 割, 廉 而 不 劌, 直 而 不 肆, 光 而 不 耀.

Phiên âm:

1. Kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần. Kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết.

2. Họa hề phúc chi sở ỷ. Phúc hề họa chi sở phục. Thục tri kỳ cực. Kỳ vô chính. [1] Chính phục vi kỳ, [2] thiên phục vi yêu. [3] Nhân chi mê, kỳ nhật cố cửu.

3. Thị dĩ thánh nhân, phương nhi bất cát [4] liêm nhi bất quế,[5] trực nhi bất tứ [6] quang nhi bất diệu.

Dịch xuôi:

1. Chính lệnh mơ hồ, dân con thư thái, chính lệnh soi mói, dân con lo âu.

2. Họa là nơi phúc tựa, phúc là nơi họa nấp. Trên mà không ngay thẳng thì người ngay sẽ thành nguy, người thiện trở thành tà. Con người u mê đã từ lâu.

3. Cho nên thánh nhân ngay chính nhưng không làm cho người tổn thương; liêm minh nhưng không làm mất lòng người, ngay thẳng nhưng không nghiệt ngã với người, sáng láng nhưng không làm cho ai chói lòa.

Dịch thơ:

1. Nếu mà chính lệnh khoan hòa,

Dân gian thư thái âu ca thanh bình.

Nếu mà chính lệnh nghiêm minh,

Dân gian những sống giật mình lo thân.

Ở đời họa phúc xoay vần,

Cùng đoan, cực điểm dễ lần ra sao ?

2. Người trên phóng túng tầm phào,

Dân gian theo thói lẽ nào chẳng hư.

Người hay cũng mất lòng từ,

Người lành rồi cũng ra như gian tà.

Người lầm tự thủa xưa xa,

Người mê, mê tự bao giờ ai hay !

3. Cho nên hiền thánh xưa nay,

Tuy mình vuông vắn, chẳng xoay xở người.

Tuy mình liêm khiết hơn đời,

Mà nào có nỡ làm ai mếch lòng.

Tuy mình ngay thẳng trắng trong,

Mà nào cay nghiệt nghênh ngông với người.

Tuy mình rự rỡ sáng ngời,

Mà nào có nỡ làm ai chói lòa.

BÌNH GIẢNG

1. Chương này Lão tử chủ trương rằng nhà cầm quyền không nên quá soi mói đối với dân.

Chủ trương này chính là chủ trương của Dịch kinh. Nơi Đại Tượng chuyện, quẻ Minh Di 明 夷, Dịch kinh dạy rằng:

«Sáng vào lòng đất Minh Di,

Nên người quân tử cũng y tượng Trời.

Xuề xòa đối đãi với người,

Bề trong sáng suốt bề ngoài giả lơ.»

(Minh nhập địa trung Minh Di. Quân tử dĩ lị chúng, dụng hối nhi minh. 明 入 地 中 明 夷 君 子 以 莅 眾, 用 晦 而 明).

Như vậy khi người quan tử đến với dân, không nên quá soi mói. Tuy bề trong mình sáng láng, nhưng bề ngoài nhiều khi phải giả lơ như là không biết không nghe.

Mũ miện của vua chúa xưa thường có những bông tua rủ xuống trước mặt, trước tai,[7] hoặc vua chúa thường dùng bình phong che ngoài cửa,[8] cốt tỏ ý muốn nhắm mắt bưng tai, làm ngơ bớt, trước những lỗi lầm của kẻ dưới.

2. Lão tử lại còn đưa ra ý kiến thứ hai là họa phúc ở đời này vô thường, vô định, phúc sinh họa, họa

sinh phúc.

Cũng y thức như người ta dùng chuyện «Tái Ông mất ngựa» để nói lên rằng ở đời nay «họa phúc tương sinh». Tống Long Uyên bình thêm rằng: «Họa phúc đã đành rằng do ngoại cảnh đẩy đưa, xui khiến, nhưng căn cơ họa phúc chính là do lòng con người gây nên.» [9]

Nếu gặp họa nạn, mà tâm ta biết hối quá, biết e dè thận trọng, thì họa sẽ chuyển thành phúc. Nếu gặp phúc khánh mà sinh lòng kiêu sa, ngạo mạn, phế bỏ nhân cách, phế bỏ cương thường, thì phúc sẽ biến thành họa.

Nhân bàn về chuyện họa phúc vô thường, tưởng cũng nên ghi vào nơi đây bi ký nơi Lăng Hư Đài của Tô Đông Pha, do Trần thái thú xây. Trần thái thú là một võ quan hết sức nghiêm khắc và ngạo nghễ, có nhiều khi còn dám chữa cả lời văn của Tô Đông Pha vì thế Tô Đông Pha mượn lời bi ký này mà răn ông:

«... Ai mà biết trước được vạn vật lúc nào phế, lúc nào hưng, lúc nào thành, lúc nào hủy? Hồi mà nơi này là bãi hoang, đồng trống, sương mù phủ kín, chồn rắn đào hang, thì ai mà biết được đời sau có Lăng Hư Đài ở đây? Luật phế rồi hưng, thành rồi hủy cứ tiếp tục tới vô cùng, thì ai mà biết được ngày nào thì đài này lại trở thành bãi hoang đồng trống. Tôi có lần cùng ông (tức viên Thái thú) lên đài ngắm cảnh, phía đông là cung Kỳ Niên, Thác Tuyền của Tần Mục Công; phía nam là sân Trường Dương, cung Ngũ Tắc của Hán Vũ Đế; phía bắc là cung Nhân Thọ đời Tùy, cung Cửu Thành đời Đường. Nghĩ tới cái thời thịnh của các cung đó, nó nguy nga đẹp đẽ, kiên cố có gấp trăm lần cái đài này chứ! Vậy mà chỉ vài đời sau, ai có muốn tìm cái hình phảng phất của các cung đó, thì chỉ thấy ngói tan, tường đổ, đã thành đồng lúa, bụi gai cả rồi. Tới những cung đó mà cũng không còn gì cả, huống hồ là cái đài này. Đài kia còn không may gì được trường cửu, huống hồ là nhân sự lúc đắc lúc thất, đột nhiên đến đó rồi đột nhiên biến mất. Vậy mà có kẻ khoe khoang ở đời lấy làm tự mãn thì thật là lầm quá. Ở đời có những cái vĩnh cửu, nhưng cái đài này không thuộc vào những cái đó.» [10]

3. Đoạn thứ ba của chương này chủ đích là nhắc lại ý tứ đoạn đầu chương.

Thánh nhân tuy bề trong hoàn hảo, thông minh, sáng láng, nhưng không bắt mọi người phải giống như mình ngược lại biết uyển chuyển tùy nghi, tùy tài, tùy đức mỗi người mà thiết giáo. Chính vì vậy mà Hà Thượng Công gọi chương này là «Thuận Hóa» (Hóa dục phải tùy thuận theo từng người từng trình độ).

---

[1] Wieger viết kỳ vô chính da 其 無 政 邪. Bản của Lưu Tư lại bỏ ba chữ kỳ vô chính 其 無政, bắt chước Trần Trụ.

[2] Kỳ 奇: trá ngụy.

[3] Yêu 妖: gian tà.

[4] Cát 割 : cắt.

[5] Quế 劌 : cắt, làm hại.

[6] Tứ 肆: giết, nghiêm nhặt. = 急 切太 甚 Cấp thiết thái thậm (theo Tống Long Uyên)

[7] Miện lưu thùy mục, đẩu khoáng tắc nhĩ. 冕 旒垂 目, 黈 纊 塞 耳 Tống bản thập tam kinh 宋 本十 三 經, quẻ Minh Di 明 夷.

[8] Thánh nhân thiết tiền lưu, bình thụ giả, bất dung minh chi tận hồ ẩn giả. 聖 人 設 前 旒, 屏 樹 者, 不 容 明 之 盡 乎 隱 者. Đại Toàn, Minh Di, Trình truyện.

[9] Khước bất tri họa phúc chi sự, tuy tòng ngoại lai, họa phúc chi cơ bản tự tâm sinh. Tâm vi vạn pháp chi chủ, tâm vi thiện ác chi nguyên. Thử tâm nhất thiện, nhi vô sở bất thiện, thử tâm nhất ác nhi vô sở bất ác... 卻 不 知 禍 福 之 事, 雖 從 外 來, 禍 福 之 基 本 自 心 生. 心 為 萬 法 之 主, 心 為 善 惡 之 源. 此 心 一 善, 而 無 所 不 善, 此 心 一 惡 而 無 所 不 惡 Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng nghĩa.

[10] Xem Nguyễn Hiến Lê, Tô Đông Pha, Cảo thơm xuất bản, tr. 51-52.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	**59**	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 59

THỦ ĐẠO

守 道

Hán văn:

治 人, 事 天 莫 若 嗇. 夫 惟 嗇 是 謂 早 服, 早 服 謂 之 重 積 德. 重 積 德 則 無 不 克. 無 不 克 則 莫 知 其 極. 莫 知 其 極, 可 以 有 國. 有 國之 母 可 以 長 久. 是 謂 深 根 固 蒂, 長 生 久 視 之 道.

Phiên âm:

1. Trị nhân, sự Thiên mạc nhược sắc.[1]

2. Phù duy sắc thị vị tảo phục,[2] tảo phục vị chi trọng tích đức. Trọng tích đức tắc vô bất khắc. Vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực. Mạc tri kỳ cực, khả dĩ hữu quốc.

3. Hữu quốc chi mẫu [3] khả dĩ trường cửu. Thị vị thâm căn cố đế, trường sinh, cửu thị chi đạo.

Dịch xuôi:

1. Trị người thờ trời, không gì bằng tiết độ.

2. Tiết độ là việc phải lo trước tiên; lo việc ấy trước tiên sẽ tích đức, tích đức cao dày sẽ lướt thắng được mọi sự, sẽ siêu việt. Siêu việt sẽ được nước (Trời).

3. Được căn cơ trời đất, nên có thể trường cửu. Thế cho nên gọi là ăn rễ sâu, mọc rễ chắc, đó là đạo trường sinh cửu thị.

Dịch thơ:

1. Trị người mà cũng thờ Trời,

Chi bằng tiết độ, chớ lơi tinh thần.

2. Biết điều tiết độ là cần,

Rồi ra đức hạnh sẽ dần cao thêm.

Đức cao vạn sự sẽ nên,

Đã nên vạn thắng, vô biên ai tày.

3. Thênh thang muôn dặm trời mây,

Nước trời đã nắm trong tay rành rành.

Giàu sang có cả Khuôn xanh,

Cửu trường muôn kiếp đã đành là ta.

Thế là ăn rễ sâu xa,

Thế là cửu thị, thế là trường sinh.

BÌNH GIẢNG

Chương này dạy ta phương pháp thực hiện trường sinh. Muốn trường sinh, không được phí phao tâm thần, không được trục vật, mà phải giữ cho vẹn toàn thiên lý, giữ cho tâm đức được thuần túy.

Khử hết nhân dục, giữ vẹn thiên lý, thực hiện tinh hoa, thực hiện bản thể, con người dần dần sẽ có đạo cao đức trọng, sẽ đạt Đạo, đạt Thiên. Đạt Đạo, đạt Thiên sẽ được trường sinh, cửu thị.

Tống Long Uyên bình: «Nếu con người biết tiết độ, để lập căn bản; cố gắng tích đức; cố gắng tiêu trừ những gì tư tà, dục vọng nơi thân; cố gắng phục hồi thiên đức nơi thân; giữ vẹn được Huyền Tẫn, tức là căn cơ trời đất nơi thân; giữ vẹn được Cốc thần, tức là nguồn mạch trường sinh nơi thân thì sẽ làm cho tà ma lục tặc không thể phát sinh, làm cho vạn duyên không còn thao túng được; như vậy nước trời trong con người sẽ được thanh tĩnh, vững vàng và như vậy con người sẽ thực hiện được đạo trường sinh cửu thị.» [4]

---

[1] Sắc 嗇: tiết độ.

[2] Tảo phục 早 服: mối lo đầu tiên.

[3] Mẫu 母 : có người giải là sự tiết độ; có người cho đó là Đạo.

[4] Nhân năng dĩ kiệm sắc lập bản, dĩ tích đức vi tâm. Thân trung chi tư vọng, vô bất khắc tận. Thân trung chi thiên đức, vô bất tảo phục. Huyền Tẫn chi môn tức thị thân trung thiên địa chi căn. Cốc thần bất tử tức thị thân trung trường sinh chi mẫu. Thủ thử Huyền Tẫn tiện thị thâm căn cố đế. Luyện thử Cốc thần tiện thị sự thiên trị nhân. Chung nhật miên miên tiện thị trọng tích kỳ đức. Nhân ngã tương vong tiện thị mạc tri kỳ cực. Quả năng như thị, cẩn kỳ nội, bất sinh lục tặc chi ma; phòng kỳ ngoại, bất nhập vạn duyên chi hóa. Thân trung chi quốc thổ, vị hữu bất thanh tĩnh. Thân trung chi quốc vận, vị hữu bất du cửu giả. Ngã chi tính thiên, khởi phi hữu quốc chi quân hồ. Luyện tựu toàn thân nhi bất sinh bất diệt, tu thành đạo thể, nhi vô cực, vô cùng, khởi phi trường sinh cửu thị chi đạo hồ. 人 能 以 儉 嗇 立 本, 以 積 德 為 心. 身 中 之 私 妄, 無 不 克 盡. 身 中 之 天 德 無 不 早 服. 玄 牝 之 門 即 是 身 中 天 地 之 根. 谷 神 不 死 即 是 身 中 長 生 之 母. 守 此 玄 牝 便 是 深 根 固 蒂. 鍊 此 谷 神 便 是 事 天 治 人. 終 日 綿 綿 便 是 重 積 其 德. 人 我 相 忘 便 是 莫 知 其 極. 果 能 如 是, 謹 其 內, 不 生 六 賊 之 魔; 防 其 外, 不 入 萬 緣 之 化. 身 中 之 國 土 未 有 不 清 靜. 身 中 之 國 運 未 有 不 攸 久 者. 我之 性 天 豈 非 有 國 之 君 乎. 煉 就 全 身而 不 生不 滅, 修 成 道 體, 而 無 極, 無 窮, 豈 非 長 生 久 視 之 道 乎? Sđd, tr.

38.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	**60**	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 60

CƯ VỊ

居 位

Hán văn:

治 大 國 如 烹 小 鮮. 以 道 蒞 天 下. 其 鬼 不 神. 非 其 鬼 不 神, 其 神 不 傷 人. 非 其 神 不 傷 人, 聖 人 亦 不 傷人. 夫 兩 不 相 傷, 故 德 交 歸 焉.

Phiên âm:

1. Trị đại quốc như phanh tiểu tiên.[1]

2. Dĩ đạo lỵ [2] thiên hạ. Kỳ quỉ bất thần.[3] Phi ký quỉ bất thần, kỳ thần bất thương nhân. Phi kỳ thần bất thương nhân, thánh diệc bất thương nhân. Phù lưỡng bất tương thương, cố đức giao qui yên.

Dịch xuôi:

1. Trị nước như câu cá nhỏ.

2. Lấy Đạo trị thiên hạ, quỉ thần hết linh. Không phải quỉ thần không linh, nhưng quỉ thần không làm hại người. Không phải quỉ thần không làm hại người, mà thánh nhân không làm hại người. Cả hai đều không hại người, nên Đức của họ qui về một chỗ.

Dịch thơ:

1. Cầm đầu một đại giang sơn,

Nương tay như nấu cá con mới là.

2. Đạo Trời nhuần đượm gần xa,

Quỉ thần thôi cũng buông tha chẳng phiền.

Quỉ thần đâu phải không thiêng,

Quỉ thần không hại vì kiêng nể người.

Quỉ thần đã chẳng tác oai,

Thánh nhân nào nỡ hại đời làm chi.

Thần nhân đều chẳng thị uy,

Muôn nghìn ân đức sẽ qui tụ về.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại dạy ta một bài học chính trị đó là Trị dân thì đừng có nhiễu dân.

Trị một nước lớn chẳng khác nào nấu một nồi cá con. Nấu cá con mà cứ lo đảo đi, đảo lại thì cá sẽ nát hết. Trị dân mà nay cải tổ cái này, mai cải tổ cái khác, thì dân ắt sẽ hết sức khổ sở.

Người trị dân giỏi sẽ giúp cho dân theo đúng định luật trời đất. Mà trời đất muốn cho chúng ta hoạt động để triển dương các tài năng của mình, nhưng không làm được điều gì quá mức không được vong thân táng mạng, không được đày đọa hình hài, lao tâm khổ tứ, thần hôn trí loạn.

Cho nên nhà cầm quyền không được dở dói vẽ vời, không được kích động tham vọng của dân, không được kích động thất tình của dân, không được xui dân tranh đoạt, ghen ghét lẫn nhau, không được làm cho dân lo âu, khổ sở.

Được như vậy, dân sẽ sống trong một cảnh thanh bình, có một xác thân khang kiện, có một tâm hồn thảnh thơi, sung sướng, yêu lý tưởng, thích hướng thượng.

Thế là đường lối người hợp với đường lối trời. Đôi đằng đã hòa hợp như vậy thì quốc thái dân an là một kết quả tất định.

Thế là quỉ thần không làm hại người mà thánh nhân cũng không làm hại người. Nói rằng quỉ thần làm hại hay không làm hại người cũng không hoàn toàn đúng, phải hiểu rằng quỉ thần đã minh định, đã thiết lập nên những định luật vĩnh cửu, bất biến; đi đúng tức là «thuận thiên» thế là hay, là cát tường đi sai tức là «nghịch thiên» là dở, là hung họa.

Thánh nhân trị người không vì cái lợi nhỏ mà quên cái hại lớn, không mị dân bằng những cải tổ phiến diện, không đánh lạc thiên tính của dân bằng những hành vi có tính cách xách động tuyên truyền, mà chỉ muốn cho dân sống vô tư, hạnh phúc, an bình, thái thịnh, khang ninh.

Như vậy, mới thực là thương dân, mới thực là biết cách trị dân vậy.

---

[1] Tiểu tiên 小 鮮 : cá nhỏ.

[2] Lỵ 蒞: đến.

[3] Kỳ quỉ bất thần 其 鬼 不 神: kỳ quỉ bất linh 其 鬼 不 靈 .

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	**61**	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 61

KHIÊM ĐỨC

謙 德

Hán văn:

大 國 者 下 流, 天 下 之 交, 天 下 之 牝. 牝 常 以 靜 勝 牡, 以 靜 為 下. 故 大 國 以 下 小 國, 則 取 小 國; 小 國 以 下 大 國, 則 取 大 國. 故 或 下 以 取, 或下 而 取. 大 國 不 過 欲 兼 畜 人. 小 國 不 過 欲 入 事 人. 夫 兩 者 各 得 其 所 欲. 大 者 宜 為 下.

Phiên âm:

1. Đại quốc giả hạ lưu, thiên hạ chi giao, thiên hạ chi tẫn.

2. Tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ. Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc. Cố hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ. Đại quốc bất quá dục kiêm súc nhân. Tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân. Phù lưỡng giả các đắc kỳ sở dục. Đại giả nghi vi hạ.

Dịch xuôi:

1. Nước lớn mà làm chỗ thấp, sẽ là nơi thiên hạ giao hội, sẽ là giống cái của thiên hạ.

2. Giống cái thường lấy sự tĩnh mà thắng giống đực, lấy tĩnh làm chỗ thấp. Cho nên nếu nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ, thì sẽ thu phục được nước nhỏ; nếu nước nhỏ mà hạ mình trước nước nhớn thời sẽ được lòng nước nhớn. Cho nên hoặc hạ mình để mà chinh phục, hoặc hạ mình để được lòng. Nước lớn chẳng qua là để dưỡng nuôi người, nước nhỏ chẳng qua là để phục vụ người, cả hai đều được như ý thích. Kẻ lớn nên hạ mình.

Dịch thơ:

1. Nếu nước lớn hạ mình từ thượng,

Khắp mọi nơi sẽ hướng chiều về,

Đó đây qui tụ thỏa thuê,

Y như một mái làm mê cả bầy.

2. Con mái kia thơ ngây thuần thục,

Tưởng kém hèn mà đực vẫn thua.

Nước to chẳng cậy mình to,

Sẽ làm nước nhỏ phải ưa thích mình.

Nên nước nhỏ chẳng kênh chẳng kiệu,

Nước to kia sẽ liệu chở che.

Dù chinh, dù phục hai bề,

Biết đường khiêm tốn đề huề mới ngoan.

Nước lớn thích lo toan chỉ vẽ,

Nước nhỏ mong dựa thế nương uy,

Hai bên đều được thỏa thuê,

Đã là kẻ cả chớ chê hạ mình.

BÌNH GIẢNG

Nơi chương này Lão tử cho chúng ta một nguyên tắc hướng dẫn cuộc bang giao quốc tế.

Trong thiên hạ có nước lớn, nước nhỏ. Nhưng nước lớn không phải là để thôn tính nước nhỏ mà là để giúp đỡ nước nhỏ. Nước nhỏ không phải là để, kèn cựa, ganh tị với nước nhớn, mà là để thuận phục nước nhớn.

Các nước đối xử với nhau nên lấy sự khiêm cung, chứ đừng dùng võ lực. Nước nhớn biết tỏ ra khiêm tốn không khinh khi nước nhỏ, thì các nước nhỏ sẽ vui lòng hướng chiều về.

Nếu nước nhỏ tỏ ra khiêm tốn không đả kích các nước lớn thì các nước nhớn sẽ vui lòng bảo trợ. Như vậy cả hai bên đều lợi và như vậy thế giới mới mong an bình.

Và đây là thái độ khiêm cung của Hán Văn Đế và Triệu Đà trong công cuộc bang giao Hoa Việt. Hán Văn Đế sau khi lên ngôi, sai Lục Giảo đưa thư sang khuyên Vũ Đế (Triệu Đà) về thần phục nhà Hán. Hán Văn Đế dùng những lời lẽ hết sức nhún nhường để khuyên Triệu Đà bỏ đế hiệu mà chịu thần phục nhà Hán. Quả nhiên Triệu Đà cảm kích, phúc thư một cách hết sức khiêm cung kính cẩn, và xin chịu bỏ đế hiệu để thần phục Hán Vũ Đế. [1]

Thế là dùng «Nhu Đạo», dùng sự «Khiêm cung» để mà xây dựng hòa bình thiên hạ vậy.

---

[1] Xem Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, q. I, tr. 30, 31, 32.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	**62**	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 62

VI ĐẠO (QUÍ ĐẠO)

為 道 (貴 道)

Hán văn:

道 者, 萬 物 之 奧. 善 人 之 寶, 不 善 人 之 所 保. 美 言 可 以 市 尊, 美 行 可 以 加 人. 人 之 不 善 何 棄 之 有. 故 立 天 子, 置 三 公 雖 有 拱 璧 以 先 駟 馬 不 如 坐 進 此 道. 古 之 所 以 貴 此 道 者 何? 不 曰: 以 求 得, 有 罪 以 勉 邪? 故 為 天 下 貴 也.

Phiên âm:

1. Đạo giả, vạn vật chi áo [1] thiện nhân chi bửu, bất thiện nhân chi sở bảo. [2]

2. Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn. Mỹ hạnh khả dĩ gia nhân.[3] Nhân chi bất thiện hà khí chi hữu.

3. Cố lập thiên tử, trí tam công tuy hữu củng bích[4] dĩ tiên tứ mã [5] bất như tọa tiến thử Đạo.[6]

4. Cổ chi sở dĩ quí thử Đạo giả hà? Bất viết: [7] dĩ cầu đắc, hữu tội dĩ miễn da? Cố vi thiên hạ quí dã.

Dịch xuôi:

1. Đạo là bí quyết muôn loài, là châu báu của người lành, là chỗ dựa nương của người bất lương. (Nhờ Đạo) mà có những lời hay việc đẹp (Nhờ Đạo mà những lời hay được tăng giá trị, được trọng vọng; mà những việc đẹp tăng phẩm cách con người). (Nhờ Đạo) mà những kẻ bất lương không bị ruồng rẫy.

2. Cho nên lập thiên tử, lập tam công tuy tay cầm ngọc bích, tuy thân ngồi xe tứ mã, nhưng vẫn không bằng ngồi mà đem Đạo (ấy vào thân mình, và vào người khác).

3. Người xưa quí Đạo là vì sao? Há chẳng có lời rằng: Cầu Đạo thời được, có tội thời được khỏi sao? Cho nên Đạo quí nhất thiên hạ.

Dịch thơ:

1. Đạo là bí quyết muôn loài,
Là châu là báu của người hiền lương.
Đạo còn là chốn dựa nương,
Cho người bạc đức có đường dung thân.
2. Lời hay việc đẹp gian trần
Đều do nguồn đạo tinh thuần phát ra.
Mấy đời những kẻ gian tà,
Mong nhờ lượng cả, khỏi ra thân tàn.
3. Cho nên đã tiếng vua quan,
Phải đâu giĩn ngọc, đùa vàng trêu ngươi.
Phải đâu tứ mã rong chơi,
Vua quan cốt để «tiến trời» vào thân.
4. Người xưa chuộng Đạo muôn phần,
Vì khi đắc đạo, lụy trần tiêu tan.
Đạo là vật báu thế gian.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử bàn về Đạo. Lão tử cho rằng:

1. Đạo tiềm ẩn trong lòng người lành, kẻ dữ.
2. Đạo là nguồn mạch sinh ra mọi lời hay ý đẹp.
3. Làm chính trị cốt là cố gắng làm cho mình và cho mọi người đắc Đạo.
4. Đạo là cái quí nhất trần gian, là nguồn mạch hạnh phúc con người.

1. Đạo tiềm ẩn trong lòng người lành, kẻ dữ

Tống Long Uyên xưa đã giảng đoạn này như sau:

«Vạn vật đều được dung tàng trong lòng Đại Đạo, nên mới có diệu lực sinh hoá... [Đại Đạo] có thể sinh ra mọi sự từ vô đến hữu; có thể chi phối mọi hình tướng; vốn có trước cả đất trời; trường tồn mãi cả khi không còn trời đất. Cho nên Tạo Hoá chính là căn nguyên của vạn vật, sinh sinh hoá hoá. Hiểu được lẽ ấy tức là hiểu được điều ẩn áo của Tạo Hoá. Nếu trời đất không tàng trữ ẩn áo đó, thì trời đất không thể chở che. Nếu vạn vật không tàng trữ ẩn áo đó, thì vạn hữu không thể sinh thành. Ẩn áo đó quán thâu vạn hữu mà không hề bị gián đoạn; bao quát cổ kim mà không để sót lọt chi. Ẩn áo đó nhìn không thấy, nghe không ra, bắt không được, buông không rơi. Thiên hạ xưa nay vẫn dùng hàng ngày mà không biết, vẫn làm hàng ngày mà không thấy. Nếu mà thấy được biết được thì làm sao mà còn gọi là ẩn áo được nữa. Vì thế trong đoạn này muốn nói: Đạo là ẩn áo, là bí quyết muôn loài.» [8]

Quan niệm này thánh Jean de la Croix sau cũng chủ trương. Ông viết: «Nên biết thượng đế ở trong mọi tâm hồn – dù là tâm hồn của kẻ tội lỗi nhất hoàn cầu – và hiện diện bằng bản thể. Đó cũng là cách hợp nhất của thượng đế với vạn hữu, có vậy mới giữ gìn được vạn hữu; không thế vạn hữu sẽ tiêu tan...» [9]

Upanishad cũng viết:

«Ngài là duy nhất chói chang,

Quần sinh Tạo Hóa, cao sang ai tầy ?

Ngài luôn ẩn áo lòng người,

Suy đi, ta sẽ thấy Trời trong tâm.

Biết trời sẽ thoát trầm luân,

Sẽ cùng trời đất muôn năm trường tồn.»

2. Đạo là nguồn mạch sinh ra mọi lời hay, việc đẹp

Cho nên nhân loại có được những lời hay, có được những cử chỉ đẹp chính là nguồn Đạo ấy mà ra.

Cho nên dẫu con người có xấu xa mấy, thì sự xấu xa ấy cũng chỉ như mây mù che phủ mặt trời bản thể của họ mà thôi; họ vẫn có thể trở lại với bản tính nguyên thủy tốt đẹp của họ được.

3. Làm chính trị cốt là cố gắng làm cho mình và mọi người đắc Đạo

Đắc Đạo tức là đắc nhất, mà đắc nhất tức là chỉ Nhất hay Chính. Chính trị 政 治 cốt là để đạt Chính 正, đạt Đạo 道, đạt Nhất 一 mà thôi.

Chữ Chính 政 xưa theo nguyên nghĩa chính là công phu giúp cho con người đắc Nhất 一, đắc Đạo 道. Chữ 政 gồm chữ Chính 正 và chữ Bộc 攴. Chính 正 là «chỉ nhất» 止 一 và Bộc là «đánh», là «công phu».

4. Đạo là cái quí nhất trần gian và là nguồn mạch hạnh phúc con người

Đạo là cái quí báu nhất. Nhưng Đạo không phải là cái gì xa vời. Nếu chúng ta tha thiết tìm cầu, ta sẽ được Đạo. Được Đạo rồi thì bao tội lệ ta sẽ tiêu tan, bao oan nghiệp ta sẽ được hóa giải.

Vì thế cho nên Đạo là cái quí báu nhất. Chương này là một trong những chương của Đạo Đức kinh bàn về Đạo. Xin xem lại các chương 1, 4, 6, 14, 21, 25, 27, 32, 34, 51, v.v.

---

[1] Áo 奧: (1) chứa (tàng chứa), ý nói Đạo tàng chứa mọi sự (Hà Thượng Công); (2) sâu kín (Stanislas Julien); (3) tôn quí (Stanislas Julien); (4) chủ 主: chủ tể (Trịnh Khang Thành). (Áo 奧 xưa là phòng phía tây nam trong nhà dùng làm nơi tế tự).

[2] Bảo 保: che chở dựa nương (= ỷ 倚).

[3] Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn. Mỹ hạnh khả dĩ gia nhân 美 言 可 以 市 尊. 美 行 可 以 加 人 là câu kinh theo bản sửa của Hoài Nam Tử (Xem Lưu Tư, James Legge).

- Wieger chấm câu như sau: Mỹ ngôn khả dĩ thị, tôn hạnh khả dĩ gia nhân. 美 言 可 以 市. 尊 美行 可 以 加 人. Vương bật cũng vậy (Xem Lưu Tư và Léon Wieger).

* Thị tôn 市 尊, Lưu Tư giải là đổi được địa vị tôn quí (hoán đắc tôn vị 換 得 尊 位). Có người giải thị 市 là chợ, hoặc là lợi.

* Gia nhân 加 人: hơn người khác người.

[4] Củng bích 拱 璧: miếng ngọc lớn cả thước (doanh xích chi bích 盈 尺 之 璧) hai tay cầm mới nổi.

[5] Tứ mã 駟 馬 : xe tứ mã (bốn ngựa kéo).

[6] Tọa tiến giả, bất dụng hữu vi, bất lao động tác, thuận kỳ tự nhiên, thâm nhập kỳ trung nhi vô bất thấu triệt. 坐 進 者, 不 用 有 為, 不 勞 動 作, 順 其 自 然, 深 入 其 中 而 無 不 透 徹.

[7] Lưu Tư, Vương Bật viết là bất viết 不曰. Tống Long Uyên viết là bất nhật 不日. Nếu viết «bất viết» thì phải giải: người ta há chẳng nói rằng. Nếu viết «bất nhật» thì phải giải: không ngày nào mà người ta không tìm cầu Đạo ấy.

[8] Vạn vật thâm tàng ư Đại Đạo chi trung, phương hữu sinh thành chi diệu. Năng sinh nhất thiết hữu vô, năng ngự nhất thiết hình sắc. Tiên thiên tiên địa nhi tố hữu; hậu thiên hậu địa nhi bất cải. Thị vị tạo hóa vạn vật chi bản thủy, sinh thành vạn vật chi căn để dã, sinh sinh hóa hóa. Đắc kỳ lý giả, tức thị đắc kỳ áo. Thiên địa bất tàng thử áo, tắc thiên địa bất năng lý tải. Vạn vật bất tàng thử áo tắc vạn vật bất năng sinh thành. Thống vạn vật nhi vô gián giả áo dã. Quán kim cổ nhi vô di giả áo dã. Thị chi bất kiến, thính chi bất văn giả áo dã. Thủ chi bất đắc, xả chi bất thất giả áo dã. Đản thiên hạ chi nhân, nhật dụng nhi bất tri, nhật vi nhi bất kiến. Nhược hoặc tri chi, kiến chi, tắc hựu bất túc dĩ vi áo hĩ. Văn trung ngôn Đạo giả, vạn vật chi áo, cái thị như thử. 萬物深藏於大道之中, 方有生成之妙. 能生一切有無, 能御一切形色. 先天先地而做有; 後天後地而不改. 是謂造化萬物之本始, 生成萬物之根柢也, 生生化化. 得其理者即是得其奧. 天地不藏此奧, 則天地不能履載. 萬物不藏此奧則萬物不能生成. 統萬萬而無間者奧也. 貫今古而無移者奧也. 視之不見聽之不聞者奧也. 取之不得捨之不失者奧也. 但天下之人日用而不知日為而不見. 若或知之見之則又不足以為奧矣. 文中言道者萬物之奧蓋是如此. Tống Long Uyên, Đạo Đức kinh giảng nghĩa, quyển hạ, tr. 42b.

[9] Il faut savoir que Dieu demeure en toutes les âmes, fuât-ce celle du plus grand pécheurs du monde et y est présent en substance. Et cette manière d’union est toujours entre Dieu et toutes les créatures, selon laquelle, il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer, elle s’anéantirait aussitôt et ne serait plus. – La montée du Carmel (Les œuvres spirituelles du Bienheureux Père Jean de la Croix, Desclée et Brower) p. 133-134.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	**63**
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 63

TƯ THỦY

思 始

Hán văn:

為 無 為, 事 無 事, 味 無 味. 大 小 多 少; 報 怨 以 德. 徒 難 於 其 易. 為 大 於 其 細. 天 下 難 事 必 作 於 易. 天 下 大 事 必 作 於 細. 是 以 聖 人 終 不 為 其 大. 故 能 成 其 大. 夫 輕 諾, 必 寡 信. 多 易 必 多 難, 是 以 聖 人 猶 難 之, 故 終 無 難.

Phiên âm:

1. Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị. Đại tiểu, đa thiểu; báo oán dĩ đức.[1]

2. Đồ nan ư kỳ dị. Vi đại ư kỳ tế. Thiên hạ nan sự tất tác ư dị. Thiên hạ đại sự tất tác ư tế. Thị dĩ thánh nhân chung bất vi kỳ đại. Cố năng thành kỳ đại.

3. Phù khinh nặc, tất quả tín. Đa dị tất đa nan, thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan.

Dịch xuôi:

1. Thánh nhân hoạt động lao tác trên bình diện siêu việt. Coi mọi sự đời lớn nhỏ, nhiều ít như nhau, lấy ân báo oán.

2. Làm việc khó từ việc dễ, làm việc lớn từ việc nhỏ. Các việc khó khăn trong thiên hạ, đều do từ việc dễ mà thành. Các việc lớn trong thiên hạ, đều từ việc nhỏ mà nên. Cho nên thánh nhân suốt đời không làm chuyện lớn, mà vẫn nên được chuyện lớn.

3. Những kẻ hứa bừa bãi, sẽ khó giữ được lời. Coi cái gì cũng dễ, sẽ gặp nhiều cái khó. Cho nên thánh nhân xem việc gì cũng là khó, nên cuối cùng không gặp khó.

Dịch thơ:

1. *Thảnh thơi ta sống thảnh thơi,*

Đời ta chẳng chút lôi thôi tần phiền.

Đời ta thơm phức hương tiên,

Bao nài lớn nhỏ, sá xem ít nhiều.

Cởi giây thù oán chẳng đeo,

Ta đem đức độ đổi điều gian ngoan.

2. Khó gì ta cũng cứ làm,

Bắt đầu từ dễ ta sang khó dần.

To gì ta cũng chẳng cần,

Bắt đầu từ nhỏ ta lần sang to.

Đời người vạn sự gay go,

Đều từ dễ dãi lần mò mãi ra.

Những điều cao đại xưa giờ,

Đều từ nhỏ nhặt đem vo cho thành.

Cho nên những bậc tinh anh,

Chẳng cần lớn lối vẫn dành cao sang.

3. Những ai hứa hẹn muôn ngàn,

Tình suông rồi sẽ bẽ bàng đơn sai.

Những ai khinh thị cuộc đời,

Càng ngờ dễ dãi, càng vời khó khăn.

Cho nên những bậc thánh nhân,

Biết e cái khó, khó khăn chừa người.

BÌNH GIẢNG

Chương này làm hiện rõ mấy ý tưởng chính yếu:

1. Hãy sống một cuộc đời siêu việt

2. Hãy sống một cuộc đời giản dị

3. Hãy thực hiện đại công đại nghiệp bằng những phương cách giản dị.

1. Hãy sống một cuộc đời siêu việt.

Chúng ta đừng nên hiểu vô vi là không làm gì. Nhưng Vô vi chính là hoạt động siêu việt, vô vi chính là hoạt động của Trời.

Nơi chương 2 của Đạo Đức kinh chúng ta đã bình giải cặn kẽ lối sống siêu việt này rồi. Nay chỉ cần nhắc thêm:

Chúng ta phải biết nâng tâm hồn lên cho thật cao, thật xa, thoát khỏi những bình diện sắc tướng phàm tục, để hòa mình cùng Vĩnh Cửu siêu việt.

Hãy làm những công việc của thần minh, hãy nếm những hương vị siêu sinh thoát tục. Thế tức là «Vi vô vi, sự vô sự, vô sự, vị vô vị».

2. Hãy sống giản dị.

Con đường hiền thánh, chính là con đường giản dị. Chúng ta chỉ cần theo những định luật của đất trời là thích ứng với hoàn cảnh và Hướng thượng, hướng về Lý tưởng, về Chân, Thiện, Mỹ.

3. Hãy thực hiện đại công, đại nghiệp bằng những phương cách giản dị.

Như vậy muốn tiến tới hoàn thiện phải làm sao ? Thưa, phải dùng những phương tiện mình sẵn có hoàn cảnh mình đang gặp và cư xử cho hết sức tốt đẹp.

Hãy luôn luôn có những tác phong đẹp, ý nghĩ đẹp, tâm thần đẹp, luôn luôn đối đãi với người cho đẹp. Đó là đi con đường giản dị mà vào Đại Đạo. Đó chính là tinh hoa của Trung Dung,[2] Đại Học,[3] của Kinh Thư,[4] và của Đạo Đức Kinh. [5]

Trung Dung viết:

Tìm bí ẩn làm điều quái dị,
Cốt mong cho hậu thế người khen.
(Sá chi chuyện ấy nhỏ nhen,)
Đã là quân tử chẳng thèm quan tâm.
Làm trai quyết trí tu thân,
Đường đường quân tử ta tuân Đạo Trời.
Giữa đường đứt gánh trở lui,
Bán đồ nhi phế có đời nào đâu. [6]

Cayce, một dị nhân người ở Virginia Beach bên Mỹ (sinh năm 1877 gần Hopskinville, Kentucky, chết ngày 3/1/1945), có tài đoán bệnh, soi kiếp và giảng đạo trong khi ngủ, cũng thường khuyên mọi người rằng: «Hãy dùng những phương tiện sẵn có.» [7] «Hãy khuyến khích nâng đỡ người yếu đuối, và kẻ sa ngã. Hãy thêm sức mạnh và lòng can đảm cho những kẻ thất bại.» [8] «Hãy sống thực lý tưởng, ở nơi mình ở.» [9] «Hãy bắt đầu từ nơi mình ở.» [10]

4. Đừng có khinh thị, nhưng phải luôn luôn dè dặt, cẩn thận mới nên công.

Tư tưởng của Lão tử nơi đây bắt gặp tư tưởng của Dịch. Dịch kinh nơi Hệ từ hạ đã viết:

Nguy thay kẻ tưởng vững ngôi,
Táng vong kẻ ngỡ thảnh thơi trường tồn.
Loạn là kẻ tưởng trị an,
(Tưởng an, khinh thị ly loàn mới sinh.)
Cho nên quân tử giữ mình,
Đương yên mà vẫn nhớ rành cơn nguy.
Đang còn, vẫn sợ mất đi,
Nước yên mà vẫn phòng khi ly loàn.
Biết lo thân mới được an,
Biết lo nên mới bảo toàn quốc gia.

Dịch rằng:

Rằng nguy rằng hỏng mới là,

Khóm dâu vững chãi thiết tha buộc ràng. [11]

---

[1] Wieger dịch như sau: «Agir sans agir, s'occuper sans s'occuper, gouter sans gouter; voir du même oeil le grand, le petit, le beaucoup, le peu, faire le même cas des reproches et des remerciements; voilà comme fait le Sage.»

[2] Xem Trung Dung, chương 11 và 15.

[3] Xem Đại Học, chương 3: Vi nhân quân, chỉ ư nhân; vi nhân thần, chỉ ư kính; vi nhân tử, chỉ ư hiếu; vi nhân phụ, chỉ ư từ; dĩ quốc nhân giao chỉ ư tín. 為 人 君 止 於 仁; 為 人 臣 止 於 敬; 為 人 子 止 於 孝; 為 人父 止 於 慈; 以 國 人 交 止 於 信.

[4] Nhược đăng cao tất tự ti; nhược trắc hà tất tự nhĩ. 若 登 高 必 自 卑, 若 陟 遐 必 自 邇 (Như trèo cao, tất tự thấp; như đi xa, tất tự gần.) Kinh Thư, Thái giáp hạ.

[5] Xem Lão tử Đạo Đức kinh, chương 64.

[6] Xem Trung Dung, chương 11 và 15.

[7] Qu'on ne peut se servir que de ce qu'on a sous la main. Cina Cerminara, De nombreuses demeures, traduction Sasia Erlics, Adyar, Paris 1966, p. 283.

[8] Encourager les faibles et ceux qui tombent; donner là force et du courage à ceux qui n'ont pas réussi.» Ib., p. 283.

[9] Soyez ce que vous devriez être à l'endroit où vous vous trouvez. Ib., p. 283.

[10] Commencez où vous êtes. Ib., p. 284. Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập II (Thượng Kinh), quẻ Bĩ, tr. 177; và tập III (Hạ Kinh), Hệ từ Hạ chương 5, tr. 527.

[11] Tử viết: Nguy giả an kỳ vị giả dã. Vong giả bảo kỳ tồn giả dã. Loạn giả hữu kỳ trị giả dã. Thị cố quân tử an nhi bất vong nguy. Tồn nhi bất vong vong. Trị nhi bất vong loạn. Thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo dã. Dịch viết kỳ vong kỳ vong. Hệ vu bao tang. 子 曰: 危 者 安 其 位 者 也. 亡 者 保 其 存 者 也. 亂 者 有 其 治 者 也. 是 故 君 子 安而 不 忘 危. 存 而 不 忘 亡. 治 而 不 忘 亂. 是 以 身 安 而 國 家 可 保 也. 易 曰 其 亡 其 亡 繫 于 苞 桑 (thích Bĩ cửu ngũ hào nghĩa: giải thích ý nghĩa hào cửu ngũ của quẻ Bĩ). Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập III (Hạ Kinh), tr. 527.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 64

THỦ VI

守 微

Hán văn:

其 安 易 持, 其 未 兆 易 謀. 其 脆 易 泮, 其 微 易 散. 為 之 於 未 有, 治 之 於 未 亂. 合 抱 之 木, 生 於 毫 末; 九 層 之 臺, 起 於 累 土. 千 里 之 行 始 於 足 下. 為 者 敗 之, 執 者 失 之. 是 以 聖 人 無 為 故 無 敗, 無 執 故 無 失. 民 之 從 事, 常 於 幾 成 而 敗 之. 慎 終 如 始 則 無 敗 事. 是 以 聖 人 欲 不 欲; 不 貴 難 得 之 貨; 學 不 學, 復 眾 人 之 所 過. 以 輔 萬 物 之 自 然 而 不 敢 為.

Phiên âm:

1. Kỳ an dị trì, kỳ vị triệu dị mưu. Kỳ thúy dị phán,[1] kỳ vi dị tán. Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn.

2. Hợp bão chi mộc, sinh ư hào mạt; cửu tầng chi đài, khởi ư lũy thổ. Thiên lý chi hành thủy ư túc hạ.

3. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi. Thị dĩ thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất.

4. Dân chi tùng sự, thường ư cơ [2] thành nhi bại chi. Thận chung như thủy tắc vô bại sự.

5. Thị dĩ, thánh nhân dục bất dục; bất quý nan đắc chi hoá; học bất học, phục chúng nhân chi sở quá. Dĩ phụ [3] vạn vật chi tự nhiên nhi bất cảm vi.

Dịch xuôi:

1. Vật yên dễ cầm, vật chưa phát lộ, dễ lo. Vật mềm mỏng dễ phá; vật nhỏ dễ làm tan. Làm khi chưa hình hiện, trị khi chưa loạn.

2. Cây to một ôm sinh tự gốc nhỏ xíu; đài cao chín tầng khởi từ mô đất; cuộc viễn hành nghìn dặm khởi từ dưới chân.

3. Làm thì hỏng, giữ thì mất. Cho nên thánh nhân không làm nên không hỏng, không giữ nên không mất.

4. Người dân làm việc thường thất bại lúc sắp thành công. Cẩn thận lúc cuối như lúc đầu, nên không hỏng việc.

5. Cho nên thánh nhân muốn cái [mà người ta] không muốn; không chuộng những của cải khó tìm; học cái [mà người ta] không học; cải thiện lỗi lầm của chúng dân để giúp vạn vật sống tự nhiên mà không dám lao tác.

Dịch thơ:

1. Vật yên nên mới dễ dàng cầm,
Vật chưa mầm mộng, rộng tầm tính toan.
Càng mềm, càng dễ cho tan,
Nhỏ nhoi măng sữa dễ làm tiêu ma.
Làm khi chưa mới có là,
Trị khi chưa loạn mới ra vuông tròn.
2. Cây to cả sải tay ôm,
Thoạt tiên là một mầm non sá nào.
Đài cao cao chín tầng cao,
Cũng từ mặt đất xây cao dần dần.
Con đường nghìn dặm xa xăm,
Bắt đầu cũng ở dưới chân bộ hành.
3. Càng làm càng lắm tan tành,
Càng ôm càng mất, càng dành càng vương.
Mới hay đường lối thánh nhơn,
Chẳng làm nên chẳng lo lường bại vong.
Thênh thang dạ chẳng đèo bòng,
Khỏi điều mất mát, đỡ công tần phiền.
4. Thói thường lúc sắp làm nên,
Là khi lỡ vở đảo điên tan tành.
Một lòng sau trước đinh ninh,
Mới không thất bại, mới thành cơ ngơi.
5. Cho nên hiền thánh trên đời,
Chỉ say đạo cả, chơi vơi ngàn trùng.
Của khan vật hiếm chẳng mong,
Của đời người thế đèo bòng làm chi.
Học là học đạo siêu vi,
Dạy đời lầm lạc hướng đi tuyệt vời.

Giúp ai thanh thả đường đời,

Chứ không chọc nước quấy trời uổng công.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử bàn về những vấn đề sau:

1. Phải biết lo toan ngăn chận những công chuyện từ khi chúng chưa hình hiện mới hay.

2. Phải tuần tự nhi tiến.

3. Phải sống vô tư vô cầu.

4. Phải luôn luôn cẩn trọng đề phòng mới nên công.

5. Phải biết vươn lên tới bình diện siêu thức. Hãy giúp vạn vật sống tự nhiên.

1. Phải biết lo toan ngăn chận những công chuyện từ khi chúng chưa hình hiện mới hay.

Chủ trương này của Lão tử giống như chủ trương của Dịch kinh. Dịch vốn dạy «Phòng vi, đổ tiệm» 防微睹漸. Văn ngôn quẻ Khôn viết:

«Nhà nào tích thiện sẽ hay,

Nhà nào tích ác sẽ đầy tai ương.

Tôi mà dám giết quân vương,

Con mà giết bố, dễ thường ngày sao?

Việc đâu một sớm, một chiều,

Duyên do tích lũy, bao nhiêu lâu rồi.

Duyên do lần dẫn tới nơi,

Tại mình chẳng sớm phanh phui tỏ tường.

Dịch rằng: khi bước trên sương,

Hãy phòng băng cứng thời thường đến sau.

Ý rằng chuyện sẽ nối nhau,

Nếu mình để mặc từ đầu tới đuôi.» [4]

2. Phải tuần tự nhi tiến.

Đó là một nguyên tắc đạo hạnh mà Khổng giáo nhiều lần đề cập.

Đạo nào cũng chủ trương: Muốn lớn phải đi từ nhỏ; muốn cao phải đi từ thấp; muốn đi xa phải bắt đầu từ gần. Chương 63 Đạo Đức kinh nói: «Đồ nan ư kỳ dị. Vi đại ư kỳ tế.» 徒難於其易. 為大於其細. Trong lời bình giải tiết 2 của chương 62 chúng ta đã đọc qua những đoạn viện dẫn tương tự từ Trung Dung, Đại Học, và Kinh Thư.

Cổ nhân Trung Hoa từ ngàn năm trước Lão tử cũng đã chủ trương như vậy. Ở thềm miếu Hậu Tắc tổ tiên nhà Chu có một người vàng. Sau lưng có khắc những bài học luân lý đạo đức, trong có có đoạn sau:

«Lửa hừng mãi sẽ cao vươn,

Lửa vươn chất ngất muôn phương cháy rần.

Nước kia nhỏ giọt chẳng ngừng,

Sông con, sông cả vẫy vùng đó đây.

Sợi tơ kéo mãi cho dài,

Võng la giăng mắc khắp nơi trùng trùng.

Cành non để mọc đẫy tầm,

Búa rìu hồ dễ chặt phăng được nào.» [5]

Dịch kinh cũng khuyên: «Tích tiểu dĩ cao đại.» 積 小 已 高 大. [6]

3. Phải sống vô tư vô cầu.

Sống vô tư vô cầu mới được thảnh thơi sung sướng. Lao mình vào con đường tham cầu, sẽ khổ sở. Nơi lưng người vàng ở đền thờ Hậu Tắc cũng có ghi:

«Mặc người háo hức điêu linh,

Riêng ta, ta giữ tâm thành của ta.

Mặc người xuôi ngược bôn ba,

Riêng ta, ta vẫn ôn hòa thung dung.» [7]

4. Phải luôn luôn cẩn trọng đề phòng mới nên công.

Chương 62 Đạo Đức kinh đã chủ trương tương tự, ta không bàn thêm dài dòng mà chỉ. Chỉ ghi nhận nơi sau lưng người vàng ở đền Hậu Tắc có ghi:

«Ở đời thận trọng: Hay sao!

Rồi ra phúc khánh dạt dào láng lai.» [8]

5. Phải biết vươn lên tới bình diện siêu thức. Hãy giúp vạn vật sống tự nhiên.

«Dục bất dục, học bất học» chính là bỏ bình diện hữu vi hữu tướng để vươn lên bình diện vô vi vô tướng. Sau đó giúp con người sống tự nhiên thuần phác.

---

[1] Thúy 脆: già, yếu. Phán 泮 : tan, lở. Bản Hà Thượng Công chép là phá 破 .

[2] Cơ 幾: gần.

[3] Phụ 輔: giúp.

[4] Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương. Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất triêu nhất tịch chi cố. Kỳ sở do lai giả tiệm hĩ. Do biện chi bất tảo biện dã. Dịch viết: «Lý sương, kiên băng chí.» Cái ngôn thuận dã. 積 善 之 家,必 有 餘 慶 積 不 善 之 家,必 有 餘 殃 臣 弒 其 君 子 弒 其 父 非 一 朝 一 夕 之 故 其 所 由 來 者 漸 矣 由 辯 之 不 早 辯 也 易 曰 履 霜,堅 冰 至 蓋 言 順 也.

[5] Nguyễn văn Thọ, Chân dung Khổng tử, Khai Trí xuất bản, Saigon 1971, tr. 93.

[6] Dịch Kinh, quẻ Thăng 升, Đại tượng truyện.

[7] Sđd., tr. 94.

[8] Sđd., tr. 94.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	**65**	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 65

THUẦN ĐỨC

純 德

Hán văn:

古 之 善 為 道 者, 非 以 明 民, 將 以 愚 之. 民 之 難 治, 以 其 智 多. 故 以 智 治 國, 國 之 賊. 不 以 智 治 國, 國 之 福. 知 此 兩 者 亦 楷 式. 常 知 楷 式, 是 謂 玄 德. 玄 德 深 矣, 遠 矣, 與 物 反 矣. 然 後 乃 至 大 順.

Phiên âm:

1. Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi.[1]

2. Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa. Cố dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc. Bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc.

3. Tri thử lưỡng giả diệc khải thức.[2] Thường tri khải thức thị vị huyền đức. Huyền đức thâm hĩ, viễn hĩ, dữ vật phản hĩ. Nhiên hậu nãi chí đại thuận.

Dịch xuôi:

1. Xưa, kẻ khéo thi hành đạo thì không dạy cho dân trở nên xảo trá, mà giữ cho dân sống thuần phác.

2. Dân mà khó trị chính là vì nhiều trí mưu. Cho nên dùng trí trị nước chính là phá nước; không dùng trí trị nước tức là phúc cho nước.

3. Biết hai đường lối đó, có thể lấy đó làm mẫu mực. Luôn biết mẫu mực, thế là huyền đức. Huyền đức thâm viễn, tưởng là ngược với vật nhưng cuối cùng thật là xuôi.

Dịch thơ:

1. Nên những đấng am tường đạo cả,

Chẳng đem điều xảo trá dạy dân.

Muốn dân chất phác ôn thuần,

2. Vì càng xảo trá gian truân càng nhiều.

Trị dân chúng bằng mưu bằng chước,

Ấy là phường cướp nước hại dân.

Trị dân: mưu chước không cần,

Mới là minh đế, anh quân giúp đời.

3. Lẽ trị nước ngược xuôi là thế,

Biết ngược xuôi biết lẽ huyền vi.

Mới hay đạo cả diệu kỳ,

Ngàn tầm sâu thẳm muôn bề xa xôi.

Đem so đọ với đời: tưởng ngược,

Nào ngờ đâu sau trước vẫn xuôi.

BÌNH GIẢNG

Chương này chủ trương trị dân không nên kích thích thị dục, thị hiếu của dân, làm cho dân trở nên gian ngoan xảo trá, mà phải giữ cho dân được luôn phác thực.

Dân mà xảo trá sẽ khó cai trị, như vậy nước sẽ loạn ly. Nếu giữ cho dân sống thanh thản, thuần phác dân chúng sẽ tròn tín nghĩa với nhau.

Dân thuần phác sẽ đối đãi với nhau trung thực. Dân xảo trá sẽ đối đãi với nhau điêu ngoa. Mà lý tưởng của đời sống xã hội chính là đối với nhau cho trung thực, tránh mọi sự điêu ngoa. Chính vì thế mà Lão tử luôn cổ súy một đời sống hồn nhiên thuần phác.

---

[1] Minh 明, theo Vương Bật là đa kiến xảo trá 多 見 巧 詐 . Ngu 愚, theo Vương Bật là vô vi thủ chân, thuận tự nhiên 無 為 守 真 順 自 然.

[2] Khải thức 楷 式: mẫu mực, phép tắc. Bản Hà Thượng Công chép là khải thức. Các bản khác chép là kê (khể) thức 稽 式.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	**66**	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 66

HẬU KỶ [1]

後 己

Hán văn:

江 海 所 以 能 為 百 谷 王 者, 以 其 善 下 之, 故 能 為 百 谷 王. 是 以 欲 上 民 必 以 言 下 之. 欲 先 民 必 以 身 后 之. 是 以 聖 人 處 上 而 民 不 重, 處 前 而 民 不 害. 是 以 天 下 樂 推 而 不 厭, 以 其 不 爭.

Phiên âm:

1. Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương.

2. Thị dĩ dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi. Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi. Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại. Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm, dĩ kỳ bất tranh.

Dịch xuôi:

1. Sông biển sở dĩ làm vua trăm hang suối chính vì khéo ở chỗ thấp, vì thế nên làm vua trăm hang suối.

2. Bởi vậy, muốn ngồi trên dân, ắt phải lấy lời mà hạ mình muốn đứng trước dân, ắt phải để thân mình ra sau. Vậy nên, thánh nhân ở trên dân mà dân không thấy nặng, ở trước dân mà dân không thấy hại. Cho nên thiên hạ thích thôi thúc (cổ võ) mà không chán. Vì không tranh, nên thiên hạ không tranh với mình.

Dịch thơ:

1. *Sông biển kia cớ sao mà trọng,*

Nước muôn khe thao túng vì đâu.

Biển sông vì thấp vì sâu,

Cho nên mới được đứng đầu muôn khe.

2. *Muốn cao cả, ngôi che nhân thế,*

Phải hạ mình nhỏ nhẹ khiêm cung.

Cầm đầu phải ẩn sau lưng,

Mình sau người trước chứ đừng kiêu căng.

Cho nên những nhân quân thánh đế,

Ở trên dân dân nhẹ như không.

Trước dân dân vẫn nức lòng,

(Kẻ tung người hứng như rồng gặp mây.)

Dạ vốn chẳng toan bày tranh chấp,

Thế cho nên chẳng gặp đấu tranh.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại dạy người trên phải hạ mình khiêm cung.

Lão tử cho rằng nếu người trên khiêm cung sẽ làm cho lòng muôn dân qui tụ về; cũng như sông biển vì ở chỗ thấp nên nước muôn khe đều đổ xuống. Nơi chương 8 ta cũng đã thấy câu: «Thượng thiện nhược thủy.» 上 善 若 水.

Lão tử cho rằng người trên lời ăn tiếng nói phải từ tốn, tác phong cử chỉ phải cho lễ độ. Nơi chương 39 và 42, Lão tử cũng đã chứng minh rằng các bậc vương hầu xưa thường xưng mình là:

- Cô 孤 (côi cút)

- Quả 寡 (bạc đức)

- Bất cốc 不 穀 (Không lành)

Nơi chương 61, Lão tử cũng đã khuyên: «Đại giả nghi vi hạ.» 大 者 宜 為 下 (Kẻ cả thời phải hạ mình.) Tư tưởng của Lão tử cũng giống tư tưởng của Dịch kinh. Dịch Kinh hết sức đề cao sự khiêm cung. Dịch Kinh nơi Thoán truyện quẻ Khiêm 謙 viết đại khái như sau:

Thoán rằng: Khiêm tốn mới hay,

Trời kia giúp dưới nên đầy quang minh.

Đất kia chốn thấp phận đành,

Thấp nên mới có công trình vươn cao.

Trời làm vơi chốn dồi dào,

Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.

Đất xoi mòn bớt cao phong,

Để cho lòng biển lòng sông thêm đầy.

Quỉ thần hại kẻ no đầy,

Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.

Người thường ghét kẻ thừa dùng,

Còn người khiêm tốn thực lòng thời ưa.

Trên Khiêm thì sáng mãi ra,

Dưới Khiêm ai kẻ hơn ta được nào.

Khiêm cung giữ vẹn trước sau,

Rồi ra quân tử gót đầu hanh thông. [2]

Cuối cùng Lão tử dạy người trên không nên tranh chấp, như vậy sẽ thoát tranh chấp. Chương 22 Đạo Đức Kinh cũng đã thấy viết: «Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.» 夫 唯 不 爭 故 天 下 莫 能 與 之 爭.

Nếu ta nghịch với người, người sẽ nghịch với ta; nếu ta ưa gây mâu thuẫn, người cũng sẽ ưa gây mâu thuẫn với ta. Bằng nếu ra hòa dịu, thuận xử với người âu người cũng sẽ hòa dịu thuận xử với ta. Đó là một định luật nhân sinh vậy!

---

[1] Xem thêm chương 67, đoạn 2: Tam viết mạc cảm vi thiên hạ tiên. 三 曰 莫 敢 為 天 下 先.

[2] Thoán viết: Khiêm, hanh. Thiên đạo hạ tế nhi quang minh. Địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỉ thần hại doanh nhi phúc khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi hiếu khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ti nhi bất khả du. Quân tử chi chung dã. 彖 曰 :謙 亨 . 天 道下 濟 而 光 明 . 地 道 卑 而 上 行 . 天 道 虧 盈 而 益 謙 . 地 道 變 盈 而 流 謙 . 鬼 神 害 盈 而 福 謙 . 人 道 惡 盈 而 好 謙 . 謙 尊 而 光,卑 而 不 可 踰 . 君 子 之 終 Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn, tập II (Thượng Kinh), tr. 212.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	**67**	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 67

TAM BẢO

三 寶

Hán văn:

天 下 皆 謂 我 大 似 不 肖. 夫 唯 大, 故 似 不 肖. 若 肖 久 矣, 其 細 也 夫. 我 有 三 寶, 持 而 保 之. 一 曰 慈, 二 曰 儉, 三 曰 不 敢 為 天 下 先. 慈 故 能 勇; 儉 故 能 廣; 不 敢 為 天 下 先 故 能 成 器 長. 今 舍 慈 且 勇, 舍 儉 且 廣, 舍 後 且 先, 死 矣. 夫 慈 以 戰 則 勝, 以 守 則 固. 天 將 救 之, 以 慈 衛 之.

Phiên âm:

1. Thiên hạ giai vị ngã đại [1] tự bất tiếu. Phù duy đại, cố tự bất tiếu. Nhược tiếu cửu hĩ, kỳ tế dã phù. [2]

2. Ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi. Nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên. Từ cố năng dũng; kiệm cố năng quảng; bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng.

3. Kim xả từ thả dũng, xả kiệm thả quảng, xả hậu thả tiên, tử hĩ.

4. Phù từ dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố. Thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi.

Dịch xuôi:

1. Thiên hạ cho ta là trọng đại, mặc dầu ta phong thái tầm thường. Cao đại chính là ỏ chỗ vẻ ngoài tầm thường. Còn nhiều kẻ làm ra vẻ quan trọng nhưng chính lại hết sức tầm thường, nhỏ mọn.

2. Ta có ba báu vật, ta hết sức nắm giữ chắt chiu. Một là khoan từ. Hai là tiết kiệm. Ba là không dám đứng trước thiên hạ (coi mình hơn người). Khoan từ nên mới hùng dũng. Tiết kiệm nên mới rộng rãi. Không dám đứng trước người, nên mới được hiển dương.

3. Nay người ta bỏ khoan từ, chạy theo dũng lực; bỏ tiết kiệm chạy theo phung phí; bỏ chỗ sau mà tranh chỗ trước; thế là chết vậy.

4. Lấy khoan từ mà tranh đấu sẽ thắng, mà cố thủ sẽ vững. Trời muốn cứu ai, lấy khoan từ mà bảo vệ cho.

Dịch thơ:

1. *Đời thường nói ta đây trọng đại,*

Mặc dầu ta phong thái tầm thường.

Tuy ta cao quí đường đường,

Nhưng ta dung dị in dường chúng dân.

Càng uốn éo mười phân kiểu điệu,

Càng đơn sai càng thiếu thiện căn.

2. *Đây ba bảo vật ta cầm,*

Ta ôm, ta ấp bất phân tháng ngày.

Một là từ ái với người,

Hai là cần kiệm của trời chẳng khinh.

Ba là chẳng dám ỷ mình,

Không kênh, không kiệu, không tranh hơn người.

Có từ ái tức thời mới mạnh,

Có chắt chiu mới thịnh mới xương.

Ở đời có biết nhún nhường,

Mới mong địa vị hiển dương có ngày.

3. *Nay thiên hạ chỉ say dũng mãnh,*

Quên nhân từ, ưa mạnh hơn người,

Những ưa phóng dật thảnh thơi,

Xa bề cần kiệm sống đời xa hoa.

Không nhường nhịn chỉ ưa tranh đấu.

Thích hơn người là dấu bại vong,

4. Nhân từ là mẹ thành công,

Hai đường tiến thủ tinh ròng cả hai.

Trời kia muốn vì ai bảo trợ,

Đem nhân từ đến chở che cho.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử đề cao sự dung dị và ba nhân đức: Từ ái, tiết kiệm, khiêm cung.

Sự dung dị chính là ấn tín của một tâm hồn cao siêu. Trung Dung cũng đã đề cao đời sống dung dị: «Cư dị dĩ sĩ mệnh.» 居 易 以 俟 命 (Trung Dung 中 庸, chương 14).

Đời sống các vị giáo chủ vừa cao siêu vừa dung dị. Ví dụ đời sống Chúa Cơ Đốc chính là điển hình của sự dung dị.

Tiếp đến Lão tử khuyên ta nên từ ái 慈 愛, tiết kiệm 節 儉, khiêm cung 謙 恭. Từ ái tức là thương yêu mọi người. Tiết kiệm tức là quí trọng tài vật của trời. Khiêm cung tức là quí trọng tha nhân.

Các vua chúa xưa cũng thường giữ ba nhân đức này:

– Về từ 慈, phương châm của thánh vương xưa là: «Hành nhất bất nghĩa, sát nhân bất cô nhi đắc thiên hạ, giai bất vi dã.» 行 一 不 義,殺 一 人 不 辜 而 得 天 下 皆 不 為 也 (Làm một việc bất nghĩa, giết một kẻ vô tội để được thiên hạ, cũng không hề làm.)[3]

– Về sự cần kiệm 勤 儉, ta thấy gương tích của Minh thế tổ 明 世 祖 như sau:

Một hôm vua thấy một quan hoạn mang đôi giày mới mà chạy ngoài sân, vua nổi giận truyền chỉ đòi vào mà quở rằng: «Đôi giày tuy là vật mọn, xong cũng của quốc gia, mà của quốc gia là tiền thuế của dân dâng cấp cho quan quân chi dụng. Vả lại công làm đôi giày cũng lâu lắc, chẳng phải một ngày hay một buổi mà rồi? Lẽ nào ngươi dám hủy của như vậy? Trẫm nghe nói vua Nguyên Thái tổ thấy quan hoạn đi giày mới mà quăng giày cũ, thì xử trượng mà quở rằng: Da chưa rách sao lại quăng đi, ấy là phí của quá lẽ ! Trẫm rất khen lời ấy. Vì con người trong lúc còn khốn nạn nghèo nàn, nhờ cần kiệm mà khá, đến khi mới giàu sang lại sinh sự xài phí quá lẽ cho đến nỗi phải suy vi. Từ rày sắp sau, bá quan gần đi chầu mà gặp trời mưa, thì được phép mặc áo đầu cũng đội nón, mang tơi tùy ý.» [4]

– Về sự khiêm cung 謙 恭 giúp con người nên việc, chúng ta hẳn nhớ tích Lưu Bị ba lần đến thảo lư cầu Khổng Minh, nhờ vậy mới gầy dựng được cơ đồ nhà Hán, chiếm Ba Thục cùng với Ngô, Ngụy, lập thành Tam Quốc.

Nếu bỏ Từ 慈, Kiệm 儉, Khiêm 謙 và theo con đường cậy mạnh tranh khôn, xa hoa phù phiếm, hống hách kiêu căng, chắc sẽ đi đến tử vong.

Cuối cùng, Lão tử lại lấy chữ Từ 慈 mà kết thúc chương. Mới hay lòng nhân từ khoan hậu là một đức tính hết sức cao quí vậy.

---

[1] Có sách viết: Thiên hạ giai vị ngã Đạo đại 天 下 皆 謂 我 道 大 (bản Vương Bật).

[2] Léon Wieger dịch câu này như sau: Tout le monde sait, au contraire, combien ceux qui posent pour nobles, sont hommes de mince valeur.

[3] Mạnh tử, Công tôn Sửu, chương cú thượng.

[4] Xem Đại Minh Hồng Võ 大 明 洪 武 . Thanh Phong dịch, tr. 285.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	**68**	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 68

PHỐI THIÊN

配 天

Hán văn:

善 為 士 者 不 武. 善 戰 者 不 怒. 善 勝 敵 者 不 與. 善 用 人 者 為 之 下. 是 謂 不 爭 之 德. 是 謂 用 人 之 力. 是 謂 配 天, 古 之 極.

Phiên âm:

1. Thiện vi sĩ giả bất vũ. Thiện chiến giả bất nộ. Thiện thắng địch giả bất dữ. [1]

2. Thiện dụng nhân giả vi chi hạ. Thị vị bất tranh chi đức. Thị vị dụng nhân chi lực. Thị vị phối Thiên, cổ chi cực.[2]

Dịch xuôi:

1. Tướng giỏi không dùng vũ lực. Người chiến đấu giỏi không giận dữ. Người khéo thắng không giao tranh với địch.

2. Khéo dùng người là hạ mình ở dưới người. Thế gọi là cái đức của không tranh. Thế là dùng sức người. Thế là kết hợp với Trời, cực điểm của người xưa.

Dịch thơ:

1. *Khéo cai trị không cần uy vũ,*

Chiến trận tài không cứ căm hờn.

Thắng người đâu tại tranh hơn,

2. *Dùng người khéo chỗ biết tôn trọng người.*

Thế là chẳng ganh tài vẫn thắng,

Thế là khiêm mà vẫn trị người

Thế là kết hợp với Trời,

Thế là diệu pháp của người đời xưa.

BÌNH GIẢNG

Mọi người thường lấy binh pháp 兵 法 để giải chương này.

Nếu lấy binh pháp mà giải, thì ta thấy Khổng Minh xưa chỉ dùng có ba tấc lưỡi mà đã thuyết phục được Tôn Quyền, Chu Du chống lại Tào Tháo. Chỉ dùng mưu lược mà đã lập nên trận hỏa công phá hạ 100 vạn quân Tào trên sông Xích Bích; thế là giỏi đánh giặc không cần vũ lực, giỏi thắng giặc chẳng cần đích thân giao phong với giặc.

Hà Thượng Công dùng đạo pháp 道 法 để giải chương này. Đại khái: Người quí đạo đức không cần vũ lực. Người dùng đạo để chiến thắng, ngăn chặn người tà ngụy khi chúng mới hiện ra nơi tâm, tuyệt họa hại ngay từ khi chúng chưa mầm mộng. Chẳng cần gì phải lôi đình thịnh nộ giết chóc ra uy.

Muốn thắng người hãy thắng bằng lòng nhân đức, dùng tình thương mến liên kết với người gần mình, thế là chẳng cùng người giao tranh mà người vẫn phục.

Đối với mọi người mình một dạ khiêm cung, biết cách khai thác điều khiển khả năng từng người, biết phối hợp khả năng mọi người theo một chiều hướng xây dựng.

Nếu làm được như vậy tức là đức độ phối kết với Trời, và đó cũng là yếu đạo của người xưa.

Suy cho cùng, thì chương này xác định thái độ của thánh nhân. Nên đi chiều thuận của trời đất, nhân sinh, hay nên đi chiều nghịch? Và trả lời dĩ nhiên là nên đi chiều thuận.

Chiều thuận là chiều sinh, là chiều yêu thương, hòa hài, thông cảm cộng tác. Chiều nghịch là chiều khắc, là chiều chống đối, hận thù, đấu tranh, phá hoại.

Mà người xưa đã nói:

Thuận giả xương 順 者 昌 (thuận thì hay)

Nghịch giả ương 逆 者 殃 (nghịch thì hại).

Thuận cảnh, thuận nhân, thuận thời, thuận thế, thuận tuổi tác, tùy trình độ mình, người mà xử sự sẽ đem lại nhiều kết quả mà lại ít tốn sức. Đó chính là định luật: Cố gắng tối thiểu (loi du minium d'effort).

Tìm ra được những định luật chi phối hoàn võ và nhân sinh, tìm ra được những định luật chi phối sự tiến triển của hoàn võ và nhân sinh, rồi ung dung mà tiến bước, tức là sống hồn nhiên, tự tại.

Mà hồn nhiên tự tại tức là Thời Trung 時 中, lúc nào cũng sống một đời sống lý tưởng, lúc nào cũng sống theo luật Trời, phối kết với Trời, thế là đạo cao diệu nhất từ xưa tới nay vậy.

Riêng tôi, tôi rất chú trọng đến câu Thị vị phối Thiên, cổ chi cực 是 謂 配 天 古 之 極 của Lão tử, vì câu này chúng ta biết đâu là tinh hoa của đạo giáo từ thượng cổ tới nay.

Tinh hoa ấy, chỗ cao siêu nhất mà con người có thể đạt được về phương diện đạo giáo, chính là: Sống phối kết với Trời (Phối Thiên 配 天). Phật giáo, Ấn giáo gọi thế là Nirvana (Niết Bàn) mà Nirvana theo từ nguyên chính là: «Diệt hết mọi hình tướng; Phối kết với Thượng đế.» [3]

Trung dung gọi thế là Phối Thiên 配 天. Công giáo gọi thế là Sống Hợp Nhất với Thượng đế. [4] Bất kỳ theo tôn giáo nào, mà thực hiện được hai chữ Phối Thiên tức là đạt Đạo vậy.

[1] Bất dữ 不 與: Bất dữ địch tranh nhi địch tự phục 不 與 敵 爭 而 敵 自 服 (Hà Thượng Công).

[2] Thị vị phối Thiên cổ chi cực. 是 謂 配 天 古 之 極 .

(1) Hà Thượng Công giải: Đó là đức hợp với Trời. Đó là Đạo cực cần yếu của người xưa. (Dĩ đức phối Thiên... Thị nãi cổ chi cực yếu đạo dã 以 德 配 天 ... 是 乃 古 之 極 要 道 也).

(2) Bản của Lưu Tư, bản của Du Việt: Thị vị phối Thiên chi cực 是 謂 配 天 之 極.

(3) Bản của Mã Kỳ Sưởng: Thị vị phối Thiên cực 是 謂 配 天 極 (Đó là hợp với chỗ cùng cực của Đạo Trời.)

[3] Xem Soderblom Nathan, La vie future d'après le Mazdéisme (Ernest Leroux éditeurs, 28 Rue Bonaparte, Paris 1901), đoạn nói về Nirvana.

[4] Comme toi, Père, tu es en moi et moi en toi, qu'eux aussi soient un en nous. Jean 17, 21.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	**69**	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 69

HUYỀN DỤNG

玄 用

Hán văn:

用 兵 有 言, 吾 不 敢 為 主, 而 為 客. 不 敢 進 寸 而 退 尺. 是 謂 行 無 行, 攘 無 臂, 扔 無敵, 執 無 兵. 禍 莫 大 於 輕 敵, 輕 敵 幾 喪 吾 寶. 故 抗 兵 相 加. 哀 者 勝 矣.

Phiên âm:

1. Dụng binh hữu ngôn, ngô bất cảm vi chủ, nhi vi khách. Bất cảm tiến thốn nhi thoái xích.

2. Thị vị hành vô hành, nhương [1] vô tí, [2] nhưng [3] vô địch, chấp vô binh.

3. Họa mạc đại ư khinh địch, khinh địch cơ táng ngô bảo. Cố kháng binh tương gia. Ai giả thắng hĩ.

Dịch xuôi:

1. Dụng binh có câu: Thà làm khách hơn làm chủ. Chẳng dám tiến một tấc, mà lui một thước.

2. Cho nên thánh nhân chẳng đi mà vẫn đi, đuổi mà không dùng tay, bắt mà không đối địch, cầm giữ mà không binh khí.

3. Không họa nào lớn bằng khinh địch, khinh địch là mất của báu, cho nên khi giao binh, người nào thận trọng từ nhân sẽ thắng.

Dịch thơ:

1. Dùng binh xưa đã có lời,

Thà ngôi tân khách, hơn ngôi chủ nhà.

Tiến lên một tấc rầy rà,

Thà lùi một thước vẫn là phần hơn.

2. Chẳng đi mà vẫn tiến luôn,

Khoanh tay mà vẫn đẩy muôn địch thù.

Thắng người chẳng cứ đôi co,

Chẳng cần binh lực vẫn thừa quyền uy.

3. Hại thay những thói khinh khi,

Càng khinh địch lắm càng nguy cơ nhiều.

Rồi ra xơ xác đến điều,

Bao nhiêu bảo vật ngọn triều trôi xuôi.

Nên khi đụng độ tranh tài,

Người nào thận trọng là người sẽ hơn.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử đề cập binh pháp.

Đại khái chương này có bốn ý chính:

1. Không được gây chiến, chỉ nên ứng chiến.
2. Khi cầm quân phải lo bảo toàn lực lượng mình, mặc dù phải lui.
3. Có nhiều cách khác để thắng trận (như ngoại giao, chính trị, tuyên truyền); chẳng nhất thiết phải dùng binh lực đụng độ mới có thể thắng trận.
4. Lúc ra quân chẳng nên khinh địch.

Có nhiều nhà bình giải cho rằng chương này là của người sau thêm vào. Theo tôi, Lão tử vẫn có thể phát biểu ý kiến về chiến tranh, vì chiến tranh vẫn là một khía cạnh xưa nay của con người.

1. Không nên gây chiến, chỉ nên ứng chiến

Người gây chiến gọi là chủ. Kẻ ứng chiến gọi là khách. Con người không nên gây chiến đem tang tóc lại cho nhân quần, nhưng nhiều khi cần phải ứng chiến để «thế thiên hành đạo», «thảo tội, an dân». Gây chiến là nghịch Thiên, còn ứng chiến chính là thuận Thiên.

2. Khi cầm quân phải lo bảo toàn lực lượng mình, mặc dù phải lui

Đọc lịch sử các danh tướng chỉ đánh khi mạnh, còn lui khi yếu. Bái Công, theo kế sách của Trương Lương, luôn luôn tỏ ra nhũn nhặn, nhún nhường, luôn luôn lui trước Hạng Võ, khi biết mình chưa đủ tài kháng cự. Nhưng khi đã thâu phục được Hàn Tín rồi, mới bắt đầu phản công, bắt đầu tung hoành, để thu phục giang sơn.

3. Có nhiều cách để thắng trận (như ngoại giao, chính trị, tuyên truyền); chẳng nhất thiết phải dùng binh lực mới thắng trận.

Tư Mã Ý đã dùng cách án binh bất động, tránh né mọi cuộc đụng độ với binh tướng Khổng Minh, lại khéo mua chuộc lòng hoạn quan Ba Thục, gây hoang mang chia rẽ giữa vui tôi Ba Thục, mà rút cuộc đã thắng được Khổng Minh.

4. Lúc ra quân chẳng nên khinh địch.

Tào Tháo chính vì khinh địch nên đã thua trận Xích Bích. Bàng Quyên chính vì khinh địch nên đã bị

Tôn Tẫn giết ở gò Mã Lăng. [4] Triệu Quát vì khinh địch nên đã bị tướng Tần là Bạch Khởi tiêu diệt cùng với 450. 000 quân Triệu. [5]

---

[1] Nhương 攘: bắt lấy; đẩy ra; đuổi đi được.

[2] Tí 臂 (tý): tay.

[3] Nhưng: cầm, bắt. Có sách viết là 仍, có sách viết là 扔.

[4] Xem Đông Châu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, tr. 1056.

[5] Xem Đông Châu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, tr. 1168.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	**70**	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 70

TRI NAN

知 難

Hán văn:

吾 言 甚 易 知, 甚 易 行. 天 下 莫 能 知, 莫 能 行. 言 有 宗, 事 有 君. 夫 唯 無 知, 是 以 我不 知. 知 我 者 希, 則 我 者 貴. 是 以 聖 人 被 褐 而 懷 玉.

Phiên âm:

1. Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.

2. Ngôn hữu tông, sự hữu quân.

3. Phù duy vô tri, thị dĩ ngã bất tri. Tri ngã giả Hi, tắc ngã giả quý. Thị dĩ thánh nhân, bị hạt [1] hoài ngọc.

Dịch xuôi:

1. Lời ta rất dễ biết, rất dễ làm. Thiên hạ chẳng biết chẳng làm.

2. Lời ta có duyên do, việc ta có mấu chốt.

3. Thiên hạ không biết thế, nên không hiểu ta. Ít người hiểu ta, nên ta mới quý. [2] Cho nên thánh nhân mặc áo vải mà chứa ngọc.

Dịch thơ:

1. Lời ta dễ biết dễ làm,

Nhưng mà thiên hạ chẳng am, chẳng tường.

2. Lời ta nói có chủ trương,

Việc ta vốn có lối đường chốt then.

3. Nhưng mà tục tử ngu hèn,

Hiểu ta chẳng nổi chuyện xem thường tình.

Hiểu ta mấy bậc tinh anh,

Ít người hiểu nổi nên danh càng lừng.

Xưa nay những bậc thánh nhân,

Ngọc tàng dưới lớp áo quần xác xơ.

BÌNH GIẢNG

Lão tử đã nói đúng: Lời ngài rất dễ biết, dễ làm.

1. Dễ biết, vì ngài chủ trương:

a. Dưới cái ta vô thường vô định, còn có Đạo thể duy nhất bất biến, nguồn sinh ra ta cũng như vũ trụ. Đó là bản thể hằng cửu, là nguyên lý, là căn cơ sinh ra vạn hữu. Ngài mệnh danh đó là Đạo.

b. Đời sống của chúng ta cốt là để thực hiện, cốt là liễu đạt cái chân lý, đồng thời cũng là cái bản thể vĩnh cửu ấy của ta.

2. Dễ làm vì ngài chủ trương:

a. Muốn thực hiện công trình này, không cần phải đi đâu xa xôi, nhưng mà có thể ngồi ngay tại nhà, với cửa đóng then cài.

b. Đời sống đạo hạnh cao siêu nhất chính là một đời sống giản dị, khiêm cung, thuận theo các định luật tự nhiên của trời đất, và nhân sinh lý tưởng. Thiên hạ vì cho rằng Đạo, Trời ở ngoài ta, hay ở trên ta, nên không tìm ra được đầu mối cũng như cùng đích của cuộc sống; không tìm ra được duyên do đã sinh ra kiếp phù sinh, cũng như không tìm ra được cùng đích và đường lối để quay về với căn nguyên vĩnh cửu ấy. [3]

Chính vì ít người hiểu, mà Lão tử càng có một địa vị cao siêu. Cuối cùng Lão tử cho rằng thánh nhân là những người mang đầy châu ngọc trong người. Mang châu ngọc trong người, vì mang Đạo trong người, vì đã trở nên một với Bản thể của vũ trụ.

---

[1] Bị hạt 被 褐: mặc áo vải thô.

[2] Cũng có thể dịch: Kẻ bắt chước ta thời quí.

[3] Đức Khổng cũng than đời chẳng biết ngài: Tử viết: mạc ngã tri dã phù. 子 曰 莫 我 知 也 夫. Xem Luận Ngữ 論 語, Hiến Vấn 憲 問 thiên 14, chương 37.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	**71**	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 71

TRI BỆNH

知 病

Hán văn:

知 不 知 上, 不 知 知 病. 夫 唯 病 病, 是 以 不 病. 聖 人不 病, 以 其 病 病, 是 以 不 病.

Phiên âm:

1. Tri bất tri thượng, bất tri tri bệnh.[1]

2. Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

3. Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Dịch xuôi:

1. Biết điều không biết là cao. Không biết điều đáng biết là bệnh.

2. Biết sợ bệnh, thì không bệnh.

3. Thánh nhân không bệnh, vì biết sợ bệnh, thế nên không bệnh.

Dịch thơ:

1. Biết điều không biết mới cao,

Mờ điều đáng biết lẽ nào chẳng đau.

2. Bệnh nàn mà biết lo âu,

Rồi ra mới được trước sau khang cường.

3. Thánh nhân bệnh hoạn chẳng vương,

Vì hay phòng bệnh, nên thường khang an.

BÌNH GIẢNG

1. Người đời thường biết đủ mọi chuyện tạp nhạp mà lại không biết chuyện quan thiết nhất của đời mình; chuyện quan thiết đó là:

a. Bản thể mình đồng nhất với bản thể thần minh, với Đạo với Lý Chân thường vĩnh cửu.

b. Mình có thể trở nên cao đại vô cùng vô tận, nếu thực hiện được Đạo, nếu liễu đạt được Căn nguyên bản thể.

Điều đáng biết ấy mà không biết thời thực là tai hại hết sức.

Ngoài ra, nếu chúng ta biết vệ sinh, biết phòng bệnh, thì chúng ta cũng có thể sống một đời sống khỏe mạnh hẳn hoi.

Đã đành đời sống chúng ta chịu ảnh hưởng của di truyền (détermination génotypique), nhưng nó cũng chịu ảnh hưởng lớn của sự điều động, của hành vi chúng ta (détermination phénotypique). Đó là một điều mà lẽ phải cũng như khoa học ngày nay đã công nhận.

Hiểu lẽ ấy chúng ta sẽ hăng hái [2] tạo cho mình một đời sống càng ngày càng hoàn hảo hơn.

---

[1] Dịch được hai cách:

(1) Biết điều không biết mới cao. Không biết điều đáng biết ấy là bệnh.

(2) Biết mà như không biết mới cao. Không biết mà làm như biết là bệnh.

Xem Luận ngữ 論 語, Vi chính 為 政, thiên 2, chương 17: Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã. 知 之 為 知 之, 不 知 為 不 知, 是 知 也.

[2] À la détermination génotypique des caractéristiques de l'être humain s'ajoute encore la détermination «phénotypique». Il faut entendre par là les particularités pHi sioloqiques qu'il n'a pas héritées, mais que le dévelopement vital individuel lui a fait acquérir.

Dr. I Klug, Les Profondeurs de l'Âme, Éditions Salvator Mulhouse (Haut Rhin), 1951, p. 26.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	**72**
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 72

ÁI KỶ

愛 己

Hán văn:

民 不 畏 威, 則 大 威 至. 無 狎 其 所 居, 無 厭 其 所 生. 夫 唯 不 厭, 是 以 不 厭. 是 以聖 人 自 知 不 自 見, 自 愛 不 自 貴. 故 去 彼 取 此.

Phiên âm:

1. Dân bất [1] úy uy, tắc đại uy chí.

2. Vô hiệp [2] kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh. Phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm.

3. Thị dĩ thánh nhân, tự tri bất tự kiến, tự ái bất tự quý. Cố khứ bỉ, thủ thử. [3]

Dịch xuôi:

1. Dân mà không sợ cái đáng sợ, tất cái sợ lớn sẽ đến.

2. Đừng khinh chỗ mình ở, đừng chán đời sống mình. Vì không chê nên không chán.

3. Cho nên thánh nhân biết mình, và không cầu người biết, yêu mình mà không cần người trọng. Cho nên bỏ cái kia giữ cái này.

Dịch thơ:

1. Những người chẳng sợ chẳng kinh,

Có ngày sẽ phải tan tành xác ve.

2. Cửa nhà chật hẹp chẳng chê,

Cuộc đời đáng sống chớ nề hà chi.

Chẳng chê cũng chẳng khinh khi,

Cho nên vui sống, còn gì hay hơn.

3. Cho nên phàm đấng thánh nhân,

Trọng mình nhưng chẳng tranh khôn với người.

Yêu mình nhưng chẳng đua đời,

Chẳng cần danh giá, chẳng đòi tiếng tăm.

Nguồn cơn rõ lẽ biến hằng,

Biết buông cái dở, biết cầm cái hay.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử lại đề cập ba vấn đề:

1. Nên cẩn trọng, đề phòng hiểm họa.

2. Đừng khinh chê hoàn cảnh hiện tại của mình.

3. Hãy tự trọng nhưng không cầu danh; tự ái nhưng không cầu tha nhân tôn trọng, quí hóa mình.

1. Nên cẩn trọng đề phòng hiểm họa.

Đó là một bài học khôn ngoan tối thiểu. Luận Ngữ cũng nói: «Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.» 人無遠慮必有近憂 (Người không lo xa, tất sẽ có cái buồn gần.) [4]

Câu «Cư an, tư nguy» 居安思危 ngày nay cũng trở thành phương châm hoạt động.

Dịch Kinh nơi quẻ Khôn và quẻ Bĩ cũng đã nhiều lần dạy người bài học nói trên. [5]

2. Đừng khinh chê hoàn cảnh hiện tại của mình.

Nghèo không khổ, khổ vì mình nghèo mới là khổ. Đức Khổng cũng nói: «Phạn sơ tự ẩm thủy, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quí, ư ngã như phù vân.» 飯疏食飲水,曲肱而枕之,樂亦在其中矣. 不義而富且貴,於我如浮雲 (Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu, vẫn thấy vui. Bất nghĩa mà phú quí, thì ta coi như mây nổi.) [6]

3. Hãy tự trọng nhưng không cầu danh, tự ái nhưng không cầu tha nhân tôn trọng quí hóa mình.

Âu Châu thường dạy rằng con người đạo đức phải khinh miệt mình, ghét bỏ mình, phải đi vào con đường vong thân (aliénation) cho xã hội.

Á Châu, trái lại, dạy rằng con người đạo đức phải tự trọng, tự ái, phải tự do, tự chủ.

Khổng tử cũng nói: «Này một con người tự khinh khi mình trước, rồi kẻ khác mới khinh khi mình. Một nhà tự hủy hoại mình trước, rồi kẻ khác mới hủy hoại nhà mình.»[7]

Thiên Thái Giáp 太甲 trong Kinh Thư có chép: «Những tai ách do Trời làm ra, mình còn tránh được. Những tai ách tự mình gây nên, thì mình phải chết.» [8]

Mới hay «Linh tại ngã, bất linh tại ngã.» 靈在我不靈在我. Cho nên thánh nhân nhận chân được giá trị nội tại của mình.

Tự trọng vì biết trong lòng mình có Trời, có Đạo.

Tự ái vì biết mình sinh ra đời để thực hiện một sứ mệnh tối cao đại là tiến tới tinh hoa hoàn thiện.

Tuy nhiên không cầu danh tranh lợi, không khoe hay khoe giỏi với người. Miễn là lương tâm mình

chứng giám cho hành vi mình, như vậy đã là đủ.

Trung Dung viết: «Đến như xa lánh thế tục, chẳng ai thấy biết mình, thế mà mình không buồn, duy có bậc thánh nhân mới làm như vậy được.» [9]

Cho nên thánh nhân khứ bỉ, thủ thử 去 彼 守 此 . Khứ bỉ là bỏ danh lợi phù phiếm bên ngoài. Thủ thử là giữ chân giá trị bên trong của mình.

---

[1] Có sách viết: Dân chi úy uy 民 之 畏 威.

[2] Hiệp 狎: khinh thường.

[3] Wieger dịch: Le sage connait sa valeur, mais ne se montre pas n'éprouve pas le besoin d'exhiber sa valeur). Il s'aime mais ne cherche pas à se faire estimer. Il discerne, adoptant ceci et rejetant celà (d'après les lumières de sa sagesse).

[4] Luận Ngữ, Vệ Linh Công 衛 靈 公, thiên 15, chương 11.

[5] Xem Văn ngôn quẻ Khôn và Hệ từ Hạ chương V, Bình giải Hào cửu ngũ, quẻ Bĩ.

[6] Luận Ngữ. Thuật Nhi 述 而 thiên 7, chương 15. Xem thêm Trung Dung, chương 14.

[7] Phù, nhân tất tự vũ, nhiên hậu nhân vũ chi. Gia tất tự hủy, nhi hậu nhân hủy chi. Quốc tất tự phạt, nhi hậu nhân phạt chi. 夫 人 必 自 侮 然 後 人 侮 之 家 必 自 毀 而 後 人 毀之 國 必 自 伐 而 後 人 伐 之 Mạnh tử, Ly Lâu thượng, 8.

[8] Thái giáp viết: Thiên tác nghiệt, do khả vi; tự tác nghiệt, bất khả hoạt 太 甲 曰 天 作 孼 猶 可 違 自 作 孼 不 可 活 Mạnh tử, Ly Lâu thượng, 8.

[9] Độn thế bất kiến tri nhi bất hối, duy thánh giả năng chi. 遯 世 不 見 知 而 不 悔, 唯 聖 者 能 之 Trung Dung, chương 11.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 73

NHIỆM VI

任 為

Hán văn:

勇 於 敢 則 殺. 勇 於 不 敢 則 活. 此 兩 者 或 利 或 害. 天 之 所 惡, 孰 知 其 故. 是 以 聖 人 猶 難 之. 天 之 道 不 爭 而 善 勝, 不 言 而 善 應, 不 召 而 自 來, 坦 然 而 善 謀. 天 網 恢 恢, 疏 而 不 失.

Phiên âm:

1. Dũng ư cảm tắc sát. Dũng ư bất cảm tắc hoạt. Thử lưỡng giả hoặc lợi hoặc hại.

2. Thiên chi sở ố, thục tri kỳ cố. Thị dĩ thánh nhân do nan chi.

3. Thiên chi đạo bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triệu nhi tự lai, thản nhiên [1] nhi thiện mưu.

4. Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất.

Dịch xuôi:

1. Mạnh bạo dám làm là chết, mạnh bạo chẳng dám làm là sống. Hai cái đó, hoặc lợi hoặc hại.

2. Cái mà Trời ghét, ai mà biết được căn do, thánh nhân còn lấy làm khó nữa là.

3. Đạo Trời không tranh mà thành, không nói, mà người hưởng ứng, không mời mà người tự tới, nhẹ nhàng mà công việc vẫn xong xuôi.

4. Lưới Trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt.

Dịch thơ:

1. Can trường chẳng phải liều thân,

Bằng hà bạo hổ có lần mạng vong.

Can trường một dạ nấu nung,

Nấu nung chí lớn, mới mong sinh tồn.

Hai đường một mất một còn,

Cùng là dũng cảm, thiệt hơn khác vời.

2. Những điều chẳng hợp ý Trời,

Mấy người hiểu được khúc nhôi vân mòng.

Đến ngay những bậc thánh nhân,

Cũng còn cảm thấy khó khăn lọ là.

3. *Trời xanh đường lối cao xa,*

Không cần tranh chấp thế mà thắng luôn.

Không cần biện bác thiệt hơn,

Thế mà đây đó vẫn thường nghe theo.

Không mời thiên hạ tới đều,

Thung dung mà vẫn muôn chiều thành công.

Lưới trời lồng lộng mịt mùng,

Tuy thưa mà chẳng chi từng lọt qua.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử bàn:

1. Thế nào là dũng cảm chân thực

2. Thế nào là hung họa

3. Thế nào là đường lối Trời

4. Cách Trời thưởng phạt

1. Thế nào là dũng cảm chân thực?

Dũng cảm chân thực, theo Lão tử, không phải là lao đầu vào hiểm nguy, mà chính là biết tránh hiểm nguy, biết thực hiện sứ mạng của mình.

Các thánh hiền xưa nay đều dạy như vậy.

Tử Lộ hỏi Khổng tử: «Như Thầy đem ba quân ra trận Thầy sẽ chọn ai giúp Thầy?». Đức Khổng đáp: «Như kẻ tay không bắt hổ, chân không mà lội qua sông, chết không hối tiếc thì ta chẳng cho theo. Ta chỉ chọn kẻ vào việc mà biết lo sợ, dè dặt, biết lo tính cho được thành công.» [2]

2. Thế nào là hung họa?

Nói cách khác Trời ghét cái gì? Trời ghét những con người đi sai định luật thiên nhiên. Mà định luật thiên nhiên chung qui chỉ muốn cho ta:

- Thích ứng với hoàn cảnh

- Phát huy các đức tính tiềm ẩn nơi ta.

- Tiến tới tinh hoa cao đại.

Cho nên dĩ nhiên Trời ghét sự ù lì, sự ươn hèn, thiếu nỗ lực, những gì làm giảm giá trị con người, giảm tự do con người giảm hạnh phúc con người, ngăn chặn không cho con người sống một cuộc đời toàn diện, toàn bích.

3. Thế nào là đường lối của Trời.

Đường lối của Trời là đường lối của sự công chính, của lẽ phải. Vì thế cho nên, nếu con người sống theo lẽ phải, sống theo lẽ công chính, thì tự nhiên mọi người sẽ phục mình.

Dịch Kinh viết:

«Dạy rằng quân tử trên đời,

Ngồi nhà nói phải muôn người vẫn theo.

Dặm nghìn còn phải hướng chiều,

Thời trong gang tấc đâu điều lần khân.» [3]

4. Trời thưởng phạt ra sao?

Trời thưởng phạt một cách tự nhiên bằng định luật nhân quả. Hoạt động hay hèn trên bình diện nào, thì kết quả sẽ báo ứng trên bình diện ấy.

Hoạt động hay, đúng sẽ đem lại thành công, sẽ làm cho mình sung sướng, sẽ không trái với lương tâm, sẽ được mọi người tán thưởng. Hoạt động dở sai, sẽ đem lại thất bại, sẽ làm cho mình khổ sở, sẽ bị lương tâm cắn rứt, sẽ bị mọi người chê trách.

Hoạt động hay trên bình diện xã hội, sẽ làm cho xã hội tiến bộ, đoàn kết, sung sướng. Hoạt động dở trên bình diện xã hội sẽ làm cho xã hội thoái hóa, chia ly, khốn nạn.

Hoạt động hay trên bình diện cá nhân sẽ làm cho con người tiến bộ, phát triển, hạnh phúc. Hoạt động dở trên bình diện cá nhân sẽ làm cho con người thoái hóa, trụy lạc, sầu bi, thống khổ, v.v.

Người xưa đã nói: «Chủng qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu. Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu.» 種瓜得瓜,種豆得豆. 天網恢恢, 疏而不漏. [4]

Upanishad Yajnavalkya viết: «Tùy như cách mình làm sao, cách mình cư xử làm sao, mình sẽ trở nên vậy. Người làm lành trở nên lành, người làm dữ trở nên dữ. Mình trở nên nhân đức do hành động nhân đức, trở nên xấu xa do hành động xấu xa. Có người cho rằng mỗi người tùy thuộc ý muốn mình. Muốn sao, sẽ định vậy; làm sao, sẽ được vậy. [5]

---

[1] Có sách viết là xiển nhiên 繟然.

[2] Tử Lộ viết: «Hành tam quân, tắc thùy dữ.» Tử viết: «Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã, lâm sự nhi cụ, háo mưu nhi thành giả dã. 子路曰行三軍, 則誰與子曰暴虎馮河, 死而無悔也. 必也臨事而懼好謀而成者也 Luận Ngữ 論語, Thuật Nhi 述而 chương 7, câu 10.

– Bạo hổ bằng hà: tay không bắt cọp là bạo hổ, chân không lội qua sông lớn là bằng hà. Bằng hà (không đọc là phùng hà) đầu tiên xuất hiện ở Kinh Dịch (quẻ Thái 泰, hào cửu nhị) và Kinh Thi (Tiểu Nhã 小雅, Tiểu Mân 小旻). Bạo hổ xuất hiện ở Kinh Thi (Trịnh Phong 鄭風, Tiểu Nhã 小雅, Tiểu Mân 小旻). Như vậy Bạo hổ bằng hà là một tục ngữ đã xuất hiện rất sớm, hà nguyên là ám chỉ Hoàng

Hà 黃 河, về sau phiếm chỉ sông nước. (chú thích của Dương Bá Tuấn 楊 伯 峻, Luận Ngữ Dịch Chú 論 語譯 注, tr. 74.)

[3] Tử viết: Cư kỳ thất. Xuất kỳ ngôn thiện. Tắc thiên lý chi ngoại ứng chi. Huống kỳ nhĩ giả hồ. Cư kỳ thất. Xuất kỳ ngôn bất thiện. Tắc thiên lý chi ngoại vi chi. Huống kỳ nhĩ giả hồ. 子 曰 居 其 室 出 其 言 善 則 千 里 之 外 應 之 況 其 邇 者 乎 居 其 室 出 其 言 不 善 則 千 里 之 外 違 之 況其 邇 者 乎.

Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn 易 經 大 全, tập III (Hạ Kinh), Hệ từ thượng, chương 8, tr. 455. Bình giải hào cửu nhị quẻ Trung Phu 中 孚.

[4] Xem thêm Cựu Ước: Cựu Ước theo Maisen cho rằng: Tội một người có thể truyền tới ba đời (Cf. Exode 20: 5). Nhưng theo Jérémie và Ezéchiel thì ai làm tội, nấy chịu phạt mà thôi. Xem Jérémie XXX, 29-30, Ezéchiel, 18, 2.

[5] According as one acts, according as one behaves, so does he becomes. The doer of good becomes good, the doer of evil becomes evil. One becomes virtuous by virtuous action, bad by bad action.

Others, however, say that a person consists of desire. As is his desire, so is his will; as is his will, so is the deed he does; whatever deed he does, that he attains.

SGF. Brandon, Man and his Destiny, p. 320.

Brh. Up. IV, 4,5, transl. Radhakrishan, p. 273. Cf. R-G Lesebuch (K. F. Geldner) p. 199. Hume, p. 140.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	**74**	75	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 74

CHẾ HOẶC

制 惑

Hán văn:

民 不 畏 死, 奈 何 以 死 懼 之? 若 使 民 常 畏 死, 而 為 奇 者, 吾 得 執 而 殺 之, 孰 敢. 常 有 司 殺 者 殺. 夫 代 司 殺 者 殺. 是 謂 代 大 匠 斲. 夫 代 大 匠 斲 者, 希 有 不 傷 其 手 矣.

Phiên âm:

1. Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi? Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp nhi sát chi, thục cảm.

2. Thường hữu tư sát giả sát.

3. Phù đại tư sát giả sát. Thị vị đại đại tượng trác.[1] Phù đại đại tượng trác giả, hi hữu bất thương kỳ thủ hĩ.[2]

Dịch xuôi:

1. Khi dân không sợ chết, làm sao lấy cái chết làm cho họ sợ được.

2. Nếu khiến được dân sợ chết, mà bắt kẻ phạm pháp giết đi, thì còn ai dám phạm pháp nữa.

3. Thường có đấng Tư sát, có quyền giết người.

4. Nay ta lại thay Ngài mà giết, thì có khác nào muốn đẽo gỗ thay thợ mộc đâu? Muốn thay thợ mà đẽo gỗ, khó mà thoát bị thương tật.

Dịch thơ:

1. *Nếu dân chẳng quản tàn thân,*

Thời đem cái chết dọa dân ích gì ?

2. *Nếu dân nghĩ chết mà e,*

Giết người rông rỡ, răn đe mới toàn.

3. *Tử sinh Trời đã lo toan,*

4. Thay Trời giết lát để làm chi đây ?

Như rằng thợ đẽo chẳng hay,

Muốn thay thợ đẽo ra tay khoe tài.

Khoe tài rồi sẽ mang tai,

Trước sau âu chẳng thoát bài đứt tay.

BÌNH GIẢNG

Stanilas Julien bình giải chương này đại khái như sau.

Nếu chính quyền mà tàn bạo, những nhiễu dân, dân sẽ hết muốn sống. Lúc ấy đem cái chết dọa dân mà có ích gì.

Nhược bằng chính quyền hẳn hoi, dân chúng sẽ được nhờ cậy, được sung sướng. Lúc ấy họ sẽ sợ chết.

Trong trường hợp ấy, nếu có những kẻ bất lương phạm pháp mà ta đem giết đi, để làm gương cho kẻ khác, chắc dân sẽ sợ không dám bắt chước kẻ ác làm càn nữa.

Quyền sinh sát là quyền của Trời. Ta không nên tiếm quyền Trời, mà mặc tình sinh sát.

Vua Minh Thái Tổ 明 太 祖 (tức Chu Nguyên Chương 朱 元 璋, tại vị 1368 -1398) bình về chương này như sau: «Từ khi lên ngôi, trẫm cố công đi tìm cho ra đường lối cai trị của các bậc thánh vương xưa. Trẫm hỏi han nhiều người, ai cũng tự phụ biết được cách trị dân của người xưa. Trẫm đọc nhiều sách. Một hôm đọc được Đạo Đức kinh, Trẫm thấy lời văn bình dị, ý tứ thâm trầm.

«Ít lâu sau đọc đến câu: 'Khi dân không còn sợ chết, thì dọa giết dân có ăn thua gì?' Lúc ấy giang sơn vừa mới chinh phục xong, dân chúng còn ngang ngược, quan quyền còn tham nhũng. Tuy mỗi buổi sáng có đến mười người bị chết chém, nhưng chiều đến vẫn có hàng trăm người bị bắt, vì đại tội. Như vậy chẳng đúng như lời Lão tử sao?

«Trẫm liền thôi không cho chém người có tội nữa mà chỉ bắt họ tù đày mà thôi. Không đầy một năm, lòng Trẫm được bình an dần. Trẫm mới nhận thấy quyển Đạo Đức kinh thực là hay, là căn bản vạn sự, là thầy dạy vua chúa và là kho báu của chúng dân.» [3]

Như vậy chương này đề cao đức hiếu sinh 好 生 mà bất kỳ nhà cầm quyền nào cũng phải có.

---

[1] Trác 斲: đẽo.

[2] Hi 希: ít.

[3] Xem Stanislas Julien, La voie et la vertu, chương 74, lời bình.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	**75**	76	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 75

THAM TỔN

貪 損

Hán văn:

民 之 飢, 以 其 上 食 稅 之 多, 是 以 飢. 民 之 難 治, 以 其 上之 有 為, 是 以 難 治. 民 之 輕 死, 以 其 求 生 之 厚, 是 以 輕 死. 夫 唯 無 以 生 為 者 是 賢 於 貴 生.

Phiên âm:

1. Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ.

2. Dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan trị.

3. Dân chi khinh tử, dĩ kỳ cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử.

4. Phù duy vô dĩ sinh vi giả thị hiền ư quí sinh.

Dịch xuôi:

1. Dân đói, là vì người trên thu thuế nhiều, nên dân mới đói.

2. Dân khó trị, là vì người trên dở dói lôi thôi, vì thế nên khó trị.

3. Dân coi thường cái chết, chính là vì muốn sống cho rồi rào hậu hĩ, nên mới khinh chết.

4. Người sống đơn sơ hay hơn người sống cầu kỳ.

Dịch thơ:

1. *Vì đâu dân phải cơ hàn ?*

Người trên sưu thuế đi bòn của dân.

Sưu cao dân mới phong trần,

Thuế cao dân mới kém ăn hao gầy.

2. *Dân mà ngang ngạnh bài bây,*

Là vì đã bị quát quay quá nhiều.

Người trên sinh chuyện đến điều,

Cho nên dân mới đâm liều phá ngang.

3. *Dân càng thích sống đàng hoàng,*

Lại càng vong mạng dễ dàng như không.

4. *Cho nên ai sống ung dung,*

Hẳn là hơn kẻ lao lung tối ngày.

BÌNH GIẢNG

1. Ý tứ chương này thực rõ ràng.

Trước hết Lão tử cho rằng dân đói, dân khổ không phải tại vì dân lười biếng, mà chính vì bị người trên bóc lột bằng sưu thuế.

2. Nếu người trên không lấy đức trị dân, chỉ lấy quyền thế mà ức chế dân, lấy thủ đoạn mà thao túng, lũng đoạn dân, dân sẽ căm thù và sẽ trở nên rất khó trị.

3. Con người càng muốn xa hoa bao nhiêu, thì lại càng dễ liều thân táng mạng bấy nhiêu.

Tỳ bà hành đã có câu:

«Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,

商 人 重 利 輕 別 離

Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ.

前 月 浮 梁 買 茶 去

Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,

去 來 江 口 守 空 船

Nhiễu thuyền minh nguyệt giang thủy hàn.»

遶 船 明 月 江 水 寒

Phan Huy Vịnh dịch:

«Khách trọng lợi, khinh đường ly cách,

Mải buôn chè sớm tếch ngàn khơi.

Thuyền không đỗ bến mặc ai,

Quanh thuyền trăng dõi, nước trôi lạnh lùng.»

4. Cho nên sống giản dị không tham cầu, chính là lối sống hay ho nhất, an toàn nhất.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	**76**	77	78	79	80	81

CHƯƠNG 76

GIỚI CƯỜNG

戒 強

Hán văn:

人 之 生 也 柔 弱, 其 死 也 堅 強. 萬 物 草 木 之 生 也 柔 脆, 其 死 也 枯 槁. 故 堅 強 者 死 之 徒, 柔 弱 者 生 之 徒. 是 以 兵 強 則 不 勝, 木 強 則 折. 故 堅 強 處 下, 柔 弱 處 上.

Phiên âm:

1. Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường.

2. Vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu thúy [1] kỳ tử dã khô cảo. [2]

3. Cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ.

4. Thị dĩ binh cường tắc bất thắng, mộc cường tắc chiết.

5. Cố kiên cường xử hạ, nhu nhược xử thượng.

Dịch xuôi:

1. Con người khi mới sinh thì mềm mại, mà khi chết thời cứng cỏi.

2. Vạn vật cỏ cây, khi mới sinh thì mềm mại, đến khi chết thì khô héo.

3. Cho nên cứng cỏi thời chết, mềm mại thời sống.

4. Cho nên binh mạnh sẽ không thắng, cây mạnh sẽ bị chặt.

5. Cho nên cứng cỏi thời kém, mềm mại thời hơn.

Dịch thơ:

1. *Mềm non là dấu sinh tồn,*

Khô khan cứng cỏi là chôn xuống mồ.

2. *Kìa cây cỏ nhởn nhơ mềm mại,*

Sống rạt rào thoải mái xanh tươi.

Rồi ra cứng ngọn khô chồi,

Xác xơ thôi thế là rồi đời cây.

3. *Càng cứng cỏi càng hay táng mạng,*

Càng dịu dàng càng đáng nhiêu sinh.

4. Cho nên chớ ngại hùng binh,

Hùng binh chưa chắc đã giành phần hơn.

Cây càng rắn, càng dòn càng gãy,

(Chịu búa rìu, biết mấy tang thương.)

5. *Phàm phu mới cứng, mới cương,*

Dịu dàng mới thực lối đường người trên.

BÌNH GIẢNG

Chương này Lão tử dạy chúng ta nên có thái độ dịu dàng uyển chuyển, chứ không nên có thái độ cứng cỏi, cố chấp. Cây cối có mềm mới non, mới rồi rào sinh lực. Cây cối quắt queo, cứng rắn tức là đã cằn cỗi sắp chết.

Con người cũng vậy, trẻ thời mềm mại, già thời cứng cỏi. Áp dụng định luật này vào đời sống tâm thần, ta cũng thấy y thức như vậy. Cố chấp cứng cỏi là tiêu biểu những tâm hồn cằn cỗi thấp kém. Uyển chuyển, khéo léo, dịu dàng là tiêu biểu những tâm hồn cao thượng.

---

[1] Thúy 脆: yếu.

[2] Cảo 槁: khô.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	**77**	78	79	80	81

CHƯƠNG 77

THIÊN ĐẠO

天 道

Hán văn:

天 之 道, 其 猶 張 弓 與? 高 者 抑 之, 下 者 舉 之, 有 餘 者 損 之, 不 足 者 補 之. 天 之 道, 損 有 餘 而 補 不 足. 人 之 道 則 不 然, 損 不 足 以 奉 有 餘. 孰 能 有 餘 以 奉 天 下? 唯 有 道 者. 是 以 聖 人 為 而 不 恃. 功 成 而 不 處, 其 不 欲 見 賢.

Phiên âm:

1. Thiên chi Đạo, kỳ do trương cung dư? Cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi. Thiên chi Đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc.

2. Nhân chi đạo tắc bất nhiên, tổn bất túc nhi phụng hữu dư. Thục năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ? Duy hữu đạo giả.

3. Thị dĩ thánh nhân, vi nhi bất thị. Công thành nhi bất xử, kỳ bất dục kiến hiền.

Dịch xuôi:

1. Đạo Trời như dương cung. Cao thì ép xuống, thấp thì nâng lên. Thừa thì bớt đi, không đủ thì bù vào. Đạo Trời bớt dư bù thiếu.

2. Đạo người chẳng vậy, bớt thiếu bù dư. Ai đem chỗ dư bù đắp cho thiên hạ? Phải chăng chỉ có người có Đạo?

3. Cho nên thánh nhân làm mà không cậy công. Công thành không ở lại; không muốn ai thấy tài mình.

Dịch thơ:

1. Đạo Trời như thể dương cung,

Làm căng chỗ thấp, làm chùng chỗ cao.

Bớt thừa bù thiếu khéo sao,

Chỗ thêm chỗ bớt tơ hào chẳng sai.

2. Lối người ngược lại lối Trời,

Luôn bòn chỗ thiếu mang bồi chỗ dư.

Ấy ai biết lấy chỗ thừa,

Làm cho thiên hạ ấm no vẹn toàn.

Của thừa đem giúp thế gian,

Họa là đắc đạo siêu phàm mấy ai.

3. Cho nên hiền thánh trên đời,

Tuy làm mà chẳng có đòi công lao.

Công thành dạ chẳng tơ hào,

Chẳng mong tiếng cả ngôi cao cho mình.

BÌNH GIẢNG

Đường lối của Trời đất là: «Tổn hữu dư. Bổ bất túc.»

Chủ trương của Đạo Đức kinh cũng tương tự như chủ trương của kinh Dịch. Dịch kinh viết nơi Thoán truyện quẻ Khiêm:

«Trời làm vơi chốn dồi dào,

Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.

Đất soi mòn bớt cao phong,

Mà cho lòng biển lòng sông thêm dầy.

Quỉ thần hại kẻ no đầy,

Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.» [1]

Thoán truyện quẻ Ích cũng viết:

«Ích là thêm dưới bớt trên,

Nhân dân vui vẻ, phỉ nguyền đòi nơi.

Hạ mình để phục vụ người,

Lối đường thế ấy, rạng ngời quang minh.»[2]

Cho nên thánh nhân phải bắt chước trời bớt chỗ thừa thêm chỗ thiếu, như vậy muôn dân sẽ an lạc.

---

[1] Thoán viết: Khiêm, hanh. Thiên đạo hạ tế nhi quang minh. Địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỉ thần hại doanh nhi phúc khiêm. 彖 曰 謙 亨 天 道下 濟 而 光 明 地 道 卑 而 上 行 天 道 虧 盈 而 益 謙 地 道 變 盈 而 流 謙 鬼 神 害 盈 而 福 謙 Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn 易 經 大 全, tập II (Thượng Kinh), tr. 212.

[2] Thoán viết: Ích. Tổn thượng ích hạ. Dân duyệt vô cương. Tự thượng há hạ. Kỳ đạo đại quang. 彖 曰 益

損 上 益 下 民 說 無 疆 自 上 下 下 其 道 大 光 Xem Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê, Dịch Kinh Đại Toàn tập III (Hạ Kinh), tr. 147.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	**78**	79	80	81

CHƯƠNG 78

NHIỆM TÍN

任 信

Hán văn:

天 下 莫 柔 弱 於 水, 而 功 堅 強 者 莫 之 能 勝, 以 其 無 以 易 之. 柔 勝 剛, 弱 勝 強. 天 下 莫 不 知, 莫 能 行. 是 以 聖 人 云: 受 國 之 垢, 能 為 社 稷 主. 受 國 不 祥, 能 為 天 下 王. 正 言 若 反.

Phiên âm:

1. Thiên hạ nhu nhược mạc quá ư thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng, kỳ vô dĩ dịch chi. [1]

2. Nhu thắng cương, nhược thắng cường. Thiên hạ mạc bất tri,[2] mạc năng hành.

3. Thị dĩ thánh nhân vân: Thụ quốc chi cấu, năng vi xã tắc chủ. Thụ quốc bất tường, năng vi thiên hạ vương. Chính ngôn nhược phản.

Dịch xuôi:

1. Trong thiên hạ không gì mềm yếu hơn nước; thế mà nó lại công phá được tất cả những gì cứng rắn. Chẳng chi hơn nó, chẳng chi thay thế được nó.

2. Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh, thiên hạ ai cũng biết thế, mà chẳng ai làm được.

3. Cho nên thánh nhân nói: «Dám nhận lấy nhơ nhuốc của quốc gia, mới có thể làm chủ xã tắc, ai dám gánh chịu tai họa của quốc gia, mới có thể làm vua thiên hạ.» Lời ngay nghe trái tai.

Dịch thơ:

1. *Nước kia mềm mại mấy mươi,*

Mà chi cứng rắn cũng xoi cũng mòn.

Trần gian chi dám tranh hơn,

Trần gian chi dám tính toan thay vì.

2. *Mềm này lại thắng cứng kia,*

Yếu đua với khỏe, chiếm bề thượng phong.

Điều này ai cũng thuộc lòng,

Mà nào ai biết ra công thi hành.

3. Thánh nhân đã nói phân minh:

«Dám kham nhục nước âu dành đế vương.

Giang vai gánh chuyện bất tường,

Cho dân cho nước, lý đương trị vì.»

Lời ngay nghe trái tai ghê.

BÌNH GIẢNG

Hà Thượng Công gọi chương này là Nhiệm tín. James Legge dịch là «Điều nên tin».

Điều nên tin là điều gì? Là Bạo lực không bao giờ gây ảnh hưởng lâu dài, bền bỉ, mà trái lại chỉ có sự khéo léo mềm mại mới chinh phục được lòng người.

Thiên nhiên đã chứng minh điều đó. Nước là cái gì mềm yếu nhất, uyển chuyển nhất mà thực ra đã xoi mòn được núi non, đã làm tan rã được sắt đá. Lão tử ưa thích sánh thánh nhân với làn nước (xem lại các chương 8, và 66 v. v.) và nhân đó cho rằng khiêm cung, từ tốn nhưng kiên nhẫn, bền bỉ sẽ đem tới một thành công vững vàng.

Lão tử cũng đã nhiều lần đề cao sự mềm mại, uyển chuyển và cho rằng đây mới là bí quyết để thủ thắng (xem lại các chương 36, 58, 76, v. v.)

Có lẽ các môn võ thuật của Á Đông sau này như nhu thuật 柔 術 (Jujutsu), nhẫn thuật 忍 術 (Ninjutsu); nhu đạo 柔 道 (Judo) cũng đã chịu ảnh hưởng của Lão tử.

Khảo lịch sử ta đã thấy Tần Thủy Hoàng, Hạng Võ, Hốt Tất Liệt không phải là những người làm chủ thiên hạ muôn đời; mà những người làm chủ thiên hạ muôn đời là những Thích Ca, Jesus, Lão tử, Khổng tử. Tất cả những vị giáo chủ này đều chủ trương từ bi, hỉ xả, «thành nhân chi mỹ». Thật đúng là: Nhu thắng cương, nhược thắng cường!

Trong chương này Lão tử còn chủ trương rằng: Bậc quân vương lãnh đạo quốc gia phải có gan nhận lãnh trách nhiệm về tất cả những chuyện hay dở xảy ra trong nước.

Đó cũng chính là thái độ của các vị đế vương xưa. Luận Ngữ chép: «[Vua Thành Thang khi lên ngôi] khấn với Trời rằng: Kẻ tiểu tử này tên Lý mạo muội dùng bò đen mà tế lễ. Dám xin minh cáo với Thượng đế chí tôn rằng: Kẻ có tội, tôi chẳng dám tha; người (có tài đức) đáng làm bầy tôi Thượng đế, tôi chẳng dám che dấu (mà chẳng cữ dùng). Nếu tôi gây nên tội, (xin phạt một mình tôi), đừng phạt bá tính muôn phương. Nếu bá tính muôn phương gây nên tội, cũng xin phạt một mình tôi thôi.» [3]

---

[1] Dịch 易: thay thế. Có bản phiên âm là dị, thiết tưởng không chỉnh, vì dị là dễ.

[2] Đây tôi theo Hà Thượng Công mà viết Thiên hạ mạc bất tri. Phần nhiều các bản Đạo Đức kinh viết là

Thiên hạ mạc năng tri, nhưng lúc dịch thì lại dịch theo nghĩa của Thiên hạ mạc bất tri (Thiên hạ ai cũng biết).

[3] Viết: Dư tiểu tử Lý, cảm dụng huyền mẫu, cảm chiêu cáo vu hoàng hoàng Hậu Đế: hữu tội bất cảm xá. Đế thần bất tế, giản tại Đế tâm. Trẫm cung hữu tội, vô dĩ vạn phương; vạn phương hữu tội, tội tại Trẫm cung. 曰予小子履敢用玄牡敢昭告于皇皇后帝有罪不敢赦帝臣不蔽,簡在帝心朕躬有罪無以萬方萬方有罪,罪在朕躬 Luận Ngữ, Nghiêu viết 堯曰chương 20, câu 1.

Dư tiểu tử 予小子 và Dư nhất nhân 予一人 đều là tiếng tự xưng của đế vương cổ đại. Đọc Sử Ký 史記 (Ân bản kỷ 殷本紀) ta biết tên vua Thang 湯 là Thiên Ất 天乙, trong bốc từ giáp cốt viết là Đại Ất 大乙, tương truyền vua Thang còn có tên là Lý 履 . (Chú thích của Dương Bá Tuấn 楊伯峻, Luận Ngữ Dịch Chú 論語譯注, tr. 214)

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	**79**	80	81

CHƯƠNG 79

NHIỆM KHẾ

任 契

Hán văn:

和 大 怨, 必 有 餘 怨. 安 可 以 為 善. 是 以 聖 人 執 左 契 而 不 責 於 人. 有 德 司 契, 無 德 司 徹. 天 道 無 親, 常 與 善 人.

Phiên âm:

1. Hòa đại oán, tất hữu dư oán. An khả dĩ vi thiện.

2. Thị dĩ thánh nhân, chấp tả khế nhi bất trách ư nhân.

3. Hữu đức tư khế, vô đức tư triệt.

4. Thiên đạo vô thân. Thường dữ thiện nhân.

Dịch xuôi:

1. Hòa được oán lớn, vẫn còn oán thừa, như thế sao gọi là phải được.

2. Cho nên thánh nhân cầm tờ khế ước bên trái, mà không trách người.

3. Kẻ có đức thì thích cho người. Kẻ vô đức thì thích đòi người.

4. Thiên đạo không thân ai, mà thường gia ân cho người lành.

Dịch thơ:

1. *Chuốc mua chi lắm oán thù,*

Rồi dàn, rồi xếp, sao cho vuông tròn.

2. *Cho nên những đấng thánh nhơn,*

Chẳng hề cầu cạnh, chẳng hờn trách ai.

3. *Thánh nhân thích chuyện cho người,*

Phàm phu tục tử ưa đòi, ưa vơ.

4. *Trời xanh chẳng có thân sơ,*

Làm lành thời sẽ thưởng cho ơn lành.

BÌNH GIẢNG

Chương này rất khó giải; mỗi nhà bình giải bàn một cách, giải một lối.

Những lời bình giải của tôi nơi đây theo Stanislas Julien; một là vì Stanislas Julien dựa theo các nhà bình giải danh tiếng xưa, hai là vì lời bình có vẻ hữu lý hơn.

1. Trước hết Lão tử khuyên ta đừng nên gây oán, gây thù, vì một khi đã gây oán gây thù, làm sao mà hàn gắn lại cho hẳn hoi như cũ được.

Muốn khỏi gây thù oán, phải biết rõ bản tính con người phải giữ bản tính ấy cho chu toàn, và đừng để cho hoàn cảnh (homme en situation) làm thương tổn đến con người lý tưởng (homme idéal) và như vậy hãy mở lòng mình ra cho rộng rãi, xóa bỏ hết những gì chia rẽ mình với người, cố làm sao thông cảm hoàn toàn được với người.

2. Thánh nhân ưa chiều theo ý người ví như trong một hợp đồng, tờ khế chia thành hai bản, nửa trái người đi vay giữ, nửa phải người cho vay cầm. Khi người cho vay cầm nửa tờ khế bên phải đến đòi nợ, người đi vay đem nửa tờ khế bên trái ra so, nêu hai nửa ăn khớp với nhau, thời lập tức trả nợ, không làm khó dễ điều chi.

3. Người nhân đức, vị thánh nhân bao giờ đối với người cũng sẵn sàng hi sinh, chẳng khác nào như mình mắc nợ đối với người.

Người không nhân đức y như người đi thâu thuế, lúc nào cũng ráo riết, cay nghiệt với người.

Chữ Triệt 徹 đây tức là ám chỉ đến phép triệt điền 徹 田 đời nhà Chu. Vua cấp ruộng đất cho dân, nhưng bắt dân phải nộp cho nhà vua một phần mười tổng số hoa lợi thu hoạch được, và dĩ nhiên người đi thu thuế, không có nhẹ nhàng với người nộp thuế.

Có nhà bình giải cho rằng trong câu «Hữu đức tư khế» ta phải hiểu ngầm như «Hữu đức tư tả khế». [1]

4. Thánh nhân làm ơn cho người, sẽ được Trời cao ban cho mọi ơn lành. Đó chẳng phải là Trời tây vị thánh nhân mà chính là vì thánh nhân đã tỏ ra xứng đáng hồng ân của Trời.

---

[1] Có nhà bình giải cắt nghĩa «khế» ở đây là hợp, còn «triệt» là chia. Ý nói người nhân đức hòa mình với người kém đức mới chia phôi với mình. Cắt nghĩa như vậy cũng hay.

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	**80**	81

CHƯƠNG 80

ĐỘC LẬP

獨 立

Hán văn:

小 國 寡 民. 使 有 十 伯 之 器 而 不 用. 使 民 重 死 而 不 遠 徙. 雖 有 舟 輿 無 所 乘 之. 雖 有 甲 兵 無 所 陳 之. 使 民 復 結 繩 而 用 之. 甘 其 食, 美 其 服, 安 其 居, 樂 其 俗. 鄰 國 相 望. 雞 犬 之 聲 相 聞. 民 至 老 死, 不 相 往 來.

Phiên âm:

1. Tiểu quốc quả dân, sử hữu thập bá chi khí [1] nhi bất dụng.
2. Sử dân trọng tử nhi bất viễn tỉ. Tuy hữu chu dư vô sở thừa chi.
3. Tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi.
4. Sử dân phục kết thằng nhi dụng chi.
5. Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục.
6. Lân quốc tương vọng. Kê khuyển chi thanh tương văn. Dân chí lão tử, bất tương vãng lai.

Dịch xuôi:

1. Nước nhỏ, dân ít, dù có ít nhiều tôi giỏi, nhưng chưa cần dùng đến.
2. Dạy dân sợ chết, đừng đi xa. Tuy có xe thuyền, mà chẳng khi dùng.
3. Tuy có giáp binh, mà chẳng phô trương.
4. Khiến dân trở lại thắt nút mà dùng.
5. Ăn cho là ngon, mặc cho là đẹp, ở cho là yên, sống cho là sướng.

6. Nước gần, thấy nhau, gà kêu chó cắn đều nghe, dân đến già chết chẳng lui tới nhau.

Dịch thơ:

1. *Nước ta bé nhỏ, dân thưa,*

Lơ thơ tôi giỏi, ta chưa hề dùng.

2. *Dạy dân sợ chết làm lòng,*

Cho nên chẳng dám vẫy vùng phiêu lưu.

Xe kia, thuyền nọ đìu hiu,

Nào ai muốn lái, muốn chèo mà chi.

3. *Binh kia giáp nọ ủ ê,*

Chẳng hề dở dói đem khoe, đem bày.

4. *Dạy dân trở lại thắt dây,*

Sống đời thuần phác, tháng ngày tiêu dao.

5. *Ăn thường vẫn tưởng thanh cao,*

Mặc thường, vẫn tưởng bảnh bao chững chàng.

Ở thường, mà vẫn tưởng sang,

Sống thường, vẫn tưởng đàng hoàng, đẹp tươi.

6. *Lân bang nào cách mấy mươi,*

Gà kêu, chó sủa đôi nơi rõ ràng.

Tuy rằng gần gũi tấc gang,

Suốt đời dân chúng nào màng tới lui.

BÌNH GIẢNG

Đây là một giấc mơ tiên của Lão tử. Lão tử sống vào đời Chu mạt, luôn luôn chứng kiến những cảnh đoạn trường, nhà tan nước nát, tử biệt sinh ly, nên cuối Đạo Đức kinh đã muốn phác họa lại một cảnh thiên đàng nơi trần thế. Cảnh thiên đàng của Lão tử được mường tưởng như là một nước nhỏ bé có những công dân chất phác, sống một cuộc sống vô tư, vô cầu, chẳng màng đến những tiện nghị của nền văn minh trần thế, xe thuyền binh, giáp đều cho vào bảo tàng, sống hồn nhiên, ăn ở đạm bạc mà vẫn lấy thế làm sung sướng, suốt đời chẳng muốn đi đâu, vui trong vui thuần phác của mình.

Đọc Lão tử đến đây ta học được thêm một bài học mới. Bài học đó là:

Cái hạnh phúc, cái sung sướng của con người thực ra không lệ thuộc vào tiến bộ văn minh vật chất bên ngoài, nhưng lại căn cốt ở nơi tâm hồn con người.

Có một tâm hồn đẹp đẽ, khoáng đạt, biết thưởng thức những cái hay, cái đẹp quanh mình, biết bè bạn cùng những người có những tâm hồn thanh cao, thuần phác như mình; biến được cuộc đời thực tại của mình, thành cuộc đời lý tưởng; rũ bỏ được mọi tần phiền của thế tục; sống một cuộc sống bình dị, vui tươi; hòa hàivới tha nhân và vũ trụ. Một đời sống như vậy thực là mơ mộng và siêu thoát.

Ngày nay sống trong một thế giới hỗn tạp và vật chất nếu chúng ta biết sống vươn vượt lên trên những nỗi lo âu và phiền toái của ngoại cảnh, biết thưởng thức được cái hay cái đẹp của đất trời, biết sống giản dị, đừng để cho lòng dính bén những phù du tục lụy, thì chúng ta cũng đã lãnh hội được phần nào tinh hoa

của Đạo Đức kinh vậy!

---

[1] Thập bá chi khí 十 伯 之 器: (1) ít nhiều bầy tôi giỏi (Wieger); (2) dẫu có những người giỏi bằng mười, bằng trăm người (Legge); (3) dẫu có khí giới đủ cho 10 hay 100 người (Stanislas Julien).

ĐẠO ĐỨC KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

khảo luận & bình dịch

» mục lục » khảo luận

1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31	32	33	34	35	36
37	38	39	40	41	42	43	44	45
46	47	48	49	50	51	52	53	54
55	56	57	58	59	60	61	62	63
64	65	66	67	68	69	70	71	72
73	74	75	76	77	78	79	80	**81**

CHƯƠNG 81

HIỂN CHẤT

顯 質

Hán văn:

信 言 不 美. 美 言 不 信. 善 者 不 辯. 辯 者 不 善. 知 者 不 博. 博 者 不 知. 聖 人 不 積. 既 以 為 人, 己 愈 有, 既 以 與 人, 己 愈 多. 天 之 道, 利 而 不 害. 聖 人 之 道 為 而 不 爭.

Phiên âm:

1. Tín ngôn bất mỹ. Mỹ ngôn bất tín. Thiện giả bất biện. Biện giả bất thiện. Tri giả bất bác, bác giả bất tri.

2. Thánh nhân bất tích. Ký dĩ vi nhân, kỷ dũ hữu. Ký dĩ dữ nhân, kỷ dũ đa. Thiên chi đạo, lợi nhi bất hại. Thánh nhân chi đạo vi nhi bất tranh.

Dịch xuôi:

1. Lời chân thành không hoa mỹ. Lời hoa mỹ không chân thành. Người tốt không tranh biện, người tranh biện không tốt. Người biết không học rộng, người học rộng không biết.

2. Thánh nhân không tích trữ. Càng vì người, mình càng có. Càng cho người mình càng thêm nhiều. Đạo trời lợi mà không hại. Đạo thánh nhân làm mà không tranh.

Dịch thơ:

1. *Lời ngay giản dị, tầm thường,*

Những lời xảo trá, văn chương mỹ miều.

Người làm, chẳng biện luận nhiều,

Khéo chiều biện luận, lắm điều gian ngoan.

Trí cao chẳng bác, chẳng tham,

Càng tham bác lắm, là càng ngu si.

2. Thánh nhân chẳng súc tích gì,

Càng cho càng có, càng chi càng giàu.

Trời kia nào hại ai đâu,

Thánh nhân nào có tranh nhau với người.

BÌNH GIẢNG

Lời kết luận Đạo Đức kinh của Lão tử thực là đơn sơ, nhưng thực thắm thiết. Đại khái Ngài cho rằng:

Những lời lẽ trong Đạo Đức kinh này là những lời chân thành phát ra tự tâm linh Ngài. Ngài chẳng hề muốn biện luận để mong làm lung lạc lòng người, mà cũng chẳng hề có tham khảo đa đoan sách này sách nọ.

Tất cả đều là kết quả của những suy tư về ý nghĩa cuộc đời, những kinh nghiệm của một đời sống đạo hạnh để hàn huyên cùng chúng ta. Ngài cho rằng Ngài chẳng còn gì giấu giếm chúng ta, và đã phơi bày tâm tư của Ngài với chúng ta trong suốt 81 chương sách.

Ngài cho rằng Ngài viết sách này là mong giúp người, chứ chẳng muốn hại ai, vì Ngài đã hoàn toàn theo đường lối của Trời. Ai thích lời Ngài đem dùng cũng hay, ai chẳng ưa lời Ngài bỏ đi cũng được. Ngài hoàn toàn chẳng chấp, tức là đã thoát vòng âm dương tương đối, mà siêu việt lên bình diện tuyệt đối rồi vậy.

Sách khởi đầu bằng chữ Đạo, siêu việt tuyệt vời, kết thúc bằng hai chữ «bất tranh» để trở về cùng Thái hòa tĩnh lãng. Thiết tưởng như vậy đã nói lên được tâm tư hoài bão, cốt cách, tinh hoa của đức Lão tử rồi vậy.